

Jacqueline Kelly

Quyển của Eva

Lâm Thanh Tùng dịch



dtbooks
A Member of PACE

Table of Contents

CHƯƠNG 1 NGUỒN GỐC VẠN VẬT
CHƯƠNG 2 NHỊP ĐIỀU SỚM MAI
CHƯƠNG 3 ĐẠI CHIẾN CHUỘT TREO[9]
CHƯƠNG 4 CÔ VIOLA
CHƯƠNG 5 NHỮNG SẢN PHẨM CHUNG CẤT
CHƯƠNG 6 TIẾT HỌC DƯƠNG CẦM
CHƯƠNG 7 HARRY CÓ BẠN GÁI
CHƯƠNG 8 SOI KÍNH HIỂN VI
CHƯƠNG 9 PETEY
CHƯƠNG 10 LULA RẮC RỐI (DÙ KHÔNG CỐ Ý)
CHƯƠNG 11 BÀI HỌC ĐÀN LEN
CHƯƠNG 12 NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
CHƯƠNG 13 THƯ TỪ KHOA HỌC
CHƯƠNG 14 CÁI CUỐC TAY
CHƯƠNG 15 BIỂN BÔNG
CHƯƠNG 16 ĐIỆN THOẠI XUẤT HIỆN
CHƯƠNG 17 CÔNG VIỆC NỘI TRỢ
CHƯƠNG 18 HỌC NẤU ĂN
CHƯƠNG 19 CHIẾT XUẤT RƯỢU ĐÃ THÀNH CÔNG Ở MỘT MẶT KHÁC
CHƯƠNG 20 ĐẠI TIỆC SINH NHẬT
CHƯƠNG 21 SỰ SẢN SINH BẮT BUỘC
CHƯƠNG 22 LỄ TẠ ƠN
CHƯƠNG 23 HỘI CHỢ FENTRESS
CHƯƠNG 24 HARRY LẠI TÁN TÌNH NỮA RỒI
CHƯƠNG 25 ĐÊM GIÁNG SINH
CHƯƠNG 26 TIN TỨC ĐẾN RỒI
CHƯƠNG 27 ĐÊM GIAO THỪA

CHƯƠNG 28 NĂM 1900
LỜI CẢM ƠN
CHÚ THÍCH

Jacqueline Kelly

Quyền của Eva

Lâm Thanh Tùng dịch



Phuong Nam Book



NHÀ SÁCH NAM THÔNG THÁI

dtbooks
A Member of PACE



Thông tin sách

Tên sách: **Quyền của Eva**

Nguyên tác: **The Evolution of Calpurnia Tate**

Tác giả: **Jacqueline Kelly**

Người dịch: **Lâm Thanh Tùng**

Nhà phát hành: **Phương Nam**

Nhà xuất bản: **NXB Thời Đại**

Khối lượng: **300g**

Kích thước: **13x20,5 cm**

Ngày phát hành: **05/2013**

Số trang: **342**

Giá bìa: **102.000đ**

Thể loại: **Tiểu thuyết Giả tưởng - Huyền bí**

Thông tin ebook

Nguồn: <http://tve-4u.org>

Thực hiện ebook: **thanhbt**

Ngày hoàn thành: **28/08/2017**

Dự án ebook #305 thuộc Tủ sách BOOKBT



Giới thiệu

Quyền của Eva là tác phẩm đầu tay của nhà văn - bác sĩ - luật sư Jacqueline Kelly người Canada gốc New Zealand. Tác phẩm đạt giải Newbery Honor năm 2010, một giải thưởng văn học thiếu nhi rất nổi tiếng ở Mỹ do Hiệp Hội Thư viện Sách Thiếu nhi đứng ra tổ chức trao giải hàng năm cho các tác giả có những đóng góp nổi bật nhất vào lĩnh vực văn học thiếu nhi Hoa Kỳ.

Calpurnia - con gái duy nhất trong một gia đình gồm 6 anh em trai, sau bảy lần sinh đẻ. Là con gái duy nhất nhưng cô bé trưởng thành không như sự mong đợi của mẹ. Cô không phải một cô bé xinh xắn thanh nhã để bà có thể cân bằng lại lượng nam tính quá lớn đang tràn ngập trong nhà. Bà luôn mong mỗi một đồng minh nhưng không có được. Cô bé không thích trao đổi về đan len hoa văn, công thức nấu ăn hay pha trà trong phòng khách cùng bà.

Sự nam tính thiên bẩm của Calpurnia được đẩy cao hơn nữa bởi sự dung túng của ông nội. “Ông sở hữu một đôi lông mày rậm rạp đầy vẻ hung tợn, nhìn như của loài rồng vậy”. Calpurnia là vị khách duy nhất được phép bước chân vào thư viện của ông nội bất cứ lúc nào trong niềm ganh tị của các anh em trai.

Với cuốn Sổ Tay Khoa Học của anh Harry cho, Calpurnia cùng ông khám phá mọi thứ xung quanh khu vực của mình và ghi chép mọi thứ quan sát được.

Ông nội thương yêu chiều chuộng cô bé như một quý cô. Ông dạy cô cháu gái bé nhỏ của mình cách để biết được sự thật của mọi thứ, không phải chỉ ngồi nghĩ đến nó mà phải đi ra ngoài để chứng kiến tận mắt, “phải lập ra Giả Thuyết và làm Thực Nghiệm, dùng các phương pháp Quan Sát để đưa ra Kết Luận, lập đi lập lại nhiều lần”.

Và lần đầu tiên trong đời Calpurnia thực sự cảm nhận được sự quyến rũ của “đôi mắt nai”. “Đôi mắt nâu to tròn sâu thăm thẳm, ánh nhìn dịu dàng, thật nao lòng... Tôi chỉ muốn ôm chầm lấy nó vào lòng mình, bảo vệ nó khỏi những viễn cảnh đầy hiểm nguy dưới nanh vuốt của sói, cái đói và những tay thợ săn luôn rình rập”.

Những câu hỏi ngây thơ của Calpurnia hé mở cánh cửa vào thế giới nội tâm bấy lâu nay ông nội luôn dấu kín. Chuyện chiến tranh, cái chết, và nhân duyên đưa ông đến với những nghiên cứu khoa học này. Chỉ có một đứa cháu gái mới có đủ quyền năng bước vào trái tim ông nội một cách dịu dàng như thế. “Tôi tiến tới dựa vào ông, còn ông vòng tay ôm tôi vào lòng. Hai ông cháu cứ giữ yên như thế trong cả phút. Chợt ông dịu dàng hôn lên trán tôi. Vài phút sau, ông bảo, “Nào, chúng ta làm việc tới đâu rồi? À. Đưa cho ông cái đồ lọc kia đi cháu”.

Và cũng chỉ có Eva mới đi ghen với “kẻ địch”, kẻ chiếm mất tình yêu và vị trí cao nhất trong trái tim anh trai của mình. “Tôi chuẩn bị hết vũ khí, quan sát địa thế và xác định mục tiêu. Tôi như đang thấy rõ mồn một thời gian và không gian của cuộc chiến phía trước”. Cuộc chiến mà Calpurnia nhắc tới chính là sự xuất hiện của Goodacre, người yêu đầu đời của anh Harry. Cô bé đã làm mọi cách để phá đám... và phá được. Tất nhiên với sự trợ giúp của ông nội. “Và rồi dù sao đi nữa, tôi vẫn là con thú cưng độc quyền của anh ấy bao nhiêu năm nay, người mà anh ấy ôm ấp nâng niu từ thời thơ ấu cơ mà. Tôi như đắm chìm vào cảm giác sung sướng khi được trở lại thành vật cưng của anh ấy”.

Là “thú cưng” của tất cả các anh em trai, Calpurnia trở thành tâm điểm của cuộc giành giật sự quan tâm của cô bé đối với cả nhà. “Em vẫn là thú cưng của riêng anh phải không?” là câu hỏi của anh Harry khi phát hiện ra cô em gái của mình bắt đầu thân thiết với ông nội. Còn em trai Jim Bowie của cô thì có ý kiến, “Sao dạo này chị lại chơi với ông nhiều hơn em vậy, Callie?”. Và Calpurnia phải cố gắng làm cho các anh em trai tin rằng, họ vẫn rất quan trọng trong trái tim cô.

Bạn sẽ làm gì nếu cả ba anh em trai của mình đều cùng yêu say đắm cô bạn gái thân thiết nhất của bạn và cùng tìm đến bạn để nghe lời tư vấn? Cả ba anh em trai của Calpurnia đều hằm hè, lòng đầy toan tính và có thể ăn tươi nuốt sống nhau. Họ đeo bám sau đuôi cô bé và Lula bạn cô trong suốt đoạn đường đi học, giờ nghỉ giải lao, giờ ăn trưa và cả lúc đi bộ về nhà... trong khi vẫn giữ một khoảng cách nhất định. Và cả ba người mắt lúc nào cũng dán chặt vào Lula, trong khi Lula lại chẳng mảy may hay biết tí gì. Sự việc có vẻ gay go không thể tưởng tượng nổi. Calpurnia thực sự căng thẳng như “một con mèo trong một căn phòng đầy kẻ dở hơi”.

Niềm hạnh phúc lớn nhất của Calpurnia và ông nội sau một thời gian dài chờ đợi cuối cùng cũng đã đến vào một buổi chiều không ai ngờ tới. Bức điện tín được gửi từ Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Hoa Kỳ do hai ông cháu khám phá ra là một loài đậu tằm mới chưa được phát hiện bao giờ. Nó sẽ được đặt tên là *Vicia tateii*. Tên của hai ông cháu ghép lại. Calpurnia đưa niềm vui đi khắp toàn thân theo từng nhịp đập. Cô bé hạnh phúc vì công việc của cô và ông đã có kết quả thực sự và cô nhận ra rằng cô là tất cả của ông. Và đối với cô, ông nội cũng là tất cả.

Những đề từ ở đầu mỗi chương trong sách là trích từ *Nguồn gốc các loài* của Charles Darwin.



CHƯƠNG 1

NGUỒN GỐC VẠN VẬT

Khi một nhà tự nhiên học trẻ tuổi bắt đầu nghiên cứu về một nhóm sinh vật lạ, chắc hẳn anh ta phải rất bối rối khi xác định những đặc điểm khác nhau giữa chúng... vì hiển nhiên anh ta chẳng biết số lượng và biến thể của nhóm sinh vật này tồn tại như thế nào...

VÀO NĂM 1899, CHÚNG TÔI ĐÃ HỌC được cách làm chủ bóng đêm nhưng vẫn không thể chịu đựng nổi cái nóng của miền Texas. Chúng tôi thức dậy trong bóng đêm, hàng giờ trước khi mặt trời hé dạng, lúc này phía trời Đông chỉ loáng thoáng một vệt màu chàm, phần còn lại của đường chân trời vẫn phủ một màu đen kịt. Bọn tôi châm đèn dầu và treo lên trước mặt như ông mặt trời tí hon đang đưa trong bóng tối. Còn hàng đồng việc ngang bằng với một ngày công đang chờ chúng tôi hoàn thành trước buổi trưa, nhưng cái nóng chết người làm chúng tôi phải chui rúc vào căn nhà lớn lấp cửa chớp rồi nằm rạp cả xuống trong những căn phòng có trần thật cao với ánh sáng lờ mờ như những nạn nhân đang bị hấp hơi vậy. Mẹ thường vẩy một ít nước hoa lên mấy tấm chăn làm phương thuốc chống lại cái nóng trong mùa hè này nhưng chúng chỉ có tác dụng chừng một phút mà thôi. Mãi đến ba giờ chiều, là lúc cả bọn phải trở dậy, nhưng nhiệt độ vẫn cao đến chết người.

Cái nóng đang là sự hành hạ cùng cực đối với mọi người dân ở Fentress, đặc biệt với phụ nữ vì họ phải mặc áo ngực và váy lót dài bên trong. (Tôi thì còn vài năm nữa mới phải chịu sự tra tấn độc nhất vô nhị dành cho nữ giới này). Họ nói lỏng coóc-xê và

thở dài hàng giờ liền, lằm bằm nguyên rửa cái nóng và cả những đức ông chồng đã kéo họ đến tỉnh Caldwell này để trồng cây bông vải và canh tác trên những cánh đồng hồ đào. Mẹ tạm thời tháo phần tóc giả độn thêm, nó được làm từ những món tóc giả uốn quăn dính và băng đô, bà thường dùng nó làm phần đệm để vắn thành một núi tóc cầu kỳ. Vào những ngày không có ai viếng thăm, bà thậm chí còn cho đầu xuống dưới chiếc bơm trong bếp rồi để cho Viola, người làm bếp lai đen của chúng tôi, xả nước lên đầu đến khi ướt sũng mới thôi. Chúng tôi bị nhận lệnh cấm nghiêm ngặt là không được cười trước màn biểu diễn gây sốc này. Trong lúc mẹ cởi bỏ vẻ nghiêm chỉnh của mình bởi cái nóng, thì chúng tôi (kể cả bố) nhận ra rằng cách tốt nhất là tránh xa bà ra.

Tên thật của tôi là Calpurnia Virginia Tate, nhưng ngày ấy mọi người thường gọi tôi là Callie Vee. Mùa hè năm đó, tôi vừa tròn 11 tuổi, và là đứa con gái duy nhất giữa bảy anh em trong gia đình. Bạn có thể tưởng tượng ra tình huống nào tệ hơn nữa không? Tôi là con giữa, sau ba người anh - Harry, Sam Houston, Lamar - và là chị gái của ba đứa em trai - Travis, Sul Ross và thằng bé Jim Bowie mà mọi người thường gọi là J.B. Mấy đứa nhỏ thường ngủ trưa, đôi lúc còn nằm chồng chất lên nhau như những con cún ẩm ướt. Mấy người đàn ông trở về từ công việc đồng áng và bố tôi, người vừa về từ văn phòng cạnh chiếc máy tĩa hạt bông vải, cũng đang nằm ngủ; đầu tiên họ múc một xô nước âm ỉ từ cái giếng cạnh hiên nhà (nơi họ nằm ngủ) dội ướt khắp thân thể rồi buông phịch người xuống chiếc giường bện dây như vừa bị giáng cho một nhát búa tạ.

Không thể phủ nhận rằng cái nóng là một cực hình, nhưng nó cũng đem lại sự tự do cho tôi. Trong khi mọi người trong gia đình ngủ gà ngủ gật, trở mình qua lại thì tôi len lén chuồn ra bờ sông San Marcos, tận hưởng giờ giải lao của một ngày không

phải đi học, không có sự quấy phá của mấy anh em và cả sự quản thúc của mẹ. Dĩ nhiên theo lẽ thì tôi không được làm điều này nhưng cũng chẳng ai cấm đoán cả. Một phần tôi trốn đi trót lọt là nhờ được đặc cách ở trong một căn phòng tận cuối dãy nhà còn mấy anh em trai phải cùng nhau chen chúc ở phòng lớn, đôi khi họ cũng hay tranh cãi dữ dội về việc này. Từ đó đến nay, đối với tôi, có lẽ đây là đặc ân dành cho đứa con gái độc nhất này.

Nhà tôi và bờ sông được ngăn cách bởi một khoảnh đất hình lưỡi liềm rộng hai hecta phủ đầy cỏ cây dại mọc um tùm. Để đến được đó đối với tôi là cả một thử thách, trừ khi những nhân vật hay ra sông trước đó - chó, nai, mấy người anh em trong nhà - đã để lại sẵn một lối đi nhỏ xuyên qua những tán cây cao ngang đầu tôi đầy gai sắc nhọn; chúng cứ vướng vào tóc và chiếc áo khoác không tay của tôi suốt quãng đường luồn lách qua khe hở đó. Khi ra tới dòng sông, tôi chỉ mặc mỗi chiếc váy lót dài rồi ngửa mình thả nổi trên mặt nước; chiếc váy đập dềnh xung quanh tôi một điệu nhẩy simmi đầy hân hoan trong dòng chảy nhẹ nhàng, mát lạnh đang lướt đều qua thân thể. Giờ đây, tôi như một đám mây, bỗng bồng bềnh nương theo dòng nước cuốn. Tôi ngước mặt lên ngắm những chiếc kén mỏng manh của mấy chú sâu bướm đang buông mình đong đưa dưới tán cây sồi xum xuê nghiêng bóng xuống dòng sông. Những chiếc kén dường như đang soi bóng tôi, chúng lênh bồng trong những quả bóng mịn màng của riêng chúng giữa bầu trời màu lam nhạt.

Mùa hè năm đó, chỉ trừ ông nội Walter Tate của tôi, còn lại tất cả đàn ông đều cắt tóc ngắn tới sát da đầu và cạo nhẵn nhụi hết cả râu ria. Họ trông trần trụi như những con kỳ nhông mù và phải mất vài ngày để có thể quen mắt được với những cái cằm nhợt nhạt, yếu ớt đó. Thật lạ lùng vì ông nội chẳng bị ảnh hưởng gì bởi cái nóng, ngay cả với bộ râu trắng dài phủ xuống tới ngực. Ông cho rằng mình là một người sống ôn hòa và có nguyên tắc,

kể cả việc không bao giờ uống rượu whisky trước buổi trưa. Cái áo đuôi tôm bốc mùi của ông cũng đã cũ mèm nhưng ông chẳng hề có ý định bỏ nó đi. Mặc dù chị giúp việc SanJuanna luôn dùng miếng bọt biển nhúng benzene lau chùi thường xuyên nhưng chiếc áo khoác vẫn không thể bớt mùi ẩm mốc và mang màu sắc kì lạ, đen chẳng ra đen, xanh chẳng ra xanh.

Ông nội vẫn sống chung một mái nhà với chúng tôi nhưng chỉ như một chiếc bóng ẩn dật. Từ lâu ông đã giao quyền cai quản cơ nghiệp của gia đình cho con trai duy nhất, bố Alfred Tate của tôi, rồi dùng hết thời gian “làm thí nghiệm” trong “phòng thực nghiệm” phía sau nhà. Phòng thực nghiệm cũng chỉ là căn lều nhỏ cũ kỹ từng được dùng làm chỗ ở cho nô lệ. Những khi không ở trong phòng thực nghiệm thì ông sẽ ra ngoài tìm mẫu vật hoặc vùi đầu vào những cuốn sách mục nát trong góc tối của thư viện, nơi mà chẳng có ai dám làm phiền ông.

Tôi xin mẹ cắt mớ tóc rậm rạp nóng nực phủ đầy sau lưng tôi. Nhưng bà nhất quyết không cho phép con gái mình chạy rong ngoài đường tựa một con thú hoang trụi lông như thế được. Nhưng tôi thì thấy điều này rõ ràng là không công bằng vì bà chẳng đề cập gì đến nguyên do chính là *cái nóng* ở đây cả. Và là thế là tôi nảy ra một ý: Mỗi tuần tôi sẽ cắt đi 2,5cm tóc - chỉ nhón một ít thế thôi - thì may ra mẹ sẽ không phát hiện được. Và hẳn nhiên tôi sẽ giả vờ tỏ ra thật ngoan ngoãn để che đậy hành động này. Bằng cách ngụy trang mình thành một cô tiểu thư nhu mì, tôi thường dễ dàng trốn thoát khỏi sự kiểm soát chặt chẽ của mẹ. Hơn nữa, bà cũng luôn bận ngáp đầu trong đồng việc nhà hằng ngày và cả sự phá phách không ngừng nghỉ của mấy đứa con trai. Bạn không thể tưởng tượng nổi những trò quỷ quái và mức độ ồn ào gây ra bởi sáu anh em đâu. Thêm vào đó, cái nóng càng làm trầm trọng hơn nữa những cơn đau đầu đến méo mặt của mẹ, và bà phải dùng đến phương sách là ực

một muỗng to Hợp chất Thực vật của Lydia Pinkham, thứ thuốc tốt nhất để lọc máu cho phụ nữ.

Đêm đó, trên tay là chiếc kéo cắt may, tim đập thình thịch trong niềm hân hoan, tôi xén đi 2,5cm tóc đầu tiên. Tôi ngắm nhìn mớ tóc mềm mại như cỏ khô đang cuộn lại trong lòng bàn tay. Tôi đang sẵn bước đón chào một tương lai trong Thời Đại Mới huy hoàng, vâng, chỉ vài tháng nữa thôi. Giây phút này thật trọng đại trong đời tôi. Đêm ấy, tôi ngủ chập chờn trong niềm lo âu chờ trời sáng.

Hôm sau, tôi nín thở rón rén từng bước chân xuống nhà ăn sáng. Miếng bánh rán hồ đào hôm nay chả khác nào một miếng giấy cạc-tông trong miệng tôi. Và bạn có biết điều gì đã xảy ra không? Hoàn toàn chẳng có gì cả. Không có ai nhận ra chút gì. Dĩ nhiên tôi cảm thấy cực kì nhẹ nhõm nhưng một ý nghĩ khác lại vẫn vơ trong lòng: *Chẳng phải gia đình này vốn dĩ luôn hờ hững như thế sao.* Và sự thật là bốn tuần sau, khi hơn 10cm tóc đã bị xén đi, cũng không có ai nhận ra; đến một buổi sáng nọ, duy có chị bếp Viola là nhìn tôi trừng trừng. Song chị ấy cũng chẳng nói tiếng nào.

Trời ngày càng nóng đến độ lần đầu tiên trong lịch sử mẹ không thắp nến cho chiếc đèn chùm vào bữa tối. Bà còn cho phép tôi và Harry nghỉ học đàn piano trong hai tuần. Lý do dẫn đến quyết định này là Harry đổ quá nhiều mồ hôi đến độ sau khi chơi xong một phần của bản Minuet in G thì mấy phím đàn bị nhơ nhớp hết cả. Dù mẹ hay SanJuanna có cố gắng bằng mọi cách thì màu óng ánh của lớp sứ trên phím đàn cũng chẳng thể nào trở lại như trước được nữa. Còn một yếu tố khác là cô giáo Brown dạy đàn cho bọn tôi đã lớn tuổi lắm rồi, và cả con ngựa cô dùng để kéo chiếc xe hai bánh của mình suốt 4,8km từ Prairie Lea đến đây cũng đã quá già nua. Trong lúc này mà đi chắc họ sẽ gục ngã

trên đường mất thôi. Suy đi tính lại thì ý kiến này không tồi chút nào.

Khi bố biết được việc bọn tôi nghỉ học đàn, ông thần nhiên bảo, “Thế cũng tốt mà. Đàn ông con trai mà học đàn thì chả khác nào rần mặc váy.”

Mấy lời lẽ này chả lọt tai mẹ tí nào. Bà luôn mong con lớn Harry của mình, năm nay đã mười bảy tuổi, trở thành một quý ông thực thụ. Bà đã có cả một kế hoạch hằn hoi cho Harry vào đại học Austin cách nhà 80km khi anh ấy tròn mười tám tuổi. Theo thông tin trên báo chí thì trường đại học đó có năm trăm sinh viên, mười bảy người trong số họ được kèm cặp các nàng học tại Trường Mỹ thuật Tự Do (tùy chọn các ngành âm nhạc, Anh Văn hoặc tiếng Latin). Còn bố thì lại có dự định khác; ông muốn Harry trở thành một doanh nhân, và trong tương lai sẽ tiếp quản xưởng tĩa hột bông vải, những thửa vườn hồ đào và tham gia vào Hội Tam điểm giống như ông bây giờ vậy. Còn đối với tôi, nếu ông có quan tâm, thì ông cũng không phản đối việc tôi học đàn.

Đến cuối tháng 6, tờ *Fentress Indicator* cho biết nhiệt độ ở bên ngoài tòa báo đã lên tới 106 độ F (khoảng 41 độ C). Nhưng tờ báo lại không nhắc đến nhiệt độ dưới bóng râm là bao nhiêu cả. Tại sao lại không chứ, một người sáng suốt sẽ chẳng dại gì đứng ngoài nắng mà sẽ nhanh chóng tìm lấy một bóng râm dưới tán cây, trong chuồng bò hoặc là trong một luống cà. Theo tôi nghĩ thì nhiệt độ dưới bóng mát sẽ có ích cho người dân trong thị trấn này hơn. Nghĩ là làm, tôi thảo ngay một Bức Thư gửi Biên tập viên đề xuất vấn đề này và thật là ngạc nhiên, họ cho đăng tải nó ngay trong số báo tiếp theo. Và gia đình tôi còn ngỡ ngàng hơn khi tờ báo bắt đầu đăng tải cả nhiệt độ dưới bóng râm từ dạo ấy. Khi biết dưới bóng mát nhiệt độ chỉ có 98 độ F (tương

đương 36,7 độ C), dường như ai nấy cũng cảm thấy mát mẻ hơn được đôi chút.

Sau đó, chợt phong trào diệt côn trùng dấy lên khắp nơi, trong nhà lẫn ngoài phố. Hàng đàn châu chấu bu quanh bụng mấy con ngựa. Đom đóm không biết từ đâu túa ra cùng nhau hợp thành một buổi trình diễn hoành tráng làm đọng lại một mùa hè không thể ấn tượng hơn trong tâm trí mọi người. Mỗi buổi tối, mấy anh em nhà tôi cùng ra trước hiên nhà, thi xem ai sẽ là người phát hiện ra đốm lập lòe đầu tiên. Hương vị chiến thắng thật thú vị và càng tự hào hơn nữa khi mẹ làm cho bọn tôi một mẻ đay bằng lụa xanh với chiếc tua đuôi dài phấp phới. Ở giữa hai đầu mẻ đay, bà còn thêu lên dòng chữ GIẢI THƯỞNG CUỘC THI ĐOM ĐÓM CỦA FENTRESS bằng sợi chỉ sồi vàng óng. Chiếc mẻ đay thật trang nhã và làm cho động lực đoạt giải được nâng cao lên hẳn. Và người thắng cuộc được quyền giữ nó đến đêm hôm sau.

Tiếp theo đó là cuộc xâm lăng vào nhà bếp có quy mô lớn nhất từ trước đến nay của hàng hà sa số kiến. Chúng hành quân đều tăm tắp xuyên qua kẽ nứt của miếng gỗ ốp dưới chân tường, đến cửa sổ rồi thẳng tiến đến bồn rửa chén. Bọn kiến đang khát nước trầm trọng và sẽ chẳng ai ngăn cản được bước chân của chúng. Viola giơ tay lên dọa dẫm nhằm đuổi chúng nhưng chẳng ăn thua. Mọi người đều cho rằng đom đóm là ơn trời, còn lũ kiến là thảm họa; nhưng rồi lần đầu tiên trong đời tôi tự hỏi vì sao lại có sự phân biệt đối xử này. Cũng như bọn tôi, chúng cũng đều là những sinh vật đang cố gắng sống sót qua tháng ngày khô hạn mà thôi. Theo tôi, Viola nên để cho chúng được yên, nhưng đến khi tôi phát hiện mấy hạt tiêu đen trong đĩa xà lách trộn hoàn toàn không phải là tiêu thì tôi đã phải suy nghĩ lại.

Trong khi nhiều loại côn trùng xuất hiện tràn ngập thì một số loài khác thường cư trú trong sân nhà, như giun đất chẳng hạn, lại biến mất. Mấy ông tướng nhà tôi suốt ngày than vãn vì không tìm đủ giun để câu cá và phải đào xuống những khoảng đất khô cứng mới tìm ra chúng, rất vất vả. Có khi nào bạn tự hỏi rằng có thể huấn luyện giun đất hay không? Ở đây tôi xin thưa, vâng, có thể đấy. Tôi nhận ra từ một sự thật hiển nhiên: Giun đất luôn trồi lên khi trời mưa xuống và việc tạo mưa thật dễ dàng. Tôi xách một thùng thiếc đầy nước ra cánh đồng cỏ rộng hai hecta, chọn một khoảng đất gần bụi rậm rồi tưới đều đặn xuống đó trong vài ngày. Bốn ngày sau, tôi vừa xuất hiện với chiếc thùng trên tay là lũ giun đã trồi lên theo từng bước chân tôi, chờ đợi những dòng nước mát lạnh. Tôi chỉ việc xúc chúng lên và bán cho Lamar với giá một xu một tá giun. Lamar cứ hoành hợ bắt ép tôi khai ra nơi đào giun nhưng dĩ nhiên là tôi không đời nào hé miệng. Tuy nhiên tôi thổ lộ phương thức của mình cho anh Harry, người mà tôi yêu quý nhất và là người tôi không giấu giếm bất cứ chuyện gì. (À không, hầu hết thôi).

“Callie Vee,” anh gọi tôi, “anh có cái này cho em nè.” Nói rồi anh lục trong hộc tủ ra một cuốn sổ tay bọc bìa da màu đỏ, bên trên đóng dấu QUÀ LƯU NIỆM CỦA TRƯỜNG AUSTIN.

“Nhìn đi,” anh bảo. “Anh chưa viết gì trong này. Em có thể dùng nó để ghi chép lại những quan sát khoa học của mình. Em là một nhà tự nhiên học bẩm sinh đấy.”

Anh ấy đang nói về cái quái gì ấy nhỉ, nhà tự nhiên học là gì? Tôi cũng chẳng hiểu lắm, nhưng suốt cả mùa hè năm ấy, tôi cố gắng hết sức để thực hiện theo lời anh. Nếu chỉ việc ghi chép lại những gì mình quan sát thấy hằng ngày thì tôi có thể làm được. Bên cạnh đó, từ khi có được sổ để ghi chép lại, tôi lại càng nhận ra nhiều thú hơn trước đây.

Đầu tiên, tôi ghi chép về lũ chó. Trong tiết trời nóng bức, chúng nằm im như chết trên mặt đất. Ngay cả khi mấy đứa em trai của tôi dùng cây làm mỗi nhử chơi rượt bắt cho đỡ buồn, chúng cũng chẳng màng ngóc đầu lên. Chúng chỉ đứng dậy một lúc để liếm láp chút nước rồi lại nằm phịch xuống làm bụi tung lên từ đám đất trũng hai bên hông. Đặc biệt đối với Ajax, chú chó cưng dùng để đi săn chim của bố, thì bạn đừng hòng làm nó hoảng sợ ngay cả khi bắn một phát súng săn sát mõm nó. Nó nằm đó, lưỡi thè lè ra, chiếc mõm há hỏn hển và để yên cho tôi đếm số răng. Từ điều này, tôi phát hiện ra vòm họng của loài chó có những lần gợn một chiều liên tiếp xuống đến cổ họng; thảo nào chả phải nghi ngờ gì khi cấu trúc này chỉ cho phép con mỗi giây giụa về một hướng, là hướng đến một BỮA ĂN TỐI. Tôi liền ghi chép nhận định này vào Sổ Tay.

Tôi quan sát thấy cảm xúc của chó thường biểu hiện rất rõ ràng qua chuyển động của lông mày. Tôi ghi lại: Vì sao chó lại có lông mày? Vì sao chó *cần* có lông mày?

Tôi hỏi Harry nhưng anh không biết. Anh bảo, “Đi mà hỏi ông nội ấy, mấy điều này thì chắc ông biết mà.”

Nhưng tôi không làm theo lời khuyên của anh. Ông sở hữu một đôi lông mày rậm rạp đầy vẻ hung tợn, nhìn như của loài rồng vậy, và nói chung ông quá oai nghiêm làm tôi cảm giác mình thật nhỏ bé, như một đứa trẻ sơ sinh vậy. Mà theo tôi nhớ thì ông cũng chưa trò chuyện với tôi bao giờ, và thật ra tôi cũng chưa chắc ông có biết tên tôi không nữa.

Tiếp đó tôi chuyển qua để ý đến lũ chim. Chẳng biết vì lý do gì mà năm đó ở chỗ chúng tôi xuất hiện rất nhiều chim giáo chủ. Harry làm tôi sướng rơn người khi anh nói rằng bọn tôi sẽ thu hoạch được một mẻ lớn, cứ như là chúng tôi đang tính toán về số lượng, gom góp những cái xác tươi roi rói của chúng rồi treo

lủng lẳng trên những tán cây dọc theo con đường trải sỏi làm vật trang trí Noel. Do hạn hán đã làm hao hụt đáng kể lượng thức ăn của chúng như hạt giống hay quả ngọt thông thường nên vào thời điểm này, những con chim đực ra sức chống chọi một cách quyết liệt để giành quyền kiểm soát trên từng cây gỗ sồi. Kết quả cho cuộc chiến này được tôi phát hiện qua một xác chim tươi nằm trong bụi cây, thật là một cảnh tượng bất ngờ và buồn bã. Trong buổi sáng vài ngày hôm sau, một con chim mái sà xuống chiếc ghế đan bằng liễu gai cạnh chỗ tôi ngồi. Tôi im lặng bất động. Lúc đó dường như tôi có thể vươn ngón tay ra chạm lấy nó. Có một cục gì đó màu nâu xám đang đọng trên chiếc mỏ màu mơ nhạt của nó. Nhìn có vẻ như là một chú chuột nhắt, nhỏ như cái đê (dùng để bảo vệ và để đẩy kim chỉ khâu vá), đang hấp hối hay đã tắt thở rồi.

Khi tôi đề cập vấn đề này trong bữa ăn tối, bố bảo, “Calpurnia à, chim giáo chủ không ăn chuột đâu. Chúng chỉ ăn thực vật thôi. Ngày Sam Houston, lấy hộ bố khoai tây nào.”

“Vâng, con chỉ nói vậy thôi, thưa bố,” tôi ngượng ngùng đáp, và sau đó thì cảm thấy giận bản thân vì không dám lên tiếng bảo vệ cho điều chính mắt mình thấy. Mỗi lần nghĩ về biểu hiện bất thường của mấy con chim giáo chủ làm tôi cảm thấy kinh tởm. Chắc tiếp theo chúng sẽ ăn thịt cả đồng loại mất. Tối hôm đó, trước khi đi ngủ, tôi lấy một ca đầy những hạt yến mạch từ chuồng ngựa rồi rải đều dọc bờ sông. Rồi tôi ghi vào Sổ Tay: Cứ theo tình hình không đủ lương thực thế này thì năm tới sẽ còn được bao nhiêu chú chim giáo chủ nhỉ? Nhớ đếm đấy nhé.

Tiêu đề tiếp theo trong Sổ Tay của tôi là về hai chủng loại hoàn toàn khác nhau của châu chấu xuất hiện vào mùa hè năm ấy. Chủng loại chúng tôi thường thấy có màu xanh lục tươi với những đốm đen tô điểm dọc thân. Ngoài ra còn có những con

màu vàng, to gấp đôi, lù đù, thân bóng như sáp và phốp pháp làm cho những nhánh cỏ chúng đáp xuống bị oằn xuống. Từ trước đến nay tôi chưa từng thấy loại này bao giờ cả. Tôi bèn thăm dò ý kiến của tất cả mọi người trong nhà (trừ ông nội) để tìm ra nguồn gốc của chủng loại màu vàng lạ kỳ này, nhưng chẳng ai biết cả. Nói cho cùng, chẳng có ai thêm để ý đến việc này chút nào.

Rốt cuộc tôi đành chọn phương án cuối cùng là đánh liều chui vào phòng thí nghiệm của ông nội. Tôi đẩy tấm vải bố dùng làm cửa tạm sang một bên rồi run rẩy đứng ngay trước ngưỡng cửa. Ông đang rót một thứ dung dịch trông bắn thủ màu nâu vào mấy cái bình cổ cong và cốc thí nghiệm trên bàn, ông giật mình ngạc nhiên ngược nhìn tôi. Nhưng ông chẳng màng kêu tôi vào. Tôi lập cập trình bày vấn đề nan giải về mấy con châu chấu trong khi ông đang lom lom dòm tôi như đang bối rối không biết đặt tôi vào đâu trong cái xó xỉnh này.

“Ồ,” ông ôn tồn đáp, “ông nghĩ một đứa trẻ thông minh như cháu sẽ tự tìm được câu trả lời mà thôi. Khi nào xong nhớ quay lại nói cho ông nghe nhé.” Nói rồi, ông quay lưng lại và tiếp tục hí hoáy ghi chép vào cuốn sổ của mình.

Cuộc đối thoại với rỗng của tôi đã diễn ra như thế đấy. Một khởi đầu không đến nỗi tồi. Dù sao đi nữa thì ông cũng không phun ra lửa đốt cháy tôi, nhưng chủ yếu là ông chẳng giúp được gì cho tôi cả. Có lẽ nếu tôi kéo Harry đi theo thì ông sẽ chú ý đến tôi nhiều hơn chẳng. Mặc dù ông cũng đã nói chuyện khá điềm đạm nhưng tôi cảm nhận được rằng ông cũng bức bối vì bị cắt ngang công việc. Và tôi cũng biết được ông đang làm gì. Chẳng hiểu vì lý do gì khiến ông tin tưởng rằng sẽ có thể tìm được cách chiết xuất ra rượu whisky từ trái hồ đào. Hình như là ông đã từng lý luận rằng, người ta đã có thể chế ra rượu ngon từ những

bắp ngô và khoai tây tằm thường thì tại sao với quả hồ đào lại không thể? Và có Chúa Trời chứng giám một thực tế là chúng tôi đang sống ngập trong hai mươi bốn hecta hồ đào bạt ngàn nơi đây.

Tôi trở về phòng, ngồi sẫm soi câu đố về loài châu chấu của mình. Tôi có nuôi một chú châu chấu xanh trong lọ để trên bàn trang điểm, đành ngắm nó để lấy cảm hứng vậy. Lạ kì thay tôi không thể bắt được một con châu chấu vàng to lớn nào mặc dù chúng chậm chạp hơn rất nhiều.

“Tại sao chúng mày lại khác nhau vậy?” tôi hỏi, nhưng đáp lại là một sự im lặng.

Sáng hôm sau, tiếng ầu ả vọng vào từ bức tường bên ngoài phòng đánh thức tôi dậy như thường lệ. Đó là tiếng động của mấy con chuột treo trở về tổ như mọi ngày. Ngay sau đó, tôi nghe tiếng chị SanJuanna mở cửa sổ phòng khách ngay bên dưới phòng tôi, tiếng thanh kim loại bên trong khung cửa trượt kêu lách cách. Tôi ngồi dậy trên chiếc giường bằng đồng cao của mình và chợt một ý nghĩ ủa tới, phải chăng châu chấu vàng là *một loài hoàn toàn mới*, khác hẳn với loài châu chấu xanh, và tôi - Calpurnia Virginia Tate - đã phát hiện ra chúng. Chẳng phải người có công phát hiện ra giống động vật mới sẽ được đặt tên cho nó hay sao? Tôi sẽ trở nên nổi tiếng! Tên tôi sẽ được ca tụng và lan truyền rộng rãi; thống đốc sẽ đến bắt tay tôi; trường đại học sẽ trao bằng chứng nhận cho tôi nữa chứ.

Nhưng mà bây giờ thì tôi phải làm gì? Làm sao để tôi tuyên bố phát hiện mới về thế giới thiên nhiên này đây? Tôi mơ hồ nghĩ đến việc viết thư cho ai đó để đăng ký phát hiện của mình, một ai đó có thẩm quyền ở Washington.

Tôi đã từng nghe cuộc thảo luận trên bàn giữa ông nội và mục sư của chúng tôi - ông Baker - về cuốn sách *Nguồn gốc các loài* của Charles Darwin; về cả những con khủng long bị vùi chôn dưới lòng đất ở Colorado; và ý nghĩa của chúng trong việc hình thành Cuốn sách của Nguồn Gốc. Họ nói về quy luật đào thải của Thế giới Tự nhiên, kẻ mạnh sẽ tồn tại, kẻ yếu sẽ dần bị diệt vong. Cô Harbottle, giáo viên trong trường của bọn tôi, buông lời phê phán ngài Darwin và cô có vẻ không đồng tình. Chắc hẳn rằng một cuốn sách viết về nguồn gốc của vạn vật sẽ cho tôi biết mình phải làm gì. Nhưng làm sao tôi có được nó đây trong khi cuộc tranh luận vẫn đang nổ ra dữ dội ngay góc nhà nhỏ của mình? Trong sách còn có cả một chương hữu ích là Cộng đồng Thế giới phẳng ở San Antonio nữa.

Chợt tôi nhớ ra Harry được giao nhiệm vụ đánh xe hàng có giường nằm đến Lockhart để mua lương thực. Lockhart là trung tâm của tỉnh Caldwell, ở đó có thư viện tỉnh và đương nhiên chứa rất nhiều sách. Điều tôi cần làm là năn nỉ nhờ Harry chở tôi đến đó, và Harry thì chẳng bao giờ có thể từ chối tôi điều gì cả.

ĐẾN LOCKHART, sau khi mua bán xong, Harry la cà ở góc đường mãi mê ngắm dáng ngọc của các quý bà tản bộ qua lại trong những bộ đầm lông lầy mới nhất của các nhà thiết kế địa phương. Tôi thì thầm lời xin phép rồi khẽ lướt qua khoảng sân của trụ sở tòa án. Đến thư viện, tôi cảm nhận được sự mát mẻ và mờ tối. Tôi lững thững cất bước đến bàn quầy, bà cô thư viện đang đưa vài cuốn cho một người đàn ông mập mạp trong bộ cánh bằng vải lanh trắng. Sắp đến lượt tôi rồi. Ngay lúc đó, chợt một người phụ nữ xuất hiện cùng đứa con trai nhỏ. Hóa ra là bà Ogletree cùng cậu bé Georgie mới được 6 tuổi. Georgie và tôi học cùng một cô giáo dạy đàn dương cầm, và điều đó cũng có nghĩa là bà biết mẹ tôi.

Ôi thôi rồi. Bị bắt gặp quả tang trong lúc này là điều tôi không muốn nhất.

“Chào cháu Callie,” bà mở lời. “Mẹ cháu có đây không?”

“Mẹ cháu đang ở nhà, thưa cô Ogletree. Khỏe không, Georgie.”

“Ừm, chào Callie,” nhóc đáp. “Chị làm gì ở đây vậy?”

“Ừm... chỉ tìm vài cuốn sách thôi mà. À, cô chọn được sách rồi à. Cô lên đăng ký trước đi ạ.”

Tôi lùi lại và niềm nở vẫy ra hiệu cho hai mẹ con tiến lên phía trước.

“Ồ, như thế làm sao được, cảm ơn cháu nhé Callie,” bà đáp. “Thật là ngoan quá đi mất. Lần sau gặp mẹ cháu cô phải khen cháu vài câu mới được.”

Thời gian trôi qua như cả thế kỉ, rồi họ cũng ra về. Tôi dáo dác nhìn quanh xem còn có ai đến nữa không. Bà quản thư nghiêm nghị nhìn tôi. Rồi tôi cũng tiến tới quây và thỏ thẻ, “Thưa bà, bà có cuốn sách của ngài Darwin không ạ?”

Bà hơi chồm người ra khỏi quây rồi hỏi, “Cháu vừa nói gì thế?”

“Sách của ngài Darwin, bà biết chứ ạ, cuốn *Nguồn gốc các loài*.”

Bà nhăn mặt rồi chụm tay ra sau tai. “Cháu nói lớn lên chút được không.”

Tôi run rẩy nói to hơn. “Sách của ngài Darwin. Cuốn ấy đấy ạ.”

Ánh mắt cau có của bà làm tôi cứng hết cả người lại, “Chắc chắn là bà không có giữ cuốn sách đó trong thư viện này. Nhưng ở thư

viện Austin thì có đấy, và bà phải đặt họ gửi qua bưu điện đến đây. Tồn 50 cents, cháu có 50 cents ở đó không?”

“Không thưa bà.” Tôi cảm thấy mặt mình đang đỏ bừng lên. Tôi đã bao giờ có được 50 cents trong cuộc đời này đâu.

“Còn nữa,” bà nói tiếp, “bà còn cần mẹ cháu viết thư cho phép cháu đọc loại sách đó nữa. Cháu có thư đó không?”

“Không thưa bà,” tôi xấu hổ đáp. Cổ tôi bắt đầu ngứa ngáy, dường như báo trước rằng tất cả những điều gian dối sẽ bị lộ tẩy hết ra thôi.

Bà khịt mũi. “Vậy là không có rồi phải không. Bây giờ ta phải sắp xếp sách lên kệ nữa. Đừng làm phiền ta nữa nhé.”

Tôi muốn khóc òa lên vì tức giận và nhục nhã, nhưng tôi quyết không rơi nước mắt trước mục già này. Tôi rời khỏi thư viện với sắc mặt tím tái và thấy Harry đang thơ thẩn trước tiệm tạp hóa. Anh nhìn tôi vẻ đầy lo ngại.

Tôi gãi lần đỏ đang nổi trên cổ rồi hét lên, “Có thư viện để làm gì mà không cho người ta mượn sách chứ?”

Harry dáo dác nhìn quanh. “Em đang nói cái gì vậy?”

“Có mấy người không xứng đáng để quản lý thư viện,” tôi đáp. “Em muốn về nhà ngay.”

Đường về nhà thật dài và nóng bức trong chiếc xe chở đầy ắp hàng hóa, Harry ngoái đầu lại nhìn tôi. “Có chuyện gì thế, em gái cưng của anh?”

“Không gì cả,” tôi cúi kính đáp. Mà thật sự cũng đâu có gì đâu ngoài việc tôi đang ghen trong cay đắng và tủi hổ, chẳng có

tâm trạng gì để nói cả. Lần đầu tiên tôi cảm thấy cái nón rộng vành mẹ đưa tôi để chống tàn nhang đang đem lại một khoảnh khắc riêng tư thật hữu ích.

“Em có biết cái gì đang ở trong cái thùng kia không?” Harry hỏi. “Cái nằm ngay sau em đấy?” Tôi *chẳng buồn đáp lại*. Tôi không biết và cũng chẳng quan tâm. Tôi đang ghét cả thế giới này.

“Là một cái quạt gió đấy,” anh đáp, “mua cho mẹ.”

Nếu là bất cứ một người anh em nào khác hẳn tôi đã quát vào mặt anh: Đừng có vớ vẩn như vậy - làm gì có thứ đó trên đời này.

“Thật mà,” anh khẳng định. “Rồi em sẽ thấy.”

Về đến nhà, tôi không chịu được sự phấn khích của mọi người khi tháo dỡ hàng hóa xuống khỏi xe. Tôi bèn lội ra sông. Tôi lột mũ, cởi phăng áo khoác, cởi hết cả váy rồi đắm mình xuống nước ngay giữa bầy rùa và nòng nọc đang bơi lội. Tốt lắm. Bà già thủ thư ấy vừa phá hoại ngày hôm nay của tôi và tôi đang muốn làm điều tương tự với một ai - hay một thứ gì đó. Tôi ngụp đầu xuống nước rồi hét thật lớn, thật dài, âm thanh vang dội lòng bùng trong tai. Tôi ngóc đầu lên, lấy hơi rồi làm lại một lần nữa. Và rồi thêm một lần nữa cho đỡ tức. Quả thật dòng nước mát đã làm dịu lòng tôi đi rất nhiều. Nói cho cùng, cuốn sách đó có ý nghĩa gì với tôi chứ? Thật sự chẳng có nghĩa lý gì cả. Một ngày nào đó tôi sẽ sở hữu tất cả các cuốn sách trên thế giới này, xếp đầy trong những kệ sách. Thậm chí tôi sẽ sống trong cả một tòa tháp đầy sách nữa kìa. Tôi sẽ vừa ăn đào vừa đọc sách suốt ngày. Lúc đó, nếu có những chàng hiệp sĩ trẻ tuổi khoác áo giáp, cưỡi trên lưng những con bạch mã và nài nỉ tôi buông sách xuống nghỉ ngơi đôi chút thì tôi sẽ lấy hột đào ném họ túi bụi đến khi họ chịu đầu hàng quay trở về nhà mới thôi.

Tôi nằm ngửa mặt lên trời ngắm nhìn đôi chim nhạn đang chao lượn trên mặt nước, nhào lộn như những nghệ sĩ xiếc mải mê đuổi bắt mấy con bọ vô hình. Mặc dù có nhiều thời gian tự do nhưng mùa hè này chẳng trôi qua theo ý tôi chút nào. Chẳng có ai quan tâm đến những Câu Hỏi mà tôi viết trong Sổ Tay. Và cũng chẳng có ai chịu giúp đỡ tôi tìm câu Trả Lời cả. Cái nóng đã cướp đi sinh lực và cuộc sống không chỉ của mọi người mà còn của mọi thứ khác nơi đây.

Chợt tôi nghĩ mà thương cho ngôi nhà tuy to lớn nhưng cũ kĩ của gia đình, giờ đang phải nằm phơi mình giữa đám cỏ xác xơ vàng úa. Thông thường, đám cỏ này xanh mướt và mềm mại lắm, luôn như gọi mời mọi người cởi bỏ giày dép ùa lên đó chơi trò Keng, nhưng giờ này chúng đã thành những chiếc gai nhọn mọc tua tủa hăm he chọc vào bàn chân của bất cứ ai vô tình bước vào. Màu cỏ úa này còn làm cho tôi khó khăn hơn trong việc phát hiện ra loài châu chấu vàng to lớn mới mẻ của mình. Chẳng thể nào thấy được trừ khi đập phải chúng. Lúc đó chúng bay vù lên, nặng nề lách cách vỗ cánh rồi lại chợt biến mất vào trong bãi cỏ. Vì vậy cho dù chúng to béo chặm chạp nhưng muốn bắt được thì chẳng dễ chút nào. Điều này thật nực cười bởi trong khi đó, lũ châu chấu xanh tuy nhỏ nhắn, nhanh nhẹn hơn nhưng quá dễ nhìn thấy nên việc bắt chúng lại trở thành đơn giản hơn nhiều. Hằng ngày, lũ chim nuốt lấy nuốt để những chú châu chấu xanh, trong khi lũ châu chấu vàng trốn ngay bên cạnh chế nhạo những người anh em xấu số của chúng.

Và rồi tôi đã hiểu ra. Chẳng có một giống loài mới nào cả, tất cả bọn chúng đều thuộc một chủng loại châu chấu mà thôi. Loài khi sinh ra có màu vàng hơn sẽ sống sót lâu hơn qua mùa nắng hạn vì lũ chim không thể tìm thấy chúng trong đám cỏ vàng úa; còn loài châu chấu xanh thì đều bị chim ăn hết nên không kịp phát triển to lớn hơn. Lũ châu chấu vàng tồn tại được cũng nhờ

thích nghi được tốt hơn với thời tiết nóng bức khô hạn này. Vậy là ngài Charles Darwin đã đúng. Bằng chứng đều nằm trong sân nhà tôi chứ chẳng ở đâu xa.

Tôi thả người trên mặt nước mà lòng vẫn chưa hết hụt hẫng, ngược nhìn lên trời để cố tìm ra sơ hở trong lý luận và kết luận của mình nhưng chẳng thể nghĩ được gì hơn. Rồi tôi vùng vẫy rẽ nước, nắm lấy lá khoai nước đu lên bờ; vắt khô áo khoác, mặc đồ vào thật nhanh và chạy về nhà.

Về đến nơi, tôi thấy cả nhà đang tụ tập xung quanh chiếc thùng đã mở toang ở tiền sảnh. Ở giữa lớp đệm nhồi nhét là một cái máy thấp bằng kim loại màu đen, có bốn cánh quạt ở trước và chiếc bình đựng nhiên liệu bằng thủy tinh phía sau; bố tôi đang đổ dầu hỏa vào trong đó. Ở giữa cánh quạt, một dòng chữ bằng đồng khắc nổi thành vòng tròn: Quạt Gió Tốt Nhất Chicago.

Chợt bố ra lệnh, “Đứng lùi hết lại.” Nói rồi bố châm mỗi lửa cho cỗ máy hoạt động. Mùi dầu hỏa bay khắp phòng song song với luồng gió mát rượi. mấy anh em trai của tôi hoan hô nồng nhiệt. Tôi cũng reo hò nhưng vì một lý do khác.

Từ đó, cuộc sống trong nhà tôi dễ thở hơn hẳn. Mẹ được nghỉ ngơi buổi trưa bên chiếc quạt máy; cuộc sống của mọi người đều tốt đẹp hơn, nhất là cho bố vì đôi lúc được mẹ gọi vào nghỉ cùng bà.

Phải cả tuần sau thì tôi mới dám trở lại thăm ông nội. Ông đang ngồi trên chiếc ghế bành xiêu vẹo, ruột ghế bị lũ chuột moi ra lòng thòng.

Tôi thưa, “Bây giờ cháu đã biết vì sao châu chấu lớn màu vàng còn nhỏ thì màu xanh rồi ạ.” Rồi tôi kể cho ông nghe về phát hiện của mình và làm thế nào tôi đã tìm ra điều đó. Hai chân tôi

dịch chuyển qua lại còn ông thì lặng im nhìn tôi. Một lúc sau, ông hỏi, “Cháu tự tìm ra điều này mà không có ai giúp à?”

“Vâng thưa ông,” tôi đáp, và kể cho ông nghe về chuyến đi đầy xấu hổ đến thư viện Lockhart của mình. Ông nhìn tôi chăm chặp một lúc lâu bằng nét mặt kì lạ, chẳng biết là ngạc nhiên hay sửng sốt nữa; cứ như tôi là một chủng loại gì đó mà trước nay ông chưa từng gặp vậy. Ông bảo, “Đi theo ông.”

Trên đường vào nhà, ông chẳng hé nửa lời. Thôi rồi, tôi thật đại dốt khi dám làm phiền lúc ông đang làm việc không những một mà đến hai lần. Chẳng lẽ ông đang định giao tôi cho mẹ để được giảng đạo một trận ra trò? Nhưng không như tôi nghĩ, ông lại dẫn tôi vào thư viện, nơi mà bọn trẻ không được phép lui tới; chắc ông định tự mình giảng đạo cho tôi đây mà. Sẽ như thế nào nhỉ, ông sẽ mắng mỏ cái lý thuyết vụng về của tôi hay sẽ vắn cổ tôi đây. Càng lúc nỗi sợ hãi của tôi càng tăng lên. Tôi - Callie Vee Tate của tỉnh Fentress, bang Texas - là cái quái gì mà dám suy ngẫm về những điều như vậy chứ? Tôi chẳng là cái thá gì cả.

Mặc dù đang sợ hãi nhưng tôi vẫn quan sát xung quanh thư viện một cách kĩ càng vì biết rằng mình chẳng còn cơ hội trở vào đây nữa. Thư viện tối lơ mờ mặc cho chiếc rèm cửa nặng nề màu xanh tím đã được vén lên bên khung cửa sổ hai cánh cao nghệu. Ngay cạnh cửa sổ là một chiếc ghế bành bằng da đồ sộ, kế đó là cái bàn mây đang đỡ trên mình chiếc đèn đọc sách. Vài cuốn sách nằm vương vãi trên sàn nhà cạnh chiếc ghế, và còn rất nhiều chồng sách khác trên giá cao được đóng từ những cây hồ đào đã khô héo (chúng tôi chả bao giờ thoát khỏi cái bóng của cây hồ đào xung quanh cuộc sống của mình cả). Kia là chiếc bàn bằng gỗ sồi to lớn, bên trên đặt toàn những thứ lạ kì thú vị: một cái trứng đà điểu đã nở đặt trên chân đứng bằng gỗ chạm trổ hoa văn, một chiếc kính hiển vi bọc trong da thuộc màu xanh

lục, một chiếc răng của cá voi chạm khắc hình một người phụ nữ với bộ ngực quá khổ như chục bung ra khỏi áo ngực. Cuốn Kinh Thánh của gia đình cùng quyển từ điển to oạch và chiếc kính lúp nằm kề nhau kế bên cuốn album bọc vải nhung, bên trong chỉ chít hình ảnh của ông bà tổ tiên đã quá cố. Rồi, vậy là tôi sẽ được giảng một bài Kinh Thánh hay một bài học vì đã làm Xấu-Hổ-Cả-Dòng-Họ đây? Tôi đành đứng chờ xem ông sẽ quyết định chọn phương cách nào. Tôi đưa mắt nhìn xung quanh các bức tường được lấp đầy bởi những chiếc hộp nông, bên trong ghim đầy những loài côn trùng và bướm bướm đủ các sắc màu. Ở dưới mỗi vật thể sặc sỡ ấy đều được ông nội ghi chú bằng những miếng đồng khắc nổi rất tỉ mỉ. Tôi quên cả mọi thứ xung quanh và bước lại gần hơn để quan sát.

“Con gấu,” chợt ông nội lên tiếng.

Cái gì cơ chứ? Tôi thầm nghĩ.

“Cẩn thận con gấu kia,” ông bảo, ngay vừa lúc tôi vấp chân phải tấm thảm bằng da gấu đen với chiếc mõm đang mở ra nhọn nhỏ, nanh vuốt của nó là chiếc bẫy luôn rình rập những ai bất cẩn.

“Vâng, cháu thấy con gấu rồi thưa ông!”

Ông nội rút chìa khóa từ trên dây đồng hồ ra. Rồi ông mở chiếc tủ bằng kính cao ngệu nhét đầy sách, chim nhồi bông, những chiếc lọ đựng xác thú và nhiều thứ quý hiếm khác nữa. Viễn cảnh đó quá hấp dẫn làm tôi không thể cưỡng lại được nên rón rén xích lại gần hơn để chiêm ngưỡng. Một con ta-tu^[1] méo mó đập vào mắt tôi, nó bị uốn cong oằn lại lổn nhổn, rõ ràng là được làm bởi một tay không chuyên vụng về. Mà sao ông lại có được nó nhỉ? Tôi làm còn đẹp hơn thế nữa. Cạnh đó là một chiếc lọ thủy tinh dày dung tích khoảng 11 lít, bên trong là một con thú

lạ nhất mà tôi chưa thấy qua bao giờ. Nó mập mập, có nhiều tay, đôi mắt to sáng ngời nhìn như hai chiếc đĩa to qua lớp kính; nhìn con này nhiều có lẽ sẽ gặp ác mộng mất. Cái quái gì thế này nhỉ? Tôi vừa nghĩ vừa bước lại gần hơn.

Lúc này ông nội đang lục lợi trong đồng sách. Tôi thấy cuốn *Địa ngục của Dante* nằm cạnh cuốn *Khoa học về Khí cầu*. Ngoài ra còn có *Thuyết tái tạo động vật có vú* và *Luận đề về vẽ tranh phụ nữ khỏa thân*. Rồi ông rút ra một quyển sách bọc bằng da dê dày màu xanh mạ vàng. Ông lấy tay áo chùi cho nó sạch bóng mặc dù tôi chẳng thấy có hạt bụi nào trên đó cả. Chợt ông cúi đầu rất kiểu cách và đưa nó cho tôi. Tôi nhìn xuống và thấy tựa sách *Nguồn gốc các loài*. Không ngờ tôi được nhận cuốn sách này ngay trong nhà của mình. Tôi đưa hai tay ra kính cẩn đón lấy, còn ông nội chỉ nhìn tôi mỉm cười mà thôi.

Và từ đó, tôi bắt đầu thân với ông nội.

CHƯƠNG 2

NHỊP ĐIỀU SỚM MAI

Định luật di truyền gen vẫn là một điều bí ẩn; chưa ai có thể giải thích được tại sao... những đứa cháu lại thường mang một số tính cách đặc trưng giống ông của mình...

BA NGÀY SAU, tôi trườn xuống nhà dưới và ra ngoài hiên nhà từ rất sớm, trước khi sự huyên náo của mấy anh em trai kịp phá tan bầu không khí yên lành của buổi sáng mai. Cách đường chạy xe vào nhà khoảng 30 bước chân, tôi rải một nắm hạt hướng dương cho lũ chim ăn rồi ngồi xuống tấm nệm cũ rách rưới lôi ra từ phòng chứa đồ. Tiếp đó tôi viết ra danh sách những loài động vật vào trong Sổ Tay bìa da đỏ của mình. Mọi nhà nghiên cứu vạn vật học đều làm như vậy đúng không nhỉ?

Chợt một hạt hướng dương nảy chồm chồm qua mấy viên đá phiến trên con đường trước nhà. Sao lạ thế nhỉ! Quan sát kỹ mới nhận ra nó là một con cóc nhỏ tí, chỉ dài khoảng 0,6cm, đang gắng sức nhảy liên hồi theo gót một động vật nhiều chân khác, không to hơn cọng chỉ là bao, cả hai đang tìm đến nơi trú thân thích hợp cho mình và biến mất vào bụi cỏ. Tiếp đó một chú nhện săn mồi với kích thước to lớn và thân hình lông lá đáng kinh sợ đang phóng nhanh qua bãi sỏi, tôi cũng không biết là nó đang săn một con vật nào bé hơn hay đang bị một loài vật lớn hơn nào đó rượt đuổi nữa. Tôi nghĩ chắc hẳn đang có rất nhiều những bí kịch xảy ra triền miên xung quanh đây. Nhưng việc ai là kẻ săn, ai là con mồi không quan trọng lắm vì chúng luôn phải đối diện với cái chết hằng ngày. Còn tôi chỉ là một kẻ ngoài

cuộc, chỉ có thể đứng nhìn mà thôi. Trong khi đó, những cuộc chiến giữa loài vật ấy sẽ không bao giờ dừng lại.

Tiếp đó, một chú chim ruồi bay loạng choạng quanh góc nhà rồi lao vào giữa bông hoa tulip đang rũ xuống vì khô héo. Không tìm thấy thứ mà nó thích, chú chim bất thành linh bay ngược trở ra rồi sục sạo đến đóa hoa kế bên. Tôi ngồi chỉ cách đó chừng 1m, gần đến nỗi có thể nghe được tiếng u u nho nhỏ vẻ bực bội phát ra từ dưới đôi cánh của nó, tò mò bởi cảnh tượng đó, nhất là vẻ ngoài sắc sảo và phong thái ung dung, linh động của chú chim ấy. Chợt nó dừng lại ngay trên miệng bông hoa rồi ngoái đầu lại và phát hiện ra tôi. Nó liền chao liệng lên không trung trong giây lát rồi thành linh phóng thẳng về hướng tôi. Tôi cứng hết cả người lại. Tôi thề là nó dừng lại cách mặt tôi chỉ một gang tay rồi dừng lại. Tôi cảm thấy được luồng gió thật nhẹ từ đôi cánh của nó ủa lên trán mình, và theo phản xạ tự nhiên, mắt tôi nhắm nghiền lại. Tôi ước gì mình mở mắt ra quan sát, nhưng đây là phản xạ vô điều kiện nên tôi chẳng thể điều khiển theo ý mình. Đến lúc tôi mở mắt ra được thì chú chim đã bay vút đi. Nó nhỏ như một quả hồ đào có cánh vậy. Lúc đó, không biết vì giận dữ hay tò mò, nó dám lao vào tôi mà không nghĩ được rằng chỉ cần một cú quạt tay nhẹ là tôi có thể hạ gục nó ngay.

Đã có lần tôi chứng kiến con chó cưng Ajax của bố thư hùng với một chú chim ruồi và bị thua cuộc. Chú chim lao vào Ajax mổ lấy mổ để làm cho nó hoảng sợ đến mức phải chạy rút vào hiên nhà trong nỗi nhục nhã. (Làm chó cũng được quyền cảm thấy nhục nhã mà, phải không các bạn). Rồi nó chạy qua chạy lại và bắt đầu liếm láp phần thân dưới, đây chắc chắn là hành động giấu giếm cảm xúc thật của loài chó.

Chợt cửa trước nhà bật mở, ông nội bước ra hiên với chiếc túi da cũ kĩ quàng chéo qua vai, một tay cầm chiếc vợt bắt bướm, tay

còn lại nắm chặt cây gậy chống bằng mây.

“Chào buổi sáng nhé cháu Calpurnia,” ông mở lời. Vậy là rất cuộc ông cũng biết tên tôi đó chứ.

“Chào buổi sáng, thưa ông!”

“Cho ông biết cháu đang cầm cái gì được không?”

Tôi giật nảy cả người lên. “Đây là Sổ Tay Khoa Học của cháu ạ,” tôi lễ phép đáp. “Anh Harry cho cháu đấy ạ. Cháu viết mọi thứ quan sát được vào trong này. Đây là những gì cháu ghi lại được trong sáng nay ông ạ.”

Quan sát không phải là từ tôi thường nói nhưng trong hoàn cảnh này tôi muốn cho ông thấy được sự nghiêm túc của mình trong công việc này. Ông đặt túi xuống đất làm phát ra những âm thanh lanh canh vui tai. Rồi ông lôi kính mắt ra và lướt qua danh sách của tôi:

Chim giáo chủ, đực và cái

Chim ruồi, và những giống chim khác

Vài chú thỏ

Mấy chú mèo

Thần lằn xanh

Nhiều loại côn trùng

Châu chấu, to/ vàng, nhỏ/ xanh của C.V.Tate (thuộc cùng chủng loại)

Ông tháo kính xuống rồi gõ nhẹ vào trang sách và lên tiếng, “Một khởi đầu tốt đấy.”

“Một khởi đầu hả ông?” tôi đau lòng hỏi lại. “Cháu nghĩ như vậy là đủ mọi thứ rồi chứ ạ!”

“Cháu bao nhiêu tuổi rồi Calpurnia?”

“Mười hai ạ,” tôi đáp.

Ông nhìn tôi ngờ vực.

“Mười một tuổi chín tháng ạ,” tôi buột miệng đính chính. “Theo lý thuyết thì cháu cũng mười hai rồi mà. Đâu có khác gì lắm phải không ông?”

“Vậy cháu đã đọc về ngài Darwin và những kết luận của ông ấy tới đâu rồi?”

“Ồ, chúng thật tuyệt diệu, rất phi thường nữa ạ. Dĩ nhiên là cháu chưa đọc hết nhưng cháu vẫn đang tiếp tục ạ.” Thật ra, tôi đã đọc chương 1 rất nhiều lần nhưng nó quá phức tạp. Sau đó tôi lật thẳng sang phần “Sự chọn lọc của tự nhiên” nhưng vẫn gặp nhiều vấn đề trong ngôn ngữ.

Ông nội lại nhìn tôi với vẻ trang nghiêm. “Ngài Darwin không viết sách cho lứa tuổi mười-một-lẻ-chín-tháng-sắp-thành-mười-hai đâu cháu. Có lẽ chúng ta có thể thảo luận về những học thuyết của ông ấy. Cháu có muốn làm điều này không?”

“Vâng,” tôi hồ hởi đáp. “Dĩ nhiên là muốn rồi, thưa ông!”

“Ông đang định ra sông bắt thêm mẫu vật. Hôm nay đến phiên một loài Odonata khác, có lẽ là chuồn chuồn thường và chuồn chuồn kim. Cháu có muốn đi cùng không?”

“Vâng, thưa ông.”

“Mang theo Sổ Tay của cháu nhé.” Ông mở túi xách ra, tôi thấy trong đó có vài lọ thủy tinh, cuốn *Hướng dẫn bắt côn trùng*, hộp cơm trưa, và một chiếc bình thót cổ bằng bạc cỡ nhỏ. Rồi ông nhét quyển Sổ Tay màu đỏ cùng cây viết chì của tôi vào cạnh đó. Còn tôi thì cầm lấy chiếc vợt bắt bướm của ông rồi khoác lên vai.

“Xin mời?” ông hỏi và chìa tay ra như những quý ông thường làm để khoác tay các quý cô đi ăn tối. Tôi liền choàng tay mình vào tay ông. Ông quá cao so với tôi nên cả hai cứ loạng choạng va vào nhau khi bước xuống bậc thềm nhà, được một lúc thì tôi rút tay ra rồi đan ngón tay tôi vào tay ông. Bàn tay ông chai sần, móng tay dày cộp vòng cả lên, một tác phẩm điêu kì được tạo nên bởi da và sừng. Thoạt đầu ông tỏ vẻ ngạc nhiên nhưng sau đó thì bình thường trở lại, nguyên do vì sao thì tôi cũng không rõ. Nhưng chẳng sao vì bây giờ tay ông đang nắm chặt tay tôi rồi.

Chúng tôi rẽ lối băng ngang cánh đồng rộng lớn ra sông. Trên đường đi, ông nội hay dừng lại để ngắm vài chiếc lá, hòn đá, hay một đụn đất nhỏ, những thứ này chả hấp dẫn tôi tẹo nào cả. Điều tôi ấn tượng là cái cách ông khom người xuống, quan sát thật chăm chú vào một vật trước khi từ tốn cẩn trọng đưa tay ra chạm vào chúng. Ông nhẹ nhàng cẩn thận với bất cứ thứ gì ông đụng tới, quan sát xong một con bọ là đặt chúng lại vị trí cũ, đùn lại từng mô đất trở về nguyên trạng. Tôi chỉ biết kiên nhẫn đứng chờ với chiếc vợt bắt bướm, chân tay ngứa ngáy chỉ muốn chộp lấy một thứ gì ngay thôi.

“Calpurnia, cháu có biết là lớp Côn Trùng có số giống loài nhiều nhất mà con người từng khám phá ra không?”

“Nội à, không ai gọi cháu bằng cái tên Calpurnia trừ mẹ ra, và cái tên đấy chỉ dùng khi cháu đang gặp rắc rối to thôi ạ!”

“Có vấn đề nghiêm trọng gì về việc này nhỉ? Cái tên này dễ thương mà. Người vợ thứ tư mà Pliny the Younger^[2] cưới vì tình yêu đích thực cũng tên Calpurnia đấy, và từ mối tình này mà ông đã để lại cho thế hệ sau bao bức thư tình tuyệt vời, bất hủ. Còn một loại cây lấy keo thuộc họ Calpurnia - cây kim tước, chủ yếu mọc gần lục địa Phi châu nữa. Ngoài ra còn vợ của Julius Caesar, được Shakespeare nhắc tới trong tác phẩm của mình cũng mang tên đó. Ông còn có thể liệt kê ra thêm nhiều bằng chứng hơn nữa đấy.”

“Ồ, bây giờ cháu mới biết đấy.” Sao chẳng ai nói cho tôi biết về mấy điều này nhỉ? Tất cả các anh em trai của tôi, trừ Harry ra, đều được đặt tên theo những vị anh hùng danh tiếng của Texas, hầu hết những người đó đều đã hi sinh anh dũng ở Alamo. (Harry được đặt tên theo một người chú độc thân giàu có không có con cái). Còn tên tôi thì được đặt theo chị gái của mẹ. Tôi nghĩ lẽ ra chuyện còn tồi tệ hơn nữa: các em của mẹ là Agatha, Sophronia và Vonzetta. Thật ra, tên của tôi lẽ ra còn *có thể tệ hại* hơn nhiều nữa ấy chứ, như con của Thống đốc Hogg, Ima chẳng hạn. Trời ạ, Ima Hogg! Bạn có thể tưởng tượng nổi không? Tôi không biết sắc đẹp và tiền tài của cô có đủ bảo vệ cô ta khỏi sự tra tấn bằng cái tên ấy suốt cả cuộc đời không nữa? Có lẽ nếu như bạn giàu có thì chả ai dám chế nhạo gì bạn cả. Còn tôi, với cái tên Calpurnia mà tôi ghét cay ghét đắng này, vì sao... vì sao nó lại là một cái tên thật đẹp chứ, một cái tên mang đầy tính *thơ ca*. Thật là... thật là *bực bội* khi chả ai trong nhà thèm nói cho tôi biết.

Rồi từ lúc đấy, tôi chấp nhận cái tên gọi Calpurnia này.

Chúng tôi tiếp tục rẽ qua những bụi rậm và rừng cây. Bất kể tuổi tác và chiếc kính lão, mắt của ông tỏ hơn của tôi rất nhiều. Những chỗ mà tôi chỉ thấy toàn là lá và cành khô thì ông lại phát hiện ra mấy chú bọ cánh cứng nằm im ngụy trang, mấy tên thằn lằn bất động và cả vài con nhện đang ẩn mình nữa.

“Nhìn kìa,” ông bảo. “Một con bọ hung, có lẽ thuộc loài *Cotinus texana*. Một loài bọ vô hại. Không dễ tìm thấy nó trong mùa hạn hán này đâu. Bắt nó vào vợt đi, nhẹ nhàng thôi nhé!”

Tôi quơ lưới và bắt được nó ngay. Ông gỡ con bọ ra, cầm trong tay và cùng tôi quan sát. Nó dài khoảng 2,5cm, màu hơi xanh, ngoài ra nhìn vẻ ngoài thì không có gì đặc biệt. Ông bèn lật ngửa nó lại, tôi nhìn thấy phần dưới bụng nó phát sáng, một màu xanh xanh, ngũ sắc ẩn hiện những ánh tím. Màu sắc dần thay đổi khi nó cựa mình trong sợ hãi. Nó làm tôi nhớ lại chiếc trâm cài tóc làm từ vỏ bào ngư của mẹ, rất đẹp và hiếm.

“Nó đẹp quá,” tôi thốt lên.

“Nó có họ hàng với bọ hung cánh cứng, con vật này được người Ai Cập xưa tôn sùng như hiện thân của mặt trời bình minh và kiếp sau. Đôi khi họ còn đeo nó như trang sức.”

“Thật hả ông?” trong đầu tôi thắc mắc làm sao để con bọ nằm yên trên áo được. Tôi tưởng tượng đến việc dùng kim dài ghim vào hay dán dính bằng keo dùng để dán giấy dán tường; nhưng có vẻ chẳng có ý tưởng nào thuyết phục cả.

“Cầm lấy này,” ông bảo rồi đưa nó cho tôi.

Ông bỏ nó vào lòng bàn tay tôi, thật tự hào khi tôi chẳng hề ngần ngại đón lấy. Con bọ cựa quậy trong tay tôi gây cảm giác nhồn nhột.

“Mình có cần giữ nó lại không ông?” tôi hỏi.

“Ông có một con trong thư viện rồi, cháu thả con này đi đi.”

Tôi đặt bàn tay xuống đất và rồi con bọ *Cotinus texana* nhảy ra, bò đi với vẻ vô sự.

“Cháu biết gì về Phương pháp Nghiên cứu Khoa học, Calpurnia?”
Nghe giọng ông, tôi biết là mấy chữ đó được viết hoa rồi.

“Dạ cũng chút đỉnh thôi ạ.”

“Trong trường cháu học gì? Cháu có đi học mà, phải không?”

“Có chứ ạ. Cháu học môn Đọc, Đánh vần, Số học và Viết Chữ đẹp. À, còn Giáo dục Hành vi Ứng xử nữa. Cháu được 'khá' cho Dáng đi nhưng 'không đạt' cho Sử dụng khăn tay và Đê thêu. Mẹ có vẻ không hài lòng về điều này ạ.”

“Chúa ơi,” ông thốt lên. “Tệ hơn ông nghĩ nhiều.”

Một câu cảm thán của ông nhưng tôi không hiểu lắm.

“Và không có Khoa học? Không có Vật lý?” ông hỏi.

“Có một ngày chúng cháu được nghiên cứu Thực vật học. Còn Vật lý là gì vậy ông?”

“Cháu có từng nghe tới ngài Isaac Newton hay ngài Francis Bacon chưa?”

“Chưa ạ.” Những cái tên đó nghe thật buồn cười nhưng nhìn vẻ mặt nghiêm trang của ông, tôi biết rằng đề tài này cực kì nghiêm túc và nếu tôi không bàn thảo một cách nghiêm túc thì hẳn ông sẽ thất vọng lắm.

“Ông đoán họ còn dạy cháu rằng trái đất này hình phẳng và tồn tại những con rồng nuốt chửng được cả mấy con tàu rớt khỏi bờ vực của trái đất nữa, phải không.” Nói rồi ông ngó tôi chăm chăm. “Còn nhiều thứ để nói lắm, hi vọng là không quá muộn để cho cháu biết. Tìm chỗ nào đó để ngồi đi.”

Chúng tôi tiếp tục đi ra bờ sông và tìm thấy được một bóng mát dễ chịu dưới gốc cây hồ đào. Sau đó, ông nói rất nhiều thứ làm tôi mê muội cả đầu óc. Ông dạy tôi cách để biết được sự thật của mọi thứ, không phải chỉ ngồi nghĩ đến nó như Aristotle từng làm (Aristotle là một quý ông Hy Lạp thông minh nhưng hay ngượng ngùng) mà phải đi ra ngoài để chứng kiến tận mắt; phải lập ra Giả Thuyết và làm Thực Nghiệm, dùng các phương pháp Quan Sát để đưa ra Kết Luận, lặp đi lặp lại nhiều lần. Ông kể cho tôi về Nguyên lý dao cạo Occam^[3], về Định lý Ptolemy^[4], và con người đã nhận định sai lầm về mặt trời và những hành tinh suốt bao nhiêu thế kỷ ra sao. Ông còn giảng giải cho tôi về Linnaeus^[5] và hệ thống đặt tên động vật trong Hệ Tự Nhiên và con người hiện tại vẫn tuân theo quy tắc đó để gọi tên các loài giống mới phát hiện như thế nào. Rồi đến Copernicus^[6] và Kepler^[7] và vì sao quả táo Newton lại rơi xuống và không bay lên. Sau đó là mặt trăng luôn quay tròn theo quỹ đạo quanh trái đất như thế nào. Về sự khác nhau giữa phương pháp diễn dịch và quy nạp, ngài Francis Bacon^[8] đã tìm ra và đặt tên chúng ra sao. Ông còn kể tôi nghe ông đã từng đến Washington vào năm 1888 để tham gia vào một tổ chức của những người tự gọi mình là Hiệp hội Địa lý Quốc tế. Họ cùng nhau đi đến những vùng hẻo lánh trên trái đất để kéo đất nước ra khỏi vũng lầy của sự mê tín và những suy nghĩ tiêu cực gây ra bởi chiến tranh giữa các tiểu bang. Những kiến thức về thế giới mà ông đang nhẫn nại giải thích cho tôi dưới tán cây đầy những con ong đang uể oải lượn lờ và những bông hoa dại này thực sự quá cao siêu so với Sử dụng khăn tay và Đê thêu.

Thời gian trôi qua, mặt trời dịch chuyển (hay nói chính xác hơn là chúng tôi đang di chuyển ở dưới mặt trời, chậm chạp chuyển từ ngày tiến về phía đêm tối). Chúng tôi cùng nhau chia một miếng sandwich dày đầy phô mai và hành tây, một miếng bánh hồ đào và một bi-đông nước. Ông hớp vài ngụm rượu trong chiếc bình nhỏ bằng bạc rồi hai ông cháu tiếp đi một chốc; xung quanh, mấy con bọ vo ve thi thoảng đốt trộm, cùng những bóng râm lốm đốm nắng nhảy nhót vòng quanh.

Một lúc sau, hai ông cháu thức dậy, lấy khăn tay nhúng xuống sông, lau mặt cho tỉnh ngủ rồi tiếp tục khám phá dọc bờ sông. Theo gót chân ông, tôi bắt được rất nhiều những động vật lạ đang bò, bơi lội và cả đang bay trên trời nữa; chúng tôi xem xét tất cả bọn chúng nhưng ông chỉ giữ lại một con và bỏ vào trong lọ hiệu Mason, bên trên nắp có đục những lỗ thông hơi, tôi biết xuất xứ của nó là từ nhà bếp. (Viola lúc nào cũng than phiền về đám chai lọ bị mất tích và mẹ luôn đổ tội cho mấy anh em trai của tôi, đến bây giờ tôi mới biết, lần đầu tiên trong lịch sử, bọn họ thật sự vô tội). Có một miếng giấy nhỏ dán gọn gàng trên lọ để làm kí hiệu. Theo chỉ dẫn, tôi ghi lại ngày tháng bắt mẫu vật, nhưng không biết ghi vị trí bắt là ở đâu.

“Hãy nghĩ xem bây giờ ông cháu mình đang ở đâu,” ông bảo. “Cháu có thể miêu tả nó một cách ngắn gọn để khi cần thiết mình có thể tìm lại địa điểm này ngay không?”

Tôi ngấm góc của ánh mặt trời rọi qua những ngọn cây và nhớ lại chúng tôi đã đi được bao xa. “Cháu ghi là cách nhà Tate 1,5 dặm về phía Tây, gần cây sồi ba nhánh có được không ạ?”

Ông đồng ý. Chúng tôi tiếp tục rảo bước đến khu vực lũ nai thường lảng vảng, xung quanh rải rác phân động vật. Hai ông cháu ngồi xuống và lặng im chờ đợi. Rốt cuộc một con hoẵng cái

đuôi trắng nhẹ nhàng xuất hiện. Chỉ chút nữa thôi là tôi có thể chạm vào nó. Làm sao một con vật to lớn lại có thể di chuyển không tiếng động dưới những tán cây um tùm như thế nhỉ? Cô nàng ngoái chiếc cổ dài lại và nhìn thẳng về phía tôi, và lần đầu tiên trong đời mình tôi thực sự cảm nhận được sự quyến rũ của “đôi mắt nai”. Đôi mắt nâu to tròn sâu thẳm thẳm, ánh nhìn dịu dàng và thật nao lòng. Hai vành tai hoạt động độc lập và có thể vẫy về mọi hướng. Chợt một vật nặng rơi vào đôi tai đỏ mọng ấy làm chúng chuyển sang màu hồng rực rỡ. Trong tôi lúc này, đây chính là con vật đẹp nhất mà tôi từng thấy, một vài giây sau, thân mình phủ lông nâu vàng đốm trắng của nó lững thững hiện ra trong tầm mắt tôi. Ôi, tấm thân nâu vàng với những nét cong hoàn hảo, cái mặt xương xương, bộ lông còn hơi xù lên và bốn chiếc chân yếu đuối mong manh, tất cả như làm tim tôi tan chảy. Tôi chỉ muốn ôm chầm lấy nó vào lòng mình, bảo vệ nó khỏi những viễn cảnh đầy hiểm nguy dưới nanh vuốt của sói, cái đói và những tay thợ săn luôn rình rập. Mà sao có ai nỡ bắn giết con vật đáng yêu này cơ chứ? Chợt ngay sau đó, nàng nai thực hiện một động tác không tưởng: nó gập chân trước rồi đến chân sau, rạp người xuống đất và... *biến mất*. Những đốm trắng trên tấm lưng màu nâu của nó như trùng lặp với những hạt nắng nên một giây trước đó tấm thân nâu vàng ấy còn ở đây, nhưng ngay giây tiếp theo đã chẳng còn lại gì ngoài mặt đất trống trải.

Hai ông cháu ngồi lặng im mất cả năm phút sau rồi mới lặng lẽ gom đồ đạc đi tiếp. Chúng tôi cứ thế đi dọc theo bờ sông đến khi bóng chiều tà dần buông mới bắt đầu rẽ lối qua những bụi rậm về nhà. Trên đường về, ông tìm thấy một vật thuộc dạng hiếm hoi và mỏng manh nhất của thế giới hoang dã: một chiếc tổ chim ruồi cũ kĩ, được đan kết lại rất khéo léo, nhỏ hơn cái chén đựng trứng.

“Thật may mắn quá!” ông thốt lên. “Hãy quý trọng nó nhé, Calpurnia. Có lẽ suốt cả đời này cháu cũng chẳng có dịp thấy lại một cái khác đâu.”

Chiếc tổ chim được đan kết với một cấu trúc cực kì phức tạp, cứ như là được tạo thành bởi mấy nàng tiên nhỏ trong chuyện cổ tích. Xém chút nữa tôi buột miệng thốt ra điều này nhưng đã kìm lời kịp lúc. Một thành viên của hội khoa học không thể nói ra một điều như thế được.

“Chúng ta mang nó về bằng cách nào đây ông?” tôi hỏi. Tôi vẫn chưa dám chạm vào nó.

“Cứ cho nó vào lọ. Trong thư viện ông còn một chiếc hộp kính đựng vừa nó đấy. Cháu có thể trưng bày nó trong phòng, chứ giữ nó trong hộp tủ thì mất hết giá trị.”

Thư viện là cấm địa của ông, đến bố mẹ tôi cũng hiếm khi bước vào. Chị SanJuanna được vào quét dọn một lần trong mỗi quý. Còn bình thường thì ông luôn khóa kín cửa. Có điều ông không biết là trong những lúc người lớn không có nhà, mấy anh em trai của tôi công kênh nhau lên trèo qua đố cửa để vào phòng. Sam Houston, anh ba của tôi, có lần được xem kĩ cuốn sách ảnh về chiến tranh của Mathew Brady, sau đó anh thì thảo thuật lại cho bọn tôi nghe về mấy con ngựa bị phanh thây nằm trong đồng bùn, và mấy người lính chân trần đã chết nhưng mắt vẫn mở trừng trừng nhìn lên trời.

Chúng tôi về đến nhà khoảng 5 giờ. Jim Bowie cùng Ajax chạy ra đón mừng ngay lúc phát hiện hai ông cháu thấp thoáng đi từ bờ sông lên.

“Callie, chị gặp rắc rối rồi đấy.” J.B. phùng mang trợn má. “Mẹ đang rất giận đấy.” Nó chẳng màng đến sự có mặt của ông. “Mẹ

bảo chị đã trốn giờ học đàn dương cầm hôm nay.”

Ừ nhỉ, lớp học dương cầm của bọn tôi đã bắt đầu lại rồi, và tôi biết rằng mình sẽ phải tập bù, cộng thêm nửa tiếng làm hình phạt. Luật là như vậy, nhưng tôi chẳng quan tâm. Hôm nay hoàn toàn xứng đáng để tôi hi sinh. Bị phạt thêm cả ngàn tiếng tập dương cầm cũng không sao ấy chứ.

Chúng tôi vào nhà, ông cho chiếc tổ chim ruồi vào hộp kính rồi đưa cho tôi. Sau đó tôi để mặc ông làm tiếp mấy việc vặt vãnh trong thư viện rồi đi tìm mẹ để biện hộ việc trốn giờ học dương cầm, mặc dù biết rằng chẳng có kết quả khả quan gì.

Rốt cuộc tôi cũng đã tranh thủ thực hiện hình phạt trước giờ ăn tối, nhưng hôm nay tôi chơi đàn với một tâm hồn trong trẻo, nhẹ nhõm, ít nhất là tự tôi cảm thấy vậy. Tối đó tôi đi ngủ với cơ thể mệt mỏi nhưng tâm trạng thì phấn khích tột độ; còn trên bàn gương, chiếc tổ chim ruồi chễm chệ cạnh mấy cây cài tóc và dây nơ của tôi.

Một tuần sau đó, danh sách quan sát trong buổi sáng của tôi bao gồm:

5g15 sáng, trong lành, có chút gió nam

8 con thỏ (7 con thỏ bông, 1 con thỏ rừng tai to)

1 con chồn hôi (con nhỏ, có vẻ đang đi lạc)

1 con chồn treo (lỗ tai trái hình chữ V)

5 con mèo (3 con mèo nhà tôi, 2 con mèo hoang)

1 con rắn (rắn cỏ, không nguy hiểm)

1 con thần lẩn (màu xanh giống màu cuống hoa huệ tây, rất khó phát hiện)

2 con diều hâu đuôi đỏ

1 con ó butêo

3 con cóc

2 chú chim ruồi (thuộc loài Rufous?)

Phân loại Odonata, Hymenoptera, Arachnidae

Tôi đưa ông xem, ông gật gù. “Chỉ cần ngồi lặng im quan sát mà cháu đã thấy được nhiều thứ tuyệt vời, đúng không?”

CHƯƠNG 3

ĐẠI CHIẾN CHUỘT TREO^[9]

Cây trồng từ một loại quả giống nhau, và những con vật đẻ cùng lứa, đôi khi lại khác nhau một cách đáng kể, mặc dù cả con nhỏ hay cha mẹ... đều được trưởng thành trong cùng một điều kiện sống...

ĐẠI CHIẾN CHUỘT TREO LẠI NỔ RA làm náo động cả hiên sau nhà. Một cuộc chiến có vẻ thụ động, không có xung đột ghê gớm nhưng có thể nói là rất dữ dội. Đêm nào sự việc cũng diễn ra như nhau và thật tiện lợi cho tôi nghiên cứu về nó. Một chú chuột treo béo ú, bụi bặm xuất hiện từ dưới sàn nhà, đi săn đêm tìm bữa sáng từ những mẩu thức ăn vụn hay mấy thứ linh tinh trong nhà bếp. Bất thành linh, nó bắt gặp một chú Mèo Sân Vườn đang lảng vảng ở hiên sau nhà như đang tuần tiễu trên địa phận riêng của nó. Cả hai cùng bị sốc, mắt mở to nhìn nhau trừng trừng, rồi chú chuột treo găm gù và bất thần phóng xuống đất. Chú nằm im, thân thể cứng đờ không động đậy, môi nhăn nhó hở ra hàm răng nhỏ nhọn như kim. Mắt chú im lìm, lông dựng đứng. Đây chính là hình ảnh Chuột Treo Giả Chết.

Con mèo ngơ ngẩn nhìn, lần nào gặp phải tình cảnh này phản ứng của loài mèo cũng như vậy. Nó thận trọng tiến lại gần cái xác rồi ngửi ngửi xung quanh thăm dò. Sau đó nó cuộn mình lại nhìn giống ổ bánh mì nhằm thể hiện lòng kiêu hãnh của loài mèo trước đối thủ vừa bị đánh bại, nhiệm vụ của nó đã hoàn thành mỹ mãn. Một lúc sau, chú mèo bắt đầu chán rồi lảng vảng đi lại quanh cửa bếp chờ Viola bố thí cho vài miếng ăn. Cái xác chuột nằm bất động thêm 5 phút nữa rồi chẳng đợi báo động

hay nghi lễ tưởng niệm gì, lữ đừ chống chân đứng dậy, tiếp tục cất bước đi tìm thức ăn như chưa từng có gì vừa xảy ra.

Cảnh tượng này cứ thế tiếp diễn hằng đêm, suốt cả mùa hè. Cả tôi và hai phe thù địch đều không nhàm chán. Thật tuyệt khi một cuộc chiến không đổ máu diễn ra và cả hai bên đều thu được chiến thắng cho riêng mình.

Mỗi sáng, cứ đúng 5 giờ là chú chuột treo trở về tổ. Nó luôn xuống dưới sàn nhà rồi trèo lên bức tường đằng sau giường ngủ của tôi. Tiếng sột soạt nó gây ra luôn đánh thức tôi hiệu quả không thua gì một chiếc đồng hồ, ôi chú chuột treo 5 giờ của tôi. Tôi không kể cho ai nghe chuyện này vì nếu mẹ biết thì hẳn bà sẽ bảo anh Alberto, chồng chị SanJuanna, bịt lại cái lỗ dưới sàn nhà và đặt bẫy bắt chúng. Còn bản thân tôi thì không khó chịu khi chung đụng dưới một mái nhà với mấy chú chuột treo này. (Tôi đặt một câu hỏi trong Sổ Tay: Làm sao lũ chuột treo lại có thể biết giờ chính xác như vậy?)

Tôi hỏi ông nội về vấn đề này. Ông trả lời một cách nghiêm túc, “Có lẽ nó đeo đồng hồ trong túi như con thỏ của Alice^[10].”

“À, chắc là vậy thật,” tôi vừa nói vừa nhin cười rồi ghi chú vào Sổ Tay để kể cho cô bạn thân nhất của mình, Lula Gates.

MỘT CHIỀU NỌ, trong khi ông nội đang mài mò mấy công thức để chế biến rượu hồ đào, tôi ngồi trên chiếc ghế cao ngay kế cùi chỏ của ông, nhìn ông làm việc. Khu ở cũ của nô lệ được ông trưng dụng làm chỗ treo mười mấy cái đèn dầu, lủng lẳng ở những độ cao khác nhau, đi qua phải dè chừng tránh không bị va vào đầu. Cả cụm đèn lung linh ánh vàng tràn ngập không gian nhỏ bé. Mẹ lúc nào cũng sợ đèn dầu đổ làm cháy nhà nên bảo chú Albert đặt những thùng cát ẩm lớn (lấy từ dưới sông lên) ở cả bốn góc phòng. Cửa sổ ở đây không gắn kính, chỉ treo

hờ mấy tấm bạt hay mấy cái túi cói để chống côn trùng bay vào. Và nơi đây đã trở thành thiên đường trú ngụ của loài bướm đêm.

Ông đã bỏ nhiều năm trời để tìm cách chiết xuất rượu từ quả hồ đào. Thực nghiệm này chẳng làm tôi thích thú gì nhưng ông vừa làm việc vừa nói chuyện với tôi, và những đề tài đó thì không bao giờ làm tôi chán cả. Tôi lấy đồ đạc cho ông, chuốt nhọn mấy cây bút chì trong cái chén bằng gỗ bào.

Mỗi khi công việc tiến triển tốt đẹp, ông thường khe khẽ ngâm nga mấy khúc nhạc vui của Vivaldi; còn khi không tốt, ông lại khe rít hơi qua bộ râu rậm rạp. Tôi chọn ngay lúc ông đang ngâm nga một nốt nhạc cao mà hỏi, “Ông à, ông luôn là một nhà nghiên cứu tự nhiên học phải không ạ?”

“Cháu hỏi gì?” ông hỏi. Ông đưa một chiếc cốc chứa chất lỏng màu nâu đặc vào dưới ngọn đèn lập lòe ấm áp rồi đeo kính lên, ngắm nghía lớp cặn kết tủa dưới đáy cốc, nhìn giống lớp bùn dưới sông. “Ồ. Không, không phải lúc nào cũng là nhà nghiên cứu tự nhiên học đâu cháu.”

“Vậy ông nội của ông có phải là nhà nghiên cứu tự nhiên học không ạ?” tôi hỏi tiếp.

“Ông cũng chẳng biết nữa,” ông đáp. “Ông chẳng biết nhiều về ông ấy, ông nội của ông mất lúc ông còn nhỏ lắm.” Ông nhấp một ngụm chất lỏng sẫm màu đỏ rồi đổi sắc mặt. Chiết xuất, nhấp thử, rồi nhăn mặt. Sau đó thường là ông sẽ chửi thề. Đó là những gì ông thường làm.

“Khốn kiếp thật,” ông lên tiếng, “cái thứ nước gớm ghiếc này...”

Vậy là chưa có tiến triển gì tốt đẹp cả.

“Ông nội của ông mất lúc ông mấy tuổi ạ?” tôi hỏi.

“Ông nghĩ khoảng 5 tuổi.” Và dường như đoán trước được câu hỏi tiếp theo của tôi ông tiếp lời. “Ông ấy mất vì những vết thương còn lại sau cuộc chiến với người Cô-man-si thuộc mấy bộ tộc ở Oklahoma.”

“Chà, vậy ông ấy có thích thú về khoa học không?” tôi hỏi.

“Theo ông biết là không. Ông ấy buôn bán da hải ly và da bò; ông không nghĩ rằng ông ấy quan tâm đến cái gì khác ngoài việc làm ăn. Lọc chất lỏng trong này ra giùm ông nhé? Rồi đổ vào cái chai kia và để ngày hôm nay lên nhãn. Hi vọng rằng lần sau sẽ tốt hơn. Không thể có chuyện tệ hơn cái thứ này được.”

Tôi cầm lấy cái cốc từ tay ông rồi lọc chất lỏng trong đó qua cái rây vào trong một chiếc chai rộng hiệu Lydia Pinkham của mẹ. Đôi khi mẹ cũng thường phải hớp vài ngụm cái thứ này khi bị mấy anh em tôi chọc tức (mà việc này xảy ra khá thường xuyên). Tôi nút chai lại rồi dùng bút chì sáp màu đỏ viết lên: ngày 1 tháng 7 năm 1899. Rồi tôi xếp nó lên kệ cạnh nhiều “đồng chí” thất bại khác của nó.

“Vậy ông bắt đầu thích thú đến khoa học như thế nào?” tôi hỏi.

Ông dừng lại rồi trầm ngâm nhìn ra ngoài cửa sổ, nhưng tôi biết rằng về đêm thì chẳng thể nhìn ra bên ngoài qua tấm vải bao bì, mà chỉ ngó từ ngoài vào trong mà thôi.

Một lúc sau ông cất lời, “Điều đó bắt đầu từ một buổi chạng vạng năm 1865. Mọi chuyện như vừa xảy ra ngày hôm qua. Thật ra, ông còn nhớ về ngày đó rõ hơn những gì của ngày hôm qua ấy chứ. Tuổi già thật oan nghiệt, Calpurnia ạ!” Ông nhìn tôi rồi ôn tồn bảo, “đừng để điều đó xảy đến với cháu nhé!”

“Không đâu thưa ông.” Tôi đáp.

“Lúc ấy ông là sĩ quan lãnh đạo một nhóm nài ngựa vòng quanh Texas. Tất cả bọn họ đều là những người nài ngựa cừ khôi, họ trưởng thành trên lưng ngựa mà. Ai cũng đều nghĩ mình sẽ trở thành kỵ binh nhưng rốt cuộc họ lại bị bổ nhiệm làm bộ binh. Mỗi ngày phải hành quân như vậy, trời ạ, khi họ biết sự thật, họ than phiền dữ dội! Chắc hẳn cháu chưa từng được nghe những lời tục tĩu đầy sáng tạo như vậy đâu. Họ ghét đi bộ lắm, đừng nói gì đến việc phải điều binh. Nhưng ngoài sự phản kháng thì dù sao họ cũng là những con người ngoan cường.

“Vào tháng tư năm ấy, khi hoàng hôn buông xuống, bọn ông dựng trại bên dòng sông Sabine. Khi thấy bóng người trinh sát, ông vẫy tay ra hiệu và đột nhiên một chuyện phi thường xảy ra, một vật gì đó bay *đâm sầm* vào tay ông. Trong cơn bàng hoàng, tay ông nắm chặt lấy vật thể đó và ông càng ngạc nhiên hơn nữa khi cảm thấy được lớp lông ấm trong lòng bàn tay mình. Thì ra trong tay ông đang nắm chặt một chú dơi con nằm yên đầy kinh ngạc.”

“Ôi không,” tôi thì thào. “Không thể nào.”

“Thật đấy,” ông bảo. “Lúc đó ông cũng choáng váng như một chú cừ non.”

“Rồi ông làm gì?”

“Ông và chú dơi trao đổi ánh mắt trong vài phút. Chú ta có đôi mắt lạnh lợi và bộ lông ấm áp, mềm mại. Nhìn không khác một chú cáo con là mấy. Đôi cánh như có lớp da, nhưng không lạnh ngắt và kinh tởm đâu nhé, trái lại, nó rất mềm dẻo và ấm áp như đôi găng trẻ con được mẹ ấp ủ vậy.”

Tôi vẫn vợ suy nghĩ nếu có chú dơi bay vào tay mình thì sao. Chắc tôi sẽ hét lên và buông nó xuống ngay. Có khi tôi ngất xỉu mất không chừng. Tôi chợt nghĩ về trường hợp này nhiều hơn. Tôi chưa ngất đi bao giờ nhưng xem ra đó cũng là một trải nghiệm thú vị đấy chứ.

“Ông lấy chiếc khăn tay cuối cùng của mình bọc nó lại rồi cho vào trong áo để giữ ấm cho nó. Chú dơi chẳng hề phản kháng gì trước những hành động này của ông cả. Rồi ông đem nó vào lều. Trước khi ngủ, ông lấy nó ra, chúc ngược đầu nó xuống rồi treo chân nó lên sợi dây phơi quần áo. Mặc dù nó còn lạ lẫm với mọi vật xung quanh, chân nó vẫn quắp lấy sợi dây, ông nghĩ đó là phản ứng tự nhiên, rồi nó cuộn mình lại treo mình lủng lẳng như đang ở ngoài thiên nhiên hoang dã vậy; lúc này nó như một gói hàng nho nhỏ rất gọn gàng và nhìn thật thích mắt.

“Ông để miếng bạt lều mở toang, rồi ông chợt bừng tỉnh trong tiết trời đêm lạnh giá và run rẩy - một từ diễn tả chính xác cảm giác của ông lúc ấy - khi nhìn thấy chú dơi lượn một vòng quanh đầu mình rồi mất hút trong bóng đêm. Trong lòng ông thầm cầu Chúa ban phước lành cho nó.”

Nghe ông kể, lòng tôi bỗng trào lên một cảm giác cực kỳ lạ lẫm, không biết nên vui mừng hay rơi lệ nữa.

“Nhưng câu chuyện chưa chấm dứt ở đó,” ông tiếp lời. “Đưa ông cái ống cao su dài kia đi cháu. Hôm sau ông thức dậy trước bình minh. Lúc đó bọn ông không có lửa nên lính đưa cho ông một thau nước lạnh để làm vệ sinh buổi sáng. Ông mặc đồ và chuẩn bị rời khỏi lều trong khi gió ù ù bên tai. Và thật ngạc nhiên khi anh bạn của ông đã trở lại, đang treo mình lủng lẳng trên sợi dây phơi đồ.”

“Nó quay lại hả ông?” tôi kêu lên.

“Ừm, chính chú dơi thân yêu của ông đấy,” ông đáp, “hay ông tưởng chính là nó. Trong mắt thường mấy con dơi trông giống như nhau cả mà. Nó cứ lửng lơ ở đó, điềm tĩnh nhìn ông rồi ngủ thiếp đi. Ông đoán nó là con đực, nhưng đương nhiên lại chẳng có chứng cứ xác thực nào cho phỏng đoán đó cả. Sau này, việc xác định giới tính của dơi con rất đơn giản, nhưng vào lúc đó thì ông hoàn toàn mù tịt.”

“Ông có giữ nó lại không ạ?” tôi hỏi. “Có không ông?”

“Chú ta làm trú khách trong lều cả ngày hôm ấy và đánh một giấc ngon lành.” Rồi ông mỉm cười, nụ cười sáng lên trong ánh vàng lập lờ của đèn dầu, đắm chìm trong kí ức tươi đẹp. Bỗng nét mặt ông thay đổi.

“Ông không bao giờ quên ngày hôm ấy,” ông kể tiếp. “Quân đội Liên bang tấn công bọn ông hai tiếng sau khi mặt trời mọc và truy đuổi đến khi mặt trời lặn. Bọn chúng kéo theo hai khẩu đại bác 12 pound^[11] và oanh tạc bọn ông tới bởi hoa lá đến khi tai ông không còn cảm nhận được tiếng pháo và mắt không còn nhìn thấy gì trong khói bụi mù mịt. Đạn Minie^[12] gây thiệt hại nặng nề. Bọn ông bị siết chặt trong vòng vây địch.

“Cả ngày hôm đó ông cố gắng phá vòng vây, khích lệ binh sĩ bằng mọi cách. Ông cử một rồi hai người để chuyển tin cầu cứu đến Thiếu tá Duncan ở hạ lưu, nhưng không một ai trở lại.” Nói tới đây, ông đưa tay lên cọ cọ vào trán.

“Cứ mỗi lần đạn pháo vượt qua lằn ranh, ông lại lo âu nhìn về phía cái lều. Cháu biết không, ông thật sự lo lắng cho chú dơi. Ông lo rằng tiếng ồn và khói sẽ làm nó hoảng sợ, nhỡ nó đại dột bay ra lạc vào đường đạn thì sao. Bấy giờ, nó đã chính thức trở thành con dơi của ông rồi, cháu thấy không?”

Tôi gật đầu. Tôi nhận ra điều đó chứ.

“Khói bụi thuốc súng ngập tràn khắp không gian đến khi mặt trời bị che phủ, không thể thấy quá 5 yard^[13] về cả hai phía.

“Đến buổi hoàng hôn, cuộc tấn công dịu dần, ông nghĩ mấy tên lính Liên bang đang chia nhau bữa tối. Trong khi đó, binh lính của ông lẩn trốn trong hầm và ăn bánh quy nguội lạnh. Những người có bút viết tranh thủ biên vài dòng cho gia đình rồi dúi vào tay ông và năn nỉ rằng nếu ông còn sống thì hãy gửi đi giùm họ. Rất nhiều người siết chặt tay ông tạm biệt, yêu cầu ông cầu nguyện cho linh hồn và người nhà của họ. Một binh sĩ theo ông đến tận lều nài nỉ ông viết hộ lá thư. Ông mở cửa lều và mong rằng chú dơi đã hoảng sợ và bay đi mất.”

Tôi nín thở và ngồi im như tượng.

“Nhưng nó vẫn còn đấy, ngủ say. Theo ông thấy thì nó chẳng thay đổi tư thế treo ngược ấy cả ngày. Cho dù cậu binh sĩ có nhìn thấy nó thì cũng chẳng để ý, tâm trí cậu ta bây giờ chỉ hướng về gia đình nơi xa xôi.

“Ông viết thư cho mẹ và chị cậu ấy ở Elgin. Cậu bảo họ đừng quá đau buồn và nhớ thu hoạch bắp vào tháng 6. Cậu ấy kể rằng ở đó chẳng còn người đàn ông nào và cậu nghĩ rằng không có cậu, họ sẽ chẳng thể hoàn thành công việc đó được. Nghĩ đến hoàn cảnh của gia đình mình, cậu ứa nước mắt. Lúc đó cậu ấy chẳng nghĩ đến bản thân mình nữa. Suốt cả đêm ấy, ông nắm tay và bảo cậu ấy hãy tin rằng ông sẽ gặp người nhà của cậu. Cậu ấy ôm chầm lấy ông và kêu ông là Đại úy, miệng không ngừng cảm ơn rằng ông đã giải tỏa được tâm lý cho cậu, và cậu sẽ yên lòng nhắm mắt. Sau đó cậu ấy rời khỏi lều ông và quay trở lại vị trí nơi chiến tuyến.”

Ông rút chiếc khăn tay to lớn màu trắng ra khỏi túi và lau nước mắt.

“Rồi ông nhìn về chú dơi,” ông kể tiếp. “Ông kéo ghế lên rồi quan sát nó ở khoảng cách rất gần. Nó thật hoàn hảo về mọi mặt. *Thật hoàn hảo*. Có lẽ nó cảm nhận được sự có mặt của ông vì ông thấy nó khẽ chớp mắt nhìn ông. Nó cực kì điềm tĩnh. Tiếng ồn và sự rung lắc bên ngoài dường như chẳng ảnh hưởng gì đến nó cả. Nó dang cánh ra trong giây lát, ngáp rồi lại cuộn mình và tiếp tục ngon giấc. Lúc đó, ông cảm giác rằng mình chẳng bao giờ muốn rời khỏi chiếc lều này nữa.

“Nhưng rồi đạn pháo lại tiếp tục nổ. Ông quan sát nó đến khi phải tiếp tục nhiệm vụ. Nhưng thật tình ông chẳng muốn đi chút nào.”

Hai ông cháu ngồi lặng im. Rồi tôi hỏi, “Anh ấy có chết không ạ?”

Ông nhìn tôi thắc mắc.

“Cái anh đến từ Elgin ấy ạ,” tôi nói rõ hơn.

“Cậu ấy không chết vào hôm đó.” Một lúc sau ông tiếp lời, “cậu ấy bị đạn pháo bắn vào đầu gối, rồi nằm đó trên bãi chiến trường, chết dần chết mòn, miệng vẫn liên tục đòi nước uống, nhớ đến mẹ và cầu xin sự tha thứ. Cả ngày hôm ấy bọn ông phải chịu đựng những tiếng than khóc cứ yếu dần đi, đến khi màn đêm buông xuống mới dám bò ra kéo họ vào. Bác sĩ quân y làm việc suốt cả đêm dưới ánh sáng của những cây nến lõi bấc leo lét trên đầu. Những binh sĩ bị thương nhẹ ông cho ngồi đợi. Những người bị thương quá nặng, ông sẽ để qua một bên, cho họ một bi-đông nước và một ít thuốc giảm đau và tất cả những thứ tốt nhất ông có thể lấy từ cha tuyên úy. Những người bị tan nát tay

chân phải tiến hành cắt cụt tức thời để tránh bị mất máu đến chết hay bị lên mủ, bị hoại tử.

“Lúc mặt trời mọc là đến phiên cậu thanh niên đến từ Elgin. Cậu ấy đang rất yếu. Bọn ông bế cậu ấy lên bàn mổ, bây giờ nó đang đông đầy máu. Khi ông chụp chiếc phễu thuốc mê lên mặt thì cậu ấy nhìn ông rồi cười và nói, ‘Đừng lo cho tôi Đại úy ạ. Tôi không sao đâu.’

“Rồi ông kéo chân cậu ấy thật mạnh trong khi bác sĩ cưa. Đột nhiên cái chân rời ra trên tay ông, ông ôm lấy nó ngây ngô như một đứa trẻ. Cháu biết không, ông chẳng ngờ là chân con người lại nặng đến thế. Ông cứ đứng đó giữ lấy nó. Ông chẳng muốn quăng nó vào đồng chân tay khác, nhưng rốt cuộc ông cũng phải làm như vậy.”

“Ông đã cứu được cậu ấy phải không ông?” tôi hỏi.

Một lúc sau, ông đáp, “Cậu ấy không tỉnh lại.” Ông nhìn chăm chăm vào góc phòng thật lâu rồi tiếp lời, “Hai ngày sau, bọn ông nhận được tin chiến tranh đã kết thúc. Họ ra lệnh cho bọn ông chưa được về nhà vội mà phải thu dọn mọi thứ dự trữ và dụng cụ, nhưng chẳng còn được bao nhiêu. Chỉ còn một nắm đạn, một hay hai pound đậu, một cái chăn ẩm mốc; chỉ còn lại bấy nhiêu cho phần trợ cấp thôi đấy. Ông biết là mình sẽ rất cần cái lều nhưng chú dơi vẫn còn đó. Ông chẳng thể bỏ nó lại nhưng cũng chẳng biết làm sao để đem nó theo. Rốt cuộc ông qua lều của bác sĩ phẫu thuật và trộm chiếc Cờ Kiểm Dịch trong rương. Cháu biết Cờ Kiểm Dịch là gì không?”

“Không ạ,” tôi thì thào.

“Nó là lá cờ thông báo bệnh vàng da - cần phải tránh xa tức thì. Bệnh này đã cướp đi cả ngàn người, quét sạch cả nhiều trung

đội, có lẽ số người chết vì nó cũng nhiều như chết vì hỏa lực của quân Liên bang. Ông dùng dây da buộc lá cờ vào chiếc lều rồi khoét một lỗ trên nóc. Ông chắc rằng chú dơi sẽ được bình yên một thời gian. Tất cả ông có thể làm chỉ có vậy.

“Ông đã phải vượt qua nỗi đau để tạm biệt chú dơi thân yêu. Mặc dù trước đó ông đã châm lửa đốt cả núi chân tay mà chẳng cảm thấy gì. Ngay cả khi quăng xác của cậu thanh niên từ Elgin xuống hào với những binh sĩ khác, ông cũng chẳng có cảm giác.

Ông mất 18 ngày để đến được Elgin. Ông thông báo tin tử cho mẹ và các chị em gái của cậu ấy ở phòng khách. Ông nói rằng cậu ấy đã mất như một vị anh hùng nhưng không cho họ biết cái chết của cậu cũng không có ý nghĩa gì trong cuộc chiến. Họ bảo rằng rất biết ơn vì ông đã đến đưa tin. Ông ở lại đó ba tháng để giúp họ thu hoạch bắp và sắp xếp mọi thứ cho ổn thỏa. Ông cũng đã gửi tin cho bà nội cháu rằng ông sẽ về nhà sau - ông nghĩ rằng bà ấy sẽ chẳng bao giờ tha thứ khi ông không chịu về gặp bà ngay. Nhưng đổi lại tất cả bắp được thu hoạch, từng chuyến từng chuyến về nhà trên lưng con la, ngay cả đứa con gái nhỏ nhất cũng tham gia làm việc.”

Rồi ông chợt nhìn tôi tỏ vẻ ngạc nhiên. “Hình như lúc đó nó bằng tuổi cháu bây giờ đấy.”

Tôi chợt nghĩ đến hình ảnh của những người theo bước con la trên những cánh đồng của làng tôi. Họ là những người đàn ông với cẳng tay chắc nịch và bàn tay to bè nứt nẻ; tùy vào mùa thu hoạch mà họ sẽ lấm lem bụi xám hay bùn đen. Nhưng tôi không thể tưởng tượng ra cảnh thu hoạch bắp của ông ngày ấy.

“Lẽ ra ông không nên kể cho cháu nghe.” Ông vuốt mặt, nhìn ông thật già cỗi, làm tôi chợt sợ sệt trong lòng. “Cháu còn quá nhỏ để nghe về chuyện này.”

Tôi tiến tới dựa vào ông, còn ông vòng tay ôm tôi vào lòng. Hai ông cháu cứ giữ yên như thế trong cả phút. Chợt ông dịu dàng hôn lên trán tôi.

Vài phút sau, ông bảo, “Nào, chúng ta làm việc tới đâu rồi? À. Đưa cho ông cái đồ lọc kia đi cháu.”

Tôi đưa đồ lọc cho ông rồi hai ông cháu tiếp tục làm việc trong im lặng.

TÔI NGHĨ ĐẾN NHỮNG NGƯỜI CỰU CHIẾN BINH GIÀ run rẩy thường ngồi ở vỉa hè trước chiếc máy tời bông, họ khạc nhổ thuốc lá và làm phiền người khác bằng những câu chuyện cũ rích kể đi kể lại suốt hàng thập kỉ. Cháu chắt của họ chẳng còn màng nghe tới nữa. Những người như vậy tôi thường gặp hằng ngày.

Mấy con nhậy gây bệnh đủ kích thước cứ bay vào chúng tôi trước khi lao mình vào mấy chiếc đèn dầu hết lần này đến lần khác. Một con đầy lông lá vướng vào tóc mái làm tôi nhột không chịu được. Tôi gỡ nó ra, kéo tấm bạt lên rồi quăng nó ra ngoài màn đêm. Nó lập tức nhanh chóng bay ngược vào mặt tôi như thể vừa bị cuốn vào một cơn gió lớn. Tôi chỉ biết thở dài. Tôi chắc chắn học được một thứ: không thể thắng được lớp Insecta, thuộc bộ Lepidoptera.

Hai ông cháu tôi phải nghiên cứu về nó thôi.

CHƯƠNG 4

CÔ VIOLA

Chúng ta có thể kết luận rằng... mọi thay đổi về tỷ lệ của một bộ phận dân cư nào đó, không kể đến sự thay đổi thời tiết, sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến những cư dân khác.

NẾU CHỊU KHÓ ĐỂ Ý HƠN thì tôi đã nhận ra được ánh mắt bất thường của cô Viola mỗi lần nhìn thấy tôi thập thò từ cửa sau chuồng tới phòng thí nghiệm của ông nội. Cô Viola đã ở với gia đình chúng tôi từ lâu lắm rồi - trước khi anh Harry chào đời nữa cơ - cô thường rung chuông ở cửa sau để báo hiệu những người đàn ông từ đồng áng về ăn tối và khua chiếc chiêng đồng ở chân cầu thang mỗi khi bọn tôi lên lầu về phòng (việc này mẹ thấy có vẻ làm cho nhà tôi ra dáng thượng lưu hơn). Mẹ còn muốn cô Viola đánh chiêng để ra hiệu cả ở bên ngoài nữa, nhưng anh em bọn tôi luôn túa đi khắp nơi từ xưởng tủa hột bông cho đến bờ sông nên sẽ chẳng thể nào nghe được tín hiệu này. Và bọn tôi cần phải ăn tối đúng giờ, tắm rửa, đánh răng và những việc khác nữa nên phải dùng tín hiệu rõ ràng hơn để kêu cả bọn về.

Tôi chưa bao giờ để ý đến việc cô Viola từ đâu tới, chỉ đơn giản là cô đã tồn tại trong gia đình tôi, suốt ngày nhào bột, gọt táo, chuẩn bị hàng đông thịt nướng vào mùa đông và rán cả núi thịt gà vào mùa hè. Không ai, kể cả mẹ, dám xâm phạm lãnh địa trong bếp của cô cả. Ở giữa mỗi bữa ăn, sẽ thấy cô ra xem xét đàn gà mái, mấy con lợn thiến hoặc luống rau để lên thực đơn cho những bữa tối, hoặc là ngồi ở bàn bếp chống tay cạnh chiếc cốc cà phê bị mẻ, nghỉ ngơi trước khi chuẩn bị cho bữa ăn khổng lồ tiếp theo.

Chắc cô khoảng bốn mươi mấy tuổi rồi. Cô khá đẹp, dẻo dai, luôn mặc áo làm bếp và đeo chiếc tạp dề dài, tóc quăn gọn gàng bằng khăn trùm đầu. Trông cô mảnh khảnh nhưng ai cũng sẽ phải ngạc nhiên về sức mạnh của cô khi cô nắm lấy cổ tay họ để buộc người đó phải chú ý. Cô sống một mình trong căn chòi từng dành cho nô lệ đằng sau phòng thí nghiệm của ông nội; trước kia chỗ này chen chúc hơn cả chục người nên bây giờ một mình cô sống ở đây cũng khá thoải mái. Ở một vài nơi, trên nền đất cũng được lót ván gỗ mỏng. Cô có bếp lò vào mùa đông, bồn rửa mặt mạ kẽm và cả máy bơm riêng nữa.

Da của cô Viola đen cỡ da tôi sau khi phơi nắng cả mùa hè mặc dù cô suốt này tránh nắng, còn tôi thì chả kiêng cử gì cả. Cô chỉ mang một phần tư dòng máu Da đen thôi nhưng nhìn cô cứ như da đen thuần vậy. Tôi đoán là cô có thể “vượt biên” sang Austin, nhưng điều đó cực kỳ mạo hiểm. Nếu kẻ vượt biên bị lật tẩy thì sẽ bị đánh đập, bị bỏ tù hoặc còn hơn thế nữa. Một phụ nữ có tổ tiên là người có một phần tám dòng máu Da đen ở Bastrop từng vượt biên và lấy một người nông dân Da trắng. Ba năm sau ông ta phát hiện ra giấy khai sinh của vợ trong rương và dùng cây cào cỏ đâm bà đến chết. Rốt cuộc ông ta chỉ bị nhốt mười tháng trong nhà tù của hạt.

Quan hệ giữa cô Viola và mẹ khá tốt đẹp, và tôi chưa bao giờ thấy giữa họ xảy ra mâu thuẫn gì lớn cả. Tôi nghĩ mẹ thật sự biết ơn cô về ba bữa ăn mỗi ngày cho cả lũ con cháu đói và thiếu sự phục vụ của cô thì gia đình này sẽ chẳng khác nào con tàu bị mất lái. Tấm cửa chớp giữa nhà bếp và phòng khách luôn để mở trừ khi có khách. Mỗi khi đi ngang qua, ai cũng có thể đoán được tiến trình của bữa ăn tiếp theo - và cả tâm trạng của cô Viola nữa - qua mức độ tiếng khua của nồi niêu xoong chảo.

Đôi lúc hai người cùng ngồi trong bếp thảo luận về những bữa ăn và kiểm kê lại chi tiêu của gia đình. Mẹ luôn đảm bảo cung cấp cho cô Viola quần áo cotton mới vào mùa hè, đồ ấm vào mùa đông, và luôn trả đủ tiền công hàng tuần. Mẹ còn cho cô mượn những ấn bản cũ của *Tập San Bà Nội Trợ*, mặc dù cô không biết chữ nhưng vẫn thích lướt qua và trầm trồ trước những mẫu thời trang tuyệt đẹp mới nhất của Paris. Đến sinh nhật, cô Viola nhận được một đồng bạc và tới Noel thì được một bao thuốc lá bột. Cô Viola không hay hút thuốc nhưng trước khi làm món bánh chanh tuyệt vời của mình thì cô phải rít một hơi thật dài. Sau mười phút khổ sở chiến đấu với việc dùng muỗng gỗ đánh sữa trứng chanh, cô luôn mệt mỏi thở không ra hơi. Mỗi khi tôi thấy cô rít thuốc lá cô đều đe, “Này cháu gái, đây là thói quen xấu. Cháu mà dám thử thì cô sẽ lột da cháu đấy, nghe không!” Cô chỉ đe dọa tôi vào lúc đó mà thôi, còn những khi khác thì quan hệ giữa chúng tôi khá tốt, nhưng không tốt bằng mối quan hệ giữa cô với Harry. Harry luôn được cô cưng hơn cả, có lẽ tại anh ấy quá đẹp trai và quyến rũ.

Ngoài ra, Idabelle - nàng Mèo Nhà là con thú yêu nhất của cô, nó có nhiệm vụ rảo quanh nhà bếp, kho chứa đồ ăn, và cả phòng giặt ủi, giữ cho chuột không xâm phạm đến thùng chứa bột mì. Thật lạ vì cô Viola lại quan tâm đến nó như vậy trong khi cô ít khi nào khoan dung cho mấy con Mèo Sân Vườn, đôi lúc còn dùng chổi quét bay hết chúng nó ra khỏi hiên sau nhà ấy chứ. Idabelle là một con mèo mướp mập mạp chính hiệu, giỏi bắt chuột. Mặc dù sở hữu một chiếc giỏ kế lò nướng làm chỗ trú thân nhưng nó vẫn hay lảng vảng lên lầu, yên vị trên gối rồi cuộn tròn người, nhìn chẳng khác nào một chiếc mũ lông đang rừ rừ quanh đầu người nằm. Vào mùa đông thì thật tuyệt vời, nhưng mùa hè thì chẳng thể nào chịu nổi hành động này của nó. Vì vậy, vào mùa hè, nó thường hay bị quăng ra cửa trong tiếng gầm gừ khoái chí của mấy chú Mèo Sân Vườn.

Mấy con Chó Sân Vườn thì thường nằm ườn trước hiên nhà hoặc bị nhốt vào cạnh chuồng gia súc tùy theo chúng có gây phiền hà hay không. Chú chó đầu đàn Ajax luôn vui vẻ chấp nhận số phận nhàm chán của mình, thì nằm lim dim trước hiên chờ ngày dài trôi qua, thỉnh thoảng tạm ngừng mơ mộng ngoài đầu nhăm nháp mấy con bọ chết trên mình rồi lại quăng người xuống trong tiếng thở dài đầy thỏa mãn. Tôi nghĩ nó đang mơ về những chú vịt và bồ câu, chờ mùa săn bắn tới để nó có thể hoạt động hết mình trong một vài tuần giống như... một chú chó thực thụ.

Ajax còn một lý do nữa để vui vẻ với số phận của nó. Trong các con chó, nó là con Chó Nhà duy nhất. Những con khác như Homer, Hero, và Zeus chỉ là Chó Sân Vườn. Cả bọn đều biết điều này nhưng mỗi lần cửa mở, chúng đều tỏ ra ngoan hiền tụ tập đằng trước mặc dù sự thật vẫn là sự thật, chúng không bao giờ được cho vào nhà. Tôi rất thích đặc tính tốt này của loài chó: Mặc dù cả đời bị từ chối không cho vào nhà, nhưng niềm hi vọng không bao giờ lụi tắt trong tim chúng.

Chẳng có gì lạ khi lũ Chó Sân Vườn nghĩ Ajax được nuông chiều, vuốt ve trên đùi chủ nhân sau khi được bước qua cánh cửa thần kì đó. Nhưng bọn chúng đâu biết rằng chỉ những khi Ajax sạch sẽ, khô ráo và không còn bọ chết thì mới được vào nhà, song cũng chỉ được lảng vảng ở trong góc sảnh lớn chứ không được vào phòng khách hay lên lầu. Dầu sao, địa vị trong xã hội của nó cũng được chúng tỏ và nó được quyền lên mặt với mấy con chó khác. Lũ chó rất hiền và hòa nhã (nếu không thì đừng hòng bố giữ chúng ở lại), và mấy em trai của tôi được phép chơi đùa với chúng, miễn là đừng kéo tai chúng quá mạnh. Mỗi khi bị đối xử như vậy, mấy con chó rụt rè rút lui rồi trốn xuống dưới hiên nhà. Đôi lúc bọn chúng cũng sục sạo trước cửa phòng thí nghiệm; và mặc dù ông nội cũng lấy làm thích thú nhưng chẳng

bao giờ cho phép chúng bước vào. Suy đi nghĩ lại, ông còn chẳng cho người nào ngoài tôi vào trong đây nữa cơ mà.

CHƯƠNG 5

NHỮNG SẢN PHẨM CHƯNG CẤT

Chúng ta đều thấy rằng con người được tuyển lọc sẽ cho ra những kết quả mỹ mãn và có thể thích nghi với những sinh vật hữu cơ khác... Nhưng Chọn Lọc Tự Nhiên... là một sức mạnh luôn sẵn sàng hành động bất cứ lúc nào, và sức mạnh đó hoàn toàn vượt quá khả năng kiểm soát của con người, vì vậy, mỗi tác phẩm của Tự Nhiên đều là một tác phẩm nghệ thuật.

MỘT ĐÊM NỌ TÔI VÀO PHÒNG THÍ NGHIỆM VỚI ÔNG NỘI, thấy ông dường như vừa có đột phá gì đó trong việc chưng cất rượu. Ông giơ chiếc lọ nhỏ lên ánh đèn rồi nhìn nó đầy vẻ suy tư.

“Calpurnia,” ông bảo, “ông nghĩ chúng ta vừa có được một thứ gần uống được rồi đấy. Ông không nói nó ngon, đừng có hiểu lầm, nhưng không đến nỗi kinh tởm như mấy cái khác.” - đoạn ông quơ tay về mấy hàng lọ nhỏ đóng nắp trên kệ - “theo ông thấy bây giờ thì đám đó chỉ xứng đáng đem chà boong tàu hôi thối mà thôi. Quả thật là cái này cũng chưa ra gì lắm nhưng...”

“Tại sao nó tốt hơn mấy cái khác ạ?” tôi hỏi.

“Ông lọc mẻ chưng cất thứ tư qua hỗn hợp của than chì, vỏ trứng, vỏ hồ đào và bã cà phê. Để ông thử ủ nó trong gỗ sồi một thời gian xem sao.”

Từ đó đến nay, chưa có mẫu chưng cất nào đủ tiêu chuẩn để được cất giữ và bảo quản như vậy cả, nên đây có vẻ là một bước

tiến lớn lao. Ông đổ mẻ chung cất đó vào trong chiếc thùng gỗ sồi mini kích thước cỡ ổ bánh mì.

“À quên nữa,” ông quay lại nhìn tôi rồi thốt lên, “ông chưa cho cháu nếm thử. Cháu có muốn nhấp một chút rồi cho ông biết ý kiến không?”

Nói rồi ông đưa cho tôi chừng một hớp rượu. Tôi cẩn trọng ngửi ngửi nó. Chủ yếu là mùi hồ đào nên tôi cũng an tâm phần nào, còn lại thì thoang thoảng mùi dầu hỏa làm tôi hơi ngại. Chắc là ông đã quên mất rằng tôi chỉ sắp tròn mười hai tuổi mà thôi.

Ông bảo, “muốn cho dễ uống thì cháu chỉ việc bịt mũi lại rồi nuốt đại là xong.”

Tôi bóp mũi lại rồi nuốt chửng hỗn hợp ấy qua cổ họng.

Bây giờ để tôi nói cho bạn nghe vì sao người ta lại gọi nó là “*nước lửa*”. Nó đốt cháy cổ họng tôi làm bùng nổ một tràng ho tộ hại nhất trên thế giới. Cả thân người tôi dường như đang bốc cháy. Tôi ho dữ dội quá nên chẳng biết mình có ngã lăn ra đất hay không nữa. Tôi chỉ nhớ rằng ông nội bế tôi ngồi lên thành ghế rồi vỗ vào lưng đến khi tôi có thể hô hấp bình thường trở lại. Ông kinh hãi nhìn tôi chuyển từ ho sang thối phù phù rồi đến những cú nấc cục mạnh đầy đau đớn.

Ông nhìn tôi dò xét. “Cháu có sao không? Hình như cháu chưa biết uống rượu phải không. Cầm lấy,” ông nói rồi lấy trong túi áo khoác ra chiếc kẹo bạc hà, “cái này sẽ làm cháu đỡ hơn đấy.”

Tôi vừa gật đầu vừa nấc cục và nhai ngấu nghiến miếng kẹo bạc hà, nước mắt nước mũi ràn rụa không kiểm soát nổi.

“Ôi cháu tôi,” ông thốt lên. Ông lôi trong túi ra chiếc khăn tay màu trắng to dùng rồi đưa lên mũi tôi. “Hỉ mũi đi nào.” Tôi hít thật mạnh và cảm thấy đỡ hơn phần nào. Ông lấy bình nước dùng làm nước chữa lửa sau mỗi lần thử nghiệm máy mẫu chưng cất và rót cho tôi một cốc.

“Ổn rồi, ổn rồi.” Ông vỗ về lưng tôi.

“Nào,” ông bảo, “ông phải ghi chép lại kết quả quan sát. Còn cháu, phụ tá của ông, cũng ghi một ít về ngày đáng mừng này đi chứ.”

Ông kéo đèn dầu lại gần rồi viết vào cuốn sổ dùng làm sổ kế toán, ngòi bút của ông sột soạt trên trang giấy. Trong đó chỉ chít thông tin về những lần thử nghiệm thất bại. Rồi ông đưa bút cho tôi. “Rồi, viết ngày tháng và những gì cháu quan sát được vào cột này, sau đó kí tên bên dưới.”

Trong lớp luyện chữ, tôi chỉ vừa được phép dùng viết mực thay vì viết chì. Tôi sợ làm lem mực ra giấy nhưng rồi tôi cũng viết được về cú sốc vừa rồi của mình:

Mẻ rượu 437: 21 tháng 7 năm 1899. Rượu rất ngon.

Calpurnia Virginia Tate.

Ông nhìn dòng nhận xét của tôi. Tôi lại nắc cụt.

“Calpurnia,” ông nhìn tôi và bảo, “làm nhà khoa học, cháu phải nói thật về quan sát của mình.”

Rồi ông đưa lại cây viết cho tôi. Tôi viết tiếp:

Có thể gây ho.

Tôi thừa nhận rằng giây phút đó chẳng hay ho chút nào cả. Nói thật, tôi xem đi đời rồi đó chứ, nhưng tôi không thể viết như vậy được. Ông xoay cuốn sổ lại, nhìn qua rồi mỉm cười.

“Tất nhiên,” ông nói, “lỗi tại ông cả. Ông nghĩ hai ông cháu mình không nên nói cho Margaret hay Alfred về việc này. Đáng tiếc là họ chẳng hiểu gì về nguyên lý của yêu cầu khoa học hay những sự hi sinh mà một người phải sẵn sàng bỏ ra như thế nào cả.”

Tôi trở mắt nhìn ông nghĩ ngợi, *Nói cho bố mẹ cháu biết? Ông điên rồi à? Như thế chắc cháu phải uống cả thùng luôn quá.*

Ngay lúc này tôi nghe cô Viola rung chuông, tới giờ tắm rửa để ăn tối. Tôi thấy đầu mình quay mòng mòng. Tôi nấc cục lần nữa và hai ông cháu lại nhìn nhau.

“Này,” ông bảo. “Ăn thêm viên kẹo bạc hà nữa cho chắc ăn.”

Hai ông cháu vào nhà, tôi nhanh chóng rửa tay và thay áo khoác mới, tránh không cho ai để ý. Tất cả mọi người tụ tập tại phòng ăn. Bố kéo ghế cho mẹ ngồi rồi mọi người cùng ngồi vào bàn. Chị SanJuanna bước vào đứng đợi bên cạnh tủ búp phê để phục vụ. Bố bắt đầu cầu nguyện và mọi người cùng cúi đầu.

“Ơn Chúa, chúng con xin cảm ơn về...”

Hic.

Tôi nấc cục thật khế, chẳng có ai để ý ngoài mấy đứa em đáng ghét. Travis và Lamar bắt đầu chộn rộn, còn Jim Bowie thì lén nhìn tôi qua kẽ tay. Mẹ trừng mắt nhìn làm chúng lảng lại.

“...về những mùa bội thu và cho bữa ăn này, đã...”

Hic.

Mấy anh em lại xôn xao.

“Calpurnia. Mấy đứa. Im lặng đi,” mẹ suýt bộp tôi.

“Con xin lỗi mẹ,” tôi lí nhí. Tôi biết mình lại sắp nấc cục lần nữa và tôi không thể kiềm chế được, nhưng dù vậy tôi vẫn cố nín thở, cố gắng chịu đựng.

“...đã nuôi sống chúng con bằng lòng tốt của Đức Chúa...”

Tôi lại nấc cục, lần này rõ to.

HIC.

Ôi, mấy anh em nhốn nháo cả lên. Ông nội thì chăm chú đưa mắt lên trần nhà.

“...ôi Chúa ơi, chuyện gì thế này!” bố bối rối thốt lên.

Mẹ quăng chiếc khăn ăn lên bàn rồi hét lên “Đủ rồi nhé! Con bị mắc chứng gì vậy? Bộ con lớn lên trong chuồng bò à? Đi về phòng ngay. Mấy đứa còn lại tự biết thân biết phận lấy nhé, không thì sẽ bị phạt lên lầu như nó. Mẹ chưa từng thấy hành động nào kinh tởm như vậy trong lúc đọc kinh trước giờ cơm. Trước giờ ngay cả trong gia đình này cũng chưa từng có!”

Tôi rất muốn giải thích rằng tôi chẳng thể nào kiềm chế được chứ không phải do cố ý, nhưng làm vậy đồng nghĩa với việc lật tẩy bí mật của ông nội và tôi, và tôi sẽ vỡ tim hoặc giày vò trong khốn khổ trước khi nói ra được sự thật. Lúc tôi đứng dậy rời khỏi bàn ăn thì ông nội đang vờ dòm chiếc đèn treo trên trần nhà, ngón tay trở thì miết miết bộ ria.

Khi tôi đi ngang qua mẹ, bà hỏi, “Mùi gì thế nhỉ?”

“Bạc hà ạ,” tôi lăm bằm rồi tiếp tục cất bước. Tôi thấy hưng phấn và đột nhiên muốn chớp mắt một lúc. Trong lúc lê bước lên cầu thang, tôi nghe bố đang bắt đầu cầu nguyện lại từ đầu. Chả buồn suy nghĩ, tôi nhốt mình vào phòng rồi leo lên chiếc giường bằng đồng cao nghêu của mình.

Tôi ngủ thiếp đi, một lúc sau tôi ngáy một tiếng thật to và tự choàng dậy. Mặt trời đã lặn, tôi nghe tiếng mấy anh em rục rịch chuẩn bị đi ngủ, vậy là đang khoảng 8 giờ tối. Đồng lửa trong ruột tôi đã phần nào dịu đi. Tôi ngồi dậy và chợt thấy bụng đói cồn cào. Còn 1 tiếng nữa mới tới giờ ngủ, liệu tôi có thể lén đến tủ đựng thức ăn mà không bị mẹ phát hiện không nhỉ? Thật là khó quá!

Chợt cửa mở ra, tiếng tách nhẹ vang lên làm gián đoạn kế hoạch của tôi. Là mẹ lên mắng mỗ hay Harry đến cứu tôi đây? Nhưng cả hai đều không phải. Người mở cửa là Travis, đứa em trai 10 tuổi của tôi, nó đang ôm trong tay lứa mèo mới đẻ được đặt tên theo mấy tên cướp có súng tiếng tăm lưng lầy, mấy lứa cũ thì được đặt theo mấy tên khác ít tên tuổi hơn. “Nhìn này chị,” nó thì thầm rồi dúi một con vào tay tôi, “em cho chị mượn Jesse James này. Em thích nó nhất đấy nhé. Nó sẽ làm cho chị bớt buồn.” Rồi nó chạy ào xuống nhà như không muốn bị bắt quả tang vì vừa nói chuyện xong với một tên tù nhân mới bị quy án.

Dù sao thì Jess James cũng làm tôi nguôi ngoai phần nào. Tôi ôm nó lên giường, nó gừ gừ bên má tôi rồi khều khều vai tôi. Lúc tôi vừa lơ mơ vào giấc ngủ thì lại có tiếng gõ cửa. Lần này là ông nội, có vẻ khá nghiêm trang. Ông đứng ngay ngưỡng cửa, trong tay là hai quyển sách dày cộp.

“Vài thứ cho cháu đọc trong thời gian bị lưu đày này,” ông bảo.

“Cảm ơn ông,” tôi đáp rồi đóng cửa lại, còn ông thì cầm cúi về phòng. Tại sao giờ này ông lại đem sách đến cho tôi nhỉ? Tôi đang đói rã ruột, làm gì có tâm trạng để đọc sách cơ chứ, mặc dù cuốn thứ nhất có tựa *Những kì vọng tuyệt vời* khá hấp dẫn. Còn cuốn thứ hai có tựa *Cơ bản về kinh tế ruộng đất miền Nam* thì không hay ho chút nào cả. Nhưng nó lại là lạ, không giống sách cho lắm. Cuối cùng, tôi khám phá ra nó là một chiếc hộp gỗ được khéo léo chạm khắc, nhìn như một quyển sách được bọc da. Lạ nhỉ! Tôi nghịch ngợm một lúc thì tìm thấy chỗ mở, bên trong là chiếc bánh sandwich bò gói trong miếng giấy sáp. Tôi lấy miếng sandwich ra, ôm quyển sách *Những kì vọng tuyệt vời* rồi nhảy lên giường trong tâm trạng phấn khích tột độ. À á a. Chăn êm nệm ấm, sách, mèo con, sandwich, cuộc sống này còn đòi hỏi gì hơn nữa chứ.

Nửa tiếng sau, bố gõ cửa, thì thào, “Callie ơi?” Tôi muốn được yên tĩnh một mình nên kéo chăn trùm kín hết tất cả lại kể cả Jesse James làm nó meo meo phản đối. Rồi tôi quay mặt vào tường giả vờ ngủ. Bố vào phòng, đứng một lúc rồi bỏ đi, không quên thối tắt đèn dầu. Việc này làm tôi bức chết đi được vì đâu được trử diêm quẹt trong phòng, nên bây giờ chả còn cách nào khác là phải đi ngủ thôi. Ngoài ra, ngày mai lại đến tiết học đàn dương cầm, tốt nhất là nên nghỉ ngơi và tập trong trạng thái tốt nhất để không làm phật lòng cô Brown.

Tôi nằm ngẫm nghĩ lại mọi việc vừa xảy ra trong ngày hôm đó. Cổ họng tôi vẫn khô rát nhưng lòng ngập tràn vui sướng vì trong mấy anh em, tôi nghĩ rằng mình là người đầu tiên được uống rượu. Sau này, tôi phát hiện ra thuốc bổ của mẹ với cái tên Hợp chất Thực vật cho Phụ nữ của Lydia Pinkham chứa gần 20% độ cồn.

CHƯƠNG 6

TIẾT HỌC DƯƠNG CẦM

Thật khó để luôn phải nhớ rằng sự tăng trưởng của những vật thể sống luôn bị kìm hãm bởi những vật thể vô định hung hiểm khác...

RỒI MÙA HẠ TIẾP TỤC TRÔI ĐI, cho tôi tận hưởng sự mát mẻ của dòng sông và không gian mờ tối trong phòng thí nghiệm của ông nội. Nội dung trong quyển Sổ Tay của tôi tiến triển rất tốt, ngày càng chứa đầy những Câu Hỏi và thỉnh thoảng chen vào vài Đáp Án, cùng những hình vẽ nguệch ngoạc của vài loài thực vật và động vật. Mặc dù hấp lực của biết bao nhiêu hoạt động mới nhưng tôi vẫn không được phép bỏ tiết học dương cầm.

Cô Brown, cô giáo dạy đàn dương cầm của bọn tôi, dáng người gầy gò như que củi khô nhưng mỗi khi không thấy ai để ý, cô vẫn đủ sức ra đòn chí mạng bằng cây thước trong tay. Đôi lúc cô quát vào cùi chỏ tôi mạnh đến nỗi hai tay tôi đập xuống phím đàn làm vang lên những hợp âm chói tai ngay giữa bản nhạc. Chẳng biết nếu mẹ ngồi may vá ở phòng bên thì có khi nào bà thắc mắc về những tiếng động ghê sợ này hay không nữa. Nhưng vì một lý do nào đó, tôi chưa bao giờ mách với mẹ về đòn roi của cô Brown. Tại sao lại không nhỉ? Có lẽ sâu trong lòng tôi, có một nỗi xấu hổ nào đó không giải thích được đã cho phép những hành vi giáo dục mang đầy tính xúc phạm này diễn ra. Và sự thật là không phải cô Brown ra tay một cách vô lý. Cô chỉ tức giận ra đòn mỗi khi tôi lỡ đánh sai bài nhạc mà tôi đã tập nhuần nhuyễn trong suốt tuần. (Nhưng dĩ nhiên, đòn roi cũng chẳng cải thiện được điều gì cả.) Song tôi đúng là một con chết

nhất ngoại hạng, chỉ biết nuốt cảm hờn vào lòng, chẳng bao giờ dám thổ lộ với ai. Mà vì sao chỉ có tôi và Harry phải chịu đựng tiết học văn hóa khốn khổ này mỗi tuần nhỉ? Còn mấy đứa kia thì lúc nào cũng được tung tăng.

Tôi hay chơi nhạc của Stephen Foster cho bố, Vivaldi cho ông, mà ông cũng thích Mozart nữa. Ông thường ngồi ở phòng khách, lúc thì đọc sách, lúc thì nhắm mắt thưởng thức tiếng đàn của tôi. Mẹ thì thích Chopin. Còn cô Brown chỉ để ý đến việc tôi có đánh đúng thang âm hay không mà thôi.

Về sau tôi học những bản nhạc của Scott Joplin cho chính mình. Mẹ nghe xong chỉ nhăn mặt lắc đầu ngao ngán, nhưng tôi mặc kệ. Đó là những bản nhạc hay nhất mà anh em tôi từng được nghe, với những âm giai réo rắt và những nhịp ngắt sôi động, bắt buộc người nghe phải đứng dậy nhảy múa theo. Mấy anh em đều bắt đầu chạy nhảy mỗi khi tôi tấu lên khúc dạo đầu của “Khúc nhạc chiếc lá cây gỗ thích”. Chúng lắc lư điên cuồng đến nỗi mẹ cứ lo cuống lên cho mấy bức tranh treo tường. Sau này nhà tôi sắm thêm chiếc máy hát và tôi cũng được nhảy nhót cùng. Mấy đứa em rất mong được bật máy quay đĩa và luôn năn nỉ được thay đĩa, nhưng luôn phải canh chừng - chúng là những “sát thủ” lập dị mà.

Bản nhạc Jim Bowie thích nhất là “Mèo con trên phím đàn”. Nó là một trong số mấy con mèo lên phím đàn rồi dùng miếng thịt nguội để dụ nó đi tới đi lui trên đó. J.B. nghĩ đó là một trò đùa thú vị. Chắc khi 5 tuổi bạn sẽ nghĩ như vậy thật. Không nhìn cũng đoán được là mẹ tức giận đến mức nào khi chúng kiến cảnh đó (và tôi cũng vậy mặc dù chưa tỏ ra bực bội bao giờ), nhưng điều này lại càng làm cho J.B. khoái chí hơn. Mỗi lần như vậy mẹ lại phải tự làm dịu mình bằng vài muỗng Lydia Pinkham. Có lần Sul Ross hỏi mẹ rằng khi tôi lớn lên thành phụ

nữ thì tôi có được uống Lydia Pinkham, bà trả lời một cách bí ẩn, “Mẹ mong rằng Callie sẽ không phải cần đến nó.”

Cô Viola thường đứng trong bếp hát bè với tôi bài “Khó khăn không trở lại,” nhưng cô lại từ chối nghe nhạc của Scott Joplin.

“Thứ nhạc vợ vẫn,” cô khụt khịt phán làm tôi thấy lúng túng.

ĐÃ ĐẾN THỜI ĐIỂM CÔ BROWN phải giới thiệu học trò của mình trong buổi diễn tấu được tổ chức thường niên tại Tiền sảnh của Liên Hiệp Anh Hùng ở Lockhart. Lần đầu tiên, cô Brown cảm thấy rằng tôi đủ tiêu chuẩn để được tham gia vào sự kiện này. Sự thật chắc phải năm sau tôi mới dám đề nghị với cô về điều đó. Harry đã biểu diễn 6 năm liên tiếp và bảo tôi rằng nó dễ như bỡn. Chỉ cần tránh ánh đèn trước sân khấu vì nó có thể làm tôi chói mắt và mất bình tĩnh. Còn một việc nữa là tôi phải học thuộc lòng một bản nhạc. Cô Brown cho tôi tập bản “Điệu nhảy Ê-Cốt cung Sol trưởng” của Beethoven, và thật lạ lùng, hợp âm của nó hoàn toàn không giống với nhạc của Joplin. Ôi, còn tiếng vụt của cây thước càng làm vấn đề thêm trầm trọng. “Cổ tay hạ thấp xuống! Các ngón đưa lên! Nhịp, nhịp, nhịp!” *Crắc*. Tôi học thuộc bản nhạc trong thời gian kỉ lục, chẳng mấy chốc nó đã theo tôi vào tận trong giấc ngủ. Và không một lời nào lý giải được, tôi bắt đầu thấy ghét nó. Lula Gates, bạn thân của tôi, phải học một bài dài gấp đôi, nhưng nhỏ ấy lại chơi hay hơn tôi cả 10 lần.

Cho dịp trọng đại này, mẹ may cho tôi một chiếc đầm thêu đăng-ten màu trắng với nhiều lớp vải lót thô cứng, ngứa ngáy. Vẫn chưa phải đeo nịt ngực nhưng mặc nó cũng tương đương với cực hình rồi. Tôi ca cẩm về chiều dài của chiếc váy rồi ngồi gãi chân điên cuồng. Tôi còn được cho một đôi ủng nhỏ màu kem nhạt. Mất bao nhiêu thì giờ để cài được cái móc nhưng một

khi mang vào thì trông rất đẹp, và tôi chỉ giữ sự thích thú đó trong lòng mình mà thôi.

Cô Brown chỉ cho tôi cách chào khán giả, hai tay nắm váy xòe ra rồi khẽ nhún đầu gối xuống một chút.

“Không được,” cô quát, “đừng có nắm váy như một con nhà quê như thế. Hãy nghĩ rằng mình đang xòe cánh ra như một thiên thần ấy. Thế này này. Rồi, nhún người xuống đi. Chậm thôi! Đừng có tụt hết cả người xuống thế chứ, con bé này - cháu đâu phải đứng trên tảng đá đâu.” Rồi cứ thế cô bắt tôi tập dượt lại thật nhiều lần đến khi vừa ý mới thôi.

Kế tiếp đến việc Tạo Dáng Cho Tóc. Rốt cuộc mẹ cũng nhận ra rằng tóc tôi không đủ dài như trước, nhưng tôi vội giải thích rằng nó bị rối tung lên suốt mùa hè vì bị mấy quả hạt gai bám vào làm tôi phải cắt đi một ít để bỏ đi cái đồng rối bời như tổ chuột ấy. Mẹ nghe câu chuyện với ánh mắt đầy nghi ngờ nhưng cũng chẳng hỏi han gì thêm. Mẹ liền kêu cô Viola tới giúp, rồi họ cùng nhau chải, xoắn tóc đủ kiểu, thảo luận rôm rả với nhau suốt cả giờ liền cứ như tôi chẳng có mặt trong căn phòng này vậy. Tôi không ngờ rằng có thể mất ngần ấy thời gian cho việc làm tóc. Dĩ nhiên tôi chẳng dám phản kháng gì vì biết rằng đây cũng là hình phạt cho cái tội lén cắt tóc rồi nguy hiểm của tôi.

Sau đó họ đổ không tiếc tay dầu dưỡng tóc Peabody, đảm bảo tạo ra những mớ tóc óng ả, rồi phơi tôi ngoài nắng cả giờ đồng hồ với mớ dầu bôi trơn tóc nhờn nhờn kinh sợ như mùi lưu huỳnh trên đầu. *Thứ này, tôi thầm nghĩ, thứ này là cái mà những quý bà phải chịu đựng hay sao?*

Điều an ủi duy nhất là ông nội thấy được hoàn cảnh tội nghiệp của tôi nên đền bù bằng một cuốn sách, *Sự đối lập giữa hai cô nàng Flora và Fauna quyến rũ*. Hình bìa là một con chuột túi với

đứa con đang thò đầu ra từ chiếc túi trước bụng nó. (Câu Hỏi: Vì sao con người lại không có túi? Nó thật tiện lợi trong việc mang con nhỏ. Rồi tôi cố tưởng tượng J.B. nằm trong túi trước bụng mẹ. Đáp Án: Không thể nào nhét vừa nó dưới áo ngực của mẹ được.) Tôi ước ao được thấy một chú chuột túi ngoài đời. Và cả thú mỏ vịt nữa, một loài động vật có vú được kết hợp một cách kỳ quái giữa rái cá và vịt. Tôi cũng đã may mắn từng được thấy hà mã trong gành xiếc ở Austin, nên mơ ước được thấy hai con vật kia chắc cũng không quá lạ lùng. Tôi ngồi suy ngẫm về những cơ hội của mình và trong tim ngọn lửa khát khao âm thầm bùng cháy, và đầu tôi bốc mùi nồng nặc như một que diêm khổng lồ dưới ánh nắng mặt trời thiêu đốt.

Sau cùng, họ cho tôi ngồi vào bồn tắm rồi thay phiên nhau xối từng xô nước lên khắp người tôi. Đoạn họ vò đầu tôi cho thật sạch rồi buộc thành những lọn tóc quăn bằng mấy mảnh vải cotton, chúng chia ra xung quanh đầu tôi như một đồng băng bó góm ghieếc. Tôi nhìn chằm chằm khác gì một thương binh, khắp người tỏa mùi lưu huỳnh nồng nặc. Tưởng tượng thêm chút nữa thì tôi còn trông giống quỷ hiện hình trong loạt phim H-ll.

Tội nghiệp Jim Bowie, nó khóc thét lên khi trông thấy tôi làm tôi phải bế nó lên đùi đỡ dành, cố làm cho nó hiểu rằng tôi chẳng bị thương chỗ nào cả. Còn Sul Ross thì cứ gọi tôi là Mụ Già Golliwog (một loại thú nhồi bông da đen, tóc xù) đến khi tôi bắt được và ngồi lên mình nó thì thằng bé mới chịu thôi. Lamar thì chỉ khúc khích, đến Harry cũng phải phì cười. Nhưng thật ra, tôi cũng vui khi được làm tâm điểm chọc cười cho các anh em trai của mình.

Đêm đó tôi chẳng thể nào ngủ ngon với cái đồng giẻ lùng nhùng trên đầu, kết quả là sáng hôm sau tôi thức dậy trong bộ dạng xộc xệch, bơ phờ, mệt mỏi. Đã bỏ bao công sức nên mẹ không muốn

đầu tóc tôi không hoàn chỉnh trước khi tới Lockhart, và tôi lại tiếp tục chịu đựng sự xấu hổ khi phải mang thêm chiếc mũ xếp nếp khổng lồ trùm lên trên mớ giẻ dơ suốt quãng đường ngồi xe ngựa. Đầu tôi to đùng, trông tôi thật dị dạng; nhìn tôi lúc này giống ông anh mắc bệnh si khờ Toddy Gates của Lula Gates, trong não của anh ấy chứa đầy nước. (Câu Hỏi trong Sổ Tay: Nước trong não của Toddy từ đâu ra? Phải chăng cô Gates đã uống quá nhiều khi mang bầu anh ấy?) Tôi cầu nguyện rằng không đụng mặt người quen, để rồi sau đó tự cảm thấy tội lỗi khi làm phiền Chúa về chuyện phù phiếm này trong khi Ngài đang bận trăm công nghìn việc quan trọng khác. Phải thừa nhận rằng càng tới gần Lockhart tôi càng căng thẳng hơn, nhưng Harry cứ không ngừng bảo tôi mọi chuyện sẽ dễ dàng thôi chứ không việc gì phải lo lắng như thế.

Đến nơi, khi ngựa vừa dừng vó là tôi nhảy vọt xuống xe và chạy vòng ngay ra cửa sau trước khi tôi có thể tập hợp được một đám đông chú ý. Mẹ và cô Viola lục tục đuổi theo sau với chiếc giỏ chứa nào là ruy-băng, kẹp ngắn, kẹp dài. Họ cho tôi yên vị trên chiếc ghế đầu rồi bắt đầu tháo đồng giẻ trên đầu tôi ra. Xung quanh còn mấy đứa con gái khác cũng bị hành hạ như vậy nên tôi cũng cảm thấy an ủi phần nào. Cô Ogletree còn chải chuốt cho bé trai Georgie và khoác lên mình nó bộ vest xanh tím Little Lord Fauntleroy lịch lãm. Nó cứ nhún nhảy ra vẻ thích thú trên ghế, mấy lọn tóc vàng quăn nhìn như xúc xích đang đưa quanh cổ áo bằng vải lanh.

Lula run bần bật và giữ chặt chiếc thùng thiếc vào ngực cứ như sắp đổ bệnh đến nơi. Còn chị em sinh đôi giống như hai giọt nước Hazel và Hanna Dauncey thì mặt mày xanh như tàu lá, đầy u ám. Nhưng trông thấy ai cũng lo sợ như thế này lại phần nào làm tôi cảm thấy an tâm hơn.

Lúc này, cô Brown lướt vào trong bộ áo dài màu lục nhạt, trông không hợp với cô tí nào, vỗ tay tập hợp. “Xin quý phụ huynh và các em vui lòng chú ý!”

Sự im lặng đột ngột bao trùm. Không ai dám liếc ngang liếc dọc, không tiếng khúc khích, sột soạt, ngay cả nhóc Georgie hiểu động cũng im bật. Tôi chợt nhận ra rằng tất cả học sinh đều sợ cô Brown một phép chứ chẳng riêng gì tôi. *Tại sao như thế nhỉ, tôi thầm nghĩ, vậy là học trò nào cũng bị cô đánh, chắc chỉ trừ Harry ra thôi. Vậy là tôi không phải trường hợp cá biệt, thật lạ.*

“Trong vòng 10 phút các em sẽ xếp hàng từ nhỏ đến lớn,” cô Brown bảo, “rồi di chuyển trật tự theo cô vào thánh phòng - nhớ là phải đi ngay hàng thẳng lối nghe chưa. Sau đó các em sẽ ngồi vào hàng ghế sau sân khấu chờ đến lượt mình biểu diễn. Không được nói chuyện, nhúc nhích cửa quây và đặc biệt là không được đùn đẩy. Tất cả nghe rõ chưa?” Mọi người đều nín lặng gật đầu.

“Đừng quên cúi đầu hay khẽ nhún đầu gối chào sau khi trình diễn xong đấy nhé. Các vị phụ huynh lưu ý, 10 phút bắt đầu.” Sau đó cô quay lưng lướt ra ngoài, không quên hất đuôi váy bằng động tác quen thuộc. Mẹ và cô Viola lại bắt đầu lao vào tôi vò đầu bứt tai khản trương hơn lúc nào hết với lược và kẹp gài tóc. Cuối cùng, cả hai lùi lại chiêm ngưỡng tác phẩm của họ.

“Đấy, bây giờ con đẹp như tranh ấy, nhìn này, mẹ chẳng còn nhận ra con nữa.” Mẹ nói rồi đưa gương cho tôi soi.

Cả tôi cũng không còn nhận ra bản thân nữa khi trên đầu mình đang chên vênh một công trình tóc đồ sộ được trau chuốt kĩ lưỡng. Phần tóc mái dựng đứng lên như vách núi quá cao, rồi được cuộn vào một tổ hợp đầy kẹp trên đỉnh, tất cả đều chất trên một mớ tóc thắt bím; xung quanh là những lọn tóc quăn to đùng thả lỏng thông ngang lưng. Trên chóp chằm chệch một nơ

bướm bằng vải satin to vật vờ. Cả mẹ và cô Viola đều gật gù hài lòng. Họ chẳng màng hỏi cảm nghĩ của tôi, nếu không thì câu trả lời sẽ là... thật kinh khủng.

“Thấy đẹp không con?” mẹ hỏi.

Tay tôi bất giác đưa lên đầu.

“Đừng có động vào đấy,” cô Viola quát. “Động vào là chết đấy nhé.” Rồi cô dọn dẹp đồ đạc trong khi mẹ trò chuyện với cô Gates.

Tôi len lén dòm qua Lula rồi thì thầm, “Lula này, cậu ổn chứ?”

Lula nhìn tôi bằng đôi mắt to màu hạt dẻ rồi gật đầu nhưng không-thể-mở-lời. Tôi nhận thấy mình đang ghen tức vì Lula không bị tra tấn về đầu tóc; mái tóc vàng bạch kim nhợt nhạt của Lula được thắt thành hai chiếc bím gọn gàng sau lưng. Tôi cố pha trò để Lula bớt căng thẳng. Tôi hích nhẹ bạn ấy rồi thì thào, “Nhìn họ làm đầu tóc tó ra nông nổi này nè, tệ đến thế là cùng đúng không?” Nhưng môi của Lula cứ mím chặt lại, chỉ phản ứng bằng một hơi thở dài run rẩy qua mũi mà thôi. Lúc này tôi có cảm giác như bạn ấy quên mất phải nói tiếng mẹ đẻ như thế nào rồi thì phải.

“Lula này,” tôi bảo, “cậu sẽ ổn thôi mà. Cậu đã tập đoạn nhạc đó hàng triệu lần rồi, bây giờ thì hít thở sâu vào. Còn nếu không cảm thấy đỡ hơn thì đã có cái xô của cậu mà.”

Rồi tôi nhìn ra xung quanh, thấy Harry đang đứng trước gương, đầu vuốt sáp thơm mùi oải hương bóng nhẫy, tản mẩn chải đi chải lại mái tóc. Từ trước đến nay tôi không hề biết Harry lại quan tâm đến bề ngoài như vậy. Harry là học sinh lớn tuổi nhất

nên anh sẽ chơi cuối, nhưng anh ấy vẫn phải ngồi trên sân khấu chờ đợi tất cả bọn tôi.

Một lúc sau, cô Brown trở lại, các phụ huynh dẫn dò con cái lần cuối rồi hối hả ra ngoài. Lời thì thầm cuối cùng văng vẳng bên tai tôi của cô Viola: “Đừng có động vào đầu tóc nhé. Cô nói nghiêm túc đấy.” Bọn tôi im lặng xếp thành hàng dọc, không hó hé lời nào, chẳng cựa quậy, cũng chẳng đùn đẩy nhau. Từ cuối hàng, Harry nháy mắt khích lệ tôi. Còn trước mặt tôi, Lula run rẩy hết từ đầu đến chân, cả hai bím tóc của bạn ấy cũng lay bầy.

“Lula,” cô Brown nghiêm trang bảo, “em để cái xô đó xuống đi.” Lula chẳng nhúc nhích nổi. “Calpurnia, lấy cái xô khỏi tay bạn ấy đi.” Tôi vỗ vai Lula rồi bảo, “Lula, đưa cho tớ nào. Tới giờ rồi.” Bạn ấy nhìn tôi kháng cự trong im lặng. Cuối cùng tôi phải giật nó ra khỏi đôi tay ướt đầm của Lola.

Cô Brown mở cửa bên hông của thánh phòng, cả bọn diễu hành theo sau, tiếng bước chân vang vang như một cơn mưa nặng hạt trên mái tôn. Một tràng pháo tay chợt vang lên làm Lula giật mình chùn bước như chú nai vàng ngơ ngác. Lúc đó, tôi có cảm giác bạn ấy sẽ quay lưng bỏ chạy mất. Trong đầu tôi chớp nhoáng hiện ra những phép tính nhằm về những khả năng tôi bị khiển trách nếu chuyện đó xảy ra, nhưng thật may mắn, Lula đã giữ được bình tĩnh và tiếp tục cất bước.

Chợt tôi trông thấy cô Brown đang uy nghi bồng bênh bay lên từ phía đầu hàng. Tại sao nhỉ? Bằng cách nào vậy ta? Chuyện gì đang xảy ra thế này? Mất một giây sau tôi mới chợt nhớ ra rằng có mười mấy bậc thang trước sân khấu, và đơn giản là cô đang bước lên mà thôi.

Ôi những bậc thang! Tôi quên mất là trên đời này còn tồn tại những bậc thang, hàng trăm hàng ngàn bậc ấy chứ. Tôi vẫn

thường trông thấy chúng nhưng không để ý tới, và trong tâm nhãn của tôi thì không phải lúc nào chúng cũng hiện diện. Bỗng chân tôi lảo đảo, tôi cảm thấy nóng lạnh từng cơn. Lula lướt lên trước mặt tôi chẳng có vấn đề gì cả. Tôi sợ hãi bước theo và chẳng biết bằng cách nào đã lên tới nơi mà không bị té đập mặt. Rồi tôi dừng chân ngay khi thấy được ánh đèn đánh dấu mép của vực sâu khấu. Khi bọn tôi ngồi xuống ghế, tràng pháo tay chợt tan biến như một cơn giông vừa đi qua.

Cô Brown ra tận mép vực sâu khấu, khẽ nhún người chào khán giả. Cô bắt đầu bài diễn văn ngắn gọn về sự kiện trang trọng này, về nền văn hóa đã hội nhập vào tỉnh Caldwell, à, còn về những tâm hồn và những ngón tay trẻ trung đã truyền đạt lại tác phẩm của những nhà soạn nhạc lừng danh ra sao, và cô luôn muốn phụ huynh thấy được mình đã nhọc tâm đào tạo con em của họ biết trân trọng Sự Kỳ Diệu Của Cuộc Sống này như thế nào, trong khi tất cả chúng ta còn tồn tại trên bờ vực của vùng Wild Frontier này. Cô nhận được một tràng pháo tay nhiệt liệt rồi trở về chỗ ngồi. Bọn tôi bắt đầu bước ra biểu diễn từng người một, sự tự tin cứ bay đi đâu mất khỏi tâm hồn, còn nỗi sợ hãi cứ làm cơ thể như tê liệt.

Có cần tôi phải thuật lại cho bạn nghe về diễn biến buổi biểu diễn không? Thật là một sự đại bại. Có phải kể cho các bạn nghe rằng Georgie ngã ngửa khỏi ghế đàn không kịp đánh lấy một nốt nhạc, rồi bỏ chạy và nức nở trong vòng tay mẹ; Lula thì kết thúc phần biểu diễn một cách hoàn hảo nhưng bệnh nặng ngay sau đó; còn Hazel Dauncey trượt chân khỏi bàn đạp trước khi chơi tạo ra một tiếng *sprrrroiiiiinnnggg* inh ỏi khắp thính phòng; anh Harry thì chơi tốt nhưng chẳng hiểu vì lý do gì mà cứ nhìn về một nhóm khán giả; còn về phần tôi thì chơi như một cái đồng hồ lên dây cót với mấy ngón tay bằng gỗ và còn quên nhún mình chào làm cô Brown phải xùy hơi nhắc nhở?

TÔI KHÔNG NHỚ rõ lắm về những việc xảy ra hôm đó, hay nói đúng hơn là tôi cố gắng xóa nó ra khỏi kí ức của mình. Nhưng tôi nhớ rất rõ là trên đường trở về, tôi đã tự thề với lòng rằng sẽ không bao giờ tham gia thêm một lần nào nữa. Về nhà tôi lặp lại lời thề này cho bố mẹ nghe, và có vẻ lời nói của tôi có trọng lượng. Năm tiếp theo, cho dù mẹ có cố gắng đến mức nào thì tôi cũng từ chối, và cả Lula cũng vậy, bạn ấy may mắn lắm mới sống sót sau khi tham gia buổi biểu diễn đó.

CHƯƠNG 7

HARRY CÓ BẠN GÁI

Nhiều chủng loại trong cùng một loài... đôi khi lại có những đặc tính khác nhau... Thường có những bộ phận cực kì khác biệt nhau.

KHÔNG LÂU SAU BUỔI TRÌNH DIỄN DƯƠNG CẦM, hiểm họa lại xuất hiện và rình rập gia đình tôi.

Tôi lơ mơ nhận ra rằng một ngày nào đó Harry sẽ phải cưới vợ và có gia đình riêng, nhưng tôi đoán việc đó chắc phải vài chục năm sau nữa mới xảy ra. Nói cho cùng, Harry cũng đã có gia đình lớn này rồi cơ mà, đặc biệt là tôi, con thú cưng của anh ấy.

Vài ngày sau thất bại ở Lockhart, Harry bắt đầu biểu hiện lạ lùng. Anh cứ nhìn thơ thần vào không trung, nét mặt thì dờ dẩn dần dần đến nỗi nhìn là muốn tát cho vài bạt tai. Ai hỏi gì anh ấy cũng chẳng mảy may trả lời, hồn phách cứ bay đi đâu mất. Tôi chẳng hiểu chuyện gì đang xảy ra nhưng đây chắc chắn không phải anh trai Harry thông minh, yêu dấu của tôi. Đây chỉ là bản sao yếu đuối và nhát nhẽo của Harry mà thôi.

Tôi chặn Harry lại ở hiên nhà, “Harry à.”

“Gì đấy?”

“*Harry!* Chuyện gì xảy ra với anh vậy? Anh bị ốm hả? Anh có làm sao không?”

“Ừm,” Harry nhoẻn miệng cười đáp lại.

“Anh có sao không? Có cần đi bác sĩ không vậy?”

“Đừng lo cho anh. Anh không sao cả. Thật ra anh đang cảm thấy rất phấn chấn đó chứ,” Harry đáp.

“Vậy đó là chuyện gì?”

Harry cười bí hiểm rồi lôi trong túi ra một tấm danh thiếp loại mới có in chân dung. (theo lời mẹ thì nó là “Sự kịch cỡm cao cấp”).

Nhìn chân dung xem nào. Một phụ nữ trẻ (chắc hẳn không còn là thiếu nữ) với đôi mắt lồi to; chiếc miệng nhỏ mềm mại ướm át hợp thời trang; cằm cổ thon dài; cả một đồng tóc đưa ra trước nhìn như một đóa bồ công anh căng phồng trước khi bị gió cuốn phăng đi.

“Ôi thật là một nàng tiên,” anh thốt lên bằng giọng nói như bị ghen mà tôi chưa từng nghe thấy trước đây và thoáng nghe đã ghét ngay. Và tôi cũng ghét cô ta ngay tức khắc khi trông thấy một sự thật rõ ràng về ả: một mụ phù thủy độc ác, một ả đàn bà luôn cúi, một kẻ đói khát thịt tươi của những anh em trai yêu dấu. Chính xác là Một Kẻ Phá Hoại Hạnh Phúc Của Gia Đình Tôi. Và bóp nát hạnh phúc của chính tôi nữa. Tôi nhìn chăm chăm vào con quỷ hiện hình này.

“Nàng tiên ư?” đầu óc tôi quay cuồng. Harry đang dần dần bốc hơi trước mắt tôi, và tôi phải tìm cách ngăn chặn cuộc bắt cóc man rợ này mới được. Ý nghĩ của tôi phân tán khắp nơi như bầy ong vỡ tổ, phải một lúc sau tôi mới tập trung tư tưởng lại được. Nhưng trước khi ra tay, tôi phải suy nghĩ cho thật chín chắn.

“Anh gặp chị ấy ở đâu vậy Harry?” tôi hỏi vô tư như những điệp viên vẫn thường làm như vậy.

Ngay lập tức, sự thờ ơ trong mắt Harry biến mất và anh ấy phấn chấn hẳn lên. Chắc hẳn tôi đã gãi trúng chỗ ngứa rồi đây, nhưng chẳng biết lý do chính là gì.

“Thế nào nhỉ, ừm, đêm ấy anh ăn khuya gần Prairie Lea. Bọn họ thấy anh và mời lại ngồi ăn cùng.”

Xem nào, có hai nhà thờ ở Prairie Lea: Nhà thờ Tin Lành được cho phép vào, còn Nhà thờ Độc Lập thì không. Những người địa phương Ngoại Đạo bị xem là rác rưởi và thuộc vào tầng lớp hạ lưu. Cả bố mẹ tôi, những con chiên ngoan đạo của Tin Lành cũng quan niệm như vậy. (Còn ông nội thì tỏ rõ rằng ông đã nghe quá nhiều bài thuyết giáo rồi nên bây giờ vào những ngày chủ nhật ông không đi lễ nhà thờ nữa mà chỉ thích lang thang ngoài đồng mà thôi. Mặc dù cha Barker thích sự có mặt của ông nhưng cũng đã thông cảm. Chỉ có mẹ là cảm thấy xấu hổ về điều này.) Có một hai lần gì đó mẹ từng đón tiếp người Ngoại Đạo trong nhà tôi và cứ cho họ là cá mè một lứa - cho dù điều đó có công bằng hay không, từ người nuôi rắn, tiểu phu, người buôn xà phòng và cả những người nuôi gà nữa.

Một phần tâm trí tôi như ngầy dại ra, nghĩ vẩn vơ đến khi những hình ảnh đó trôi qua hết, tức thời, tôi sực tỉnh như một vị đại tướng quân tới lúc cần ra mệnh lệnh. Tôi chuẩn bị hết vũ khí, quan sát địa thế và xác định mục tiêu. Tôi như đang thấy rõ mồn một thời gian và không gian của cuộc chiến phía trước.

“Gặp ở Nhà thờ Tin Lành chứ hả anh Harry?” tôi hỏi giọng ngọt như đường phèn.

“Không, cô ấy thuộc Nhà thờ Độc Lập ở Prairie Lea.”

Một dòng điện như vừa chạy qua cơ thể, địch thủ của tôi đây rồi. “Harry,” tôi hỏi với sự chân tình của một cô em gái. “Chị ấy là

dân Ngoại Đạo à?”

“Ừ đúng đấy, thì sao nào?” Harry đáp, đầy vẻ ương bướng. “Và đừng gọi họ như vậy, họ là những người Độc Lập.”

“Anh nói cho bố mẹ biết chưa?” tôi hỏi.

“Chưa.” Harry tỏ vẻ cáu kỉnh. Sự phũ đầu của tôi có vẻ có tác dụng. Nói rồi anh lại nhìn tấm hình, trông phần chấn hấn lên.

“Chị ta bao nhiêu tuổi rồi?” tôi tiếp tục dần tới. “Nhìn có vẻ già nhỉ!”

“Đâu có già,” Harry thốt lên đầy phẫn nộ. “Chỉ mới thành niên được năm năm thôi.”

Thành niên là mười tám tuổi, cộng năm nữa... “Vậy chị ấy *hai mươi ba* tuổi,” tôi thảng thốt - nhưng lại âm thầm mừng rỡ. “Vậy rõ ràng là bà cô rồi còn gì. Anh thì chỉ mới *mười bảy* tuổi thôi đấy.”

“Điều này chẳng có nghĩa lý gì cả,” Harry đáp. Rồi anh giật tấm danh thiếp khỏi tay tôi và bọc bệch bỏ đi.

Trong bữa ăn tối, Harry xin phép lấy xe ngựa, thắng con Ulysses và đưa nó ra ngoài đi tập.

“Sao con không cưỡi nó luôn?” bố hỏi. “Con đâu cần kéo thêm xe làm gì.”

“Lâu rồi nó đâu có đeo yên cương. Kéo thêm xe tốt hơn,” Harry biện hộ.

Tới lúc tôi tiếp tục tấn công rồi đây. Tôi lên giọng hỏi, “Anh đi gặp *chị ấy* chứ gì?”

Cả bàn đều nhận thấy đây là vấn đề hay ho và đồng loạt bắt động. Tất cả mọi người trừ ông nội đều dừng ăn và tò mò nhìn Harry, cả mấy đứa em trai còn nhỏ chưa hiểu gì cũng bắt chước theo. Mẹ quay qua nhìn tôi rồi xoay lại nhìn Harry. Ông nội thì vẫn thản nhiên thưởng thức miếng thịt bò bít-tết của mình.

Harry đỏ bừng mặt rồi ném cho tôi ánh nhìn “hãy đợi đấy”. Trước đây anh ấy chưa nhìn tôi như thế bao giờ; một ánh mắt như muốn ăn tươi nuốt sống đối phương làm tôi chột dạ, cảm giác như có ngàn cây kim đang đâm khắp người.

“Đang nói về cô gái nào thế hả?” Mẹ hỏi.

Con dao của ông nội kêu *ken két* trên đĩa ăn. Ông dùng chiếc khăn ăn lớn bằng vải nilon trắng tinh buông trên cổ ông chấm chấm nhẹ mù tạt. Ông nói giọng nhẹ nhàng với con dâu của mình, “Tốt đó, Margaret. Phải là ‘cô ấy là ai’, chứ không phải ‘cô gái nào thế’. Phải nói cho đúng ngữ pháp. Hẳn là con biết điều đó mà phải không?”

Ông nhìn chằm chằm vào mẹ và nói, “Tại sao chứ, con bao nhiêu tuổi rồi, hả Margaret? Hình như cũng sắp 30 phải không? Bố nghĩ con đủ lớn để thông cảm chuyện này chứ,” nói rồi ông lại tiếp tục ăn. Mẹ tôi cũng ngoài 40 rồi, nhưng bà để mặc ông.

“Trả lời đi chứ Harry?” mẹ hỏi và ném cho Harry một ánh mắt sắc lẹm. Da gà tôi nổi lên thành từng đốm đỏ ửng. Tương lai của gia đình tôi đang trong cảnh ngàn cân treo sợi tóc.

“Dạ, con định chở một cô gái - à không, một phụ nữ trẻ - ở khu cắm trại Prairie Lea đi chơi một vòng tối nay mẹ ạ,” Harry lắp bắp. “Chỉ một lúc thôi à.”

“Ừm,” mẹ lạnh lùng hỏi, “vậy chính xác con nhỏ này là ai? Chúng ta có biết nó không và cả gia đình của nó nữa?”

“Tên cô ấy là Minerva Goodacre. Gia đình của cô ấy ở Austin. Hiện giờ thì cô ấy đang ở chơi một tháng với dì và chú ở Prairie Lea.”

“Vậy họ là ai?” mẹ hỏi tiếp.

Tình hình ngày càng căng thẳng.

“Là Mục sư Goodacre và vợ của ông ấy,” Harry đáp.

“Con đang nói về Mục sư Goodacre của Nhà thờ Độc Lập ở Prairie Lea đó hả?” mẹ gần giọng.

Ôi, thế là dây đàn sắp đứt tới nơi rồi.

“Vâng,” Harry mặt đỏ như trái gấc. Rồi anh từ từ lùi xa ra khỏi bàn ăn và chuồn thẳng, còn cố nói vọng lại, “Vậy nhé! Con sẽ về sớm.”

Bố nhìn mẹ hỏi, “Chuyện gì vừa xảy ra vậy?”

Lúc này mẹ mới để ý thấy mọi người đều ngồi há hốc mồm ra nên bực bội đáp, “Đôi lúc anh chậm hiểu quá đi mất Alfred ạ. Mình sẽ bàn bạc sau.”

Sul Ross ngồi kế tôi, nó năng động hơn rất nhiều so với tuổi thật của nó, rêu rao: “Harry có bồ, Harry có bồ...”

Nghe đến đây là mẹ đã tức sôi máu rồi. Tôi xùy nó, “Im đi Sully,” rồi thúc vào ba sườn nó một cú rỗ đau.

Chợt ông nội phá vỡ bầu không khí ngọt ngào, “Xong rồi đây. Thằng bé làm ta hơi lo rồi đấy. Tới lúc rồi, hôm nay món tráng miệng là gì ấy nhỉ?” Phải thừa nhận một điều cực kì thú vị là ta không biết được khi nào ông xuất hiện hoặc là ngược lại.

Bữa tối như dài bất tận, món tráng miệng hôm nay vào miệng tôi chẳng khác nào đồng tro. Đến khi SanJuanna dọn bàn thì mẹ lên tiếng, “Mọi người làm gì thì làm đi, riêng Calpurnia thì ở lại đây.”

Mọi người lần lượt rút khỏi bàn ăn trong khi tôi nhấp nhồm không yên trên ghế. Bố châm điếu xì gà rồi rót một ly rượu vang lớn hơn bình thường. Còn mẹ thì có vẻ rất cần một ly như vậy để giữ bình tĩnh.

“Nào, bây giờ nói đi Calpurnia, con biết gì về... quý cô này?”

Tôi chợt dạ nhớ lại ánh mắt của Harry rồi ấp úng. “Con chẳng biết gì đâu mẹ ạ,” những tiếng gọi rút quân gấp rút văng vẳng trong tâm trí tôi.

“Nào, nói đi, chắc chắn Harry đã kể gì cho con nghe rồi.”

“Con không biết gì thật mà,” tôi đáp.

“Đẹp đi Calpurnia, nếu không thì làm sao con biết về cô ta? Mặt con bị sao vậy, nhìn bẩn thỉu quá.”

“Harry chỉ cho con xem danh thiếp của cô ấy thôi ạ,” tôi đáp.

“Danh thiếp?” Mẹ tôi lên giọng. “Cô ta còn có cả *danh thiếp* nữa cơ à? Cô ta bao nhiêu *tuổi* rồi?”

“Con không biết gì mà,” tôi vẫn khẳng khái.

Mẹ nhìn bố, “Alfred, con nhỏ đó có cả *danh thiếp* nữa đấy.” Bố có vẻ thích thú nhưng không phản ứng gì, rõ ràng việc này chẳng có gì quan trọng đối với ông cả.

Mẹ đứng dậy đi qua đi lại. “Con nhỏ đó đến tuổi có danh thiếp rồi, con trai của tôi thì lén lút qua lại với nó sau lưng tôi. Harry đang đeo đuổi nó mà chúng ta thì chẳng biết gì về nó cả. Alfred à, nó còn là dân *Ngoại*... à không, dân Độc Lập nữa chứ.”

Mẹ xoay qua tôi. “Nó là thuộc phe Độc Lập phải không, Calpurnia?”

“Con chẳng biết gì cả.”

“Chậc, vô dụng quá! Về phòng đi và đừng có hé môi cho ai về việc này đấy. Con lại bị phát ban đỏ à? Đi lấy bột baking soda và băng lại.”

Tôi tụt xuống ghế rồi chạy vội vào bếp. Cô Viola đang ngồi trên bàn nghỉ ngơi một lúc, đợi SanJuanna xả nước để bắt đầu chiến đấu với núi bát đĩa chồng chất trên quầy bếp.

“Mẹ bảo em vào lấy bột baking soda,” tôi lầu bàu.

“Lạy Chúa Tôi, cháu bị làm sao vậy?” cô Viola thẳng thốt khi nhìn thấy tình trạng của tôi.

“Cháu bị phát ban ấy mà, chỉ cần làm dịu lại là xong thôi,” tôi nói dối cho qua chuyện.

Cô Viola liếc tôi rồi định mở miệng nói gì đó nhưng lại thôi. Cô đứng dậy, nhúng mảnh giẻ vào soda rồi đưa cho tôi mà không hé lời. Còn SanJuanna thì nhìn tôi dè chừng như sợ bị truyền nhiễm.

Lên lầu, tôi còn nghe vọng lên từ phòng ăn tiếng mẹ giận dữ, còn bố thì cố sức xoa dịu bà.

Sul Ross và Lamar nằm ở đầu cầu thang chờ đợi và đeo theo tôi vào phòng.

“Có chuyện gì vậy chị? Harry bị sao thế? Mặt chị bị sao vậy? Nói cho chúng em nghe đi.”

Tôi bỏ mặc chúng rồi chạy về phòng, chườm miếng khăn ướt lên gò má đang ngứa rát. Điều gì làm tôi phản ứng, mất hết cả tự chủ như thế nhỉ? Bây giờ tôi như một viên chỉ huy non nớt đang bàng hoàng vì binh đoàn mà mình rèn luyện bao lâu nay bị diệt vong.

Cả đêm hôm đó, tôi thao thức trên giường đợi Harry về nhà. Vầng trăng khuyết đã lên cao khi tôi nghe được tiếng lanh canh của bộ yên cương và tiếng lộc cộc của bánh xe lăn trên con đường trải sỏi dẫn vào nhà. Tôi nín thở lắng nghe. Cả căn nhà im ắng một cách kì lạ. Rồi tôi mừng tượng đến bố mẹ, hay ít nhất là mẹ, đang nằm thao thức trên chiếc giường to bằng gỗ gụ chạm khắc đầy hình trái cây và thiên sứ.

Tôi mò xuống giường, xỏ dép vào rồi rón rén trườn theo vách tường để tránh tạo ra tiếng động to như súng nổ vang lên từ sàn gỗ. Những bậc thang cũng nổi tiếng kêu to nên tôi vén gọn váy ngủ lại rồi tuột xuống lan can như thường lệ. Cách này tỏ ra nhanh chóng và hiệu quả nhưng trong bóng đêm thật khó để định hướng nên tôi thắng lại quá muộn và va vào trụ đỡ tay vịn ở đầu cầu thang, kết quả là bị bầm tím sau lưng ít nhất hai tuần sau đó.

Theo ánh trăng, tôi mon men ra chuồng ngựa. Đến cửa, tôi len lén nhìn vào trong. Dưới ánh đèn dầu le lói, Harry đang buộc

chú ngựa Ulysses lại, miệng ngâm nga một khúc nhạc, nghe loáng thoáng như bài “Anh thật lòng yêu em”. Nhìn anh ấy thật vui vẻ, trước giờ tôi chưa từng thấy Harry được vui như vậy.

“Harry,” tôi khẽ gọi.

Anh ấy quay sang nhìn tôi, mặt đanh lại rồi hỏi “Em làm gì ở đây? Đi về ngủ đi.” Nói rồi Harry tiếp tục chải lông cho con ngựa.

Ôi, ánh mắt lạnh lùng ấy lại xuất hiện rồi.

Trước đây, thỉnh thoảng tôi thường cãi vã với anh ấy, mặc dù có khó chịu như thế nào thì nó cũng trôi qua thật nhanh. Cứ như thế, tôi luôn chắc chắn rằng tôi mãi mãi sẽ là đứa em yêu quý nhất của anh; tôi ôm lấy tình thương của anh bằng tất cả niềm tin và đắm chìm trong hơi ấm ấy. Nhưng lần này thì khác. Trong khi cố gắng bảo vệ cho gia đình và cho anh, hay nói cho cùng, chính là bảo vệ cho bản thân tôi, tôi đã vô tình làm tổn thương anh ấy. Và lần đầu tiên trong đời, nỗi tiếc thương làm buốt giá tim tôi.

Lặng người, tôi lùi ra khỏi quãng sáng của bóng đèn, đứng một mình bơ vơ dưới ánh trăng. Chợt một tiếng nắc - hay sứt sùi - bật ra khỏi tôi. Tôi quay đầu, loạng choạng chạy vào nhà trên đôi chân mềm nhũn. Tôi vào được cửa nhà nhưng đến cầu thang thì hoàn toàn quy xuống. Nửa tiếng sau Harry vào nhà và bắt gặp tôi vẫn còn ngồi lì ở đấy, trông chẳng khác nào một mớ hỗn độn khốn khổ trong chiếc váy ngủ trắng, vẫn sứt sùi, chẳng buồn cử động; lúc này chỉ có Idabelle nhẹ nhàng bước từ trong bếp ra an ủi mà thôi. Trong bóng tối, tôi chỉ nhìn thấy được Harry đang đứng chống nạnh.

“Harry ơi, cho em xin lỗi,” tôi thì thào.

“Trên đời này có những việc của người lớn, không dành cho trẻ con đâu,” Harry đáp.

Có bao giờ tôi nghĩ Harry là người lớn đâu, chúng tôi luôn là những đứa trẻ ở bên nhau cơ mà. Nhưng qua cách nói ấy, tôi biết rằng từ giây phút này, Harry đã chính thức vạch ra một đường ranh ngăn cách vô hình và sẽ chẳng bao giờ trở về với vùng đất tuổi thơ nữa.

“Em chẳng cố ý đem lại rắc rối cho anh đâu,” tôi rên rỉ.

“Có đấy. Anh chẳng hiểu vì sao em lại làm như vậy.”

Tôi muốn thét lên rằng tôi làm điều đó vì gia đình và vì anh ấy đấy chứ! Nhưng sâu thẳm trong lòng, tôi biết rõ rằng hành động đó thật ra dành cho chính bản thân mình mà thôi và tôi lấy làm xấu hổ vì điều đó.

Chiếc đồng hồ treo tường cũ kĩ ngân vang ba tiếng.

“Em đi ngủ đi,” Harry hờ hững nói.

Tôi cố bám víu vào câu nói lạnh lùng này vì dù sao nó cũng đỡ gay gắt hơn những gì Harry nói lúc ở trong chuồng ngựa và cho rằng mọi thứ sẽ ổn thôi, rồi Harry sẽ bế tôi lên gác và cho tôi rúc vào lòng anh mà thôi.

Nhưng sự thật đã không diễn ra như vậy mà Harry chỉ thì thầm “Phải chi em đừng hành động như vậy,” sau đó bỏ mặc tôi ngồi tận hưởng thành quả về sự chỉ huy của mình và bước lên lầu. Chiến dịch của tôi đã diễn ra thành công, và vì nó, tôi đã đánh mất anh trai của mình. Đêm đó, đến khi đồng hồ gõ bốn tiếng tôi mới bò về giường.

Sáng hôm sau, tôi mệt mỏi rũ rời nên giả vờ bị bệnh, chập chờn trong giấc ngủ vùi. Với gương mặt bơ phờ và chứng phát ban của mình tôi dễ dàng gạt được mẹ. Bà và Viola đem vào phòng tôi nào là nước cốt bò hằm, rồi bột đắp baking soda. Đến chiều thì họ còn dự định cho tôi uống thuốc bổ, thuốc xổ và cả dầu cá nữa, nhưng lúc đó thì tôi đã bắt đầu đi lại được và ăn vài quả trứng luộc, tránh được những biện pháp chữa trị tới nơi tới chốn ấy. Đứa trẻ nào nằm liệt giường hơn một ngày trong nhà tôi đều được cho uống dầu cá, và kì diệu thay, nó chữa khỏi bệnh rất nhanh.

Travis ghé thăm và điều nàng mèo Doc Holiday vào giải khuây cho tôi (Jesse James không còn hữu dụng nữa). J.B. trèo lên giường nô đùa làm tôi thấy khá hơn lên. Còn Sul Ross thì đặt lên chiếc bàn đầu giường một bó hoa dại đủ loại rồi tự hào khoe vết tích trên người chỗ bị tôi huých cùi chỏ vào. Tôi thì không tiện khoe lại vết tích trầm trọng hơn vì nó nằm ở vùng nhạy cảm.

Còn Harry thì chẳng thấy tăm hơi.

Sáng hôm sau, tôi trườn xuống nhà ăn sáng và thấy lòng nhẹ lại một chút khi bắt gặp ánh mắt của Harry khẽ liếc qua mình. Trước lúc mọi người phân tán khỏi bàn ăn, mẹ tuyên bố “Chiều thứ 6 chúng ta sẽ có khách, mọi người hãy có mặt vào lúc 6 giờ 15 nhé.”

“Chết tiệt,” ông buột miệng. “Lại là ai nữa đây?”

“Bố à, chúng con không dám làm phiền nếu bố có hẹn trước ạ.”

Mẹ thừa biết rằng ông chẳng có hẹn với ai cả, nhưng luôn có điệp khúc về phòng thí nghiệm và thư viện. Mẹ cũng chỉ biết hi vọng, nhưng qua biểu hiện của bà thì tôi nhận thấy mẹ chẳng bao giờ muốn ông có mặt trong những cuộc hội họp vui vẻ (hay

bà còn gọi là “dạ hội”) của mình cả. Ngoài việc ông có đầu óc cổ hủ, ông còn thường làm lệch vấn đề trong các cuộc nói chuyện và tôi biết mẹ không ưa gì. Ví dụ sự tồn tại của hóa thạch đi ngược lại với thuyết giáo trong Sách Sáng Thế; kinh nghiệm của người đồng sự Mendel về sự sinh sản hữu tính của cây đậu hoa; những quan niệm sai lầm về mủ. Có lần tôi thấy mẹ rùng mình khi nghe ông giảng giải cho các bà cô về các tư thế giao hợp của những côn trùng thuộc Bộ Chân Dài (cụ thể là nhện chân dài). Ngoài ra ông còn dự đoán rằng con người sẽ chế tạo ra máy bay và một ngày nào đó sẽ lên đến mặt trăng, và rất nhiều tiên đoán khác thường xuất phát từ những cụ già hiểu biết và tinh khôn; mặc dù vậy tôi vẫn âm thầm đồng tình với ông và tin rằng nó sẽ thành hiện thực vài ngàn năm sau đó.

“Ai sẽ đến vậy mẹ?” Sam Houston hỏi.

“Nhà Lockett, nhà Longoria, cô Brown. Mục sư và bà Goodacre. Còn có cô Minerva Goodacre nữa,” mẹ vừa trả lời vừa ngắm nghía con dao quét bờ.

Ồ ồ. Tôi nhìn qua Harry, anh có vẻ cũng thích thú nghiên cứu con dao của mình như chưa bao giờ được thấy nó. Tôi chột nuốt trọng. Phải làm gì đây? Tôi tự bảo rằng mình chỉ còn ba ngày để lên kế hoạch, tôi đâm chiêu trong lều trại của mình tính toán chẳng khác gì Napoleon.

Mấy ngày sau, mỗi lần đi lên lầu ngang qua Harry, tôi chỉ biết cười gượng gạo, còn anh thì vẫn tỏ ra đứng đưng. Tôi tự an ủi mình rằng Harry không cau có với mình là tốt lắm rồi.

Thứ sáu đã đến mà tôi vẫn chưa nghĩ ra được gì hay ho cả. Tôi đành gội đầu, sấy tóc, giữ niềm kiêu hãnh và ngồi ủ rũ chải tóc một trăm lần. Tôi khoác lên người chiếc váy bằng vải ba-tít, đôi ủng trẻ con mà tôi từng mang khi đi độc tấu âm nhạc, thắt lên

tóc chiếc ruy-băng xanh da trời, màu mà Harry thích tôi dùng nhất. Sau đó tôi xuống nhà tham gia cùng mọi người.

Harry trông thật bảnh bao, tóc bóng nhẫy lớp keo mùi hoa oải hương và dầu thơm nhẹ dùng sau khi tắm. Một sự náo nức nào đó đang ngấm cuộn trào trong anh, và lòng Harry có vẻ đã dịu lại một ít khi khẽ nhếch mép cười với tôi. Bọn tôi xếp hàng theo độ tuổi từ lớn đến nhỏ ngoài sảnh, Sam Houston bùm hết cả mồm miệng lại khi ngửi thấy mùi bốc ra từ người Harry. Mẹ xuống thị sát từng đứa một. Hôm nay mẹ khoác chiếc áo lụa màu lục tươi, xâu chuỗi ngọc ôm gọn quanh cổ - một trong những món trang sức đẹp nhất của bà - tạo lên những tiếng rít khẽ theo mỗi bước đi của mẹ. Bà sẫm soi từ giày dép, đến răng cở và cả móng tay của bọn tôi.

“Trời đất, Calpurnia, con bị gì vậy, đứng thẳng lên nào. Jim Bowie, móng tay bẩn quá, trông cứ như mới đi cào đất ngoài vườn về vậy. Calpurnia, đi rửa tay cho em đi con.”

Tôi dẫn J.B. vào phòng tắm, mừng thầm vì có việc để làm. Đang cạo rửa chột J.B. buột miệng hỏi “Anh Harry sắp lấy vợ hả chị?” làm tôi chết đứng người, đánh rơi cả bàn chải.

“Em lấy đâu ra cái ý nghĩ đó vậy?”

“Em nghe mẹ nói vậy đấy. Anh Harry sắp ra đi hả chị?”

“Chị mong là không J.B à.”

“Em cũng vậy.”

Tôi cạo rửa cho J.B đến khi người khách đầu tiên xuất hiện. Bọn tôi lại phải xếp hàng ra trước cửa. Khi cô Brown đến, tôi bắt tay cô và nhún người chào đầy điệu bộ. Nhưng có vẻ tôi đã làm hơi

phô trương quá nên cô ta gượng cười mĩa mai, “Xem nào, chào cháu, Calpurnia, sao lúc nào cũng ‘quyến rũ’ thế này nhỉ?” Nói rồi bàn tay gân guốc của cô siết mạnh làm tôi tru lên thảm thiết.

Buổi tối bắt đầu rất suôn sẻ nhưng chưa thấy bóng dáng của cô Minerva Goodacre đâu cả.

Tôi bung chiếc đĩa bạc đựng hàu xông khói mời mọi người trong phòng, Viola dặn rất kỹ rằng tôi phải đếm xem mấy anh em trai của tôi đã ăn bao nhiêu. Nhưng thật chẳng khó gì vì khi tụi nó nhìn thấy mấy con hàu xám xịt, nhần nhúm là sợ hãi quay mặt đi ngay; có cho tiền tụi nó cũng chẳng dám bỏ vào miệng. Harry lượn lờ giữa phòng khách và sảnh để chờ đợi nhân vật quan trọng của mình. Ông nội xuất hiện, bộ râu được cắt tỉa gọn gàng, tóc bết trên trán, một nụ hồng cài lên khuy áo. Ngoại trừ chiếc áo khoác bị nhậy găm nhăm ra thì ông trông thật lịch lãm.

Khi nhà Longoria đến, Travis lôi bọn trẻ ra chuồng ngựa để khoe bầy mèo của nó.

Tôi nhìn quanh gia đình mình và chợt thấy hơi ấm của hạnh phúc ngập tràn. Họ thật vô tư, không một chút ngờ vực. Tôi thật muốn ghi lại khoảnh khắc này, gói chặt lại, và cất giữ thật sâu trong tâm trí mình. Vì khoảnh khắc này có thể tan biến bất cứ lúc nào.

Chợt Harry vội vã chỉnh lại cà-vạt và đầu tóc trước tấm gương trong sảnh một lần nữa. Tôi nhìn ra ngoài và thấy ngài Goodacre đang cỡi ngựa. Harry hăm hở bước ra đỡ hai người phụ nữ từ trên xe ngựa xuống, một người tròn trịa và một người thon thả. Rồi anh đưa tay ra cho người thon thả - mũ hồ ly tinh đây mà - cùng nhau bước lên thềm nhà, đầu tựa vào nhau, thậm chí to nhỏ gì đó, *điều* họ chẳng bao giờ chia sẻ với những người xung quanh. Bố mẹ tôi đón họ ở cửa, sau những lời giới thiệu hoan hỉ,

mẹ mời họ vào phòng khách. Tôi thật khâm phục mẹ, bà tỏ ra vui vẻ và bình tĩnh trong hoàn cảnh này hơn tôi nghĩ. Chắc bà đã uống vài viên thuốc bổ rồi.

Ngắm xem nào: cô ta cao hơn tôi tưởng, thon thả trong chiếc váy màu đào cầu kì, đầy những chiếc nút đen nhánh. Cái miệng có nét hờn dỗi, cần cổ dài, cặp mắt lồi và búi tóc đồ sộ. Cô ta còn cầm theo chiếc quạt màu đào dát bạc, mỗi lần tiếp chuyện với ai đó lại mở ra đánh *xoạch* một cái.

Lúc Harry vẫy tôi lại, tôi chỉ muốn trốn quách vào bếp cho xong.

“Goodacre à, xin giới thiệu đây là Calpurnia Virginia Tate, em gái của anh. Callie, còn đây là chị Minerva Goodacre.”

Chiếc quạt màu đào lại xòe ra như một con bướm khổng lồ. Cô ta nhìn tôi bằng con mắt lồi to rồi cất giọng the thé, “Ôi, Calpurnia, cô bé thật dễ thương mà còn tài năng nữa chứ. Chị nghe em từng đọc diễn dương cầm phải không.” Nói rồi chị ta gõ gõ đầu quạt lên má tôi một cách đùa cợt hơi quá trớn. Chẳng lẽ tôi phải chịu sự hành hạ này cả đêm hay sao?

“Chị Goodacre khỏe không ạ?” Rốt cuộc tôi cũng lên tiếng được. “Rất vui được làm quen với chị.”

“Ồ, chắc chắn rằng chị em mình sẽ thành bạn thân nhanh thôi. Nào, Harry ới, *très amusant gran-père*^[14] mà anh hay nhắc tới đâu nhỉ?”

Ặc, lại còn xô tiếng Pháp nữa chứ. Harry dắt chị ta sang giới thiệu với ông, ông cúi rạp mình xuống, đặt hàng ria xồm xoàm lên bàn tay chị ta, “*Enchanté, madermoiselle*”^[15]. Tôi cảm thấy như ông đang luống cuống, chân va cả vào nhau. Chị ta đáp lại

bằng một giọng nói như một tràng giai điệu cười, “Ôi Chúa ơi, ông quả thật quá ư lịch thiệp.”

Rồi cứ thế, chị ta chẳng đoái hoài gì đến tôi nữa trong suốt buổi tối. Còn tôi thì cứ bung hết cái khay này rồi lại cất cái ly khác, nhất quyết bám đuôi theo chị ta và Harry vòng vòng trong phòng.

Chị ta cứ vung vẩy cái quạt suốt đêm, huyền thuyên về thời trang ở Paris, New York, rằng thật mất mặt cho vợ ngài thống đốc Culberson về bộ đầm kinh khủng mà bà ta mặc trong lễ nhậm chức của ông; lẽ ra với tầm cỡ của họ thì phải mua được một bộ khá khảm hơn, hay ít nhất cũng tham khảo ý kiến của một nhà thời trang có gu thẩm mỹ. Gu thẩm mỹ hẳn rất quan trọng, *n'est-ce pas*^[16]? Và một khi đã nhận thức về gu thẩm mỹ rồi thì mọi người có để ý rằng có hàng hà sa số những quý bà ăn mặc lỗi mốt khi đi dự các buổi lễ kiểu đó hay không...

Mẹ tôi cố gắng chen vào một ít về đề tài âm nhạc nhưng chị ta chẳng hưởng ứng. Bố tôi thì muốn nghe ý kiến chị ta về đường dây điện thoại sắp được lắp đặt nhưng chị ta cũng không đếm xỉa. Chị ta chỉ biết cười duyên, ngúng nguẩy với Harry rồi sai anh ấy làm đủ thứ mà thôi. Chị ta thật sự làm tôi phát ốm lên mất.

Buổi tối cứ thế tiếp diễn. Rồi bữa tối dường như vô tận đó cũng qua đi, cô Brown lướt nhanh ngón đàn bài “The Minute Waltz” mà cô luôn dành để góp vui trong các bữa tiệc trong vòng 52 giây chiếu theo chiếc đồng hồ bỏ túi của bố. Sau đó cô đệm đàn cho chị Goodacre bản “Cạn ly này với em chỉ bằng ánh mắt anh thôi nhé”, chị ta hát hoàn toàn trật tông và bày tỏ cảm xúc về phía Harry một cách lố bịch.

Cạn ly này với em chỉ bằng ánh mắt anh thôi nhé,

Và em sẽ đáp lại bằng chính ánh mắt của em;

Hoặc để lại một nụ hôn trong lòng cốc,

Để em chẳng cần đến giọt rượu nào hơn.

Tôi để ý thấy ánh mắt mê mẩn của ông nội trong suốt màn trình diễn tệ hại của chị ta làm tôi càng thất vọng đến cùng cực. Một Harry thôi chưa đủ, chị ta còn phải mê hoặc hết cả những người đàn ông quan trọng xung quanh tôi hay sao.

Tiếp đó, Harry hát bản “Kẻ mơ mộng đẹp xinh” trong ánh mắt xoe tròn của chị Goodacre. Đến lượt cô Brown đáng ghét buộc tôi trình diễn độc tấu. Trong cơn đau đầu như búa bổ và nụ cười gượng gạo dán trên môi, tôi đem lại một màn biểu diễn quá sức tầm thường. Sau đó, tôi phải xuống bếp ngay để xin chị Viola cho một viên thuốc nhức đầu.

“Cô ta như thế nào?” Viola hỏi. “Nhìn từ đây thì cũng chẳng xinh lắm. Chỉ có Harry là luôn đẹp trai rạng ngời mà thôi.”

“Chị ta thật kinh khủng, cô Viola ạ và ngoài chuyện quần quần áo áo thì chẳng biết gì hay ho hơn.”

“Ừm, quần áo cũng hấp dẫn đó chứ,” Viola đáp.

“Nhưng chỉ biết có thế thì hay ho gì,” tôi vặn lại.

“Ừ cũng đúng. Mà cô ta hát hò cũng chẳng ra hồn gì. Mẹ cháu ổn không?”

“Chắc cũng ổn cô ạ.”

“Tốt rồi. Thuốc này, mang cả đĩa sô-cô-la này ra ngoài luôn đi nhé, nhớ kiểm kê số lượng đấy.” cô Viola bảo.

Tôi quay lại với buổi tiệc, mời sô-cô-la vòng vòng và tránh không cho mấy đứa anh em trai động vào. Chị SanJuanna lừa bọn trẻ về giường ngủ. Mục sư Goodacre thảo luận với bố về sự thay đổi thất thường của thị trường vải cô-tông. Ông nội thì giữ chặt lấy Harry và chị Goodacre bằng những giảng giải chi tiết về sự khác nhau giữa *châu chấu khổng lồ* đực và cái. Chị Goodacre cứ nhoẻn miệng cười suốt.

“Vào thư viện với ông, ông có hai mẫu vật chỉ rõ sự khác nhau này”. Ông nói rồi nắm lấy cùi chỏ và lôi chị ta xềnh xệch ra khỏi phòng.

“Đừng dẫn cô ấy đi quá lâu, đừng cướp cô ấy khỏi mọi người lâu quá ông nhé, ha ha.” Harry cười vọng theo.

Cả người Harry như có vầng hào quang tỏa sáng. Tôi đứng cạnh và đưa cho anh một thanh bánh xốp sô-cô-la. Tôi muốn lấy lại được tình cảm của anh trai mình bằng mọi giá. Tôi thỏ thẻ một câu nói dối trắng trợn “Chị ta rất ổn Harry ạ.” Cổ tôi chột hần lên những lần đỏ, chắc là vết tích của đạo đức giả.

“Đấy thấy chưa, anh chắc là em sẽ thích chị ta khi có dịp gặp gỡ rồi mà, thật là một cô gái tuyệt vời đúng không? Bánh ngon nhỉ, cho anh một cái nữa nào.”

Thật mù quáng, anh thật mù quáng. Tôi nghĩ thầm.

Ngay lúc đó, chợt chị Goodacre xông vào phòng, có vẻ rất căng thẳng. Chị ta chạy lại bên bà Goodacre rồi xì xào qua lại trông rất kích động. Bà Goodacre quay sang đám đông phân trần, “Minerva chợt bị đau đầu dữ dội, có lẽ chúng tôi phải đưa nó về nhà. Thật lấy làm tiếc vì buổi tiệc này rất dễ thương nhưng

chúng tôi đã hứa với mẹ của nó rằng sẽ chăm nom nó cẩn thận. Tôi nghĩ rằng mọi người đều hiểu được điều này.”

Họ gom áo khoác rồi vội vã cáo từ trong khi Harry và ông Goodacre chuẩn bị xe ngựa. Rất nhiều lời cảm ơn thốt ra nhưng chẳng có một sự hứa hẹn trở lại nào cả. Và rồi họ biến mất trong màn đêm.

Harry trầm ngâm. “Ông nội à, lúc trong thư viện thì Goodacre có vấn đề gì không?”

“Ồn mà. Cô ấy có vẻ thích thú với lũ bướm cánh tơ nhện. Nhưng ông nghĩ cô ta sẽ thích bộ sưu tập xác bọ chết thối rữa, đây mới là cái độc nhất vô nhị.” Ông châm điếu xì-gà. “Nhưng nói chung ông thấy trò chuyện vui vẻ thôi mà.”

Hôm sau, mẹ tôi nhận được nhiều lá thư cảm ơn trao tay từ khách, bà bày chúng ra bàn ăn để làm gương tốt cho chúng tôi về cách cư xử. Hầu hết những bức thư đều dạt dào tình cảm và đầy hoa mỹ, chỉ trừ thư của bà Goodacre là cụt ngủn.

Hai ngày sau, Harry cố gắng gọi điện thoại tìm chị ta nhưng dì của chị ta bảo không có nhà. Và ba hôm sau thì chị Goodacre lẳng lặng trở về Austin. Chỉ đến khi Harry đến nhà tìm và được thông báo bởi cô hầu gái thì anh mới biết, anh trở về nhà và ở lì trong phòng.

Mấy anh tôi kháo nhau xem Harry có phải uống dầu cá hay không. Nếu không thì đến tuổi nào mới không phải uống nữa? Mười sáu hay mười bốn? Vấn đề vẫn căng thẳng không lời giải đáp.

Rốt cuộc Harry không phải uống dầu cá. Thay vào đó, anh bị chôn vùi trong buồn bã và bối rối khi những lá thư anh viết cho

chị Goodacre bị trả lại trong tình trạng chưa được mở ra. Anh loay hoay trong nhà suốt mấy ngày như người bị thương găng gượng di chuyển. Thật tội nghiệp. Tôi tự phục hồi vết bầm tím trong lòng mình cho nó nhợt nhạt bớt đi và tự hứa rằng sẽ thôi không làm kẻ quấy rối nữa.

CHƯƠNG 8

SOI KÍNH HIỂN VI

Vỏ trái đất là một viện bảo tàng khổng lồ...

SAU CUỘC CHẠM TRÁN CHÓNG VÁNCH với chị Goodacre, cả nhà tôi bị xáo trộn mất vài tuần vì Harry cứ nhần nhó thở than suốt ngày. Tôi đã giữ đúng lời hứa của mình là không gây ra phiền phức, ngoại trừ việc nghe lén ngoài cửa thư viện về cuộc nói chuyện giữa ông nội và Harry vài ngày sau đó. Vài thứ gì đó về Định luật chọn lọc của Tự nhiên, chúng luôn đúng trong thế giới Tự Nhiên nhưng đôi khi lại bị phá vỡ một cách khó hiểu bởi con người. Sau đó thì Harry có vẻ cũng nguôi ngoai, nhưng cũng phải mất một thời gian để anh ấy hoàn toàn trở lại như bình thường. Chẳng biết anh ấy có trách ông nội một phần nào đó vì đã cho chị Goodacre xem bộ sưu tập xác bọ thối rửa hay không nữa. Nhưng nếu chỉ vì vậy mà chị ta rời bỏ anh Harry thì rõ ràng chị ấy chẳng xứng đáng với anh một tẹo nào cả.

Nhưng tôi chắc rằng mẹ đang cảm thấy nhẹ nhõm vì nàng Goodacre phiền phức kia biến mất. Mẹ đã tỏ thái độ biết ơn một cách trịnh trọng nhưng thầm kín, hay hơn nữa là yêu mến đối với ông nội. Bà ân cần hỏi thăm sức khỏe của ông trong mỗi bữa ăn và lấy cho ông những phần thức ăn ngon nhất, nhưng có vẻ ông chẳng để ý thấy điều đó.

Còn Harry thì đã tha lỗi cho tôi. Thật ra, nói cho cùng thì tôi cũng đã không thể làm hỏng cơ hội của anh ấy với chị Goodacre. Tôi cũng đã cư xử rất đúng mực trong bữa tiệc nên không bị dư luận đánh giá gì cả. Chuyện gì xảy ra đêm đó đều không phải lỗi

của tôi, *bản thân tôi* chẳng làm điều gì khiến chị ta phi thẳng ra khỏi nhà nhanh như vậy cả. Và rồi dù sao đi nữa, tôi vẫn là con thú cưng độc quyền của anh ấy bao nhiêu năm nay, người mà anh ấy ôm ấp nâng niu từ thời thơ ấu cơ mà. Tôi như đắm chìm vào cảm giác sung sướng khi được trở lại thành vật cưng của anh ấy.

MÙA HÈ CỨ THẾ TRÔI QUA. Đôi lúc bố hỏi ông cho lời khuyên về trang trại hay về xưởng tĩa hột bông nhưng rồi bất lực khi thật khó để tách ông nội ra khỏi công việc nghiên cứu về thế giới tự nhiên để thật sự tập trung vào một vấn đề thương mại nào đó. Ông đã một tay tạo dựng lên cơ nghiệp này và đạt được những thành công nhất định, nhưng bây giờ thì ông chẳng màng tới nó nữa. Tôi cảm thấy thật kì lạ khi chính bố mẹ tôi cũng không hiểu vì sao ông lại có thể ngoảnh mặt với cuộc sống ngày xưa của mình như vậy. Đến khi ông tâm sự hết nỗi niềm của mình thì tôi hoàn toàn ngộ ra sự việc.

Trong lúc hai ông cháu đang ngồi trong phòng thí nghiệm, ông ôn tồn bảo, “Ông không còn sống bao lâu nữa. Tại sao ông lại phải để ý đến những vấn đề về hệ thống thoát nước hay những sổ sách quá hạn nữa cơ chứ? Ông phải tiết kiệm và dùng khoản thời gian còn lại của mình một cách hợp lý nhất. Thật hối hận khi đến năm mươi tuổi ông mới nhận ra được điều này. Calpurnia à, cháu có thể làm được điều này sớm hơn, hãy hoạch định thời gian của mình một cách cẩn thận.”

“Vâng, thưa ông, cháu sẽ cố gắng hết sức ạ,” tôi đáp. Trong này chẳng có ghế cho khách nên tôi phải ngồi trên chiếc ghế gác chân xiêu vẹo, hình như là cái yên lạc đà thì phải. Nhìn nó chẳng giống mấy cái yên lạc đà thông thường, nó tỏa ra một thứ mùi rất lạ và phủ đầy lông nhỏ màu be giống lông chó Chihuahua nên tôi đoán nó là hàng thật. Tôi chưa bao giờ thấy

nhằm chán khi ngắm những vật sưu tầm của ông nội: chiếc kính thiên văn nhỏ bằng đồng từ thời chiến; mấy ngăn tủ rộng và nông chứa những con thằn lằn, nhện và chuồn chuồn sậy khô xếp thành hàng; chiếc đồng hồ trang trí hình chim cu màu đen cứ mỗi 15 phút lại hót lên báo hiệu bằng âm thanh thô thiển, buồn cười. Một phù hiệu hoa hồng màu xanh mực nát, bên trên còn in mờ dòng chữ “Bộ sưu tập đồ sộ tuyệt nhất, Hội chợ Fentress, 1877.” Một tập phong bì dày, mịn, giống như bằng da thuộc được niêm phong mấy dấu mộc bằng sáp đỏ cấp bởi Hiệp hội Địa lý Quốc tế. Kế đó là nòng tiên cá chạm khắc từ gỗ nâng trên mình chiếc tàu thuốc. Đến cả bộ da gấu luôn ngoác to mồm (mỗi lần để chân vào đó tôi cũng lặng cả người đi không thốt lên được lời nào). Trong ngăn kéo được khóa lại nằm trên mấy quyển sách trên kệ là con ta-tu^[17] nhồi bông, nó thật là một mẫu nhồi bông xấu nhất mà tôi từng thấy. Tôi tự hỏi vì sao ông vẫn giữ nó trong khi tất cả những mẫu vật còn lại của ông đều thuộc vào hàng cực phẩm?

“Ông nội à, sao ông vẫn giữ con ta-tu nhồi bông này vậy? Ông thừa sức mua một con khác đẹp hơn nhiều mà.”

“Đương nhiên là mua được, nhưng ông giữ con này làm kỉ niệm vì nó là mẫu vật có vú đầu tiên ông tự tay nhồi bông mà. Ông học kỹ năng này qua lớp hàm thụ^[18], và ông khuyên rằng không nên học theo cách này. Nếu như cháu cảm thấy thích việc này thì hãy học hành và thực tập một cách nghiêm túc để trở thành chuyên gia. Có rất nhiều điều huyền ảo, tinh tế của nghệ thuật không thể đạt được nếu chỉ đơn thuần đọc qua sách vở.”

“Cháu không nghĩ là mình thích việc làm nhồi thú bông đâu ạ.” Tôi chõ mũi vào cái kệ để đầy những mẫu hóa thạch và những mẫu xương cũ kĩ.

“Một lựa chọn khôn ngoan đấy, chỉ nói đến cái mùi của nó thôi cũng đủ làm nản lòng những người mới thực tập rồi. Nhưng ông tự nhận thấy rằng mẫu nhồi bông thứ hai hoàn thiện hơn rất nhiều. Nó ổn đến mức ông đã gửi tặng người đàn ông vĩ đại đó để tỏ lòng ngưỡng mộ của mình,” ông bảo.

Tôi đang nhắc một mẫu hóa thạch bọ ba thùy^[19] và không để tâm nghe lời ông nói lắm. Tôi hoàn toàn bị cuốn hút bởi cấu trúc của những đốt xương từng thuộc về con động vật biển thân mềm này.

“Ông ấy từng nghiên cứu về con ta-tu vùng Nam Mỹ nên ông nghĩ rằng ông ấy cũng sở hữu cả mẫu vật của vùng Bắc Mỹ nữa. Sau mấy con ta-tu, ông chuyển sang chú linh miêu Bắc Mỹ, bây giờ nhìn lại ông phải thừa nhận là mình đã đi quá đà. Việc tạo hình cho khuôn mặt của nó thật khó khăn, ông cố tạo lại gương mặt lúc nó gằm gừ khi mỗi khi bị làm phiền lúc còn sống nơi hoang dã, nhưng rốt cuộc thì con vật tội nghiệp nhìn có vẻ như đang cau có phụng phịu gì đấy.”

Con vật hóa thạch trên tay tôi đã bao nhiêu triệu tuổi rồi và đã từng lặn ngụp ở vùng biển cổ đại nào? Bản thân tôi còn chưa được chứng kiến biển lần nào; chỉ có thể cảm nhận đến những con sóng, gió lộng và nước biển xanh qua trí tưởng tượng của mình thôi.

“Dù sao đi nữa, cuối cùng ngài cũng gửi lại cho ông con vật đóng lọ làm quà cảm ơn, ông để trên kệ cạnh con ta-tu, nó là vật sở hữu có giá trị nhất của ông đấy.”

“Cái nào ông?” tôi rời mắt khỏi con ta-tu rồi ngược mặt lên hỏi.

“Con vật trong lọ trên kệ đó, cháu nhìn đi.”

Tôi ngắm con quái vật nằm trong lọ thủy tinh bọc da dày cộp, nó mang đầy những con mắt kì quái và hăng hà chân cẳng.

“Đó là con mực nang mà ngài đã thu thập được ở mũi Hảo Vọng.”

“Ai thu thập nó ạ?”

“Người mà ta đang nhắc tới là ngài Darwin.”

“Thật à, ông ấy gửi cho ông thật à?” tôi không thể tin được.

“Thật chứ sao không. Cả đời ông ấy hay đi thảo luận với rất nhiều nhà tự nhiên học trên toàn thế giới và cũng có trao đổi mẫu vật với vài người.”

“Ông đang đùa với cháu phải không.”

“Calpurnia à, ông không ‘đùa’ bao giờ cả. Ông và mẹ cháu cùng đồng quan điểm rằng việc dùng từ lóng là biểu hiện của tri thức thấp và vốn từ yếu kém.”

Tôi không thể tin nổi. Trong nhà tôi không những có sách của ngài Darwin mà còn có cả mẫu vật mà chính ông đã thu thập nữa. Tôi nhìn chăm chăm vào mẫu vật và cố tìm hiểu xem hàng loạt tay chân của nó là gì.

“Cái này là gì ông nhỉ?”

“Cháu nghĩ nó là gì?”

Mặt tôi sa sầm lại. “Ông nói cứ như mẹ vậy, mỗi khi cháu không biết đánh vần từ nào là mẹ đều bắt cháu tra từ điển ngay.”

“Tốt, lại thêm một đồng quan điểm nữa.”

Tôi tiến sát lại cái lọ, cố đọc mảnh giấy nhỏ treo trên cổ chai. Chữ viết trên đó thuộc kiểu cổ và đã phai gần hết. Tôi không thể đọc được gì nhưng cũng cảm thấy phấn khích vì nó là chữ viết tay của ngài Darwin.

“Cháu có thể lấy nó ra không? Nhồi nhét cả đồng trong đấy khó nhìn quá.”

“Nó được ngâm bằng rượu trong đó suốt 70 năm rồi. Ông sợ nếu mình lấy ra nó sẽ rã ra hết.”

Tôi nhìn nó chăm chú. Đất liền? Biển? Hay trên không? Mặc dù có nhiều chi nhưng đều mềm như cao su và không đủ vững chắc để tải một trọng lượng nào cả nên chắc chắn nó phải thuộc loại bơi lội. Vậy là động vật biển. Nhưng nó lại không có vây. Làm sao nó có thể bơi mà không có vây nhỉ? Có nghi vấn rồi. Rồi tôi cũng chẳng thấy mang ở đâu. Lại thêm nghi vấn nữa. Mắt thì to như mấy cái bát quá khổ. Sao nó lại cần mắt to như vậy? Trả lời: để nhìn trong bóng tối, chắc là vậy rồi. Con vật này phải từng sống ở khu vực có ánh sáng yếu, nói cách khác là dưới đáy biển sâu.

Tôi kết lại, “Nó là một loài cá, sống gần đáy biển. Nhưng mà trông nó chẳng giống với một loại cá nào mà cháu từng thấy cả. Cháu không biết được nó di chuyển và hô hấp như thế nào nữa.”

“Những gì cháu suy luận ra đều đúng cả. Thật ra rất khó để cháu đoán được thêm nữa vì đúng là nó bị nhồi nhét cả đồng trong chiếc lọ đó mà. Nó là con mực nang, thuộc họ Sepiida, loài Sepia. Nó di chuyển bằng cách hút nước vào trong lớp biểu bì rồi nén ra ngoài từ cơ vòi hút. Mang của nó được giấu trong lớp biểu bì. Khi bị đe dọa bởi con vật ăn thịt, nó sẽ phun ra một đám mây mực màu nâu đen để trốn thoát. Chúng ta dùng lớp vỏ hóa vôi bên trong làm chất mài mòn. Chủ của mấy con chim săn mồi thường dùng nó để mài mỏ cho chúng.”

Mọi thứ cuốn hút lấy tôi, một mảng lịch sử rất ư kì lạ. Tôi lặng lẽ đặt ngón tay mình lên chiếc lọ thủy tinh mát lạnh.

SAU ĐÓ TÔI KỂ cho Harry nghe về con quái vật nhốt trong lọ kì thú đó. Harry giật mình, rời mắt khỏi cuốn sách rồi hỏi, “Em vào trong thư viện rồi à?”

“Vâng,” tôi đáp và nói thêm, “Ông nội mời em vào đây chứ.”

“Ồ, vậy à. Em có để ý chiếc tàu nằm trong chai không? Theo anh đó là vật thú vị nhất mặc dù chưa có cơ hội để quan sát hết tất cả mọi thứ của ông. Ông được Sở Cứu hỏa Tự nguyện tặng nhiều năm trước vì ông quyên góp tiền và mua xe bơm nước cho họ. Anh hi vọng rằng ông sẽ di chúc nó cho anh.” Harry nhìn tôi tò mò. “Có vẻ em đã dành nhiều thời gian cho ông nhỉ.”

“Thỉnh thoảng thôi ạ.”

“Em và ông nội nói gì với nhau?”

Bất giác tôi cảm thấy mình phải cẩn trọng. Tôi chẳng lo lắng gì về Harry rồi, nhưng nếu lũ nhỏ biết được ông là người tìm ra những sự thật lạ lùng và lôi cuốn về trận chiến của thổ dân, những cây ăn sâu bọ khổng lồ, khinh khí cầu thì sao? Ông sẽ chẳng bao giờ là của riêng tôi nữa.

“Thì nói chuyện tầm phào thôi ạ,” tôi nói rồi chột đỏ mặt. Thật sự tôi rất ghét phải che giấu sự thật với Harry. Anh lại tiếp tục đọc sách, tôi thơm lên má anh và chột anh lơ đãng nắm tóc tôi. “Em vẫn là thú cưng của riêng anh phải không?”

“Vâng ạ,” tôi khẳng định.

Tôi không nhận ra rằng những thành viên khác trong gia đình bắt đầu để ý việc tôi hay dành nhiều thời gian cho ông đến khi Jim Bowie có ý kiến, “Sao dạo này chị lại chơi với ông nhiều hơn em vậy, Callie?”

“Đâu phải, J.B. Chị vẫn thường xuyên chơi với em mà. Hơn nữa, chị với ông không phải chơi đùa mà đang nghiên cứu Khoa học,” tôi đáp và chợt nhận ra mình đã phát biểu một cách quá trịnh trọng.

“Là gì hả chị?”

“Là nghiên cứu về những sự vật xảy ra xung quanh mình và hiểu được chúng hoạt động ra sao.”

“Em có thể tham gia không?”

“Có lẽ khi em lớn bằng chị thì được.”

J.B. nghĩ một lúc rồi nói, “Em không thèm đâu. Ông đáng sợ lắm chị Callie ạ, ông hiếm khi cười và bốc mùi kì lắm.”

Sự thật là từ người ông bốc ra mùi len, thuốc lá, băng phiến và bạc hà, đôi khi còn có mùi rượu nữa.

J.B. nói tiếp, “Ông chẳng vui vẻ gì cả. Freddy bạn em có một người ông rất dễ chịu. À, còn một người ông nữa đâu chị nhỉ? Chẳng phải mình có hai người ông sao? Freddy có hai, sao mình lại không có hai nhỉ?”

“Người ông kia qua đời trước khi em được sinh ra. Ông bị mắc bệnh sốt Rickettsia và chết rồi.”

“Ồ ra vậy.” ngẫm nghĩ một lát J.B. lại hỏi tiếp. “Vậy mình tìm thêm một người ông nữa được không?”

“Không J.B. ạ. Ông là người sinh ra mẹ chúng mình, sau đó bị nhiễm bệnh sốt Rickettsia rồi qua đời.” J.B. có vẻ bối rối khi nghĩ về việc mẹ mình từng là một đứa trẻ.

“Thế sao mình lại không tìm được một người ông khác hả chị?”

“Điều này khó giải thích lắm J.B. ạ, một ngày nào đó em sẽ hiểu thôi,” tôi đáp.

“Thôi được.” Mỗi khi tôi nói câu này, thay vì nhặng xị lên như Sul Ross, J.B. bao giờ cũng ngoan ngoãn chấp nhận số phận cả. Rồi J.B. dang tay ra đòi hôn.

“Người chị yêu quý nhất của em là ai nào?” tôi hỏi.

“Chị Callie Vee ạ.” Nó cười khúc khích.

“Ôi, J.B.,” tôi thì thầm vào mái tóc mềm mại như tơ của J.B., ngập tràn trong sự ngọt ngào của em mình.

“Gì vậy chị?”

“Không có gì. Chị sẽ chơi với em thường xuyên hơn, được không nào?” tôi thật lòng bảo.

“Vâng ạ,”

Nhưng từ ngày hôm đó, tôi lại có quá nhiều việc để làm. Trong khi đang thả nổi mình trên sông, ngắm lên bầu trời, bất chợt một tia sáng lóe lên trong đầu và tôi chợt khao khát được hiểu về thế giới của cào cào. Ngay khi lồm cồm bò lên bờ tôi đã chuyển mình thành một nhà thám hiểm thực thụ, và thành quả đầu tiên là một thành viên khác trong bộ sưu tập kì lạ của mình sống ngay đầu kia của sảnh nhà. Đang có một kho tàng sống

hiện hữu ngay trong nhà nhưng trừ tôi ra thì tất cả những anh em khác đều không phát hiện ra điều đó ở ông.

“CHÁU CÓ ĐI KHÔNG, Calpurnia?” ông gọi.

“Vâng, cháu đi ạ!” Tôi nhảy chân sáo xuống sảnh rồi vào thư viện, chiếc giỏ đựng cá vắt vẻo trên vai. Chiếc rọ bằng liễu gai cũ kĩ của ông, bên trong gần như chẳng còn tí mùi cá nào. Trong rọ là Sổ Tay đầy những ghi chép của tôi, mấy cái lọ để thu thập mẫu vật, một chiếc bánh sandwich phô mai, một chai nước chanh bịt nút cẩn thận, và một cuộn giấy sáp hồ đào.

“Hôm nay ông nghĩ chúng ta sẽ dùng tới kính hiển vi,” ông vừa nói vừa cẩn thận nhét nó vào túi. “Cái kính này tuy cũ rồi nhưng thấu kính vẫn còn trong suốt và hoạt động tốt chán. Ông đoán rằng ở trường cháu có nhiều cái mới hơn.”

Thật ra kính hiển vi lúc đấy là thứ quý hiếm và đắt tiền, ở trường làm gì có cái nào. Tôi dám cá rằng đây là cái kính hiển vi duy nhất trong vùng Austin và San Antonio.

“Ở trường cháu chẳng có cái nào đâu ông.”

Ông sống người. “Thật à? Ông chẳng hiểu nổi cái hệ thống giáo dục tân thời này nữa.”

“Cháu cũng vậy mà. Bọn cháu phải học may vá, đan len và thêu vải trang trí. Trong lớp học Phép cư xử, bọn cháu còn phải để cuốn sách lên đầu và đi khắp phòng nữa cơ.”

Ông bảo, “Ông thấy đọc sách bổ ích hơn rất nhiều.” Tôi phì cười, phải nói lại điều này cho Lula nghe thôi.

“Hôm nay ông cháu mình nghiên cứu gì ông nhỉ?” tôi hỏi.

“Mình sẽ quan sát nước hồ nuôi tảo. Van Leeuwenhoek^[20] là người đầu tiên chứng kiến điều mà hôm nay cháu xem được thấy. Ông ấy từng là nhà buôn len, như ông từng là nhà buôn vải cô-tông vậy.” Ông cười bảo. “Đấy, để khích lệ cho những người tập sự, phải nói là những gì ông ấy thấy là không thể tưởng tượng được. À há, ông còn nhớ rõ trải nghiệm đầu tiên của mình, cứ như rơi qua thấu kính vào một thế giới hoàn toàn khác vậy đó. Cháu có đem Sổ Tay theo không? Sẽ có nhiều thứ để ghi chép đấy.”

“Dạ, sẵn sàng rồi ạ.”

Chúng tôi đi về phía dòng sông. Trên đường đi, chúng tôi khuấy động một đàn hươu làm chúng lao về phía mấy bụi cây thấp và trong vòng hai giây ngắn ngủi chúng đã mất hút. Và hiển nhiên là hươu trở thành vấn đề bàn thảo, ông nói về chuỗi thức ăn, về thứ tự của từng loài trong tự nhiên, con nào sẽ ăn con nào.

Chúng tôi đi đến một con rạch nông nằm ở vị trí khuất, được bao quanh bởi một lớp rêu xanh dày. Trong không gian mát lạnh là mùi bùn và mục rữa bốc lên từ ao nước đọng. Bóng hai ông cháu phủ tới đâu là mấy con nòng nọc cứ nguẩy đuôi bơi theo hình dích dắc tránh xa tới đó; có mấy con vật kích cỡ to hơn đang vung vẩy bơi ngược dòng trốn bọn tôi, hình như là con rái cá hay chuột nước gì đó. Gần đó, một đôi nhạn đang chao lượn sát mặt nước tìm mồi.

Hai ông cháu đặt túi đeo vai xuống, ông lôi cả bộ kính hiển vi ra, lắp ráp phần thân và thấu kính, mỗi phần đều được để trong hộp bọc vải nhung tinh xảo. Ông chỉ cho tôi cách ráp từng cái một. “Cháu phải ráp như thế này này,” ông bảo. Chiếc ống bằng đồng thau mát lạnh và nặng trĩu trong tay tôi. Tôi biết rằng mình đang được tin tưởng giao phó một vật rất quý báu. Sau đó

ông đặt chiếc hộp xuống phiến đá bằng phẳng rồi để kính hiển vi lên trên.

“Nào,” ông đưa cho tôi hai mảnh kính mỏng và bảo, “chọn một giọt nước đi cháu.”

“Giọt nào cũng được hả ông?” tôi hỏi.

“Ừ, giọt nào cũng được cả.”

“Nhưng có quá nhiều nước để chọn mà ông,” tôi đáp.

Ông mỉm cười. “Lấy nước ở gần bờ chỗ có nhiều thực vật màu xanh kia kìa, cháu sẽ thấy nhiều điều thú vị hơn.”

Tôi cúi người nhúng tay xuống nước, lấy một giọt nước lên rồi thả nó xuống mảnh kính. Ông chỉ tôi nhỏ thêm một giọt lên trên nữa.

“Bây giờ để nó lên trên bề soi đi,” ông bảo. “Đúng rồi đấy. Việc khó nhất là xoay gương phản xạ đến góc bắt được ánh sáng tốt nhất. Cháu cần đủ ánh sáng để làm nổi bật mẫu vật nhưng không quá sáng sẽ làm chói lòa hết các hình ảnh chi tiết.”

Tôi sờ sờ cái gương phản xạ và đưa mắt vào ống ngắm, tin chắc rằng một điều gì đó rất quan trọng sắp hiện ra. Nhưng tất cả những gì tôi thấy được chỉ là một màn sương xám mờ nhạt, thật thất vọng quá.

“Ông ơi... cháu chẳng thấy gì cả.”

“Này, vặn nút chỉnh độ nét đi” - ông cầm lấy tay tôi - “vặn cho nó từ từ đi xa ra. Đừng nhìn lên. Vừa nhìn vừa vặn đi cháu.”

Thật là một bài tập làm tôi phát ngượng.

“Cháu có đủ ánh sáng chưa?” ông bảo. “Đừng quên chỉnh gương phản xạ đấy nhé.”

Và rồi nó cũng xuất hiện. Một thế giới lúc nhúc những sinh vật bơi loảng ngoảng đập vào mắt tôi làm hết cả hồn.

“Oái!” Tôi thét to và nhảy dựng lên, tí nữa là làm lật nhào chiếc kính hiển vi. “Eo ôi,” tôi vừa lau bầu vừa giữ cho chiếc kính thăng bằng lại rồi nhìn ông.

“VẬY là cháu đã thấy được những sinh vật đầu tiên qua kính hiển vi rồi phải không,” ông mỉm cười bảo. “Nhà hiền triết Hy Lạp cổ Plato đã từng phát biểu rằng khoa học bắt nguồn từ sự kinh ngạc mà.”

“LẠY Chúa tôi,” tôi nói rồi nheo mắt nhìn lại vào thấu kính. Có mấy con gì đó đầy tóc phóng ngang qua; một con gì đó đập đuôi vụt lại; một quả cầu gai nhìn như quả chùy thời trung cổ lăn xuống; những chiếc bóng mờ nhạt mỏng manh thoát ẩn thoát hiện trong tầm quan sát của thấu kính. Mọi thứ thật hỗn độn, hoang dại,... và kì diệu nhất mà tôi được thấy từ trước tới giờ.

“Đây là những thứ mà cháu thường đựng phải khi tắm sông đây sao?” tôi thốt lên, ước rằng mình chưa từng thấy chúng. “Những thứ này là gì vậy ông?”

“Đó là những gì chúng ta tìm thấy. Có lẽ cháu nên phác họa lại một vài con để dễ phân biệt sau này khi đọc về chúng.”

“Phác họa mấy con này hả ông? Nhưng chúng di chuyển nhanh quá.”

“Đúng, vậy mới là thử thách chứ. Này, cầm bút chì đi cháu.”

Tôi ngồi cạnh chiếc kính, hì hục nhìn rồi vẽ, vẽ rồi lại nhìn bằng mọi khả năng của mình. Một lúc sau, tôi nhận thấy có một số sinh vật quen thuộc xuất hiện lại làm cho việc phác họa lại chúng trở nên dễ dàng hơn. Ông ngân nga một điệu nhạc của Vivaldi và lảng xảng bên cạnh với chiếc lưới biến dạng của mình. Tôi vừa gặm nhấm cán bút chì vừa nhả nhó với bức vẽ, trông nó chẳng khác nào một cục tròn tròn nham nhở vắt ngang tờ giấy vậy.

“Cháu rất tiếc phải thừa nhận rằng bức vẽ này chẳng đẹp tí nào cả ông ạ,” tôi đưa cho ông xem.

“Nếu nói về phác họa thì nó hoàn toàn đầy đủ phẩm chất. Nhưng điều quan trọng hơn là nó có đủ để chúng ta so sánh và nhận ra chúng trong bản đồ sinh vật trong phòng thí nghiệm hay không? Nếu như được thì cháu vẽ như vậy là ổn rồi.”

“Cháu nghĩ là cháu sẽ nhận ra được, nhưng còn việc có dám xuống sông bơi lội nữa hay không thì không biết ạ.” Tôi đáp.

“Mấy sinh vật này đều vô hại cả Calpurnia à, và chúng đã tồn tại dưới sông bao nhiêu niên kỷ trước khi cháu xuất hiện mà. Thêm vào đó, cháu cũng hãy tự an ủi rằng khi cháu tắm sông làm động nước thì bọn chúng cũng đâu thích thú gì phải không.”

“Vâng thưa ông,” tôi gượng gạo đáp nhưng trong lòng vẫn e ngại.

Chợt bụi cây sột soạt và con chó Ajax của ông phóng ra, tỏ vẻ miễn nguyện khi tìm thấy chúng tôi. Chắc chắn là nó đang đi tìm con chó săn gấu trúc đốm xanh tên Matilda của ông Gates để ve vãn rồi, nàng cầu này hay đổi từ giọng trầm sang giọng tru inh ỏi cả thị trấn. Ajax mừng hết ông đến tôi, dụi mõm vào hai ông cháu để được vỗ đầu rồi nhảy qua khu nước cạn và sục sạo

mảng nước lợ. Chợt một chú rùa to cỡ nắm tay chui đầu ra từ khúc gỗ mục làm Ajax luýnh quýnh chạy theo. Nó cũng thường thích đuổi bắt rùa và những con thú nhỏ dưới nước nhưng tôi chưa bao giờ thấy nó bắt con nào cả. Có vẻ nó là một chuyên gia nghiên cứu về loài chim thì đúng hơn. Nhưng lần này thật ngạc nhiên khi thấy nó vục hết cả đầu xuống nước rồi bối rối ngóc lên với một chú rùa cũng đang hốt hoảng trong mõm.

“Ajax, mày làm gì vậy? Thôi ngay và để nó lại chỗ cũ đi.” Tôi bảo.

Nhưng nó vẫn nhảy cẫng về phía hai ông cháu, tỏ vẻ hài lòng và cẩn trọng đặt chú rùa xuống dưới chân chúng tôi trước khi lặn mình làm nước văng tung tóe. Xong nó ngồi xuống và nhìn tôi chờ đợi.

“Nó nghĩ rằng vừa hoàn thành nhiệm vụ đấy. Cháu nên khen nó đi, không thì thành quả huấn luyện của bố cháu sẽ trở thành công cốc đấy,” ông bảo.

“Ôi, Ajax ngoan, Ajax giỏi.” Tôi vỗ nhẹ lên đầu nó. “Chúng ta phải làm gì với con rùa này đây? Travis đang nuôi một con trong phòng rồi, chắc chắn mẹ sẽ không chịu đựng thêm một con nào nữa đâu. Chắc ông phải giữ vòng cổ nó để cháu thả con rùa này đi thôi.”

“Ông sẽ dẫn nó ra bờ sông,” ông bảo. “Đừng để nó thấy cháu thả con rùa đi, nếu không nó sẽ tự nghi ngờ về hành động của bản thân và rồi sẽ từ từ mất nhuệ khí đi đấy.” Nói rồi ông dẫn Ajax đi, đến khi cả hai khuất bóng thì tôi bắt đầu quan sát chú rùa. Tại sao nó lại để cho một con vật trên cạn to lớn và ngu ngốc bắt đi như vậy? Nó già rồi ư? Hay nó đang bị ốm? Tôi chẳng thấy nó có vấn đề gì cả, nhìn nó cũng giống như bao con rùa khác trên sông mà. Chắc đơn giản là nó ngu ngốc thôi. Hay là nó thà chết để không phải sản sinh ra thêm những thế hệ rùa con ngu ngốc

sau này nữa nhĩ. Nhưng muộn rồi, tôi đã can thiệp và dĩ nhiên là phải chịu trách nhiệm cho sự an nguy của nó. Tôi chột vu vơ nghĩ về bản thân mình sẽ xử trí ra sao để tồn tại trong trường hợp bất khả kháng như vậy, rồi thả chú rùa xuống nước và nó biến mất tăm ngay trong chớp mắt.

“Được rồi, ông thả nó ra đi.” Tôi ngoảnh lại thét to.

Tôi leo ra bờ sông theo sau họ, lên đến nơi thì gặp Ajax, nó ngửi ngửi tôi để tìm chú rùa. “Nó đi rồi,” tôi vừa xòe hai bàn tay trắng ra vừa bảo. “Thấy rõ chưa?” Tôi thề rằng Ajax hiểu tôi nói gì vì tai nó cụp xuống và quay mặt đi chỗ khác.

“Nó bò đi rồi Ajax ạ, tao xin lỗi mà. Lại đây và ngoan nào.” Tôi làm xù lông nó lên và cù vào hai bên sườn như nó vẫn thường thích mặc dù biết rằng sẽ dính mùi ỉm của chó đến hết ngày. “Nào, chó ngoan của chị, ngoan nhé.” Có vẻ nó vui lên được đôi chút và đủ vị tha để đi cùng tôi đuổi theo ông.

Ajax tìm thấy một cái hang rất to, lâu rồi mới thấy một cái như vậy. Nhìn và ngửi ra thì có vẻ là hang con lửng, loài đang khan hiếm dần trên thế giới. Ajax tự đùa nghịch bằng cách dụi mõm sâu vào trong rồi hít lấy hít để rất phấn khích.

“Ông thấy cái gì đằng kia vậy?” tôi kêu vọng sang phía ông, ông đang thích thú nhìn chăm chú vào một cây thực vật chẳng hay ho gì cả. “Đi nào Ajax.” Tôi phải lôi mạnh vòng cổ để kéo Ajax ra, tránh cho nó bị mất chóp mũi vì một cú quất thành linh của gia chủ khét tiếng cái kính của cái hang này.

“Đậu tằm^[21],” ông bảo. “Trông thì giống cây đậu tằm lông nhưng hình như đã bị biến dị rồi. Nhìn cái lá phụ lạ lùng ở dưới gốc kia.” Ông ngắt một ít cuống rồi đưa cho tôi. “Cắt nó đi cháu.”

Mẫu thực vật này chán phèo, nhưng tôi vẫn cất nó vào lọ và chú thích ĐẬU TẦM LÔNG (BIẾN DZI?).

Ông bảo, “ông còn tìm thấy một con sâu bướm lông mịn ở đây nữa này. Cháu từng nuôi một con như vậy bao giờ chưa?” Nói rồi ông giơ nhánh cây lên, trên đó một chú sâu bướm to và nhiều lông nhất mà tôi từng thấy, dài khoảng 2 inch. (Hay chính xác hơn là dài 5cm. Ông từng bảo tôi một nhà khoa học thực thụ phải dùng hệ thống đo lường lục địa của Pháp, và sẽ sớm được ứng dụng rộng rãi ở Mỹ). Con sâu bướm nằm trong lớp lông dày nhìn giống một tấm vải nhung và tạo ra cảm giác gọi mời như lông mèo, nhưng tôi biết rõ rằng không nên động vào nó. Từ trước đến nay tôi đều được bảo rằng lông sâu bướm chích rất đau. Tôi chỉ không biết là rất đau hay đau đốn cùng cực nữa.

“Nó thuộc loài nào vậy ông?” tôi hỏi.

“Ông cũng không chắc nữa. Nhìn bằng mắt thường thì chúng đều giống nhau cả. Chỉ có thể biết rõ khi nó thành bướm thôi.”

“Vậy nó chích đau đến cỡ nào hả ông?”

Ông bảo, “Ông nghĩ cháu có thể tự chạm vào thử. Điều này cũng khá thú vị: Cháu dám hi sinh đến đâu khi nhân danh là một nhà khoa học? Cũng là một điều đáng suy xét đấy.”

Ừm, thật ra tôi chỉ cần cho mấy cậu em một đồng rồi xui chúng làm thay tôi. Nhưng nghĩ về cái giá phải trả từ sự trừng phạt của mẹ làm tôi chùn bước, chắc chắn là không đáng rồi.

“Đem nó về nhà đi ông, cháu sẽ nuôi nó và đặt tên nó là Petey,” tôi bảo.

“Calpurnia, không nên đặt tên cho mẫu vật thí nghiệm của mình đâu.”

“Sao vậy ông?” tôi vừa hỏi vừa bỏ Petey và nhánh cây của nó vào lọ Mason lớn nhất, loại một lít, có đục lỗ trên nắp.

“Nó sẽ làm hỏng độ khách quan của thực nghiệm.”

“Cháu không hiểu lắm ông ạ!”

Ông không để ý lời tôi nói mà chăm chú vào dấu chân của mấy con vật. “Hình như là dấu chân cáo,” ông lầm bầm. “Nhìn có vẻ còn có mấy con mèo con nữa. Thật thú vị. Ông nghĩ chúng bị xoi hết rồi.”

Khi về đến nhà, tôi thấy Sam Houston và Lamar bắt được một con cá trê, đặt lên cân của xưởng tĩa hột bông, nó nặng hơn 20kg. Cái miệng vĩ đại và nhả nhỏ của nó dính chặt mấy sợi râu ngoe nguẩy to như cây bút chì. Trông nó thật đáng sợ. Nhưng con to nhất của giống cá này cũng không chống trả dữ dội lắm khi cắn câu nên mấy ông anh của tôi chẳng thấy vất vả. Thử thách lớn nhất là làm sao kéo nó lên bờ và lôi về nhà mà không bị mấy cái ngạnh đầy nọc độc chích phải.

Tối đó nhà tôi chiên xù khứa cá lớn, phần thịt trắng phau vẫn còn vương vấn chút mùi bùn tanh nhưng có vẻ chẳng ai để ý cả. Còn tôi thì chẳng muốn ăn và chẳng muốn nhìn thấy nó. Nói về kích thước thì nó to bằng J.B. ấy chứ. Nó to đến nỗi có thể nuốt chửng cả cái chân của tôi trong khi tôi thì suốt ngày bơi lội trên dòng sông ấy. Cứ thử nghĩ đến lúc nó cắn chặt và lôi tôi xuống đáy rồi giữ ở đó quá lâu hay chỉ cần vừa đủ lâu, tùy thuộc là nhìn từ phía nó hay phía tôi mà thôi. Gia đình tôi sẽ tìm thấy tôi sau đó với mái tóc bù xù như nàng Ophelia^[22] tội nghiệp. Hay họ chẳng thể tìm thấy phần cơ thể nào đủ lớn để làm đám tang mà

chỉ còn cái áo lót thôi. Có ai đòi đi làm đám tang cho cái áo lót không nhỉ? Chắc là không rồi. Còn một cái chi thì sao nhỉ? Chẳng phải cánh tay của tướng Jackson^[23] cũng được cử hành tang lễ long trọng đấy sao? Hay cái đầu? Tôi nghĩ cái đầu là ổn nhất.

Đến đó thì tôi thấy rằng mình đã phân tích vấn đề đầy đủ rồi và cố gắng không nghĩ tới nó nữa. Nhưng vài tháng sau, mỗi lần xuống sông tôi lại nghĩ đến một bên là con thủy quái đang rình rập chờ chực xâu xé tôi, một bên là lũ sinh vật siêu vi vùng đầm lầy kia đang âm thầm chui vào trong tôi. Thật tiếc khi phải thừa nhận rằng đôi khi kiến thức lại làm hỏng cả ngày hay ít nhất là làm tâm tôi đi một ngày của bạn.

CHƯƠNG 9

PETEY

Đặc tính riêng của con tằm thường sẽ xuất hiện vào thời kì thành sâu bướm hoặc giai đoạn làm kén.

MÙA HÈ CỨ THẾ TRÔI QUA, tôi dành nhiều thời gian hơn để nghiên cứu khoa học và dĩ nhiên là ít tập đàn dương cầm hơn. Nhưng việc này có vẻ chẳng hay ho chút nào vì mỗi lần trốn học là tôi phải tập lại và còn phải tập thêm nửa tiếng đồng hồ nữa chứ. Vào thứ 7, sau khi tập suốt hai tiếng đồng hồ (!), tôi chuồn ra thư viện với cuốn Sổ Tay.

“Vào đi cháu,” ông nói vọng ra. Ông đang sẫm soi mấy hình ảnh trong *Bản đồ sinh vật siêu vi vùng ao hồ*.

“Cháu vừa thực hiện xong nghĩa vụ văn hóa của ngày hôm nay phải không?” ông nói mà chẳng buồn ngẩng mặt lên, lúc đầu tôi thoáng ngỡ ngàng nhưng rồi tôi chợt nghiệm ra rằng với ô cửa sổ mở toang thế này thì dĩ nhiên ông nghe được tôi đập tay âm âm lên đàn từ phòng khách hết cả rồi. “Thật sự là ông cũng thích bài *Nhạc nước* đó, và ông hi vọng rằng cháu sẽ không chán nó vì phải tập quá nhiều đến nỗi ghét nó cả đời. Đó là hậu quả nghiêm trọng của việc phải tập đàn quá tải đấy. Ông hi vọng rằng Margaret có thể hiểu ra điều đó.”

“Mẹ bảo cháu tập lại nửa tiếng vào ngày mai. Ồ,” tôi thốt lên khi nhìn thấy mấy hình ảnh qua vai ông, “đó là hình mà cháu từng vẽ phải không?” Nói rồi tôi mở Sổ Tay đến chỗ mấy tấm ảnh phác họa sinh vật ao hồ siêu vi đã vẽ hôm nọ. Chiếc chùy trung

cổ tôi vẽ nhìn có vẻ giống một con trong sách. “*Volvox*,” tôi đọc lên “Vôn-vóc-xờ. Đọc như vậy đúng không ông?”

“Ừm, đúng rồi. Thật là một hình dáng không chệ vào đâu được. Ông phải thừa nhận rằng trong các con thuộc bộ Chlorophyta thì ông luôn bị rung động bởi nó.”

“Nhìn kìa,” tôi kêu lên, “thêm một con nữa này.” Hình ảnh phác họa của tôi không còn là thứ tầm phào nữa rồi, tôi tự cảm thấy hài lòng quá thể.

“Hãy chú thích lại tên của chúng trong Sổ Tay của cháu đi,” ông bảo, “đồng thời ghi lại số trang trong cuốn bản đồ để cháu có thể tra cứu lại chúng mỗi khi cần thiết.”

Tôi quyết định dùng bút mực thay vì bút chì làm cho công việc trở nên căng thẳng hơn hẳn, nhưng rốt cuộc nhìn nó như một vết lem nhỏ mà thôi.

Rồi tôi hỏi ông, “Cháu phải cho Petey ăn gì ông nhỉ?”

“Ai cơ chứ?” ông hỏi.

“Petey, con sâu bướm á.”

“Calpurnia, chẳng lẽ ông phải chỉ cho cháu từng chút một như em bé à? Chắc chắn là cháu có thể tự nghiệm ra chứ. Hãy nghĩ về vấn đề này đi, cháu có nhớ là đã tìm thấy nó ở đâu không? Nó sống trên cây gì?”

“À,” tôi chợt nghĩ ra và lon ton chạy đi tìm loại lá giống cái cây nơi hai ông cháu đã nhận nuôi Petey. Mọi thứ cũng hợp lý nhỉ. Công việc duy nhất của sâu bướm là ăn cho nên chẳng bao giờ tìm thấy nó lảng vảng ở nơi nào có thức ăn mà nó không thích cả. Tôi vừa bỏ lá vào lọ thì Petey liền mê mẩn cuộn mình lại

ngay. Tôi thay luôn cành cây ngắn ngắn hôm nọ bằng một nhánh cây to hơn để tiện hơn cho Petey vận động và tiêu khiển theo nhu cầu tất yếu của nó. Tôi để chiếc lọ chứa Petey cạnh cái tổ chim ruồi và một tô nòng nọc mà tôi đang nghiên cứu trên bàn trang điểm làm nó ngày càng chật chội hơn. Nửa tiếng sau khi tôi nhìn lại đã thấy Petey nhóp nhép trên nhúm lá và trông có vẻ hài lòng lắm, nhưng thật ra nó buồn hay vui thì tôi làm sao biết rõ được?

Trước khi đi ngủ tôi lại ghé thăm Petey, nó nằm im bất động, giãn hết cả người ra trên nhánh cây, hình như đang ngủ. Tôi cũng mong rằng nó chỉ đang ngủ thôi chứ không phải là đã chết. Tôi quan sát xem Petey có mắt hay không và nó có đang nhắm mắt hay không. Nhìn hai đầu của nó đều như nhau, nhưng khi soi kỹ bằng kính lúp, tôi phát hiện ra hai chấm đen nhỏ tí nằm ẩn mình dưới lớp lông ở một đầu. Chắc là mắt của nó rồi, nhưng hình như chẳng thấy mí mắt đâu cả.

Tôi liền viết câu hỏi vào Sổ Tay: Vì sao sâu bướm lại không có mí mắt? Chẳng phải nó tiếp xúc với ánh nắng mặt trời suốt ngày như vậy thì lẽ ra phải có mí mắt chứ nhỉ!

Đến sáng hôm sau đến lượt Travis thăm soi Petey và đưa ra một quan điểm mà tôi chưa từng nghĩ tới, “Tại sao chị lại đặt tên nó là Petey, làm sao biết được nó là con đực cơ chứ?”

“Thật tình chị cũng không biết nữa,” tôi đáp. “Có lẽ chúng ta sẽ biết được khi nó thành bướm. Hơn nữa chị cũng chẳng biết là nó sẽ hóa thân thành loài bướm nào nữa kìa.”

Lại thêm vài câu hỏi vào trong Sổ Tay: Sâu bướm có phân biệt giống đực và cái hay không? Có khi nào chúng chuyển hóa giới tính từ trong kén hay không? Ông từng nói cho tôi nghe về ong vò vẽ có thể lựa chọn giống đực hay cái trong giai đoạn phôi

thai. Thật là một điều thú vị, tôi không hiểu vì sao trẻ con lại không được quyền chọn như vậy trong giai đoạn còn hồi sữa nhũ, đến khoảng năm tuổi ấy. Với tất cả những gì tôi chứng kiến từ cuộc sống của con trai và con gái, chắc chắn tôi sẽ chọn làm con trai rồi.

MẸ CHẲNG THÍCH THÚ gì sự có mặt của Petey nhưng vẫn bao dung vì biết nó sẽ hóa thành một con bướm xinh đẹp. Mẹ luôn yêu quý cái đẹp trong cuộc sống này. Bà tài trợ cho Dàn hợp xướng Lockhart và cho chúng tôi đi xem múa ba-lê ở Austin mỗi năm một lần. Đi mất nửa ngày bằng xe lửa để đến đó, rồi nghỉ lại tại khách sạn Driskill nơi bọn tôi sẽ được ăn kem sô-đa cạnh đài phun nước và uống trà chiều tại phòng Pha Lê.

Tháng nào mẹ cũng nghiền ngẫm mấy tờ tạp chí đặt gửi qua đường bưu điện: *The Ladies' Home Journal* và *McCall's*. Từ đấy bà vẽ hoa văn, cắt may những bông hoa lụa để trưng trong phòng khách. Mặc dù chúng tôi có cả cánh đồng hoa dại nở rộ mỗi độ xuân về nhưng mẹ chẳng bao giờ động đến cả. Đôi lúc tôi cũng hái cả bó rồi cắm vào lọ hoa cạnh đầu giường, nhìn cũng đẹp đấy nhưng một hai ngày sau là héo hết cả, chỉ còn lại chiếc bình đầy nước nặng mùi.

Petey chẳng màng gì đến cuộc sống xung quanh cả, hay nói đúng hơn là nó chẳng để ý tới bất kì thứ gì khác ngoài bó lá tôi bỏ vào mỗi ngày. Nó chỉ ngủ rồi ăn, ăn rồi ngủ, thỉnh thoảng giữa hai hoạt động đó, nó thải ra mấy hạt đặc keo màu xanh từ phần đuôi. Thế là ngày nào tôi cũng phải dành thời gian để dọn dẹp chỗ ở cho nó cả. Tôi đã không chuẩn bị để làm việc này nên một thời gian sau là bắt đầu cảm thấy ngán ngẩm, nhưng rồi lại tự nhủ với bản thân rằng hãy tiếp tục cố gắng vì sau này sẽ được đền đáp bằng một con bướm tuyệt đẹp. Petey lớn nhanh như thổi, tròn quay như cây xúc xích. Một hôm tôi hái nhầm lá, thế

là nó hờn dỗi không thèm ăn. Tôi bực bội định vút nó ra đường để bớt phiền phức, hơn nữa nó cũng chẳng phải là vật nuôi dễ thương gì cả.

Khi tôi bày tỏ ý định này thì bị ông mắng cho một trận, “Calpurnia, cháu phải nhớ rằng Petey không phải thú nuôi của cháu mà chỉ là một thành phần trong chuỗi sinh vật tự nhiên mà thôi. Những con vật cấp cao sẽ thú vị hơn nhiều, ông cũng phải thừa nhận rằng chính bản thân mình đôi cũng khi chán nản, nhưng không phải vì thế mà chúng ta có thể bỏ qua việc nghiên cứu các động vật cấp thấp. Điều này chỉ chứng tỏ cho việc làm không có mục đích và học thức kém mà thôi.”

Và vì khoa học, tôi lại tiếp tục dọn phân cho sâu bướm. Rồi chẳng rõ vì lý do gì Petey không chịu ăn gì cả. Tôi kiểm tra lại thức ăn, vẫn đúng loại lá đó, nhưng nó lại chẳng màng quan tâm tới. Tôi nghĩ, *Mày tiêu rồi phải không con sâu bướm hay hờn dỗi kia. Chắc tao phải ném mày ra bãi cỏ cho mày đi chơi với mấy con chim, xem lúc đó mày sẽ thế nào.*

Sáng hôm sau, tôi ngỡ ngàng khi thấy Petey đã đóng thành kén. Vậy không phải nó đang hờn dỗi mà là đang chuẩn bị cho quá trình chuyển hóa của mình. Suýt chút nữa tôi đã quăng đi con sâu bướm vô tội ấy đi.

Cả ngày nó cứ phun ra những sợi xám từ miệng (tôi đoán vậy) rồi miệt mài cuộn qua cuộn lại, tô điểm cho cái kén hỗn độn ấy hết hướng này qua hướng khác, nhìn thấy thật cầu thả. Trình độ đan len của nó chẳng khá gì hơn tôi cả, làm tôi cảm thấy đồng cảm hơn. Nó dần dần bao bọc thân mình vào chiếc bao con nhộng.

“Ngủ ngon nhé Petey,” tôi ra lệnh cho nó. Petey khẽ trở mình lần cuối rồi lại nằm im trong chiếc cũi tự tạo. Cái kén cứ thế bắt

động suốt hai tuần liền, ở trong đó, Petey đang chậm rãi tiến hành cuộc chuyển hóa diệu kỳ, sắp xếp lại các bộ phận của mình trong giấc ngủ. Tôi cảm thấy có gì đó rất kì diệu và huyền bí, sâu xa hơn nữa là một cảm giác rợn người, làm cho ta nghĩ đến Sự Sống và Cái Chết.

Tôi chưa từng chứng kiến người chết bằng xương bằng thịt nào cả, gần nhất là hình chụp bằng phương pháp Daguerre của chú Crawford Steele, chú ấy mất lúc 3 tuổi vì bệnh bạch cầu và được quấn trong một mớ dây trắng. Nhìn thấy những phần trắng trên đôi mắt trũng sâu làm tôi biết chắc rằng chú ấy không phải đang ngủ, và điều này chẳng ổn chút nào. Tôi lại gần Harry rồi hỏi, “Anh có nhìn thấy người chết bao giờ chưa?”

Anh đáp, “Chưa. Mà sao em lại hỏi anh như vậy?”

“Chẳng có lý do gì đặc biệt cả.”

“Tại sao em lại nảy ra những ý nghĩ đó nhỉ? Thỉnh thoảng em làm anh sợ đấy.”

“Em ư? Làm anh sợ ư?” Cái ý nghĩ rằng tôi có thể hù dọa ông anh lớn to khỏe của mình thật nực cười. “Em đang tưởng tượng quá trình Petey sắp xếp lại bộ phận của nó làm em nghĩ đến những động vật sống, rồi lại nghĩ đến những động vật chết. Lúc nào có đám tang trong thị trấn anh dẫn em đi xem nhé!”

“*Callie Vee* à.”

“Đâu có gì ghê gớm lắm đâu, là nghiên cứu khoa học thôi mà. Ông Backy Medlin nhìn có vẻ già yếu hơn hem lắm rồi đấy. Anh có biết ông ấy bao nhiêu tuổi rồi không?”

“Sao em không tự đi mà đếm rằng ông ấy luôn đi?”

“Ý hay đấy anh Harry ạ, nhưng chắc ông ấy chẳng còn chiếc nào đâu. Ông ấy sẽ chết sớm thôi, anh nhỉ?”

Ngày nào tôi cũng đi học ngang qua trước xưởng tĩa hột bông, chỗ ông Backy Medlin thường ngồi tụ tập cùng mấy ông lão lắm cảm khác, la lối, văng nước bọt tranh luận những câu chuyện về thời chiến, rằng nó xảy ra thế này, không phải thế kia và nhiều thứ vớ vẩn khác. (Cái tên Backy xuất phát từ việc ông ta thường nhai rất nhiều thuốc lá rồi luôn nhổ trệt khỏi bỏ rác. Ông ta hay nhổ liên tục, thô tục và bừa bãi, bởi vậy xung quanh ông ta lúc nào cũng la liệt những bã thuốc màu nâu, ai đi ngang cũng phải dè chừng). Chẳng còn ai thèm đoái hoài đến đám người già này nữa cả. Đôi lúc khi chán tán gẫu, họ lại ngồi chơi đô-mi-nô với những quân cờ cũ mềm được dùng hàng triệu lần đến nỗi chẳng thể đọc nổi có mấy chấm trên đó nữa. Những quân cờ lách cách trên bàn, thỉnh thoảng một ông hô lên “Ha!” báo hiệu vừa quăng ra một nước đi tốt.

“Vậy anh sẽ dẫn em đi đám tang của ông Backy chứ?” Tôi hỏi.

Harry đáp, “Có phải em không vậy Callie, ăn nói thế chẳng hay ho gì đâu.”

“Em đâu có trù ông ấy chết đâu. Em chỉ tò mò thôi mà. Ông bảo sự tò mò là yếu tố qu... quy... ế...”.

“Quyết định chứ gì?”

“Đúng rồi, yếu tố quyết định cho nghiên cứu khoa học của thế giới.”

“Được thôi. Nhưng em đã tập đàn chưa? Ngày mai cô Brown sẽ đến đấy.”

“Anh cảm rằm chẳng khác mẹ chút nào cả. Em chưa tập, nhưng em sẽ tập đây. Harry này, mình còn phải học bao nhiêu năm nữa nhỉ? Em chán tập piano lắm rồi, còn anh thì sao? Sao không để mấy đứa khác học nhỉ? Em còn vô khối thứ hay ho hơn để làm.”

“Mấy thứ hay ho khác làm với ông chứ gì.”

“Dạ, vâng.”

“Lần trước anh có hỏi qua nhưng em không trả lời. Nào, bây giờ thì cho anh biết em thường làm gì với ông vậy?”

“Tuyệt lắm Harry ạ, có nhiều thứ để kể lắm. Nào là sâu bọ, rắn rết, chó mèo, đến cả mèo hoang, cây cối, ong bướm, chim chóc, mây mưa, nắng gió, gấu, rái cá nữa... mặc dù khó mà tìm thấy chúng ở gần đây. Còn cả chuyện về tàu săn cá voi và...”

“Rồi rồi, đủ rồi.”

“Về những vùng biển phía Nam và Grand Canyon^[24]. Rồi về những hành tinh và những ngôi sao.”

“Rồi rồi.”

“Cả những nguyên tắc về công đoạn chiết xuất. Anh biết ông đang nghiên cứu để làm rượu hồ đào đúng không? Thú thật là chẳng đâu vào đâu cả, nhưng đừng nói lại với ông là em nói vậy nhé!”

“Được mà,” Harry đáp.

“Nào là định luật Newton này, lăng kính, kính hiển vi...”

“Anh biết rồi.”

“Trọng lực, ma sát, thấu kính...”

“Đủ rồi nghe không!”

“Chuỗi thức ăn này, nguyên tắc tuần hoàn của mưa này, quy luật thứ tự trong tự nhiên này. Anh đi đâu vậy Harry? Còn có nòng nọc, cóc, thằn lằn và ếch nữa. Đừng đi chứ. Em còn được thấy siêu vi, mấy con vi trùng ấy, qua kính hiển vi. Rồi còn bướm và sâu bướm, bởi vậy em mới đem Petey về đây; đừng quên nó nhé anh! Harry ơ?”

MỘT BUỔI SÁNG tôi bị đánh thức bởi tiếng lách chích như lũ chuột thường xuyên náo trong tường, nhưng lần này nó lại phát ra từ chiếc lọ đựng Petey. Trong phòng tối quá nên tôi kéo rèm ra rồi đặt chiếc lọ lên bệ cửa sổ. Cái kén phập phồng tứ phía. Khi ánh sáng tràn dần qua ô cửa, Petey vùng vẫy và từ từ đục cái kén, nó chẳng thấy mặt tôi đang gi sát bên thành lọ, mà chắc cũng chẳng thèm để ý làm gì. Rốt cuộc nó cũng đục thủng được một lỗ to ở đầu kén rồi cố hết sức dần dần trồi ra.

Và kìa, khác với trí tưởng tượng của tôi về một sinh vật đẹp rạng ngời, thay vào đó là một con bướm thân hình mập mạp với đôi cánh ẩm ướt đang cụp lại. Nó rùng mình, cố tự tách cánh ra. Tôi chợt nhận ra rằng nó không còn là Petey ngày nào nữa, phải tìm tên mới cho nó để biểu đạt cho vẻ đẹp mà tôi từng mong chờ bấy lâu thôi. Gì nhỉ... là Fleur vì nó sống trên mặt hoa, hay là Shapphire, hay Ruby, tùy vào màu cánh của nó. Cuối cùng tôi quyết định để cho nó tiếp tục một mình và xuống nhà ăn sáng.

Tôi công bố hùng hồn trên bàn ăn, “Petey đã nở rồi và đang đợi cho cánh khô.”

“Tuyệt quá, nó màu gì?” mẹ hỏi.

“Con chưa biết nữa mẹ à. Nó vẫn chưa tách xong cánh. Nhưng chắc chắn phải có tên mới vì nó không còn là sâu bướm Petey nữa rồi.”

“Nào các con, có ý kiến gì không?” mẹ hỏi.

Bé Sul Ross bảy tuổi tuyên bố, “Mình nên đặt tên nó là... là...” nó bối rối, “... là Bướm.”

“Cũng được đấy cưng ạ,” mẹ bảo.

“Tên Belle, đại diện cho sắc đẹp có được không,” Harry nói.

“Cũng hay đấy Harry. Còn ý kiến nào khác không?”

Ông chen vào, “Cháu nên chờ xem nó nom ra sao đã.”

Thật là một lời góp ý kì quặc, nhưng nếu nói đến sự hiểu biết về loài bướm thì không ai hơn được ông, chắc chắn phải có lý do chính đáng.

“Vâng, vậy chờ xem nó nhìn ra sao rồi hãy đặt tên vậy, mặc dù tên Belle nghe cũng được đấy.” Sul Ross tiu nghỉu cố nói thêm, “Bướm nghe cũng hay vậy chị Sully. Hay em gọi nó là Bướm Belle nhé.”

“Nó là đực hay cái vậy Callie?” Travis hỏi.

“Chẳng biết nữa,” tôi vừa nhồm nhoàm bánh rán vừa đáp.

“Đừng có vừa ăn vừa nói như thế chứ,” mẹ mắng.

Ăn sáng xong, ba đưa em trai nối gót tôi lên phòng để làm lễ đặt tên cho chú bướm vừa chào đời. Kia, Petey, hay Belle, đang tự hào dang rộng đôi cánh to tướng choán hết cả chiếc lọ. Nó thật

vĩ đại, nhợt nhạt và phủ đầy lông lá. Nó chắc là con nhậy to nhất thế giới.

“Con bướm này nhìn ngộ nhỉ,” Sul Ross bảo. “Nó bị làm sao ấy nhỉ?”

“Nó đâu phải bướm, Sully,” Travis nói. “Nó là con nhậy. Chị có biết nó là nhậy không vậy Callie?”

“Ừm,” tôi hơi lùi lại bên cạnh em mình, “cũng không rõ nữa.”

“Lạy Chúa, em chưa bao giờ thấy con nhậy nào to như vậy cả,” Travis thốt lên.

“Em cũng vậy, nhìn nó ghê ghê phải không?” Sul Ross bảo.

“Ừ...” Thật sự là nó ghê ghê thật, nhưng tôi chẳng bao giờ thừa nhận đâu. Tôi chẳng ngờ là nhậy có thể to như vậy, nhất là con này chỉ mới nở thôi đấy.

“Chị định làm gì với nó đây?” Travis hỏi.

“Dĩ nhiên chị sẽ nghiên cứu nó,” tôi nói nhưng trong lòng chẳng hiểu mình phải làm cái quỷ gì với con quái vật này nữa.

“Được rồi, nhưng chị định nghiên cứu về cái gì đây?”

“À, xem nào... thói quen ăn uống, đại loại vậy á. Rồi thói quen chọn bạn đời. Đúng rồi, khu vực sống, kích thước cánh, mấy thứ giống vậy á.”

“Chị có phải chạm vào nó không?” Sul Ross rụt rè. “Còn em thì chắc chắn là không muốn đụng vào nó rồi.”

“Chắc là chưa đâu, nó mới bung kén thôi mà, cần thời gian để thích nghi chứ.” Tôi đáp.

“Chị phải nhanh chóng tìm cho nó một cái lọ khác to hơn thôi Callie ạ, nó sắp làm vỡ cái này rồi đấy.”

“Chị không nghĩ là nó sẽ lớn hơn thêm đâu.”

“Hay là chị để cho nó bay vòng vòng trong phòng này cũng được đấy,” Travis đề nghị.

Còn lâu mới được.

“Eo ôi,” Sul Ross giật lùi người lại thốt lên. “Thôi em đi đây.”

“Em cũng vậy,” Travis đồng tình. “Tối giờ đi học rồi.”

“Này!” Tôi gọi với theo, “Quay lại đây đi, đâu có gì phải sợ, chị sẽ không thả nó ra đâu!”

Giờ thì tính sao đây? Tên Petey hay Belle hay một cái tên bất kì nào đây hỡi cái con vật đang đập cánh loạn xạ trong lọ kia ời. Tiếng đập cánh thật khô khan, yếu ớt như báo hiệu điềm gở. Tôi chuẩn bị đi học, cố không nhìn về phía nó, nhưng mỗi khi nghe tiếng đập cánh, lòng tôi lại nao nao. Tôi hiểu rõ rằng mình phải thả nó ra khỏi cái lọ đó thôi, nhưng tôi lại gạt ý nghĩ ấy đi. Và hôm đó, mỗi giây phút trôi qua trên ghế nhà trường tôi đều phải cố gắng để không phải nghĩ về Petey.

Về đến nhà, sau khi bị mẹ bắt lên lầu thay áo khoác, tôi trườn xuống nhà tập đàn. Sau đó tôi lết lên phòng, khi chạm vào tay nắm cửa, chợt một nỗi lo lắng dâng đầy trong tim: Nếu nó bay mất rồi thì sao? Lúc sáng tôi đã vặn chặt nắp lọ chưa nhỉ? Nếu như nó đang bay nhõn nhơ trong phòng thì sao? Rồi tôi tự tĩnh tâm lại. Nào nào Calpurnia Virginia Tate, mày thật vớ vẩn, mày

có phải là một nhà khoa học hay không. Thôi nào, dù sao nó cũng chỉ là một con nhậy thôi mà.

Sau khi tự trấn an mình, tôi bước vào và lia mắt một vòng quanh phòng. Kia rồi, Petey vẫn ở lì trong lọ y như lúc sáng, nó quá to để có thể quay đi hướng khác. Nó cục cựa, hai cánh đập liên hồi vào thành lọ.

“Petey à, tao phải làm gì với mày đây? Tao phải tìm ra mày thuộc giống gì và phải cho mày một chỗ ở rộng rãi hơn,” tôi thì thầm.

Tôi lôi quyển *Phân loại thế giới côn trùng* của ông từ trên kệ sách và lật đến phần Lepidoptera (bộ cánh phấn). Dựa trên màu sắc và kích thước khủng thì nó phải thuộc loài Saturniidae (Bướm ngài). Để phân biệt được chủng loại này thì phải xem độ dang rộng của cánh nhưng hiện giờ không đủ không gian để thực hiện. Tôi cũng đang không tìm được cái gì hay hơn, một là phải tìm một cái lọ to hơn, hai là phải thả nó đi thôi. Tôi dán mắt vào nó một lúc, thật ra nhìn quen cái kích thước khủng của nó rồi thì cũng chẳng có vấn đề gì, và nó cũng có hai cái râu mỏng manh dễ thương đấy chứ. Tôi đã nuôi dưỡng nó đến lúc này. Bây giờ nó đang kẹt trong cái lọ kia cũng vì tôi, tôi không thể bỏ mặc coi như không có nó trên đời này được.

“Được rồi, Petey à, đi gặp và xem ông nói gì nhé.” Tôi cầm cái lọ lên, giơ ra xa rồi đem xuống nhà, trên đường đi nó vẫn tiếp tục vẫy vùng.

Chợt tôi va vào Harry trong tiền sảnh. Anh liếc mắt qua Petey rồi thốt lên, “Trời đất, con bướm của em đó hả? Trông to như chim hải âu ấy nhỉ.”

“Hả,” tôi ngỡ ngàng, “hả.”

“Em có biết là nó sẽ nở ra cái thú này không?” Harry hỏi.

“Dĩ nhiên rồi,” tôi miễn cưỡng đáp.

Harry nhìn tôi chăm chăm và bảo, “Cho anh xem nó nào. Nếu như Hội chợ Fentress có cuộc thi cho loài nhện thì nó sẽ chiến thắng là cái chắc đấy.”

Cũng là ý hay đấy nhỉ. Bên cạnh heo, gia súc và vật nuôi trong nhà thì cũng có thể có một phân khúc cho nhện chứ. Điều này bất chợt làm tôi nhớ lại phần thi thú cưng của trẻ em được tổ chức thường niên tại hội chợ. Lũ trẻ thường đem đến mèo, chó, vẹt đuôi dài, đại loại là những con vật quen thuộc và nhàm chán. Tại sao lại không có một con thú vị hơn như con nhện chẳng hạn nhỉ?

“Harry, anh nói xem, Petey có thể tham gia cuộc thi thú cưng được không?” tôi hỏi.

“Nó đâu phải thú cưng đâu Callie Vee,” Harry cười khẩy đáp lại.

“Thì đã sao nào? Năm ngoái Dovie Medlin đem đến con cá vàng Bubbles đó, cũng đâu phải thú cưng gì đâu. Vả lại bọn chúng đâu phải biểu diễn hay làm trò gì đâu, chỉ nằm đó cho ban giám khảo xem qua thôi mà. Nhiều khi nó lại còn được thêm điểm vì sự khác biệt của nó nữa phải không anh?”

“Cũng có thể, nhưng còn mấy tháng nữa mới đến hội chợ mà,” Harry bảo. “Em định sẽ nuôi nó thế nào? Em đâu thể nhốt nó trong cái lọ đó mãi được.”

“Dĩ nhiên là không rồi,” tôi đáp lại. “Em đang tìm nhà cho nó đây. Nhưng nhện sống được bao lâu nhỉ?”

“Anh đâu biết, em mới là nhà tự nhiên học mà. Theo anh đoán thì chỉ chừng vài tuần mà thôi.” Harry đáp.

Chợt mẹ bước ra từ bếp rồi đứng bất động nhìn Petey như không tin vào mắt mình.

“Con đừng cái quái gì trong lọ vậy Calpurnia?” mẹ lên giọng.

Tôi thở dài đáp. “Petey đây mẹ ạ,” rồi tôi lí nhí thêm vào, “hay mẹ gọi nó là Belle cũng được.” Cứ như một cái tên đẹp có thể che đậy được cái vật quái gở này vậy. Petey khẽ cựa quậy một cách khờ khan làm mẹ lùi lại một bước, mắt vẫn dán chặt vào Petey.

“Chuyện gì xảy ra với con... con bướm xinh đẹp của con rồi?” Mẹ hỏi.

“Nó không nở ra thành bướm mà lại thành nhậy mẹ à,” tôi vừa nói vừa đưa cái lọ ra cho bà nhìn rõ hơn làm mẹ lùi lại thêm bước nữa.

“Con vớt nó ngay cho mẹ. Trời ạ, nó là nhậy đấy. Hãy tưởng tượng xem to như nó thì sẽ làm hại đến đồ len tới cỡ nào!” Tôi quên rằng mẹ và SanJuanna luôn luôn tuyên chiến với hàng ngàn con nhậy nâu nhỏ bé để bảo vệ lấy chăn mền và quần áo mùa đông, nhưng vũ khí thô sơ bằng vỏ bào tuyết tùng và tinh dầu hoa oải hương chẳng thể nào ngăn được thế lực của Tự nhiên cả.

“Nó không ăn len đâu mẹ ạ,” tôi bảo. “Con nghĩ vậy đấy. Nó chỉ ăn mật hoa hay không ăn gì tùy theo nó thuộc loài nào. Một số khi lớn lên không cần ăn gì cả, nhưng con chưa tìm hiểu được cho rõ ràng thôi.”

Mẹ đưa cả hai tay lên. “Đừng bao giờ để nó thoát ra và bay trong nhà này ở bất cứ trường hợp nào nghe chưa. Mẹ muốn nó biến khỏi đây. Con có nghe không?”

“Vâng, con nghe rồi.”

Bà lấy tay xoa thái dương rồi quay người lên lầu.

Harry lên tiếng, “Tiếc quá. Anh rất muốn thấy nó có mặt trong buổi trình diễn thú cưng đấy. Nào nào, các bạn hãy đứng lên và lại gần đây xem Calpuria Virginia Tate và con nhện khổng lồ của cô ấy nào!”

“Thôi dẹp anh đi, chả có gì buồn cười cả. Được thôi, em sẽ thả nó đi, nhưng trước hết phải cho ông xem qua đã.” Tôi đi tìm ông nhưng không thấy trong thư viện. Tôi có thể đi vòng ra ngoài cửa chính rồi đi đường dài qua phòng thí nghiệm hay cắt ngang bếp để rồi đón nhận lấy thêm nỗi khiếp sợ và giải thích cho nhiều người. Tôi quyết định giấu nó trong tay rồi đi ngang qua bếp. Viola liếc qua rồi hỏi, “Cháu mang theo cái gì vậy?”

“Chẳng có gì đâu ạ,” tôi đáp rồi tiếp bước ra cửa sau. Petey vẫn cựa mình trong lọ, tôi ước gì nó nằm yên giùm một lát. Tôi đã quen với kích thước của nó nhưng cái âm thanh đó thì không, nó vẫn mang điều gì đó hoang sơ và đầy điềm gở làm cho lông măng trên tay tôi cứ dựng đứng hết cả lên.

Rồi tôi tìm thấy ông đang lom khom trên chồng sổ tay kế toán.

“Ông ơi, nhìn xem cháu có gì này,” tôi đưa chiếc lọ ra.

“Xem nào, thật là một mẫu vật khỏe mạnh đấy. Ông chưa bao giờ thấy con nào to như vậy. Cháu có biết được nó thuộc loài nào chưa?”

“Cháu nghĩ nó thuộc loài Saturniidae hoặc Sphingidae (Bướm sư tử),” tôi vừa nói vừa tự hào với khả năng phát âm của mình.

“Cháu định làm gì với nó?”

“Cháu định sẽ cho nó đi trình diễn thú cưng ở hội chợ, nhưng Harry nghĩ nó không sống lâu được vậy, còn ông thì luôn bảo cháu nó không phải là thú nuôi, và mẹ thì nhất quyết đuổi nó ra khỏi nhà. Nghĩa là cháu có thể giết nó rồi để vào bộ sưu tập hoặc thả nó đi.”

Ông nhìn tôi rồi hai ông cháu cùng nhìn Petey đang đập cánh loạn xạ trong lọ. “Nó là một mẫu vật tuyệt vời đấy. Có thể cháu chẳng bao giờ có được con thú hai như vậy đâu,” ông bảo.

“Cháu biết chứ,” tôi chau mày lại. “Ông đã từng cảnh báo cháu đừng đặt tên cho nó. Nhưng cháu đã nuôi nấng nó đến bây giờ rồi, làm sao mà nỡ sát hại nó được.”

KHI HOÀNG HÔN BUÔNG XUỐNG, bọn tôi túm tụm lại trên bãi cỏ trước nhà đợi chờ những chú đom đóm đầu tiên xuất hiện, mấy cậu em ngồi trước hiên nhà còn chiếc lọ đựng Petey chễm chệ giữa bãi cỏ. Ông đang đưa trên chiếc xích đu vừa nhâm nhi rượu whisky ngô mua ở cửa hàng. Tôi mở nắp lọ rồi đứng lùi lại.

Petey co mình lại nằm im trong vòng một phút, sau đó trồi lên miệng lọ, ra khỏi chiếc kén bằng thủy tinh của mình. Trong khi Petey đang lảo đảo trên bãi cỏ thì Ajax lon ton xuất hiện từ góc nhà. Petey run rẩy dang rộng đôi cánh. Nhưng quá muộn rồi, tôi liếc xéo thấy Ajax đang lao tới, hai tai phấp phới, có vẻ hứng thú tột cùng với trò chơi đuổi bắt mới. Petey yếu ớt tung mình lên không trung nhưng chỉ được vài chục centimet, trong khi Ajax vẫn phóng tới rất nhanh. Nó đang chuẩn bị nuốt chửng mất mẫu vật đẹp nhất, dự án khoa học hay chính Petey của tôi rồi.

Đồ con chó ngu ngốc, cơn giận trong tôi chợt sục sôi! Tôi chạy về phía Ajax rồi thét lên *Ajax!*, lớn đến nỗi chính tôi cũng phải giật mình, không ngờ là tôi có nhiều hơi đến vậy. Mấy chú chim trên cây bay tán loạn, còn Ajax thì thoát lưỡng lự. Tôi định chụp lấy vòng cổ của Ajax nhưng nó tránh sang một bên, chắc đang nghĩ đây là trò tiêu khiển mới. Rồi nó lại vỗ lấy Petey, lần này Petey phóng lên được tới tầm ngang ngực, trông như gà mái đang tập đập cánh vậy.

“*Không!*”, tôi hét lên, và lần này Ajax dường như nhận ra hiệu lệnh quen thuộc. Thoáng bối rối, nó nhìn tôi trong khi Petey đang nằm trong tầm với mấy móng vuốt của mình. Chắc chỉ là trò vận động hay ho đối với Ajax thôi phải không? Nhiệm vụ của nó là săn bắt chim mà đúng không? Tôi lại vội vàng phóng về hướng con chó trong khi Petey nỗ lực hết sức mình vụt lên không trung, vào giây phút đó nó đã chính thức chuyển từ cư dân mặt đất thành một thứ khác, một sinh vật trong gió lộng, một thành viên của trời mây.

Tôi ngạc nhiên đứng nhìn. Dường như Petey sẽ bay, bay cao mãi. Ajax thì giận dữ kéo rì vòng cổ và tôi thả nó ra, giờ này thì không thể đuổi bắt được Petey nữa rồi.

“Wao!”, mấy cậu em trai huyền náo. “Chị tuyệt lắm Callie, thế mà em cứ nghĩ con nhện ấy tiêu đời là cái chắc rồi.”

Ông nâng ly lên chúc mừng khi nhìn thấy Petey khuất bóng sau bụi cây.

Đêm đó tôi ngồi một mình trước hiên nhà nhìn màn đêm dần buông xuống, cố gắng thức đến khi những chiếc hoa loa kèn ở lối đi trước nhà cũng chìm vào bóng tối. Chúng mập mờ trong đêm như những ngôi sao nhạt nhòa vừa hạ thế xuống trái đất này. Chợt có con gì đó bay vèo qua hướng thẳng tới mấy đóa hoa

loa kèn, sục sạo hết bông này đến bông khác. Nghe chừng như chim ruồi nhưng tôi không thể nhìn thấy rõ. Chẳng lẽ chim ruồi bay vào ban đêm sao? Tôi không nghĩ vậy đâu. Hay là một con dơi ăn mật hoa nhỉ? Tôi cũng chẳng biết nữa, nhưng dù không thấy gì tôi cũng nghĩ đó là Petey. Tôi tự nhủ với lòng mình như vậy.

Tôi thích có một kết thúc có hậu hơn.

CHƯƠNG 10

LULA RẮC RỐI (DÙ KHÔNG CỐ Ý)

Bồ câu núi ở Guiana, những chú chim ở Paradise và nhiều loài chim khác nói chung đều có một quy luật nhất định. Những chú chim đực sẽ khoe bộ lông mượt mà và làm ra những trò kì lạ trước mặt các nàng chim, cuối cùng các nàng sẽ biết chọn ra người bạn đời ấn tượng nhất cho mình.

PHẢI MẤT MỘT THỜI GIAN DÀI thì cô bạn Lula Gates của tôi mới vui đi sự hổ thẹn vì đã đổ bệnh trước mặt mọi người trong buổi trình diễn piano và bạn ấy chẳng nói về điều gì khác ngoài chuyện đó trong suốt mấy tuần liền. Tôi càng ngày càng ngán ngẩm việc này và bảo bạn ấy rằng mọi chuyện có thể còn diễn ra tồi tệ hơn nữa cơ, đến cả Maestro Frédéric Chopin còn có lần bị tương tự như vậy khi đang chỉ huy dàn nhạc biểu diễn cho đức vua và hoàng hậu nước Phổ nữa mà.

“Thật vậy à?” Lula có vẻ tươi tắn lên hẳn.

Thật ra là không, tôi chỉ bịa ra thôi. Nhưng điều này có vẻ đã giúp cho Lula cảm giác dễ chịu hơn và thôi không còn ca cẩm nữa.

Theo tôi thì Lula rất đẹp, mặc dù vào thời điểm đó tôi chưa ý thức được điều này. Bạn ấy có bím tóc dài vàng óng như mật ong buông thõng sau lưng, và dung đưa tràn đầy sức sống, nó như có linh hồn thực sự mỗi khi Lula chơi một khúc nhạc hùng hồn

nào đó trên đàn piano. Bạn ấy còn có đôi mắt màu nhạt lạ lùng hòa trộn giữa màu xanh da trời và xanh lá cây, đôi khi màu sắc của chúng thay đổi theo màu dải băng buộc tóc mà Lula dùng. Lula sở hữu một đặc điểm rất lạ mà tôi rất thích: Trên phần ngang sống mũi của bạn ấy luôn hiện hữu một lớp sương mỏng manh bất kể vào mùa đông hay mùa hạ. Lớp sương đó chỉ đủ làm ẩm một đầu ngón tay thôi, nhưng khi quẹt đi thì nó lại lập tức xuất hiện. Nghe thì có vẻ chẳng hấp dẫn gì nhưng nó lại trở thành một thú tiêu khiển hơn là một sự phiền phức. Lúc còn nhỏ, tôi sẵn sàng lặp đi lặp lại động tác quẹt khô rồi đứng chờ nó xuất hiện đến khi nào Lula bắt tôi dừng lại mới thôi. Và tôi cũng chẳng thể lý giải được hành động đó của mình nữa.

Nghe đến đây hẳn mọi người đều nghĩ rằng có một người bạn như Lula thật là một niềm may mắn của tôi ngoài việc phải đối mặt với lũ anh em trai ở nhà, và điều này thật ra cũng đúng thôi, mặc dù đôi lúc bạn ấy cũng hơi bị ngớ ngẩn. Bạn ấy chẳng bao giờ chịu đi tìm mẫu vật với tôi ở con đập (như tìm rắn). Bạn ấy chẳng thêm đi cùng tôi đến Bãi Tập Huấn Liên Bang (vì sợ rắn và sợ bị phỏng chân). Bạn ấy cũng không dám đi tắm sông cùng tôi (sợ rắn và không chịu tắm truồng). Nhưng ở trường chúng tôi luôn ngồi chung bàn học với nhau, từ đó tình bạn giữa hai đứa bắt đầu và trở nên bền vững. Thêm vào đó, mẹ của Lula cũng ủng hộ tình bạn này vì có vẻ bà ấy cho rằng thân thiết với thành viên trong gia đình họ Tate sẽ rất tốt. Và sâu trong đáy lòng, có lẽ bà ấy thật sự mong con gái mình sẽ trở thành dâu trong nhà họ Tate đấy nhỉ? Cũng có thể lắm chứ. Tôi cảm thấy rằng gia đình mình thuộc loại giàu có nhất tỉnh. Còn nhà Lula cũng khá giả, cũng đủ ăn đủ mặc. Bố bạn ấy sở hữu một trại nuôi ngựa, họ có tiền cho Lula học piano và có cả người giúp việc, chỉ không có đầu bếp riêng thôi. Lula còn có một cậu em trai Toddy bị bệnh thiếu năng. Cậu ta không đi học mà chỉ suốt ngày ngồi lì trong góc phòng, ôm ấp mảnh chần rách nát cũ kỹ và không ngừng

run lấy bấy. Toddy sẽ ngoan ngoãn trừ khi ai đó lấy đi mảnh chần đó, cậu ta sẽ trở nên căng thẳng, tru lên liên hồi đến khi nào được trả lại mới chịu thôi. Gia đình bên đó cảm thấy cứ để cho cậu ta ôm lấy mảnh chần cũ nát ấy còn đỡ rắc rối hơn là đem nó đi giặt cho sạch sẽ, vì thế mảnh chần ngày càng hôi thối. Ngoài điều này ra thì nhà họ Gate còn có vẻ im ắng so với sự ồn ào náo nhiệt của gia đình tôi.

Lula giặt được giải đan len, trong khi thành phẩm của tôi thì trông thật hỗn độn đến tội nghiệp. Tôi chẳng hiểu nổi bạn ấy lấy đâu ra sức tập trung để kết được nút thắt kiểu Pháp hay may được cái cổ áo đăng-ten trong lớp Nữ công gia chánh ở trường nữa.

“Quy tắc cũng giống như học piano thôi Callie ạ,” Lula sẽ trả lời như vậy, “và cậu cũng sẽ làm được thôi. Chỉ cần cậu kiên trì luyện tập nhiều lần thì mọi việc sẽ ổn thôi mà.”

Tôi cân nhắc và cho rằng Lula có lý. Nhưng tại sao tôi lại thấy âm nhạc và may vá chẳng có gì liên quan đến nhau nhỉ? Khi đánh đàn, nốt nhạc sẽ tan vào không trung ngay sau đó và chẳng để lại gánh nặng gì cho mình. Còn nữa, âm nhạc khi tan đi rồi vẫn đem lại niềm vui, chơi một bản nhạc tiết tấu vui nhộn sẽ làm cho mọi người nhảy nhót vòng quanh vui vẻ trong phòng khách nữa ấy chứ. Còn việc khâu thùa thì được tích sự gì? Tôi thừa nhận rằng đôi khi việc trang trí hay làm tóc cũng đem lại hiệu quả nhưng tôi luôn cảm thấy nó thật nhạt nhẽo và buồn tẻ, chỉ hợp với một ngày mưa buồn trong tiếng tích tắc đều đặn của đồng hồ thôi. Thật là việc vô bổ.

Tôi từng thuyết phục bạn ấy chơi những bản Sousa dành cho bốn tay và bọn tôi phối hợp rất nhuần nhuyễn, hai đứa tấu lên gấp đôi dòng chảy những nốt nhạc và hợp âm có tiết tấu phức tạp, thật vô cùng hứng khởi.

Một chiều nọ, ông anh Lamar 13 tuổi xích lại kề bên khi tôi đang kiểm lại Lepidoptera^[25] trước hiên nhà.

“Callie này...”

“Gì đấy anh?”

“Em có nghĩ rằng Lula thích anh không?”

“Đương nhiên rồi Lamar ạ.”

“Không, ý anh hỏi là em có nghĩ Lula ‘thật sự thích anh’ không?”

Thật bất ngờ, Lamar chưa bao giờ để ý đến con gái cả. “Sao anh hỏi em vậy?” Tôi hỏi. “Sao không đi hỏi thẳng cô ấy?”

Anh Lamar tỏ vẻ hoảng hốt. “Anh đâu hỏi được.”

“Sao không?”

“Ừ... anh chẳng biết nữa,” anh ấy ngượng ngùng đáp.

“Vậy thì em cũng chẳng biết trả lời anh sao nữa.” Chợt tôi nảy ra một ý. “Sao anh không đi hỏi Harry thử đi?”

Mắt anh sáng ngời. “Đúng rồi, ý hay đấy. Nhưng em đừng nói cho Lula biết nhé?”

“Không đâu.”

“Và cũng không được tiết lộ cho ai khác biết đâu đấy?”

“Không đâu anh.”

“Rồi được rồi, cảm ơn em nhé Callie.”

Tôi chẳng để ý đến cuộc nói chuyện này lắm cho đến vài hôm sau, tới lượt ông anh 14 tuổi Sam Houston trườn đến cạnh tôi trong sảnh lớn rồi thì thầm qua kẽ răng. “Callie à, anh có chuyện muốn hỏi em. Em có thấy Lula Gates thích anh không?”

“Cái gì nữa đây?” tôi giật bản người.

Anh ấy có vẻ lưỡng lự. “Đừng có nhảy dựng lên như thế chứ. Anh chỉ nghĩ vắn vơ rằng cô ấy có thích anh không thôi mà.”

“Trời ạ, Sam.”

“Sao cơ?” anh hỏi.

Tôi hơi nóng vội. “Em nghĩ anh nên đi tự hỏi thì tốt hơn.”

Anh tỏ vẻ hốt hoảng. “Anh đâu hỏi được.”

Tôi bảo, “Anh nên hỏi anh Harry ấy. Anh Harry có nhiều kinh nghiệm trong chuyện này mà.” Ai bảo chiêu cũ không xài được nào?

“Ừ hay đấy Callie. Anh sẽ đi hỏi anh ấy. Nhưng em đừng nói với Lula nhé?”

“Không, không bao giờ đâu.”

“Hứa nhé?”

“Hứa mà.”

“Em thể sống thể chết đi.”

“Em thể sống thể chết này.”

“Lời thể sống chết của hai anh em vùng Bắc Mỹ nhé?”

“Hai anh em vùng Bắc Mỹ.”

“Phải nói hết mới có hiệu nghiệm chứ.”

“Lời thề sống chết của hai anh em vùng Bắc Mỹ,” tôi thề. “Bây giờ thì để cho em yên nào.”

“Ôi, sau này em sẽ trở thành một mục già câu gặt đấy,” anh bảo rồi đi ngay, chắc chắn là tìm đến Harry rồi. Bất giác tôi xoa thái dương vì đầu chợt thấy nhức nhối.

Hai ngày sau, tôi đang ngồi im đọc sách trong góc phòng thì cậu em Travis 10 tuổi thần thơ đi lại với vẻ mặt kì lạ. Tôi lườm nó rồi buột miệng, “Muốn gì đấy nhóc?”

Nó giật mình. “Em chỉ muốn hỏi chị cái này thôi mà.”

“Em không định hỏi chị là Lula Gates có thích em không đấy chứ hả Travis?”

Nó há hốc mồm, mặt mày co rúm lại hốt hoảng. “Cái gì?” nó hét lên. “Không, không, em chỉ định hỏi xem chị ấy có thích mèo hay không thôi.”

“Chị chẳng biết là chị ấy có thích em, thích mèo hay một ai đó cả đâu. Chị chán ngấy câu hỏi này rồi. Đi mà hỏi anh Harry ấy.” Tôi gom mấy cuốn sách lại rồi bật dậy lầm bầm. “Sao có nhiều thứ khủng khiếp xảy ra xung quanh mình vậy trời.”

“Chị chán cái gì chứ? Chị đang nói cái gì vậy? Cái gì khủng khiếp đang xảy ra?” nó hỏi vọng theo tôi.

Tôi phớt lờ nó, một sự thật rành rành là cả thị trấn này chẳng có thằng con trai nào quấy rầy chị em gái nó để hỏi xem Callie Vee

có thích nó hay không. Và việc này có ý nghĩa gì không? Tôi có quan tâm không? Không, không hề.

Một giờ sau, Harry qua phòng tôi cười lớn. “Em đừng có đẩy tụi nó qua anh nữa nhé. Anh chẳng thể yên được một phút nào cả. Em hãy tự cho chúng lời khuyên đi chứ.”

“Em chẳng biết nói gì với họ cả. Lại chỉ có một Lula mà thôi. Chuyện gì xảy đến với họ vậy?”

“Cái này là bệnh dịch của tình yêu đầu đời đấy, bọn nó đến tuổi rồi.”

“Ừm, vậy bảo bọn họ thôi ngay đi.”

“Vào thời điểm này thì không có điểm dừng đâu,” anh bảo. “Nó sẽ ngày càng nghiêm trọng hơn đấy. Mà anh cũng tò mò đấy, cô ấy có thích ai trong bọn nó không?”

“Ừm, thật sự em cũng không rõ nữa. Em có nên đi hỏi cô ấy không?”

“Chỉ trong trường hợp em muốn đứng giữa Cuộc chiến thứ 3 ở Manassas thì hãy hỏi. Nếu là anh thì anh sẽ không dấn vào đâu.”

Tôi thấy rằng anh nói đúng, “Vâng đúng đấy anh Harry. Em sẽ coi như không biết gì.”

“Sẽ không khó lắm đâu,” anh nói rồi lui ra khỏi phòng.

“Vô duyên!” lẽ ra tôi định ném cái gì đó vào anh ấy, nhưng gần nhất chỉ có cuốn Sổ Tay và tôi không bao giờ đùa giỡn với nó cả.

Hôm sau trên đường đến trường tôi gặp Lula ở đường cái như thường lệ rồi cùng bạn ấy đi bộ hết quãng đường còn lại, trò

chuyện vu vơ. Chợt tôi ngoái đầu lại và thấy 3 anh em của tôi đang lẻo đẻo theo sau, giữ một khoảng cách nhất định, mắt thì dán chặt vào Lula. Ôi trời đất ơi, mọi việc phức tạp hơn tôi nghĩ nhiều rồi đây. Sự thay đổi đột ngột của họ làm tôi lo lắng. Họ có còn quá nhỏ để yêu đương thế này, đúng không nhỉ? Tại sao tôi lại không được sống trong một gia đình bình thường như bao cô gái khác vậy? Tại sao việc này lại xảy đến với cả bọn họ cùng một lúc như vậy nhỉ?

Vào giờ giải lao, cả ba anh em tìm cách để đứng gần ranh giới vô hình được thỏa thuận chia sân trường ra hai khu vực nam nữ riêng biệt. Bọn họ đứng tựa vào mấy gốc cây trên sân như những kẻ vô công rồi nghề, chỉ trừ ánh mắt cứ dán chặt lên Lula, quan sát hững hờ rồi chợt liếc ngang qua nhau đầy thù hận.

Lúc đó tôi và Lula đang chơi cò cò, bím tóc ánh bạc của cô nàng chói chang trong nắng như một vật thể sống. Chiếc váy xòe ra đến ngang gối theo mỗi bước nhảy của Lula làm Lamar há hốc mồm đến phát ghen. Tôi quắc mắt nhìn anh ấy. Một tháng trước, cho dù Lula có mặc áo lót đi ngang qua sân thì anh ấy cũng chẳng thèm để ý. Bây giờ thì thế đấy. Thời kỳ sóng gió đã tới rồi đây.

“Lula này,” tôi vừa thấy viên sỏi vừa nói.

“Gì vậy?”

“Không có gì đâu.”

“Nào, cậu định hỏi gì vậy Callie?”

“Ừm... cậu có...” tôi đã lỡ thề độc là không nói rồi. Và bản thân tôi chưa biết có ai không mất mạng khi phản lại lời thề hay không nên cũng chẳng dám liều tiết lộ ra.

“Tớ có gì nào?” bạn ấy gắng hỏi.

Tôi đáp nhanh. “Cậu có nghĩ là mình nên rủ Dovie chơi cùng không?”

“Tớ nghĩ cậu không thích Dovie chứ.”

“Tớ có nói không thích Dovie bao giờ đâu...” tôi vừa nháy vừa nói.

“Có mà Callie. Tuần trước chính cậu nói rõ ràng như vậy mà.”

“Vì lòng vị tha của Chúa, mình mời cậu ấy chơi cùng nhé?”

Lula nhìn tôi tỏ vẻ ngờ vực. “Nếu cậu muốn thì được thôi.”

Tôi chẳng muốn, tôi không thể chịu nổi Dovie, tôi miễn cưỡng tiến về phía cô ta. Tôi vừa định mở miệng rủ thì cô Harbottle rung chuông báo giờ vào học. Dovie ném cho tôi một cái nhìn kì quặc. Đạo này tôi hay bị nhìn kiểu này, mà thật ra tôi có làm gì để bị nhìn như vậy đâu nhỉ?

Bọn tôi xếp thành hai hàng trai gái lũ lượt vào lớp. Tôi bắt đầu cảm thấy sợ đoạn đường về nhà và cố gắng nghĩ cách để được đi riêng một mình. Cô Harbottle bắt gặp ngay tôi đang ngồi thờ người ra đó và gọi tôi đứng lên trả lời hàng loạt các ngày tháng trong lịch sử Texas, dĩ nhiên là hầu hết tôi không trả lời được dẫn đến việc làm trò cười cho cả lớp.

“Calpurnia Tate, mọi người đang cắt ngang việc gì của em à?” cô hỏi.

“Cắt ngang gì ạ thưa cô? Em có đang làm gì đâu?”

“Chính xác đấy. Đầu óc của em hôm nay để đâu vậy?”

“Chắc em để quên ở nhà mất rồi thưa cô Harbottle,” tôi đáp. Cả lớp cười khúc khích.

“À, ra là thế,” cô ra lệnh. “Đừng có mà hỗn hào thế nhé, Calpurnia. Đứng phạt vào góc một tiếng đồng hồ. Còn ai dám nói nữa thì sẽ thế chỗ cho em.”

Tôi đứng úp mặt vào tường trong Góc Xấu Hồ cả tiếng đồng hồ, đầu óc vẫn quay cuồng về mấy anh em trai nhưng rốt cuộc chẳng nghĩ ra gì hay ho cả. Rồi giờ nghỉ trưa cũng tới.

Bọn tôi đem cơm hộp ra ngồi rải rác dưới mấy gốc cây. Lamar và Sam Houston đều ngồi cùng nhóm bạn thân thiết riêng. Chỉ tội cho cậu em nhỏ tuổi và hiền hậu nhất trong ba người phải ngồi một mình, thần thờ nhìn Lula đến phát tội.

Lula phát hiện ra điều này nên hỏi tôi, “Travis bị bệnh à?”

“Chắc là bị bản thân mệt mỏi vào những ngày đầu xuân thôi.”

“Nhưng bây giờ có phải mùa xuân đâu,” bạn ấy vặn lại và ném cho tôi thêm một cái nhìn kì quặc. “Chúng mình có nên kêu nó lại ngồi ăn cùng không nhỉ? Nhìn nó có vẻ lẻ loi quá.”

“Mình không biết ý này có hay không nữa Lula ạ.”

“Sao lại không? Cậu cũng kì lạ đó Callie Vee ạ.”

Tớ mà kì lạ ư? Cậu mà biết một phần của sự thật đi rồi sẽ thấy là tớ có lạ hay không. “Đừng lo gì Lula ạ, nó không sao đâu, cứ để mặc nó đi.”

Nhưng đã quá muộn, Lula đã đi về phía Travis làm mắt nó mở ngày càng to, mặt thì cứ đỏ rần rật lên từng nấc một. Lamar và Sam Houston thì ngược lại, tỏ ra đau đớn và nhìn lác cả mắt.

Lula ngồi xuống rồi nói gì với Travis mà tôi không nghe rõ, nhưng sau đó nó liền đứng bật dậy rồi đi cùng bạn ấy về chỗ của bọn tôi. Lúc này Lamar và Sam Houston cứ như sắp lên cơn co giật. Travis ngồi xuống rồi mở miệng rất hồ hởi.

“Chào chị Callie, Lula bảo em có thể ngồi ăn chung với mọi người.”

“Chị biết rồi Travis à.”

“Chỗ này ngồi ăn thật lý tưởng nhỉ? Hai người chọn chỗ tốt đấy. Lula này, chị có muốn ăn một nửa bánh sandwich của em không? Hôm nay Viola làm cho em thịt bò hầm, ngon lắm đấy. Em sẽ chia cho chị nếu chị thích. À, em còn có bánh nữa. Chị Lula có muốn ăn không? Hay nếu chị muốn em cho chị nguyên cái luôn đó. Là bánh đào đấy nhé. Khoan, để em kiểm lại đã. À, đúng là bánh đào rồi.”

“Cám ơn Travis, nhưng chị có đủ đồ ăn trưa rồi,” Lula ân cần đáp.

“Chị Lula này, chị có thích mèo không? Nhà em có con mèo già sống trong chuồng gia súc tên Nhất, nó đẻ nhiều mèo con lắm nên em phải chăm sóc hết cho bọn chúng theo lời mẹ bảo. Em đặt tên cho từng đứa một, chị có muốn nghe tên chúng không?”

Tôi thở dài, nghe lời tán tỉnh của một thằng nhóc 10 tuổi thì hay ho gì nhỉ?

“Có Jesse James này, rồi Billy the Kid này, rồi Doc Holliday, rồi...” Nó cứ tiếp tục kể hết tên của tám con mèo. Thật kì lạ, Lula lại có vẻ rất thích thú.

“Em thích con Jesse James nhất,” nó kết lại. “Nó có vằn khắp người trừ ngón chân có vài đốm trắng thôi. Nhìn nó như đang đeo ngọc trai ấy,” Travis cười khúc khích. “Nó thân thiện lắm. Nó hay để cho em bỏ vào trong người. Chị Lula có muốn đến chơi với mấy con mèo của em không?”

“Ý hay đấy Travis à, chị thích mèo lắm. Chị từng nuôi một con nhưng mẹ chị lại cấm không cho để trong nhà. Thế là nó đi luôn không về nữa.”

Tôi cảm nhận được rõ Travis đang vui như mở cờ trong bụng. “Nếu chị thích thì em sẽ cho chị một con,” nó thận trọng nói.

“Ôi Chúa ơi, thật không Travis?” Mặt Lula sáng bừng cả lên. “Em thật tốt bụng quá.” Travis như ngây người ra trước nụ cười quyến rũ của Lula. “Dĩ nhiên là chị thích rồi, nhưng phải về hỏi ý mẹ trước đã. Chắc mai chị sẽ ghé qua nhà em nhé!”

“Được mà chị,” Travis nuốt nước bọt đáp.

Ồi trời, thằng em trai 10 tuổi của tôi đã có một cuộc hẹn hò chính thức cơ đấy. Rồi tôi nhìn qua bên kia, thấy hai ông anh mình đang ném cho Travis những ánh mắt hình viên đạn.

Ồ... ồ...

Buổi chiều nặng nề trôi qua, tôi căng thẳng như một con mèo trong căn phòng đầy những kẻ dở hơi. Đến giờ tan học, tôi gặp Lula ngoài cổng trường như thường lệ thì đã thấy Travis đứng chờ từ lúc nào, mặt mày sáng ngời tia hi vọng. Cách đó vài bước, Lamar và Sam Houston đang thập thò nhìn thật nham hiểm.

“Chào chị Lula, Callie. Em đi cùng được không?” Travis hỏi.

Tôi ậm ừ lơ đãng nhưng Travis lại hiểu là sự tán thành nên nhập bọn ngay, từ đó trở đi nó và Lula lại tiếp tục tán gẫu về mấy con mèo. Lamar và Sam Houston thì nhẹ nhàng theo sau vài thước, lòng đầy toan tính.

“Sao cậu im lặng vậy Callie?” Lula hỏi.

“Hả? À, ừ, mình đang nghĩ về bài báo cáo sách thôi.” Và còn nghĩ làm cách nào để ngăn hai ông anh của tôi sát hại thằng em ruột của mình nữa. Có lẽ tôi phải cầu viện anh Harry thôi, mặc dù khả năng tư vấn của anh ấy đối với tôi đã bị giảm sút khá nhiều sau sự giày vò ra trò của chị Minerva Goodacre đáng ghét rồi. Tôi muốn đi nhanh vượt lên trước, để mặc cho Lula và Travis huyền thuyên mấy chuyện vớ vẩn, nhưng lại sợ rằng nó sẽ bị ám sát giữa đường mất thôi.

“Cậu định viết báo cáo sách như thế nào Callie?” Lula hỏi.

“À, báo cáo sách của tớ hả? Tớ chưa quyết định nữa. Có thể là cuốn *Bắt cóc*, có thể là *Đảo châu báu*. Còn cậu định viết về cái gì?”

“Chắc là cuốn *Bông hồng cuối cùng của mùa hạ*, hay cuốn *Bài ca xưa ngọt ngào của tình yêu*.” Tôi chợt nhận ra rằng Lula đang dần chán những cuốn văn học kinh điển và có xu hướng thiên về mấy thứ tình cảm lãng nhãng ướm át rồi. Travis có vẻ nóng lòng muốn xen vào cuộc trò chuyện, nhưng nó đã cạn vốn không biết nói gì hơn nữa.

Nó suy nghĩ thật lung rồi hỏi, “Mấy cuốn sách đó nói về gì vậy chị Lula?”, thật là sáng ý đấy chứ. Từ đấy tôi phải giả vờ hứng thú nghe những miêu tả hoa mỹ về những cuộc tình trái ngang, những sự hi sinh rắc rối suốt trên đường về nhà; đến khi Lula rẽ vào nhà mới thôi, Travis thì vẫy chào lia lịa. Trên đoạn đường còn lại, Travis cứ huyền thuyên đủ thứ chuyện. Dường như có

một áng mây nhỏ vừa trôi ngang vùng trời ngập nắng của Travis, nó chợt trần trở, “Chị Callie này, chắc Lula không lấy con Jesse James đâu nhỉ? Em quý nó nhất. Chắc em phải nói chị ấy lấy con nào cũng được ngoài nó ra. Chắc em phải nói trước thôi.”

“Đừng lo Travis à, Lula sẽ không lấy nó đâu.”

“Chắc không chị? Sao chị biết?”

“Chị ấy sẽ không làm vậy đâu, Lula không phải hạng người đó đâu.”

Nó mè nheo mắt cả năm phút để bắt tôi cam đoan, còn tôi thì cứ vài bước lại phải trừng trừng nhìn lại Lamar và Sam Houston để bắt bọn họ giữ khoảng cách nhất định.

“Sao hai anh ấy lại không đi cùng mình hôm nay nhỉ?” Travis ngây ngô hỏi khi về tới đường vào nhà. Tôi chợt thấy nhói lòng. Nó không hiểu rằng chính những người anh ruột lớn hơn, to con hơn, mạnh hơn và thông minh hơn nó đang trở thành kẻ thù không đội trời chung dưới ảnh hưởng của Lula. Nó thật mong manh dễ vỡ như chú gà con mới nở vậy. Làm sao tôi có thể giúp nó tránh khỏi nỗi đau thất tình bây giờ nhỉ?

TRONG BỮA ĂN TỐI HÔM ĐÓ, Lamar mặt lạnh như tiền, còn Sam Houston thì câm như hến. Tôi ngồi trông chờ xem có ông anh nào định tấn công Travis hay không. Travis bô lô ba la về việc đưa Lula về nhà làm bố cảm thấy buồn cười, còn mẹ thì lại cảnh giác, chẳng nghi ngờ gì nữa, bà đang nghĩ rằng Travis còn quá nhỏ để có cảm giác này. Ông thì chẳng để ý lắm như thường lệ. Thông thường ông cũng ít khi nào hứng thú đến mấy câu chuyện trong bữa ăn. Tôi nghĩ ông thích ăn một mình trong thư viện hơn và có lẽ mẹ cũng muốn vậy nhưng lại không thực hiện. Chúng tôi ăn theo kiểu “một gia đình thống nhất” như mẹ

thường gọi, và tất cả mọi người (trừ ông) phải nói một chuyện gì đó cho buổi trò chuyện chung, thậm chí chỉ tóm tắt sơ lược một ngày lại cũng được.

“Callie, con học được gì ở trường hôm nay?” bà hỏi.

“Cũng chẳng có gì nhiều cả,” tôi đáp.

Lamar xen vào kể tội, “Callie bị đứng phạt ở góc lớp hôm nay mẹ ạ.”

Thật có tác dụng, mẹ liền buông nĩa xuống rồi nhìn tôi.

“Thật không?” mẹ hỏi.

“Vâng, thưa mẹ.”

“Cô Harbottle bắt con đứng ở góc lớp à?”

“Vâng, thưa mẹ.”

“Vì việc gì?”

“Con cũng không rõ nữa,” tôi đáp.

“Làm sao không biết được?” mẹ lạnh như thép.

“Nó không tập trung trong lớp mẹ ạ,” Lamar láu táu. Lập tức Lamar trở thành ông anh đáng ghét nhất của tôi.

“Xin lỗi mẹ, con... con bận suy nghĩ về báo cáo sách nên không nghe cô nói, chỉ vậy thôi ạ.”

“Mẹ không bao giờ muốn nghe đến chuyện con bị phạt nữa nhé, Calpurnia. Mấy thằng con trai thì mẹ có thể thông cảm. Còn con. Hành động của con có thể làm nhục cả gia đình đấy.”

“Sao vậy, *chẳng công bằng gì cả*,” tôi cau có.

Sự im lặng chột bao trùm căn phòng. Thôi chết rồi. Ai cũng ngược mặt lên nhìn, kể cả ông. Rồi chột ông ngửa cổ cười văng lên làm cả phòng càng thêm bàng hoàng. Mọi sự tập trung đều đổ dồn về phía ông. Đó là một tiếng rống to khỏe thật sự, chẳng có vẻ gì là tiếng khò khè của một ông lão cả. Tôi ngỡ như chiếc đèn chùm đang bị rung lắc tới nơi. Suýt nữa là tôi đã bật cười theo.

Ông bảo, “Nó nói đúng đấy Margaret à. Đưa nước xốt cho ông nào. Haha!” Và với tiếng cười đó, ông đã đập tan sự căng thẳng và tránh cho tôi mọi sự trừng phạt. Harry nháy mắt với tôi. Lamar le lưỡi trêu chọc, và dĩ nhiên là không bị mấy giám thị trên bàn bắt gặp.

Sau bữa ăn, tôi yêu cầu Travis cho đi xem mấy con mèo, hai chị em cùng ra chuồng gia súc, nơi Nhất trông coi gia đình đầy lông của nó trong chiếc tổ xây bằng rơm. Mấy con mèo con đang quần quanh, đùa nghịch với nhau.

“Thấy không chị Callie, Jesse James là con hay nhất đúng không? Nó gầm gừ to lắm, từ xa đã nghe thấy rồi.” Nói rồi nó nhấc bổng con mèo ra khỏi tổ, rồi bỏ vào túi áo rộng thùng thình. Con mèo xem nơi ấy như nhà và gầm gừ một âm trầm rất ấn tượng so với kích thước của nó. “Chị chắc là Lula sẽ không lấy nó chứ?”

“Không đâu Travis, chị đã nói với em rồi mà. Lula không phải loại người như vậy đâu.”

“Chị ấy cực kì tốt đúng không?”

“Travis à,” tôi thở dài. “Nghe chị nói này, em có biết rằng Lamar và Sam Houston cũng có ý với Lula không?”

“Hai anh ấy cũng vậy à?”

“Ừ, chị đã định nói với em rồi.”

“Em chắc rằng thằng con trai nào cũng có ý với Lula cả thôi.”

Câu này làm tôi cứng họng. Tôi ngồi xuống đồng rơm, vuốt ve Nhắt, nó tỏ ra đang hiểu chuyện lắm vậy. “Travis,” tôi hỏi, “em cũng có ý với Lula phải không?”

“Em nghĩ vậy.”

“Vậy sao em không bực bội?”

“Bực vì điều gì chứ?” nó vừa nói vừa nựng cằm Jesse James.

“Bực Sam Houston và Lamar ấy.”

“Sao em phải bực cơ chứ?” Nó vừa nói vừa ngấm mấy chú mèo. “Sau Jesse James thì chị nghĩ con nào tốt nhì nhỉ? Theo em là Bat Masterson, chị có đồng ý không?”

“Là con nào?” tôi hỏi.

“Con màu cam ấy. Nó có màu mắt giống Lula, nửa xanh da trời, nửa xanh lá cây. Chị thấy không?” Nó bế Bat Masterson trong sự phản kháng của chú mèo, màu mắt nó quả là giống với màu mắt Lula thật. “Có thể chị ấy sẽ chọn nó đấy.”

“Travis,” tôi ngờ vực, “đừng nói với chị em thích Lula vì chị ấy có cặp mắt giống với con mèo này nhé?”

“Không đâu, chị đừng vớ vẩn vậy chứ.”

“Ok, vậy còn Lamar và Sam Houston thì sao?” tôi hỏi.

Nó bối rối nhìn tôi, tôi chợt nhận ra nó đang không hiểu ý tôi muốn nói gì. Nhưng nó sẽ trưởng thành hơn, sẽ thay đổi và sẽ hiểu sớm thôi. “Thôi không có gì đâu,” tôi đáp, “mấy con mèo của em dễ thương lắm.”

Sáng hôm sau tôi để cho mấy ông anh đi trước, còn mình thì đi cùng Travis đến trường và gặp Lula ở chân cầu. Hôm nay Lula diện chiếc đầm dài trắng tinh, dây buộc tóc màu xanh lá cây đậm làm cho màu mắt càng giống với Bat Masterson hơn. Lula có vẻ vui khi nhìn thấy Travis. Trên suốt đường đi, cả hai thảo luận bất tuyệt về mèo, chó, ngựa, trường học, lễ Halloween, lễ Giáng Sinh và vô khối thứ khác. Có lẽ bạn nghĩ rằng một cô bé 12 tuổi chẳng có gì để nói với một thằng nhóc 10 tuổi thì bạn đã lầm to rồi đấy. Và tôi cảm thấy nhẹ nhõm khi hai ông anh cũng để yên cho Travis cả ngày học hôm ấy.

Nhưng đường về nhà sau giờ học lại là một chuyện khác. Travis lại bám dính theo Lula, và lúc này, Lamar cũng lò dò đi theo. Tôi đã muốn chạy đi trước cho xong, nhưng sự nguy hiểm đã lơ lửng khắp nơi.

“Lula ơi,” Lamar dò hỏi, “anh cầm sách cho em được không?”

Cả Lula và Travis đều đỏ mặt. “Cám ơn anh Lamar,” Lula đáp rồi đưa sách cho Lamar. Từ lúc đó, một sự im lặng đến ngượng ngùng bao trùm lên cả bọn. Chợt Lamar cất lời, “Lula này, sao em lại chịu đi cùng với *bé* Travis thế? Sao không đi với một người đàn ông thực thụ như anh nhỉ?” nói rồi Lamar gồng bắp tay lên làm dáng. “Nhìn này, Lula, anh vạm vỡ không nè.”

Ôi Lamar ơi, đừng như vậy chứ, nhìn sắc mặt của Lula và Travis kìa.

Travis thét lên “Em *không phải* là thằng bé,” bằng một giọng the thé chanh chua làm cho nó càng giống một đứa bé thực thụ.

“Em *không phải* là thằng bé,” Lamar nhại lại đầy mỉa mai.

“Thôi đi anh Lamar,” tôi bảo. “Anh đừng quá đáng thế chứ.”

“Ôi thằng bé tội nghiệp, phải nhờ đến chị mày bảo vệ đấy. Ôi *thằng bé còn hôi sữa.*”

Thế này trước mặt Lula là quá thể rồi. Thằng em Travis điềm tĩnh nhất của tôi quăng cả sách rồi dùng hết sức bình sinh lao vào Lamar. Lamar lão đảo đánh rơi cả sách của Lula và cả hộp cơm trưa nhưng vẫn không ngã. Tôi nhận thấy Lamar chỉ bị giật mình chứ chẳng hề hấn gì mà còn hét lại, “Ê, *thằng bé!*”

Travis đang ngân ngấn lệ rồi. Nó quay đầu chạy hết tốc lực về nhà làm bụi tung mù mịt. “Đồ nhóc! Đồ hèn nhát!” Lamar gọi với theo. Nhưng tôi biết rõ Travis bỏ chạy không phải vì hèn nhát mà vì không muốn khóc trước mặt Lula như một thằng bé mà thôi.

Cả ba người chúng tôi ngượng ngùng đứng ngây như phỗng trên đường. Tôi lặng lẽ nhặt sách của Travis lên. Lula thì hắng giọng rồi bảo, “Thôi mình về nhà đây. Tạm biệt.” Rồi bạn ấy thu lượm sách của mình trước khi Lamar kịp hành động và chạy nhanh về nhà, chiếc bím tóc tung bay theo từng bước chân.

“Lula ơi!” Lamar gọi với theo. “*Lula ơi!*” nhưng Lula tiếp tục chạy vờ như không nghe thấy.

“Lamar,” tôi bảo, “đôi lúc anh thật là một tên khó ưa đến bất ngờ đấy.”

“Em nói gì vậy? Travis tấn công anh mà. Nó đánh anh *đau ời là đau* đây này.”

“Nó có làm anh đau đâu. Em mách mẹ cho mà xem.”

“Đồ con mách lẻo,” anh sỉ vả.

“Đồ khó ưa,” tôi trả đũa.

“Đồ lảm mồm,” anh tiếp.

“Đồ ti tiện.”

“Tao không muốn đi cùng mày.”

“Được thôi. Tôi cũng không muốn đi cùng *anh*.”

“Tao đi trước đây.”

“Không, *tôi* đi trước.”

“Được thôi, cứ cút trước đi!”

Rồi trong cơn bực bội, cả hai về đến nhà lúc nào không hay biết.

Gia đình tôi đánh giá rất nghiêm trọng về tính mách lẻo và lảm mồm, tôi cũng chẳng hiểu nguyên nhân nữa. Tôi bước vào cửa cái, lòng phân vân có nên kể lại hay không, thì mẹ đã gọi vào phòng khách giải vây cho tôi.

“Calpurnia. Vào đây và nói cho mẹ biết sự tình xem nào.”

“Dạ, chắc mẹ nên hỏi Lamar thì hơn,” tôi lên tiếng khi Lamar đang lẩn ra đằng sau lưng tôi trên sảnh lớn.

“Lamar, vào đây giải thích đi,” mẹ ra lệnh. Lúc này Travis đang ngồi ôm gối trên thảm dưới chân mẹ, mặt mày đỏ bừng và xì ra. Nó ném cho Lamar một cái nhìn căm phẫn.

“Hôm nay xảy ra chuyện gì ở trường vậy?” mẹ hỏi rồi hất hàm về phía Travis. “Nó thì chẳng chịu hé răng gì với mẹ cả.”

Lamar tỏ ra bất ngờ, có vẻ không nghĩ rằng Travis không tố cáo anh ấy.

“Sao rồi Lamar, nói đi chứ?” mẹ hỏi dồn còn anh ấy nhìn lảng đi hướng khác, không trả lời câu nào.

“Calpurnia, chuyện gì đã xảy ra?” Tôi nhìn Travis dò ý nhưng mặt nó cứ nghệt ra. “Calpurnia, mẹ không hỏi con mà mẹ *ra lệnh* cho con nói ngay bây giờ.”

Và thế là tôi đành thuật lại mọi việc, thậm mong rằng hai anh em hiểu được tôi không có sự chọn lựa nào khác ngoài việc thực hiện mệnh lệnh. Mẹ lắng nghe câu chuyện của tôi, bắt đầu từ sự xuất hiện của Lula. Kì lạ thay, bà không nổi giận mà lại trầm buồn. Mẹ chỉ phạt qua loa vài việc lật vật, còn bọn tôi cũng mong rằng mọi chuyện chỉ dừng lại ở đó.

Nhưng con trai muôn đời vẫn thế, và nét đẹp của Lula là không thể cưỡng lại được.

Những ngày tiếp theo, tôi và Travis phải sống trong cảnh dầu sôi lửa bỏng. Tôi sắp xếp thời gian khi không có mấy người anh kia ở nhà để Lula đến nhận nuôi mèo, may thay, bạn ấy chọn Belle Starr.

Ngày nào đi học tôi cũng phải dòm chừng Lamar và Sam Houston đến nỗi trở thành như một thói quen. Một hôm sau bữa ăn tối, tôi không thể chịu đựng được nữa nên gọi bọn họ ra hiên nhà phân trần, “Nghe này, mọi người không thể đi theo Lula em và Lula như mấy con cừu thế này được. Em mệt lắm rồi, hãy để bọn em yên đi. Nếu mọi người không dừng hục hặc với nhau như vậy nữa thì em chắc chắn rằng Lula sẽ không nói chuyện với bất cứ ai ở đây đến cuối đời đấy.”

Tôi chẳng hiểu những lời ấy xuất phát từ đâu nhưng với cương vị là bạn thân và là người hiểu rõ Lula nhất, đồng thời với giọng điệu chắc nịch nên bọn họ hoàn toàn bị thuyết phục.

“Thôi, để em giải quyết mọi việc như thế này nhé,” tôi bảo. “Mỗi người có thể đi cùng bọn em một ngày trong tuần. Travis thì thứ hai, Lamar thì thứ tư, và Sam Houston thì thứ sáu nhé. Rõ chưa.”

“Còn thứ ba và thứ năm thì sao? Ai được đi cùng vào những ngày ấy?” Sam Houston vặn vẹo.

“Không ai được đi theo cả, để bọn em yên, em nghiêm túc đấy. Còn ai có ý kiến gì không?”

Thật may cho tôi là không ai dám nói gì nữa cả.

CHƯƠNG 11

BÀI HỌC ĐÀN LEN

Quy luật chọn lọc của tự nhiên sẽ thay đổi cấu trúc của thế hệ sau so với thế hệ trước và của bố mẹ so với con cái.

“HỆ THỐNG LULA” tôi áp dụng tỏ ra hiệu quả, ít nhất cũng trong vài tuần. Tôi rủ Lula về nhà tập vài bài song tấu piano sau giờ học theo yêu cầu của mẹ. Nhưng chỉ là giải trí thôi vì bọn tôi sẽ không phải biểu diễn chúng. Một hôm, tôi mắc sai lầm nghiêm trọng khi rủ Lula về nhà làm đồ án Nghệ thuật Nội trợ làm mẹ phát hiện được đường kim mũi chỉ khéo léo của bạn ấy. Chúa ơi, sao con có thể ngu ngốc đến nhường này nhỉ?

Vài ngày sau, mẹ gọi tôi lại và bảo ban, lần nào nghe giọng điệu này tôi cũng lo sợ “Calpurnia, đến lúc con thôi đàn khăn choàng và tập đàn tất rồi đấy. Không có gì sánh được với những đôi tất len dày ấm áp được đan từ bàn tay đầy yêu thương đâu con. Nếu con bắt đầu đan từ bây giờ thì sẽ kịp tặng cho tất cả các anh em trai, thậm chí cho cả bố, cả ông con trước lễ Giáng Sinh đấy. Thế có tốt không? Nào, đem giở đồ nghề đan len lại đây, mẹ con mình sang phòng khách thực hành nào.”

Áp lực bắt đầu xuất hiện rồi đây.

Tôi thở dài rồi đặt chiếc kính lúp xuống. Tôi đang dở tay ép mẫu vật bướm rất đẹp thuộc loài Viceroy vào khung kính để treo cạnh mấy mẫu khác của ông trong thư viện, nhưng trời đang mưa và công việc này đòi hỏi tính chính xác cao nên cũng khó làm vì thiếu sáng.

Mẹ nhìn có vẻ hài lòng với cuộn len mới lấy từ trong giỏ, trên đó cắm đầy kim đủ loại lớn nhỏ. Mớ len màu nâu sô-cô-la đậm và được búi lại thành một nùi dày cui. Mẹ ngồi hai tay dang ra như mái chèo trong khi tôi loay hoay gỡ nùi len ra quấn lại thành cuộn tròn xoay. Mặc dù tôi chẳng thích thú gì việc đan tất cả nhưng nhịp điệu tới lui đều đặn của len thật lôi cuốn, và thú thật rằng cũng chẳng có gì hay ho để làm trong tiết trời mưa gió thế này. Tôi tạm nghĩ như vậy thôi. Mẹ cũng tỏ ra thoải mái và thư thái khi làm công việc nội trợ dài vô tận này; nhất là việc đan len dường như xua đi cơn đau đầu của bà và không cần đến thần dược Lydia Pinkham như mọi bận nữa.

Thời tiết cũng đang dần lạnh hơn. Dù chẳng có thông báo gì nhưng một vài thanh củi hồ đào bập bùng cháy trong lò sưởi cũng đủ minh chứng cho một mùa hè đã là dĩ vãng. Travis thì loanh quanh với Jesse James và Billy The Kid rồi quăng ít len ra trước mặt và chúng bắt đầu vờn qua lại, một lúc sau là nhảy toán loạn trên thảm. Lamar vừa bước vào thì mẹ bảo anh bật máy hát đĩa than, bản nhạc của Schubert vang lên dập dìu.

“Bây giờ mình đan tất cho Jim Bowie trước nhé,” mẹ bảo, “Chỉ đan tất trơn nhỏ trước thôi, sau đó sẽ tập đan họa tiết sau. Xem nào, đan một hàng 40 mũi nhé, bắt đầu đan từ ngoài vào nào.” Nói rồi mẹ đưa tôi bốn cây kim đan len.

“Sao tới bốn cây lận? Con phải làm gì với bốn cây kim này đây?” tôi cau có.

“Con dùng chúng để đan theo vòng lặp xuyên suốt nên sẽ không cần quay lại ở cuối mũi đan.”

Cứu tôi với! Với hai cây kim đan thôi cũng làm tôi khổ sở vì tính vụng về của mình rồi huống hồ bốn cây thế này. Mẹ lên tiếng

động viên con gái mình thực hiện hàng len đầu tiên cho chiếc tất đầu đời. Các đầu kim đâm lên từ đủ hướng như lông nhím.

“Nhìn này,” mẹ bảo, “nếu con quấn len vòng quanh ngón áp út như này thì sẽ cảm giác được lực căng và kim đan cũng nằm vững hơn.” Tôi cố làm theo lời mẹ, quả nhiên hàng len thứ hai nhìn đỡ hơn hẳn, và những hàng sau đó ngày càng đẹp hơn. Càng làm tôi càng nhận ra rằng một khi đã vào guồng thì cây kim đan sẽ lên xuống nhịp nhàng đến không ngờ.

“Nào, bây giờ phải canh khoảng cách để đan phần gót chân. Đây, đúng rồi.”

Chậm chậm - rất rất chậm - mớ len hỗn độn trong tay tôi dần dần thành hình. Buổi chiều dần qua đi, mặc dù đối với tôi việc đan len này chẳng thú vị gì nhưng cũng không quá tệ như tôi nghĩ. Kết quả cuối cùng là một vật nhỏ xinh, ngây ngô bằng len nằm gọn trong tay tôi. Tôi cầm lên ngắm nghía và nhìn nó cũng ra dáng một chiếc tất đang hoàn thành đấy chứ. Mẹ cũng tỏ ra hài lòng về thành quả của tôi và bảo, “Nhìn cũng giống chiếc tất đầu tiên mẹ đan lúc đang ở độ tuổi của con đấy.”

“Rồi, thế là xong rồi nha mẹ,” tôi nói rồi dọn dẹp ổ dụng cụ đan len.

“Xong thế nào mà xong? Con đi đâu đấy?”

Tôi nhìn mẹ tỏ vẻ thắc mắc.

“Tiếp tục làm chiếc nữa chứ con,” mẹ tiếp lời.

“Chiếc nữa là sao?” tôi tru tréo. Mẹ điên à? Mất đến mấy tiếng tôi mới đan xong nổi một chiếc cón con này đấy.

“Dĩ nhiên là phải đan tiếp rồi, và đừng có lên giọng với mẹ như thế. Jim Bowie làm được cái gì với độc mỗi chiếc tất này đây?”

“Làm sao con biết được,” tôi đáp, thật ra trong lòng định nói rằng *con quan tâm đến việc đó làm gì, nó dùng làm con rồi cũng được mà*.

“Còn mấy anh em khác thì sao? Còn bố? Và cả ông con nữa?” mẹ tiếp tục giảng giải.

Tôi lẩm nhẩm, có sáu anh em này, cộng luôn bố này và cả ông nữa, tổng cộng lại là hàng tá bàn chân ấy chứ. Muốn đan hết cho họ thì phải làm quần quật hết ngày mai, ngày kia rồi ngày kia, ngày kia... Tôi xây xẩm mặt mày. Vậy là tôi phải dành cả đời này cho việc đan len mất, tưởng tượng đến cảnh ngáp ngáp dài dài để đan cả một dây treo đầy tất kéo dài vô tận đến cuối trời, tôi phát ốm mất thôi.

“Làm ơn đi mẹ,” tôi cất giọng náo nức, “cho con làm tiếp vào ngày mai nhé. Mắt con mỏi lắm rồi.”

Nhìn cử chỉ của mẹ thì chắc có vẻ lời tôi đã làm bà động lòng rồi. Cũng có thể bà không chấp nhận được viễn cảnh đen tối khi phải đeo thêm cặp kính dày cộp cho con gái duy nhất của mình. Vậy là tôi vừa phát hiện thêm một điểm yếu của mẹ có thể để dành lợi dụng trong tương lai. Hoặc tôi cũng có thể giả vờ đau đầu nữa cơ mà.

“Thôi được, hôm nay đến đây là đủ rồi,” bà đáp.

Tôi vội vàng vớ lấy rổ đựng đồ nghề đan len rồi ra khỏi phòng trước khi mẹ kịp nghĩ đến một kĩ năng nội trợ nào khác cho tôi thực tập. Tôi để chiếc rổ lên phòng rồi phóng nhanh xuống nhà qua phòng thí nghiệm tối om, nhưng lúc này ông lại không có

mặt, có lẽ đang ra ngoài tìm kiếm mẫu thực vật rồi. Mùa mưa là thời điểm tốt nhất để thu thập mẫu thực vật mà, vả lại lúc này cũng chẳng tìm được thú vật hay côn trùng nào vì chúng đều trú ẩn đến khi nắng lên mới xuất hiện trở lại. Tôi thắp sáng một cây đèn rồi thả mình lên chiếc ghế nệm lò xo cũ kĩ của ông, ngồi quan sát những hàng chai lọ lấp lánh, nghe mưa dần nhẹ hạt lộp độp trên mái nhà.

Tôi giật mình dậy khi nghe tiếng ông treo tấm bạt che mưa lên cây đinh trên tường, nước còn nhỏ giọt lũng tũng.

“Chào cháu Calpurnia. Cháu khỏe không?”

“Cháu khỏe ạ, nhưng đang phát ốm vì phải ngồi đan len cả ngày nay ông ạ.”

“Cháu thấy đan len thú vị chứ?”

“Cũng không phải là thứ khủng khiếp nhất đời này,” tôi thừa nhận, “nhưng cháu phải làm nhiều quá. Cháu phải đan tất chân cho mọi người trước dịp Giáng Sinh, và như vậy là phải đan hàng tỉ chiếc tất ấy chứ. Cháu mong rằng ông thích tất trơn vì cháu chưa học cách đan hoa văn gì cả.”

“Ông thích tất trơn và ông cũng chưa học đan hoa văn bao giờ cả.”

“Ông biết đan à?” tôi ngạc nhiên hỏi.

“Ừ, đan giỏ là đẳng khác. Nhiều người trong trung đoàn của ông đều là tay đan len cừ khôi đấy.”

Ông nhìn nét mặt tôi rồi tiếp, “Bọn ông phải tự lực cánh sinh trên mặt trận. Khi cần tất mới là phải tự đan thôi. Lúc đó chẳng có vợ, chị hay cháu nào để được chăm sóc cho cả, còn bư kiện

gửi từ gia đình thì hiếm khi tới nơi. Ông còn nhớ có lần một trung sĩ viết thư về nhà trước Giáng Sinh và nhờ vợ đan cho một đôi găng tay thổ mới. Nhưng đến hè thì chúng mới được gửi tới nơi, lúc đó thì ông ấy đã mất hai ngón tay do bị hoại tử vì rét. Nhưng dù sao vẫn còn được ngón tay cái nên ông ấy vẫn vui vẻ dùng chúng. Dĩ nhiên là găng tay bị trống mất hai chỗ và lại ngay vị trí bóp cò, cuối cùng ông ta tự cắt hai ngón đó đi rồi may lại, cũng ổn ra phết nếu ông không nhớ lắm.”

“Tự lực cánh sinh.” Tôi ngẫm nghĩ một lúc rồi tự nhủ. Nếu như những người lính phải học đan len, đến ông cũng biết đan thì tôi học cũng đâu có chết chóc gì.

Ông nhìn tôi rồi nói tiếp. “Ông nghĩ mẹ còn muốn cháu học nấu ăn nữa phải không? Bọn ông cũng phải tự nấu nướng đấy.”

“Ông à, ông đang cố an ủi cháu phải không?”

Ông mỉm cười đáp. “Có lẽ vậy.”

“Mẹ ép cháu phải học nấu món mới hàng tuần. Thật ra cũng không phải khó khăn gì lắm, nhưng thử nghĩ xem, mất hàng giờ để nấu rồi ăn hết trong 15 phút. Sau đó còn phải lau dọn bếp, kê bếp. Vừa xong là lại đến giờ phải chuẩn bị nấu tiếp, chẳng kịp ngồi tay. Làm thế thì chúng tỏ được gì? Tại sao cô Viola lại có thể chịu đựng được nhỉ?”

“Đó là điều duy nhất Viola biết làm,” ông đáp. “Và khi cháu chỉ biết làm duy nhất một thứ gì đó thì phải chấp nhận làm thôi. Có một điều ông chắc rằng: nếu không nấu ăn thì cuộc sống của Viola sẽ khổ sở hơn nhiều. Bây giờ ít nhất Viola cũng được ‘làm việc nội trợ’ còn hơn là ‘việc đồng áng’. Mấy cô chú của Viola ở Bastrop đều phải đi chặt cây bông gòn bằng cuốc tay và khuôn vác bao bố hằng ngày đấy.”

“Bố chẳng bao giờ cho phép động vào cuốc tay cả.”

“Cháu biết vì sao không?” ông hỏi.

“Dạ không ạ.”

“Vì khi ở độ tuổi của cháu, ông đã cho bố cháu ném mùi dùm cuốc tay suốt cả một ngày làm việc trên đồng rồi nên biết vất vả như thế nào. Hi vọng bố cháu sẽ tiếp tục truyền lấy kinh nghiệm này cho các anh em của cháu.”

“Ông có nghĩ bố sẽ cho cháu thử không?”

“Ông không nghĩ là bố cháu sẽ cho con gái rượu của mình ra đó đâu.”

“Chà. Vậy hôm nay ông thu hoạch được gì nào?”

Ông lôi mắt kính ra khỏi túi áo rồi đặt túi đeo vai lên bàn. “Có vài mẫu vật đẹp của *sangre de drago*, hay còn gọi là máu rồng. Thổ dân thường dùng nó để trị bỏng. Ông tìm thấy cây me rừng tím nhưng chúng ta có đủ thứ này rồi. Và nhìn đây nữa này, bố bã đậu, ông chưa từng thấy chúng nở muện thế này, mọi người còn gọi nó là bụi bã đậu đấy. Nào, thử trồng nó xem.

Thực vật chẳng làm tôi thích thú bằng sâu bọ, và sâu bọ thì không hay ho bằng động vật, nhưng ông đã cho tôi biết về sự liên hệ giữa chúng và tôi cần phải nghiên cứu mọi loài để nắm bắt được tất cả một cách thấu đáo. Vì vậy tôi vẫn quan sát mớ cây héo trong tay ông để xem có học hỏi được gì không.

“Cháu có nhớ cây đậu tầm đầy lông mà ông cháu mình tìm thấy dạo trước không? Cái cây có thể là dạng đột biến ấy?” ông hỏi.

Tuy cái cây đó chán òm nhưng tôi vẫn nhớ ra nó.

“Tìm nó ra đây hộ ông được không?” ông bảo. “Chắc là nó còn ở đâu quanh đây thôi. Từ hôm nọ đến giờ ông chưa có thời gian đụng đến nó.”

Tôi lục lọi qua đồng chai lọ và bìa đựng rớt cuộc cũng ra nó, một mớ màu nâu khô khốc chẳng lấy gì làm hấp dẫn.

“Cây biến dị này ông,” tôi đưa ông.

“Phải đọc đúng là ‘biến dị’.”

“Đánh vần chính xác như thế nào ông? Đừng bắt cháu đi tra từ điển nhé.”

“Đơn giản là B-I-Ế-N-D-I.”

“Cháu cảm thấy đọc như cháu nghe hay hơn. Biến dị là gì ông nhỉ?” tôi bảo.

“Ngài Darwin có nói qua về nó đấy, cháu chưa đọc đến đó à?”

Tôi không ngại thừa nhận với ông rằng quyển sách đó quá khó đọc. “Cháu vẫn còn đang mày mò ở chương Sự Lựa Chọn Nhân Tạo. Cuốn này nhiều chữ quá nên mất nhiều thời gian hơn cháu tưởng.”

“Đối với lứa tuổi của cháu thì cuốn này hơi nặng là đúng rồi,” ông vừa ngắm chiếc lọ vừa nói. Đoạn ông mở lọ rồi lôi mẫu vật ra để trên miếng giấy thấm hình vuông còn mới. “Đưa ông cái kính lúp nào,” ông bảo.

Ông nghiên cứu cây đậu tằm khoảng một phút rồi chột bặm môi, “Hừm.” Lạ nhỉ, bình thường ông luôn nói một câu dài đầy đủ ý nghĩa cơ mà.

“Hừm?”

“Ra ngoài nhìn nó rõ hơn nào.” Thời tiết vẫn còn u ám, nhưng dù sao ánh sáng ngoài trời vẫn tỏ hơn bóng tối mập mờ trong phòng thí nghiệm. Thế là hai ông cháu mang mẫu vật ra ngoài rồi ông ngắm nghía nó suốt một lúc lâu. Tôi cố kiên nhẫn chờ đợi đến khi không thể chịu được nữa đành lên tiếng.

“Có gì lạ vậy ông?”

Ông trầm ngâm đáp, “Ông cũng chẳng biết nữa.” Cái này còn lạ hơn nữa ấy, ông thì cái gì mà không biết nhỉ. “Nhìn nó có vẻ là một chiếc lá mọc sống dựa vào nhánh cây chính, nhưng cũng khó nói vì nó đã khô héo quá rồi. Ông không nhớ là đã có đọc qua nó từ sách vở nào không. Và ông cũng chưa nhìn thấy bức phác họa nào giống nó mặc dù trong cuốn bản đồ của Mallon cũng đã tập hợp rất đầy đủ đấy.”

“Vậy là sao hả ông?”

“Nó khô quá nên cũng khó nói chính xác được. Nó có thể là một mẫu biến dị hay chẳng là gì cả.” Chợt ông nhìn tôi bảo. “Hoặc cũng có thể chúng ta đã tìm được một giống mới hoàn toàn đấy.”

“Không thể nào,” tôi thốt lên.

“Có thể lắm chứ. Ngồi xuống làm vài ly và nghĩ thêm nào.” Hai ông cháu vào lại phòng thí nghiệm, ông để cây đậu tằm lên bàn rồi ngồi phịch xuống ghế, mớ lò xo bên trong lại đàn hồi kéo kẹt, tiếng động này thường làm tôi cười khúc khích. Ông nhìn chăm chặp về cây đậu tằm.

“Ông để dành một chai rượu quý trên nóc tủ trong góc phòng cho những dịp đặc biệt này,” ông bảo. “Lấy nó xuống đây cho ông nào, cháu ngoan.”

Chai rượu màu xanh nặng trĩu và đóng đầy bụi bặm qua năm tháng, trên đó đề RƯỢU WHISKY NGÔ HẢO HẠNG KENTUCKY và hình một con ngựa đang chồm lên.

Ông rót một cốc đầy rồi nốc cạn một hơi. Tiếp đó ông lại làm thêm cốc nữa, rồi rót một ly cho tôi. Tôi rùng mình khi nhớ lại ly whisky đầu tiên từng uống (dĩ nhiên là sẽ *ho sặc sụa rồi*). Nhưng ông đang tập trung vào mẫu vật quá nên không để ý rằng tôi đang từ chối. Tôi đành cầm lấy cái ly rồi để qua một bên. Tôi nín thở chờ đợi.

Một lúc lâu sau ông thì thầm, “Tốt quá, tốt quá, ông đã chờ đợi ngày này lâu lắm rồi.” Đoạn ông ngẩng mặt lên. “Và ngày này đã đến thật rồi.”

“Ông chắc chứ?” Tôi thì thầm hỏi lại. “Làm sao chúng ta biết chắc được hả ông?”

“Chúng ta phải tìm lại mẫu vật tươi rồi phân tích nó ngay. Ta phải làm bản vẽ chi tiết, phải đánh dấu vị trí đã tìm ra trên bản đồ, rồi chụp hình nó gửi tới Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Hoa Kỳ, sau đó gửi cả mẫu vật đến nữa. Sau đó chờ kết quả thôi.” Ông hít một hơi thật sâu. “Cháu có muốn làm một ly nữa không?”

“Không ạ, nhưng ông cứ uống nữa đi,” tôi nói rồi đưa lại cái ly cho ông.

“Đương nhiên ông sẽ uống, ông sẽ phải uống nữa chứ,” ông bảo.

Ông lại uống cạn rồi hai ông cháu kính cẩn nhìn nhau. “Nào, làm việc thôi. Ta phải lấy một mẫu vật tươi để hoàn thành bộ hồ sơ, và thêm nhiều mẫu nữa để chọn ra được một mẫu tốt nhất. Ông cháu mình đã tìm thấy nó ở đâu nhỉ?”

Tôi cầm cái lọ lên rồi nhìn vào nhãn tên. Nhưng ngay dưới chữ “biển dzị”, nơi tôi thường chú thích nơi thu thập mẫu vật như ông dặn lại là... một mảng trắng. Cả trời đất như sụp đổ, tim tôi như ngừng đập, mặt mày tối sầm lại. Tôi nhìn ra hướng khác rồi nhìn lại, cho đôi mắt lừa dối của mình ngưng ngay trò lừa đảo lại, để thứ lẽ ra phải ở đó sẽ xuất hiện. Tôi chớp mắt liên hồi rồi nhìn lại cái nhãn. Vẫn chẳng có gì.

Lấy hết can đảm, tôi hít một hơi cho không khí tràn đầy vào phổi.

“Cháu bị gì vậy Calpurnia?”

Tôi phùng má lên như con cá trê trên cạn, “ừ, ồ, ừ, ờ, ừ, ồ.”

Ông đứng bật dậy. “Ông hiểu đây là giờ phút trọng đại. Có lẽ cháu nên ngồi xuống một lúc đi. Ngồi xuống nào,” ông nói rồi đẩy chiếc ghế qua cho tôi.

Tôi không thể thốt ra lời, tôi không thể nói với ông được.

“Ông có cần gọi mẹ cháu không?” ông hỏi hoảng hốt.

Tôi lắc đầu nguầy nguậy rồi lấy lại nhịp thở. “Không đâu ông.”

“Cháu có cần uống ít rượu không?” ông hỏi.

“Không ông à!” tôi la lên che giấu sự sợ hãi.

“Yên nào và nói cho ông biết có chuyện gì vậy,” ông bảo.

“Cái cây đậu tằm ấy,” tôi meo máo. “Cháu không ghi lại, không tìm thấy rồi.”

Ông cầm cái lọ lên nhìn qua rồi thầm nói. “Ôi, Calpurnia”. “Ôi, Calpurnia.” từng chữ nhẹ phát ra như từng cơn gió lớn tấp vào mặt tôi.

Tôi gục đầu vào tay mình. “Cháu xin lỗi,” tôi nức nở. “Cháu sẽ tìm lại nó, cháu sẽ tìm lại nó mà!”

“Tại sao chuyện này lại xảy ra được nhỉ?” ông nói.

“Cháu nhớ những gì ông bảo,” tôi khóc lóc, “cháu nhớ mà. Ông cháu mình đang trên đường từ sông về nhà. Cháu đang nghĩ về con rùa mà Ajax bắt được. Rồi cháu nghĩ về sự lựa chọn của tự nhiên.” Tôi rút khăn tay từ trong túi ra. “Ôi, cháu hứa sẽ tìm ra nó mà. Ông đừng giận cháu nhé, cháu sẽ tìm nó mà.”

“Ông biết rồi,” ông lặng lẽ đáp.

“Cháu sẽ đi tìm ngay bây giờ.”

“Calpurnia à, trời tối rồi.”

“Nếu cháu đi ngay sẽ kịp thôi,” tôi nói rồi bật dậy chụp lấy cái lọ. “Bút chì đâu rồi, cháu cần bút chì, chắc chắn phải có một cây ở quanh đây chứ,” tôi lắp bắp.

“Thôi đi, bây giờ trễ lắm rồi. Mai rồi hãy đi tìm cháu ạ. Bây giờ thì bình tĩnh ngồi xuống đi. Cố nhớ lại xem. Cháu nói lúc đó đang đi từ bờ sông về nhà phải không,” ông gợi ý.

Tôi lại ngồi xuống.

“Nhắm mắt lại và tưởng tượng đi cháu,” ông bảo.

Tôi nhắm mắt, nhưng không thể tập trung được. Tôi nghe từng lời ông nói và cố điều chỉnh nhịp thở chậm lại. “Chúng ta đang soi kính hiển vi cạnh con lạch nhỏ.”

“Ông nhớ rồi,” ông bảo. “Hít sâu vào. Bình tĩnh và nghĩ tiếp xem. Rồi chúng ta đi về từ con lạch đó.”

“Chúng ta đang đi về từ con lạch đó,” tôi lầm bầm lại câu nói của ông. “Đúng rồi, lúc đó Ajax bắt được con rùa lần đầu tiên trong đời. Cháu nhớ đã giật con rùa lại. Ông dẫn Ajax đi để cháu thả con rùa ra. Rồi còn... rồi còn cái gì nữa ngoài Ajax... nhưng cháu không thể nhớ ra.”

“Ông chắc là cháu sẽ nhớ được mà,” ông bảo. Giọng ông làm tôi bình tâm hơn.

Ajax và cây biển dзі. Cây biển dзі và Ajax. Tôi biết mình đang đi đúng hướng. Hai thứ này có liên quan đến nhau, nhưng cụ thể là như thế nào đây chứ? Tôi lướt qua mảng kí ức của mình như chú chó săn để tìm lại manh mối. Bằng lối này hay cách kia, cuối cùng vẫn là ngõ cụt. Lúc đó Ajax làm gì nhỉ? Hình như là một thứ gì đó rất phiền phức, nhưng thật ra, lúc nào mà nó chẳng gây phiền phức khi đang hứng lên, vì vậy điểm này chẳng giúp ích được gì cả. Đường như lúc đó nó đang ve vãn Matilda? Nhưng sau đó thì sao?

“Ôi,” tôi rên rỉ, “cháu không nghĩ được gì cả. Nó chỉ ở đâu đó trong này thôi,” - tôi đập thùm thụp lên trán - “nhưng cháu không thể tìm nó ra được.”

“Calpurnia à, ông nghĩ rằng cháu phải đi ngủ đi. Chúng ta sẽ tìm ra nó. Chúng sẽ *phải* tìm ra nó dù có phải sục sạo từng nhánh cây ngọn cỏ trong vùng này.”

Ông buồn rầu nhìn ngắm chiếc lọ biến dị rồi chột thở dài náo nê. Mặc dù tôi không thấy sự trách móc nào hiện lên từ mặt ông nhưng trong lòng tôi vẫn vỡ tan ra từng mảnh. Tôi quyết tâm rằng sẽ bò trườn lê lét bằng cả tay và đầu gối với chiếc kính lúp để lũng sục nó trên suốt 240 héc ta đất của nhà trong bao lâu cũng được nếu cần thiết. Rồi hai ông cháu đóng cửa phòng thí nghiệm lại và lạng lẽ đi vào nhà. Chưa bao giờ tôi thấy khổ sở tôi tệ như lúc này.

BẠN CÓ NGHĨ RẰNG tôi có thể ngủ tí nào đêm đó không? Tôi nằm trên giường như một xác chết, chẳng còn chút năng lượng nào để lăn qua lăn lại nữa. Một câu hỏi cho cuốn Sổ Tay: Tại sao Calpurnia Tate lại có thể ngu ngốc đến thế? Thật là một câu hỏi xuất sắc đấy. Ông đã dặn tôi rất kĩ rằng phải ghi lại vị trí của tất cả các mẫu vật và tôi đã thực hiện rất nghiêm túc điều đó, nhưng đến lúc cần thiết và quan trọng nhất thì lại quên mất. Lại thêm một câu hỏi cho Sổ Tay: Làm sao dám trông chờ ông tha thứ cho tôi? Rồi, lại thêm một câu hỏi nữa rồi Calpurnia ạ. Có lẽ ông sẽ chẳng bao giờ thứ tha, thậm chí chẳng thèm nhìn mặt mày nữa đấy, nếu mà như vậy thì coi như mày tiêu đời rồi.

Sáng hôm sau tôi thức dậy với hai vầng trăng khuyết đen sì dưới mắt làm mẹ nhìn tôi lo lắng. Lúc ăn sáng tôi cũng chẳng dám nhìn ông.

Đến trường lại là sự hành hạ mệt mỏi và áp lực căng thẳng. Tôi bị cô Harbottle bắt lên bảng giải một bài toán chia phức tạp và rồi làm sai, suýt chút nữa thì tôi đã cãi ngược lại cô và chắc sẽ bị đứng phạt ở Góc Xấu Hổ cả đời mất.

Vào giờ giải lao Lula lại hỏi thăm, “Cậu bị gì vậy Callie?”

“Không có gì đâu Lula, tớ rất ổn mà!” tôi ré lên. Bạn ấy tránh xa tôi ra rồi sang chơi với con nhỏ Dovie Medlin dở hơi. “Lula ơi,

quay lại đây đi, cho tớ xin lỗi,” tôi gọi với theo, nhưng ngay lúc đó cô Harbottle đã rung chuông báo hiệu vào lớp.

Tôi lê thân mình về nhà sau giờ học, bị mấy anh em trai bỏ xa cả đoạn, họ đã cố gắng kéo tôi ra khỏi tâm trạng này nhưng đều thất bại. Cứ mỗi bước chân tôi lại nghĩ đến Ajax. Nếu không quá mệt mỏi chắc tôi sẽ bắt nã bộ của mình tập trung suy nghĩ hơn rồi. Con chó ngu ngốc ấy chính là chìa khóa để giải đáp bí ẩn này. Xem nào, tôi giật con rùa, nó bỏ đi khỏi bờ sông, tôi nắm lấy dây đeo cổ của nó, vì... vì... vì nó chúi mũi vào một cái hố to.

“Đúng rồi!” tôi thét lên làm mấy anh em giật mình quay lại nhìn. Tôi vừa nhẩy tung tung vừa thét, “Đúng rồi! Con lửng, con lửng! Mình biết nó ở đâu! Biết cây đậu tằm từ đâu ra rồi!” Tôi chạy đến dúi đồng sách vào tay Lamar và Sam Houston. “Cầm hộ sách về nhà giúp em nhé, em phải đi tìm cây biến dị đây!” Rồi tôi lao vào bụi cây, theo lối hươu chạy.

“Em làm gì thế, cây biến dị là cái gì?” Lamar gọi với theo.

Nhưng tôi đang vội lao xuyên qua bụi cây, tim đập theo nhịp *đúng, đúng, đúng* trên từng bước chạy. Đó là cái lỗ của con lửng to nhất tôi từng thấy, tôi cũng đã định bụng sẽ quay lại khám phá nó mà. Hai ông cháu đã tìm thấy mẫu cây đậu tằm cách đây khoảng vài mét mà. Tôi có thể tìm nó, không, tôi sẽ tìm ra nó. Thế giới này là của tôi, ông sẽ lại là của tôi mà thôi.

Sau ba tiếng đồng hồ mồ hôi nhễ nhại, khát khô cổ và đầy vết cào xước, tôi đến được cái tổ con lửng ấy khi trời chạng vạng tối, mắt cá chân tôi như vỡ làm đôi. Tôi cũng làm con lửng thức giấc. Nó phản ứng bằng những tiếng khè giận dữ từ sâu trong hố làm tôi rút chân ra cực nhanh mặc cho nó đang bị đau nhói.

Không còn nhiều thời gian, chút nữa là trời sẽ tối om, chẳng thể thấy gì nữa vả lại, con lửng sẽ chui ra để dọa mấy con chuột đồng và rùa đất. Nên tránh con lửng cái kỉnh đó thì tốt hơn. Tôi nhẩy lui ra xa và nghĩ. Xem nào, chúng tôi đi về từ bờ sông và đi về nhà, có nghĩa là chúng tôi đã đi ngang qua... lối này. Tôi cất bước khập khiễng, mắt dán chặt xuống đất. Và kia rồi, một bụi cây xanh có vẻ là đậu tằm. Tôi quỳ phịch hai đầu gối xuống, lăm lăm cầu nguyện *phải là cây này nhé, phải là nó nhé, làm ơn là phải nhé*. Tôi đào xới phần đất khô cứng bằng móng tay, cố lấy ra càng nhiều rễ cây càng tốt, vừa làm vừa tự rửa mình vì không chịu đem theo cái xẻng và lọ nước.

Mất năm phút thì lấy được nó ra khỏi đất, tôi thở hổn hển trong lo sợ. Rồi tôi đứng bật dậy chạy vụt đi, mặc kệ cơn đau nơi mắt cá chân hành hạ. Tôi có thể nghỉ lâu hơn một chút nhưng ngửi được mùi nồng nặc và tiếng thở nặng nề của con lửng ngay sau lưng tôi.

Hôm đó, tôi đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của cô gái khập khiễng đi tìm báu vật.

VIOLA RUNG CHUÔNG TỪ HIỀN SAU NHÀ khi tôi vừa về đến. Cứ mỗi lần về muộn giờ ăn tối thì thế nào cũng gặp rắc rối, nhất là trong lúc tôi đang bận thủ như vậy nữa. Trong nhà tôi việc về đúng giờ ăn tối là cực kì quan trọng, nhưng nếu tôi đi vào ngay bây giờ thì sẽ phải giải thích rồi phải đi tắm rửa nữa, tất cả mọi thứ sẽ làm chậm việc ngâm cây đậu tằm vào nước mát. Nghĩ vậy tôi bèn núp sau mấy bụi cây, đi vòng ra phòng thí nghiệm, vậy là sẽ càng trễ giờ ăn và tăng thêm hậu quả mà chút nữa tôi phải đối mặt tại bàn ăn.

Phòng thí nghiệm tối om. Trên bàn đầy những chiếc lọ rỗng và bình đựng nước uống. Tôi rót nước vào một chiếc lọ rồi thả mẫu cây đậu tằm vào, trong đầu cứ lăm lăm, *Làm ơn đúng là cây này*

nhé. Nếu không chắc mình phải tự tử hoặc bỏ nhà mà đi quá. Rồi tôi đi vào cửa hậu, trong đầu thầm nhắm xem mình đã để dành được bao nhiêu tiền trong chiếc hộp thiếc giấu dưới gầm giường. Đếm đi đếm lại, rốt cuộc là tôi đã có được hai mươi bảy cent để dành cho hội chợ Fentress. Với hai mươi bảy cent này tôi đâu có bỏ đi xa được. Tốt nhất là đừng nên bi quan như thế chứ Calpurnia. Chắc chắn là nó rồi.

Tôi vừa đi qua cửa hậu ngay lúc cô Viola lôi thịt quay ra khỏi lò còn SanJuanna thì đang đứng đợi bưng vào phòng ăn.

“Cháu về trễ rồi, vào ăn nhanh đi,” cô Viola bảo.

“Cháu xin lỗi,” tôi đáp. “Mẹ có giận không ạ?”

“Giận chứ.”

Tôi xả nước từ bồn rửa chén rồi lấy bàn chải chà rửa tay liên hồi.

“Cháu xin lỗi.”

“Cô nghe rồi.”

Tôi chợt nhìn xuống cái váy rách bươm dơ bẩn của mình.

“Cởi ra đi,” cô Viola bảo. “Cháu không còn làm được gì hơn nữa đâu. Đi vào đó đi.”

Tôi cởi váy ra rồi treo lên chiếc móc cạnh bồn rửa rồi tập tễnh núp sau SanJuanna và đĩa thịt quay để đi vào phòng ăn. Hình như tôi đã cường điệu hóa đáng đi khắp khiêng của mình hay sao mà mọi người chợt im lặng ngoái nhìn. Tôi cúi gằm mặt lí nhí “con xin lỗi” rồi ngồi xuống ghế. mấy anh em trai háo hức nhìn qua tôi rồi lại nhìn mẹ.

“Calpurnia, con về trễ rồi. Sao lại đi khắp khiêng như vậy?” mẹ hỏi.

“Con giẫm vào cái hố con lủng to nhất thế giới và bị thương. Con thành thật xin lỗi vì đã về trễ thừa mẹ. Vì bị đau và nhiều yếu tố khác nên con đi rất lâu mới về được đến nhà.”

“Ăn xong đi rồi mẹ sẽ nói chuyện với con,” mẹ lạnh lùng đáp.

Mấy ông anh thất vọng khi không có sự khiển trách công khai nào xảy ra nên lại tiếp tục ăn, chỉ có cu cậu Jim Bowie ngong nghịu, “Chị Callie ơi, chị đi đâu vậy? Em nhớ chị.”

“Chị đi thu thập mẫu thực vật J.B. à,” tôi nói giọng sang sảng và hồ hởi. Cả bố lẫn mẹ đều ngược nhìn. “Sau đó mới bị đập vào hố con lủng, chắc mắt cá chân chị bị vỡ mất rồi,” tôi thêm vào.

“Thật không?” J.B. hỏi. “Em xem được không? Em chưa bao giờ thấy mắt cá chân bị gãy cả.”

“Để sau đi em,” tôi lầm bầm.

Mẹ thì lại tiếp tục ăn, chỉ có ông nhìn tôi chăm chăm. Suýt nữa là tôi đã cười phá lên rồi.

Tôi quay qua bảo Jim Bowie, “J.B. à, có thể chị vừa tìm được một mẫu thực vật cực kì đặc biệt. Đúng, thật sự rất đặc biệt. Chị để ở ngoài phòng thí nghiệm ấy, mai một chị sẽ cho em xem nếu em muốn. Này, tốt nhất là đừng có vọc đĩa đậu như vậy chứ.”

Tôi liếc trộm sang ông. Còn ông thì vẫn nhìn tôi chăm chặp. Chúng tôi bắt đầu ăn sang phần thịt, còn đến 30 phút nữa mới tới lúc được uống rượu vang nhưng đột nhiên ông làm một việc lần đầu tiên xảy ra trong Lịch Sử Bữa Tối: Ông rời khỏi bàn khi chưa dùng rượu. Ông đứng bật dậy, lấy khăn ăn chùi râu rồi cúi

mình sang mẹ bảo, “Một bữa ăn ngon như thường lệ Margaret à. Bố phải đi có việc đây.” Nói rồi ông đi qua bếp ra khỏi nhà trong khi mọi người vẫn há hốc mồm ngạc nhiên. Tôi nghe tiếng ông đóng cửa sau nhà và những bước chân vội vã. Chưa ai thấy cảnh tượng này bao giờ cả. Mẹ bắt đầu trấn tĩnh lại rồi liếc sang tôi.

“Con có liên quan gì đến việc này không đấy?” mẹ hỏi.

“Không đâu ạ.” Tôi nhìn chăm chăm vào đĩa thức ăn của mình.

“Anh Alfred à,” mẹ quay sang bố dò hỏi, “bố Walter có bị sao không vậy?”

“Chắc vậy rồi,” bố lúng túng đáp.

Thấy thế, Jim Bowie đang vọc đĩa đậu thay vì cố ăn cho hết bèn thừa cơ hội nói, “Mẹ ơi, vậy con có được miễn...”

“Không, đừng có vớ vẩn nhé!”

“Nhưng ông được phép...”

“Thôi ngay đi J.B.”

Bữa ăn còn lại trôi qua trong im lặng. Sau đó tôi bị bắt ngồi lại bàn cả tiếng đồng hồ khi SanJuanna dọn dẹp và không được thi đếm đom đóm. Nhưng ai thèm để ý đến trò chơi đó chứ? Tôi chỉ cảm thấy khó chịu khi không được ra phòng thí nghiệm thôi. Chợt tôi phát hiện mình đang siết chặt tay, trước giờ tôi chỉ đọc qua hành động này trong mấy quyển sách tình cảm ủy mị mà thôi. Tôi chuồn khỏi ghế và rón rén đi qua nhà bếp trước khi đồng hồ dừng tiếng điểm chuông. Lúc đó cô Viola đang cho chú mèo nhà Idabella ăn còn SanJuanna thì rửa chén.

“Này cháu...” cô Viola gọi với theo khi tôi chuồn ra cửa sau. Rồi chợt tôi đứng sững người lại khi thấy ông đang đứng trên bậc thềm sau nhà, hút thuốc, mắt nhìn xa xăm lên bầu trời đêm và vuốt ve mấy con Mèo Sân Vườn trong bóng tối. Sau lưng tôi, tiếng bát đĩa lạnh canh vang ra từ nhà bếp, còn từ bóng tối, lũ chim đêm bông đùa ríu rít. Tôi cứ đứng đó, cả thế giới như lắng đọng xung quanh mình.

“Calpurnia à,” ông bảo, “đêm nay trời thật đẹp. Cháu lại đây ngồi với ông nhé?”

CHƯƠNG 12

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Không có nhiều người đủ siêng năng để xem xét những nội tạng quan trọng của nhiều mẫu vật của cùng một loài để so sánh chúng với nhau.

THỨ BẢY SAU, tôi cùng ông lên xe ngựa đến Lockhart. Tôi vờ xin phép bố mẹ đi thư viện, còn ông thì chẳng phải xin xỏ ai cả; ông bảo Alberto thắng ngựa cho mình. Mặc dù ông đã bỏ mặc mọi thứ trong nhà nhưng mọi người vẫn dành cho ông một sự kính trọng đáng nể. Mỗi lần tôi nhân danh ông thì nó như một chiếc chìa khóa thần kì giúp mở ra những cánh cửa mà tưởng chừng như luôn đóng chặt lại trước mặt tôi.

Tôi ôm khư khư mẫu thực vật nằm trong hộp cạc-tông trên đùi như một báu vật trong khi ông đánh xe ngựa. Mặc dù trời cũng âm u nhưng tôi vẫn mang theo chiếc ô cũ kĩ của mẹ để che bóng mát cho cả tôi và Cây Nhỏ đang nằm e ấp lọt thỏm trong chiếc chậu hoa nhỏ bằng đất sét. Tôi đã nhìn thấy ông dùng viết chì ngoáy một lỗ nhỏ rồi cắm mẫu cây xanh mỏng manh ấy vào nhà mới của nó, sau đó hai ông cháu tắm táp cho nó bằng những giọt nước giếng tinh khiết. Giờ đây tôi cảm thấy thật vinh hạnh khi được giao trọng trách chăm sóc Cây Nhỏ này.

Nhưng trái lại với niềm vinh hạnh của tôi, Cây Nhỏ ngày càng trông héo úa trên đường đi.

“Ông ơi, Cây Nhỏ có vẻ... hơi mệt rồi.”

Ông liếc sơ qua nhưng không tỏ vẻ lo ngại gì. “Không có gì lạ đâu cháu, mình đã nhổ nó khỏi mặt đất mà, tưới cho nó thêm ít nước đi. Thật là một ngày tuyệt vời để đi dã ngoại phải không cháu?”

Tôi cũng đồng tình và thư giãn một tí. Ông huýt sáo vài điệu nhạc Mozart rồi lại hát vang bài gì đó với ca từ thô thiển về một thủy thủ say mềm và cần phải làm gì với anh ta. Ông còn dạy tôi hát theo để giết thời gian nữa.

Đến Lockhart, hai ông cháu dừng xe ngựa trước Cửa Hiệu ảnh Chân dung Hofacket - Những bức ảnh đẹp cho những thời khắc đáng nhớ. Vào trong tiệm, ông gặp khó khăn trong việc giải thích cho ông Hofacket hiểu điều mình muốn.

“Ông muốn tôi chụp hình cho cái cây này à?” ông chủ tiệm cứ hỏi đi hỏi lại. Có thể ông ấy rất nhanh nhẹn trong việc chụp ảnh, nhưng lại quá chậm chạp khi hiểu ra yêu cầu của chúng tôi làm ông tôi lại phải giải thích nhiều lần. Ông Hofacket miễn cưỡng đáp, “Thôi được rồi, nhưng tôi vẫn phải tính ông với giá thành bình thường nhé. Một tấm chân dung giá 1 đô la.”

“Được thôi,” ông đồng ý không một chút do dự. Ông Hofacket tỏ vẻ bực bội, có lẽ ông ấy đang tự trách bản thân sao không nhân cơ hội này mà tính giá cắt cổ hơn nhỉ.

“Được rồi, vào trong phòng chụp với tôi nào, còn cô bé này đợi ở ngoài nhé.” Ông ta bảo.

“Không, cháu nó là thành viên của đoàn nên sẽ đi vào cùng,” ông bảo. Ông Hofacket nhìn ông một lúc rồi dẫn hai ông cháu qua bức màn và không nói thêm lời nào nữa.

Bên trong nào là ghế ngồi, ghế dài và những khung đứng làm bằng liễu gai. Mọi thứ nhìn thật quen thuộc làm tôi hơi bối rối, một lúc sau tôi nhận ra rằng mình đã thấy chúng, chính là những bức chân dung của các gia đình xung quanh thị trấn, cùng chung một kiểu chụp và đạo cụ. Ông Hofacket lục lạo trong ngăn kéo rồi lôi ra một mảnh giấy trắng, sau đó mở ngăn kéo khác lấy ra một cuốn album ảnh, tháo hộp và kéo ra một tờ giấy đen thô ráp.

“Giống như vậy phải không? Ông muốn dùng cả giấy trắng và đen đúng không?” ông ấy hỏi ông tôi.

“Đúng rồi.”

“Được thôi,” ông Hofacket đáp, vẫn tỏ ra không hiểu lắm về ý định của ông tôi. “Tiền là của ông mà.”

“Vâng, nhưng lát nữa sẽ là tiền của ông thôi,” ông tôi cười mở đáp lại trong một tâm trạng hồ hởi nhất từ trước đến nay, nhất là trong khi không có một giọt rượu nào. Rồi ông nháy mắt với tôi, tôi cũng cố gắng nháy lại nhưng chỉ có thể nháy bằng cả hai mắt, trông thật ngớ ngẩn. Tôi lại phải học thêm cái kỹ năng này nữa rồi.

Ông Hofacket đóng tờ giấy trắng lên tường rồi để Cây Nhỏ lên trên một chiếc hộp gỗ đằng trước miếng giấy. Sau đó ông đẩy chiếc máy ảnh hình ống thổi to dùng vào vị trí rồi loay hoay với nó.

“Gần hơn nữa đi,” ông tôi bảo. “Ông cố gắng chụp càng gần càng tốt, miễn là vẫn thấy được chi tiết rõ ràng, nhất là cái lá móc kia kia.”

“Cái đó hả?” ông Hofacket ngạc nhiên hỏi. “Vậy là ông muốn chụp nó đấy à?”

“Chính xác.”

Ông Hofacket ngẩn người ra. “Nếu tôi chụp gần thì sẽ mờ lắm. Để tôi nghĩ chút đã nào.” Nói rồi ông quan sát Cây Nhỏ hết góc này đến hướng khác. Một lúc sau ông tuyên bố, “Tôi nghĩ rằng phải cần thêm ánh sáng tới từ hướng này. Nó sẽ làm cho phần này trở thành nền, rồi ánh đèn flash sẽ làm nổi bật phần cần chụp.” Nói xong ông đẩy chiếc giá treo đèn xinh xắn lại cạnh Cây Nhỏ, có chín cái đèn tắt cả. Tiếp đó ông hết xoay cái đèn này đến chỉnh cái đèn khác đến khi hài lòng với góc độ ánh sáng phát ra.

Cuối cùng ông ấy nhìn qua ống kính rồi bảo, “Cách này là tốt nhất rồi đấy, nhưng tôi phải cho ông biết trước rằng dù không hài lòng với kết quả thì ông vẫn phải trả tiền đấy nhé.”

“Vâng, tôi hiểu mà.” Tôi thì thấy không thỏa đáng chút nào, nhưng ông thì lại không có ý kiến gì.

“Ngay cả khi không thể... chụp rõ cái thứ treo lủng lẳng trên đó đấy nhé.”

“Thưa ông, tôi chấp nhận mọi điều kiện của ông,” ông nói rồi đưa tay vào túi, “thôi để tôi trả tiền ông ngay bây giờ nhé.”

“Không không,” ông Hofacket ngăn lại. “Tôi chỉ làm rõ trước mà thôi.” Rồi ông ấy đổ đầy bột phát sáng vào khay và chui vào tấm vải trùm máy màu đen, một giây sau chúng tôi nghe một tiếng phụp-xì và căn phòng chìm ngập trong ánh sáng trắng chói lọi, làm cho tôi chói lòa cả mắt trong vài giây.

“Đừng di chuyển cho đến khi quý vị có thể nhìn rõ lại mọi vật nhé,” ông Hofacket thò đầu ra khuyến cáo. “Có lần một quý cô đã vấp té và suýt nữa gãy cả chân đấy.” Ông ta kéo cái đĩa ra khỏi máy chụp ảnh rồi quay lưng lại nói với tôi, “Ôi, xin lỗi cô bé vì mấy lời nặng nề ta vừa nói. Cứ xem như cháu chưa nghe thấy gì và đừng mách mẹ nhé. Ta sẽ quay lại trong vài phút.” Nói xong ông đem chiếc đĩa đi và biến mất vào căn phòng nhỏ phía sau. Hai ông cháu nghe được tiếng lách cách và óc ách vang lên từ bên trong, vài phút sau ông chui ra với tấm hình còn mềm kẹp giữa hai thanh gỗ.

“Bình thường thì tôi không đem ra khi nó còn ướt như vậy đâu, nhưng tôi nghĩ là hai ông cháu sẽ thích ngắm nó,” ông ấy bảo. “Nhưng đừng có rờ vào nó nhé.”

Chúng tôi nhìn vào và đây rồi: Cây Nhỏ kia, nhìn rõ đến tận cuống, và cả Chiếc Lá Nhỏ Quan Trọng ấy.

Ông tôi cười toe toét. “Tấm hình tuyệt quá ông ạ, không còn có thể tuyệt hơn đâu.”

Ông Hofacket đỏ mặt và cúi đầu xuống thật nhanh, tôi dám cá là lúc đó mà có cục đá nào xung quanh là ông ấy sẽ đá vào nó ngay. Ông ấy lầm bầm, “Hai người thích nó không?”

“Quá hoàn hảo, tôi thật sự ấn tượng đấy.”

“Hình dáng của chiếc lá kia hiện ra rất rõ đấy.”

“Thật đáng khâm phục, quá đáng khâm phục thưa ông. Hãy chụp thêm tấm nữa nhé.” Tôi dám cá rằng ông Hofacket sẽ đứng đó cả ngày để nhận lấy sự tán dương từ công việc kì lạ nhất trên đời này. Lần này ông đặt Cây Nhỏ trước mảnh giấy đen rồi thực hiện lại công đoạn giống lúc nãy. Tôi cẩn thận nhắm tịt mắt lại

trước khi đồng magiê kia phát sáng nhưng qua mí mắt tôi vẫn cảm nhận được ánh chớp như pháo bông. Sau đó ông Hofacket lật đặt rửa tấm ảnh đó thật nhanh để nhận được thêm lời ca tụng. Đến lúc này thì ông ấy đã bị hòa vào dự án này luôn rồi, ông hỏi ông tôi dồn dập về loài cây mới, về Trung tâm nghiên cứu khoa học Hoa Kỳ, về Washington, vân vân...

Khi tôi định bỏ Cây Nhỏ vào thùng cạc-tông đem về nhà thì ông bảo, “Khoan đã Calpurnia. Ông Hofacket này, chụp cho tôi một tấm nữa nhé.” Nói rồi ông đặt Cây Nhỏ lên chiếc giá gỗ bằng dương xỉ đẹp nhất.

“Calpurnia, cháu đứng bên này, còn ông bên kia.” Tôi vuốt lại chiếc váy của mình cho thẳng thớm, còn ông thì chỉnh lại bộ râu. Tôi cố đứng thẳng và uốn ngực tự hào bằng tư thế đẹp nhất của mình.

“Đứng yên nhé,” ông Hofacket bảo. “Đừng thở. Ba, hai, một.”

Lần này ánh chớp mạnh đến nỗi có thể làm cả con tê giác đang chạy phải dừng lại, cả thế giới nhuộm một màu trắng toát. Tôi tự nhủ không biết tuyết trắng có nhìn giống như thế này không. Ông Hofacket nói lảng nhãng cái gì đó khi tôi lấy lại thị giác. Rồi ông đem cả ba bức chân dung ra quây và định đóng dấu vàng nổi CHÂN DUNG TUYỆT MỸ CỦA HOFACKET ở góc trái bên dưới thì bị ông tôi ngăn lại.

“Thưa ông, cảm phiền đóng dấu vào phía sau bức ảnh vì chúng dùng cho mục đích khoa học nên phải rõ ràng không tì vết,” ông bảo. Mặt Hofacket bí xị cho đến khi ông tôi giảng giải, “Đóng dấu phía sau thì cả thế giới này vẫn biết rằng chính ông là người đã chụp chúng. À, ông có thể đóng lên trên tấm hình của hai ông cháu tôi nếu thích để kỉ niệm ngày khó quên này.” Nói xong ông tôi đưa cho ông ấy ba đồng đô la bằng bạc.

Người thợ chụp ảnh gói mấy bức chân dung vào tờ giấy nâu rồi buộc lại bằng dây bện. Đến giờ phải đi nhưng có vẻ ông chẳng muốn cho ông cháu tôi rời khỏi chút nào cả. Ông tiễn chúng tôi ra tận xe ngựa, rồi còn xin phép được cầm chiếc hộp đựng Cây Nhỏ khi tôi trèo lên xe. Ông nhìn ngắm nó đầy vẻ thích thú, cứ như đang trông chờ nó sẽ cất tiếng trả lời ông ấy vậy. Tôi bung dù ra rồi đặt Cây Nhỏ lên đùi còn ông tôi thì bắt đầu đánh xe. Ông Hofacket đứng bên đường hét toáng theo, “Tạm biệt và quay lại đây sớm nhé. Tạm biệt và nhớ phải báo cho tôi biết chuyện gì xảy ra nhé. Nhất là cho tôi biết rằng họ có thích ảnh tôi chụp không nhé!”

“Khi về đến nhà,” ông tôi đáp, “tôi sẽ viết thư và gửi cùng với ảnh đi ngay. Sau đó thì chẳng còn làm gì khác hơn là chờ đợi, đôi khi đây chính là công đoạn khó khăn nhất. Cháu này, tưới thêm nước cho nó đi nhé.”

Trên đường về Fentress, hai ông cháu tràn đầy năng lượng và dùng chúng vào việc hát vang những bài hò của thủy thủ và bài ca của cướp biển với đầy những từ ngữ thô tục, nhưng mỗi lần có xe ngựa khác đi ngang qua chúng tôi lại cẩn thận ngậm nga giai điệu chứ không hát thành lời. Hai ông cháu về đến nhà đúng giờ ăn tối, mình mẩy đầy bụi bặm và mệt lử nhưng vẫn tự hào hơn hở về ngày hôm nay. Chúng tôi cho Cây Nhỏ đi ngủ trong phòng thí nghiệm rồi vào ăn cùng mọi người.

Bữa tối hôm đó như kéo dài vô tận.

“Có gì hay ở Lockhart vậy?” bố hỏi.

“Tương lai của bông đang tươi sáng đấy,” ông bảo, “còn ta và Calpurnia thì chụp ảnh.”

“Thật à?” Sul Ross hỏi rồi nhìn tôi đầy nghi vấn. Sao chị lại được chụp ảnh chứ?”

“Để đánh dấu một ngày trọng đại,” ông đáp rồi nhìn quanh bàn tuyên bố. “Có lẽ ta và Calpurnia vừa tìm ra được một giống cây mới.”

“Hay vậy,” mẹ lơ đãng nói.

“Cây gì nhỉ?” Harry hỏi.

“Đưa hộ khoai tây nào,” Lamar nói.

“Có lẽ là một giống cây đậu tằm mới,” ông đáp.

“Ồ,” Sam Houston lên tiếng. “Ra là đậu tằm.”

Ồ, ra là đậu tằm. Máu nóng trong tôi sôi lên sùng sục. Tôi muốn phóng sang đập cho anh ấy một trận nhưng rồi lại chỉ ngồi im lặng nuốt cơn giận vào lòng suốt cả buổi ăn tối dài bất tận đó. Chưa bao giờ tôi lại cảm thấy người nhà quê mùa, ngu ngốc và dần dện đến như vậy. Chỉ duy có bố, người chủ bấy gia súc, còn cứu vãn được vì cũng quan tâm về giống mới của “ồ, ra là đậu tằm” ấy và hỏi han xem chúng có dùng làm thức ăn được không, nhưng tôi đang cầu nhàu nên cũng không để ý cho lắm.

Cuối cùng thì bữa ăn cũng kết thúc, và hai ông cháu lại chui vào phòng thí nghiệm. Ông lấy từ trong dây ràng áo gi-lê một chiếc chìa khóa nhỏ nhắn, mở hộc bàn rồi lấy ra một tờ giấy viết tay màu kem.

Ông bảo, “lên đèn đi Calpurnia. Chúng ta hãy thắp sáng góc tối tăm của Lĩnh vực chưa ai biết tới, hãy giữ vững ngọn đèn trí tuệ và loại bỏ thêm một con rồng ra khỏi bản đồ. Bây giờ thì viết thư cho Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Hoa Kỳ nào.”

Tôi nhóm lửa trong lò sưởi rồi châm thêm đèn, để vòng quanh tờ giấy của ông, nhìn như một vòm trời sao riêng biệt. Ông nhúng viết vào lọ mực, trầm ngâm ngó lên trời rồi lại chấm mực và bắt đầu cất bút:

Ngày 8 tháng 8 năm 1899

Kính gửi các quý ngài,

*Trong vài lần đi dạo ở vùng ven ở Hạt Caldwell, nằm ở trung tâm Texas, 45 miles (ước chừng) về phía Nam của Thủ phủ của Austin, chúng tôi phát hiện ra một mẫu vật. Nó có thể là giống mới của đậu tằm, và chúng tôi xin hân hạnh giới thiệu đến quý vị. Thoạt nhìn thì nó trông như một cây cỏ thường thuộc loài *Vicia villosa*, hay còn gọi là đậu tằm lông. Nhưng chiếu theo những chi tiết miêu tả sau, kèm với ảnh thì...*

Ông mô tả về Cây Nhỏ và Chiếc Lá Nhỏ Quan Trọng ấy mất hai trang giấy. Khi ông đặt bút kí tên, tôi nhón người dòm qua thì thấy:

Chúc các quý ngài sức khỏe,

Walter Tate và Calpurnia Virginia Tate

Đoạn ông dựa lưng vào ghế. “Xong rồi, bây giờ chỉ đợi thôi. Chỉ có thể chờ đợi xem sao mà thôi.”

Tôi đặt tay lên vai ông. Ông từ tốn hít một hơi thật sâu rồi phân trần, “Ông từng nghĩ sẽ chẳng bao giờ có ngày này, cháu gái ạ. Ông từng nghĩ rằng sẽ chết đi trước khi có được ngày hôm nay ấy chứ.”

Nhưng hôm nay chúng tôi đang ở đây, với giống cây mới này, những tấm ảnh này và cả tôi, cô cháu gái yêu quý của ông nữa.

CHƯƠNG 13

THƯ TỪ KHOA HỌC

Khi một loài thực vật được hình thành khá hoàn chỉnh, người gieo hạt sẽ không chọn ra những cây con tốt nhất mà sẽ tìm trong muôn vàn hạt giống đó ra “những hạt lạ”, hay nói rõ hơn là những cây mang tính khác biệt với đồng loại của chúng.

CÂY NHỎ ĐƯỢC ĐẶT TRÊN BỆ CỬA SỔ PHÍA NAM trong phòng thí nghiệm và loại bỏ sự lo lắng của tôi bằng cách vươn chồi tươi tốt. Mỗi ngày chúng tôi đều quan sát nó nhiều lần, cẩn thận tưới vừa đủ lượng nước, canh vừa đủ ánh mặt trời, tránh những cơn nhện đỏ, căn bã, bệnh úa vàng, và những bệnh suy nhược thông thường. Mỗi lần tôi bắt được con cánh cam đều bỏ nó vào chậu cây để đuổi sâu bọ nhưng những chú lính gác màu đỏ bé nhỏ ấy cứ lần lượt bỏ đi. Chúng tôi ghi chép lại nhật ký mỗi ngày vào cuốn sổ tay có bìa bọc cẩm thạch khô riêng về sự phát triển của Cây Nhỏ. Sợ rằng có ai đó sẽ rút Cây Nhỏ đi đâu đó khi dọn dẹp nên tôi dán một mẫu cảnh cáo nhỏ ngay dưới chậu hoa:

ĐANG TRONG QUY TRÌNH THỰC NGHIỆM. CẤM SỜ VÀO HIỆN VẬT. NGHIÊM TÚC ĐẤY.

Calpurnia Virginia Tate (Callie Vee)

Mười hai ngày sau, chúng tôi nhận được lá thư đầu tiên nhắc về Cây Nhỏ từ ông Hofacket. Trong thư ông hỏi chúng tôi đã nhận được phúc đáp từ Trung tâm nghiên cứu khoa học Hoa Kỳ hay chưa. Ông còn gửi kèm theo mấy tấm hình của một cô dâu đứng bên cửa sổ nhà ông, và đứa bé quấn trong mảnh da gấu đang lè

lưỡi, và có rất nhiều khách hàng ghé qua tiệm để chụp hình sau khi thấy tấm ảnh chụp cái cây bình thường ấy.

“Calpurnia, cháu là một thành viên trong dự án này. Hãy viết thư trả lời cho ông Hofacket rằng bây giờ còn quá sớm để nhận được phản hồi, quy trình thông thường phải mất nhiều tháng. Tuy nhiên chúng ta cũng phải duy trì niềm phấn khởi của bất cứ người dân thường nào thích thú đến dự án này ở bất cứ nơi đâu và bất cứ lúc nào.”

Á à! Một nhiệm vụ tham gia vào công tác thư từ khoa học với một người lớn. Tôi viết thư nháp bằng bút chì, đến khi hài lòng với nó tôi đi tìm đưa cho ông xem. Đến thư viện, tôi gõ cửa và nghe tiếng ông vọng ra, “Cần thì vào đi.” Bên trong, tôi thấy ông đang lục lọi một trong mấy ngăn bàn đựng thần lẩn, miệng đang lẩm bầm vì bị mất mẫu vật gì đó.

“Calpurnia, cháu có thấy mẫu vật có năm vằn trên da của ông không? Lẽ ra nó phải ở đây, nằm giữa loại bốn vằn và nhiều vằn, nhưng hình như ông đã để nhầm nó ở đâu rồi.”

“Dạ, cháu không biết thưa ông, nhưng cháu đã viết xong bức thư cho ông Hofacket rồi, ông xem qua nhé.”

“Ông nào chứ?” ông vừa lục lọi vừa nói.

“Người thợ chụp ảnh ở Lockhart ấy, ông nhớ không?”

“À, nhớ rồi.” Rồi ông vẫy tay và nói, “Ông biết rằng cháu viết được mà, đi gửi bức thư đi.” Rồi ông lại lẩm bầm. “Này là sa giông này, này là kỳ đà này. Còn mớ da còn lại ở đâu nhỉ?”

Tôi rất sợ nhìn thấy phần tử, định chạy ra khỏi phòng thì tôi chợt nhớ ra một vấn đề.

“Cháu không có tem ông ạ,” tôi bảo.

“Hử, à, đây này,” ông nói rồi thò tay vào túi lấy ra một đồng bạc rồi đưa cho tôi. Tôi nhận lấy rồi chạy lên phòng. Vào đến nơi, tôi lấy một ngòi bút mới, lôi ra một tờ giấy viết thư còn mới toanh mà tôi để dành cho những dịp đặc biệt. Đoạn tôi sắp xếp mọi thứ lên bàn trang điểm và bắt đầu viết. Bức thư không dài nhưng tôi rì rọ đến cả tiếng đồng hồ mới hoàn thành.

Ngày 20 tháng 8, năm 1899

Kính gửi ông,

Cháu đã nhận được lá thư gửi từ hôm thứ tư vừa rồi. Ông cháu, Đội trưởng Walter Tate, yêu cầu cháu báo với ông rằng chúng cháu chưa nhận được tin tức nào từ Trung tâm nghiên cứu khoa học Hoa Kỳ cả. Ông cháu, Đội trưởng Walter Tate, muốn ông biết rằng ông cháu sẽ gửi thư báo cho ông biết ngay khi có được phúc đáp. Ông cháu muốn gửi lời động viên và cảm kích sự quan tâm của ông về dự án này.

Chân thành cảm ơn,

Calpurnia Virginia Tate

(cháu gái của Đội trưởng Walter Tate)

Tôi bỏ bức thư vào một chiếc phong bì dày trang nhã rồi lóc cóc chạy xuống nhà, dự định sẽ gửi ngay trong hôm ấy.

Travis đang cùng Lamar chơi trò Cao bồi và người Da đỏ ở trước hiên nhà, cầm súng nhựa bắn nhau tới tấp. Tôi mặc kệ khi nghe họ gọi “Callie đi đâu đấy?” và chạy đi nhanh nhất có thể. Tôi không có cảm giác muốn chia sẻ hay giải thích gì cả. Họ có cuộc

sống riêng thì bây giờ tôi cũng vậy, tôi vừa chạy vừa khoái chí với suy nghĩ đó.

Tôi chạy đến bưu điện trong thời gian kỉ lục, thở hổn hển và quần áo đầy bụi đường. Sau quầy, ông đưa thư Grassel đang đứng đó. Có điều gì đó không ổn về ông ta nhưng tôi không biết chắc là gì. Lúc nào ông ta cũng tỏ ra niềm nở tiếp đón những người nhà họ Tate, mỗi lần bố mẹ tôi đến là ông ta đều rất khúm núm. Ông ta giả vờ yêu trẻ con, nhất là trẻ con nhà Tate nhưng tôi dám cá rằng ông ta không hề thật tâm chút nào cả. Ông ta đang trò chuyện cùng mẹ của Lula Gates và đưa cho bà ấy một bưu kiện. Tôi kiên nhẫn đứng đợi như một cô bé ngoan.

“Chào cháu Callie,” cô Gates cất lời khi nhận thấy tôi. “Cả nhà cháu khỏe không? Cô hi vọng rằng mẹ cháu không bị chứng đau đầu hành hạ suốt chứ?”

“Dạ, cảm ơn trời, cả nhà cháu vẫn khỏe ạ.”

Sau một vài lời hỏi thăm khách sáo, cô ấy nhờ tôi chuyển lại sự kính trọng của mình đến mẹ tôi rồi ra về. Tôi tiến lại sát quầy thư rồi để phong bì lên đó để khỏi phải đặt nó vào tay ông Grassel. Bàn tay mập mập của ông ấy bao giờ cũng nhớp nháp mồ hôi cả, làm tôi nổi hết cả gai ốc.

“À, cô nhỏ Tate,” ông ta cầm phong bì lên quan sát, “cháu gửi thư đến Lockhart à.”

“Cháu muốn mua tem nữa,” tôi cất giọng khá hồn hào.

Ông ta nhíu mày lại. Tôi có láo xược quá không nhỉ?

“Làm ơn ạ,” tôi thêm vào vừa kịp lúc.

Ông Grassel nhìn vào địa chỉ viết trên phong bì. “Định chụp ảnh ở tiệm của Hofacket à?” Ông ta thường hay hỏi khách gửi thư cho ai và vì sao. Mẹ bảo điều này rất khiếm nhã đối với một nhân viên dịch vụ công cộng khi xâm phạm đời tư người khác, và lần này thì tôi thực sự đồng ý với bà.

“Vâng,” tôi ngừng một lúc rồi tiếp, “thưa ông.” Sau đó, với sự bạo gan đang tức trực trong tôi mấy ngày gần đây, tôi để thêm vào bằng giọng cô bé ngọt ngào, “Cháu sẽ đi chụp ảnh.”

Ông ta cứng họng. Ha! Rồi tôi đẩy đồng bạc lên quầy. Ông ta lấy con tem, thấm nó lên miếng bọt biển rồi dán lên phong bì của tôi bằng một cử chỉ rất kịch và hỏi, “Có cho dịp gì đặc biệt không?”

“Không, thưa ông.”

Ông ta đếm 8 cent tiền trả lại một cách khoa trương rồi đưa ra làm tôi phải miễn cưỡng chìa tay để nhận.

“Cả gia đình à?” ông ta hỏi, vừa nhấn ngón tay cái ẩm ướt vào mấy ngón tay tôi.

“Gì ạ?” tôi hỏi lại.

“Chụp cả nhà hay chỉ có mình cháu thôi? Tại sao cháu lại cần một bức ảnh cho mình - à, nhầm, bức ảnh.”

“Vâng, thưa ông!” tôi thét lên rồi ba chân bốn cẳng phóng ra khỏi đó, cố giữ khư khư bí mật yêu quý về Cây Nhỏ cho riêng mình thôi. Tôi sẽ chẳng bao giờ kể cho ông ta biết, ông ta sẽ loan tin ra hết cả thị trấn này mất.

Trời ạ, nếu như ông đoán sai thì sao nhỉ? Tôi có thể chấp nhận nếu ông sai, nhưng tôi không thể đứng nhìn mọi người giễu cợt

ông được. Tôi nhận ra từ việc quan sát xung quanh rằng ông rất có uy tín trong cộng đồng này vì đã thành lập nên xưởng tủa hột bông và những mối kinh doanh trong nhiều thập kỉ trước, nhưng đến nay thì lại có những lời mỉa mai về công việc ông đang theo đuổi. Tôi từng nghe mấy tên hiểu biết nông cạn nhạo báng gọi ông là “Ráo sư”. Ông tôi chẳng bao giờ để tâm, song tôi thì có. Nhưng trong đầu tôi vẫn mang ý chí kiên định rằng nếu ông đúng thì sao? Đương nhiên là ông phải đúng rồi. Sống với ông bấy lâu nay, tôi chưa bao giờ thấy ông sai cả. Đôi lúc có thể để nhầm chỗ thần lẫn da năm vắn (ai mà chẳng nhầm lẫn?), còn lại về căn bản thì ông chẳng sai bao giờ.

Tôi biết rằng trong vài tuần tới sự chờ đợi sẽ rất khổ sở, và đúng là nhàn cư vi bất thiện. Vì vậy tôi đành lao vào việc thu thập mẫu vật, nghiên cứu khoa học, bài tập về nhà, nói chung là bất cứ thứ gì để giết thời gian.

Chỉ có một điều tôi không nhận ra rằng mình phải làm... việc nhà.

CHƯƠNG 14

CÁI CUỐC TAY

Thiên nhiên... không quan trọng về bề ngoài, trừ khi thật sự có lợi cho một việc gì đó.

TÔI TIẾP TỤC VẪN VỜ QUANH CÂY NHỎ CÙNG ÔNG. Thật nhẹ lòng khi nhìn thấy nó ngày càng khỏe mạnh và chóng lớn, ban đầu chỉ hơi vươn mình ra đón nắng mai, giờ này đã bắt đầu phát triển thành dây leo bám lên cửa sổ. Ông đặt lại tên cho nó là Người Tiên Phong, ông bảo đó là tên cho một thứ gì đó xuất hiện đầu tiên. Ngày nào tôi cũng đem nó ra ngoài cho mấy con ong thụ phấn. Tôi rất cẩn trọng với nhiệm vụ của mình, tích cực xua đuổi mấy con cào cào và những động vật ăn cây cỏ nào dám bén mảng lại gần.

Cạnh đó tôi bắt đầu chuyển hướng sang những bài thực nghiệm tự phát, nói chung là bất cứ thứ gì để tôi thoát khỏi việc đan tất cho mùa Giáng Sinh. Mùa thu hoạch bông vải đã gần kề nên tôi để mắt tới mấy cái cuốc tay, thứ vẫn được dùng rộng rãi trong vùng. Ông từng bảo tôi rằng cách tốt nhất để biết về một thứ gì đó là trực tiếp sử dụng hoặc thử nghiệm nó. Và ông đã cho bố tôi thử dùng cuốc tay cả ngày trời ngay khi còn nhỏ. Và để bắt đầu chiến dịch giết thời gian mới này, tôi lấy một chiếc cuốc dài từ trong kho dụng cụ (nhà tôi không có cuốc tay nên cầm một nửa cán dưới của cuốc dài cũng tạo cảm giác tương tự). Tôi vác nó ra luống bông vải gần nhất, cách hiên sau nhà khoảng 50 yards. Mẹ từng bảo rằng một quý cô phải sở hữu một bãi cỏ và một khu vườn; còn những người phụ nữ không quý phái thì sẽ để cho cây bông lan đến tận bệ cửa sổ phòng mình.

Những quả nang lủng lẳng trên cây, chúng đang trong quy trình biến hóa kì diệu từ những quả xanh tròn thành những quả cầu đầy lông trắng. Ôi, những cây tiên mọc lên từ mặt đất.

Tôi bắt đầu vung cuốc.

Ôi, công việc thật nặng nhọc, cho dù tiết trời không nóng như đổ lửa, trong khi tôi không phải làm việc quần quật để kiếm ăn và cũng không bị bệnh thấp khớp như một số người làm việc này trên đồng mà tôi thường thấy. Tất cả mọi thứ đang chạy qua tâm trí tôi thì bất chợt tôi giật nảy mình khi nghe một tiếng tru tréo như cú vọ từ trong nhà phát ra.

“Cháu đang làm cái quái gì thế?” Cô Viola đứng từ hiên sau nhà la ó. Tôi chưa từng thấy cô bực bội như vậy bao giờ cả.

“Cháu đang chặt cây bông vải chứ gì nữa?”

“Trời đất ơi, cháu đi vào đây nhanh! Vào ngay! Trước khi có ai trông thấy. Chúa ơi, cứu tôi với!” Đoạn cô giật cái cuốc ra khỏi tay tôi rồi cật lực đẩy tôi về nhà. “Cháu bị cái giống gì vậy?” cô rít lên. “Cháu bị quần trí rồi à? Đi chơi trò bắt chước bọn Da đen thế này.”

“Cháu chỉ muốn thử làm xem sao thôi mà. Ông kể cho cháu...”

“Cô không muốn nghe gì về ông già ấy cả. Ông ta mất trí rồi, và bây giờ đến lượt cháu à.” Cô vừa lăm bầm vừa thúc tôi về nhà. “Bé gái chặt cây bông vải. Bé gái *Da trắng* chặt cây bông vải. Bé gái nhà *Tate* chặt cây bông vải. Chúa ơi cứu con.”

Chúng tôi trở vào nhà bếp an toàn, cô Viola vừa nắm chặt lấy tôi vừa lăm lét nhìn quanh trên suốt đoạn đường.

“Đưa cô cái váy nào,” cô lột phăng nó ra khỏi người tôi. “Cháu đi thay cái khác đi, mẹ cháu kĩ tính lắm, bà ấy sẽ phát hiện ra mất. Cháu đừng có nói chuyện này với ai. Cô nghiêm túc đấy.”

“Sao vậy? Sao cô giận dữ vậy? Cháu chỉ muốn làm thử thôi mà.”

“Ôi Chúa ơi, cho con thêm sức mạnh nào.”

“Đừng có giận cháu như vậy chứ cô Viola.”

“Cô phải ngồi xuống một lát đây.”

“Cô ngồi đây đi,” tôi bảo. “Để cháu lấy cho cô ly nước chanh.”

Cô ấy ngồi xuống bàn ăn rồi lấy miếng bìa cạc-tông quạt quạt, còn tôi chạy ra phòng khách và phát hiện một bình rượu táo. Tôi cuống quá nên rót cho cô một ly, có vẻ như cô cũng cần một ít rượu vào lúc này.

Cô làm một hơi rồi nhìn lên trời, quạt liên hồi. Tôi lại rót cho cô một ly nữa, cô cầm lấy và thở dài. Hình như dạo này mọi người xung quanh tôi rất thích uống rượu và thở dài.

“Callie à,” rốt cuộc cô cũng cất lời, “có thể có ai đó sẽ phát hiện cháu đấy.”

“Thì sao?”

“Mẹ cháu đã có *kế hoạch* cho cháu rồi, cháu biết không? Tuần trước mẹ cháu định cho cháu ra mắt đấy. Và bây giờ thì thế này đây. Một thiếu nữ không thể chặt cây vải bông thế này được.”

“Cháu ra mắt ấy à? Chi vậy?”

“Vì cháu là con gái nhà Tate. Bố cháu sở hữu bông vải. Bố cháu có máy tĩa hột bông.”

“Thì bố cháu vẫn sở hữu chúng mà.”

“Cháu có hiểu ý cô không vậy, nàng Biết Tuốt,” cô bảo. “Cháu không muốn trở thành thiếu nữ à?”

“Cháu không rõ lắm nhưng nếu như giống con mụ dở hơi anh Harry dắt về kì rồi thì khỏi nhé.”

“Ừm, con bé đó thì dở hơi thật. Nhưng không phải vậy đâu. Thực tế là cháu sẽ được dự nhiều buổi tiệc xa hoa và nhiều chàng vây quanh, nhiều công tử hào hoa vây quanh đấy.”

“Cháu cần mấy tên công tử ấy làm gì nhỉ?”

“Bây giờ cháu nói vậy thôi, mai mốt rồi xem.”

“Không, cháu nói thật mà, để làm gì vậy cô?”

“Để làm vừa lòng mẹ cháu.”

“Ôi chà.”

“Đồ ích kỉ,” cô bảo.

“Cháu không ích kỉ,” tôi quạ lại.

Cô nói tiếp, “Biến cháu thành một quý cô của *cộng đồng*. Thay vì một đồng bủ nhìn.”

Tôi lờ đi lời nhận xét khiếm nhã này và ngẫm nghĩ một lúc. “Mẹ có ra mắt không nhỉ?”

“Mẹ cháu cũng đăng kí nhưng lại không thực hiện.”

“Sao vậy?”

Cô Viola nhìn tôi. “Cháu đi mà hỏi bà ấy đi.”

“Chắc vì chiến tranh?” tôi đoán mò. Cô Viola gật đầu xác nhận.

“Nhưng mà chiến tranh cũng kết thúc mà. Đến lúc đó thì mẹ đã...” tôi đưa ngón tay ra đếm.

“Vấn đề là hết tiền thôi,” cô Viola bảo. “Sau đó thì ông ngoại cháu bị sốt Rickettsia và qua đời, mọi chuyện thế là kết thúc.”

“Vậy là cháu phải ra mắt vì mẹ bị lỡ dịp à?”

“Cô nói rồi, cháu tự đi hỏi mẹ đi. Thôi, đi tắm rửa đi, trông dơ bẩn quá. Cô phải cho tim mình nghỉ ngơi đây, nó cứ đập thành thịch nãy giờ. Chúa ơi cứu con.”

Tôi để mặc cho cô ngồi quạt quạt và bỏ đi.

Sau bảy lần sinh đẻ thì mẹ chỉ có mỗi mình tôi là con gái. Nhưng tôi trưởng thành không như bà mong đợi, không phải một cô bé xinh xắn thanh nhã để bà có thể cân bằng lại lượng nam tính quá lớn đang tràn ngập trong nhà. Tôi chưa bao giờ nghĩ đến việc bà luôn mong mỗi một đồng minh nhưng không có được. Và tôi không thích trao đổi về đan len hoa văn, công thức nấu ăn hay pha trà trong phòng khách. Như vậy là ích kỉ ư? Vậy là quái lạ? Và tệ nhất là một sự thất vọng? Tôi có thể bị nói là ích kỉ và kì quái, nhưng bị xem như một sự thất vọng lại thành một vấn đề khác, nghiêm trọng hơn rất nhiều. Tôi cố không nghĩ đến nó nhưng suy nghĩ này cứ lần quần bám theo tôi suốt ngày như một con chó hôi thối phiền phức luôn bám quanh để gây sự chú ý vậy.

Tôi ngồi trong phòng mình, nhìn ra những rặng cây và nghĩ vẩn vơ về nó theo nhiều chiều hướng khác nhau. Tôi đâu có muốn mình như vậy, tôi sinh ra như thế này cơ mà, có con báo gấm nào mà không có đốm không? Thật là mớ bòng bong. Rốt cuộc tôi chẳng nghĩ ra được gì mà lại còn bị nhức đầu nữa. Chắc tôi phải cần đến Lydia Pinkham như mẹ thôi, hình như tôi giống mẹ nhiều hơn tôi tưởng.

Trở thành thiếu nữ có phiền đến thế không nhỉ? Có lẽ tôi không quan tâm đến nó cho lắm. Rốt cuộc là tôi phải tìm hiểu thêm về nó thôi.

Ông từng dạy tôi là không có câu trả lời nào tự tìm đến mình cả, nhất là đối với những câu hỏi quan trọng, chúng ta còn phải cân đo đong đếm cẩn thận và xét tới nhiều trường hợp nữa cơ. Tôi cũng còn đến sáu hay bảy năm nữa để nghĩ về nó mà. Chắc bấy nhiêu thời gian cũng đủ rồi chứ. Về việc này thì tôi chẳng thể tham khảo ý kiến của ai ngoài mẹ cả, nhưng nếu tôi hỏi bà chẳng khác nào thắp lên cho bà hi vọng, một niềm hi vọng một ngày nào đó có thể vỡ tan thì có đáng không? Đầu tôi lại nhức, và cổ lại ngứa.

Lại bị nổi mề đay rồi.

SÁNG HÔM SAU, tôi thấy mẹ đang lui cui thăm vườn, chiếc mũ rơm che nắng, hai tay đeo găng vải trắng; bà đang thực hiện đúng quan niệm của mình rằng phụ nữ phải luôn bảo vệ mặt và tay khỏi ánh mặt trời. Tôi cẩn trọng tiếp cận bà, đề phòng cô Viola có thể đã mách mẹ về hành động xấu hổ công khai của tôi, nhưng nét mặt mẹ vẫn bình thường, và không có dấu hiệu gì nguy hiểm trong ánh mắt ấy.

“Mũ của con đâu?” mẹ quát. “Vào trong lấy mũ rồi ra đây.”

Tôi chạy vào lấy mũ ngay. Đây không phải lúc để tranh luận về vấn đề này. Tôi vớ lấy chiếc mũ treo trên móc sau cửa hậu rồi đi ra.

“Tốt rồi đấy,” mẹ bảo. “Con có định phụ mẹ chăm sóc hoa không?”

“Con muốn hỏi mẹ điều này,” tôi nói. “Cô Viola nói... Cô Viola nói rằng lúc mẹ trưởng thành, đáng lẽ phải làm lễ ra mắt nhưng mẹ đã không làm. Có phải thật không mẹ?”

Cái bóng của một thứ gì đó - ngạc nhiên, khó chịu, và có lẽ là tiếc nuối nữa - vừa lướt ngang qua khuôn mặt mẹ. Bà với tay cắt một bông hồng Cherokee. “Ừ, đúng rồi.”

“Chuyện gì đã xảy ra thế mẹ?”

“Do chiến tranh đó con ạ. Chiến tranh đã làm tan nát bao gia đình. Đồng bào đói khổ. Lúc đấy mà tổ chức buổi ra mắt thì thật là... chẳng ra thể thống gì.”

“Nhưng rồi mẹ cũng gặp được bố mà.”

Bà mỉm cười. “Ừ, mẹ là người may mắn, còn dì Aggie của con thì không.”

Người em gái Agatha của mẹ sống độc thân trong một ngôi nhà ẩm thấp mùi mèo và nấm mốc tại Harwood.

“Vậy thì mẹ không cần phải tuyên bố trưởng thành,” tôi vừa nói vừa nhổ một bụi cỏ.

“Ừ, mẹ không làm, nhưng nhiều cô gái khác vẫn làm mà.” Nói rồi bà nhìn tôi.

Tôi biết rằng không thể tránh né được nữa nên vào thẳng vấn đề. “Vậy con có phải làm không mẹ?”

“Con là con gái duy nhất của mẹ, Calpurnia à.”

Mẹ nói tiếp, ánh mắt sáng ngời. “Buổi lễ này mang ý nghĩa rằng một cô gái trong một gia đình gia giáo đã trưởng thành và sẵn sàng ra mắt công chúng. Rằng cô ấy đã sẵn sàng cho một vị trí và đã có thể được giới thiệu với những chàng trai từ những gia đình đứng đắn. Đồng thời cũng là cơ hội cho quần là áo lụa, vũ hội và những cuộc vui.”

“Nó sẽ kéo dài bao lâu hả mẹ?” tôi hỏi.

“Một năm con à.”

“Suốt cả năm à?” Thật ra tôi cũng không quan tâm lắm. “Sau đó thì sao hả mẹ?”

Mẹ tỏ vẻ bối rối. “Ý con là sao?”

“Thì mẹ bảo nó sẽ diễn ra suốt năm, rồi sau đó sẽ như thế nào?”

“Ừm, thường thì trong thời gian ấy mấy cô gái đó kén được chồng rồi.”

“Vậy thì phải tốn bao nhiêu là bữa tiệc sang trọng thì mới gả được một cô con gái.”

Mẹ tắc lưỡi. “Ôi trời, mẹ không nghĩ vậy.”

Sao lại không? Tôi nghĩ. Đâu có gì đáng xấu hổ đâu nhỉ.

“Mẹ à?”

“Gì vậy con?”

“VẬY... con có phải ra mắt không?”

Mặt mẹ lại sa sầm. Tôi nhanh miệng thêm vào, “Mẹ có *muốn* con ra mắt không?”

Mẹ nhìn tôi dò xét. “Callie, còn nhiều thời gian để cân nhắc mà. Nhưng dĩ nhiên là mẹ muốn con được làm điều mà mẹ từng bỏ lỡ. Đứa con gái nào mà chẳng muốn có cơ hội này hả con?”

“VẬY bố nghĩ sao? Quần áo mới và mọi thứ nghe có vẻ tốn kém lắm.”

Mẹ có vẻ chùn bước. “ĐỪNG có nói về tiền bạc như vậy, còn nhiều thứ hơn nữa cơ. Nhưng bố con thì hào phóng lắm, ông ấy sẽ hãnh diện lắm khi cho con ra mắt công chúng.”

“Ừm.” Vậy là vấn đề tạm thời được giải quyết.

Sau đó tôi định bụng hỏi ý kiến của ông về việc này nhưng rồi lại thôi. Ngồi tưởng tượng ra ông sẽ nói thế nào cũng được.

CHƯƠNG 15

BIỂN BÔNG

Linnaeus đã từng tính được rằng, nếu một cây hàng năm cho ra hai hạt giống... và những cây con của nó năm sau cũng cho ra thêm hai cây nữa, thì sau hai mươi năm, sẽ có cả triệu cây.

HAI TUẦN SAU, bố đến Mosse Lodge hội họp cùng với những chủ điền khác để thống nhất ngày thu hoạch bông vải, đây là sự kiện quan trọng nhất trong toàn tỉnh.

Cả binh đoàn nông dân da màu từ ba tỉnh lân cận lũ lượt đổ về những cánh đồng của chúng tôi, họ hái từ sáng sớm cho đến tối mịt, cả đàn ông, phụ nữ và trẻ con nữa. Họ chỉ dừng lại một lúc buổi trưa để ăn và nghe một người cha sứ trong số họ đọc Kinh Thánh rất nhanh.

Cô Viola thuê thêm ba người phụ nữ nữa để phụ cô nấu nướng tại cái bếp đá cũ sau nhà. Nào là gạo lứt, thịt heo rang muối, đậu, bánh và xi-rô ồ ạt tuôn ra từ đó. Chúng được đựng trong hai cái hòm mây lớn, chất lên xe ngựa bốn bánh cùng với thùng nước sạch, và thùng cà phê khổng lồ để đưa ra đồng. Mẹ tạm thời vào bếp để nấu ăn cho bọn tôi. Bà còn phụ giúp chăm sóc những người hái bông bị đứt tay, rộp da hay những vết thương nhỏ mà không cần phải đưa đi gặp bác sĩ Walker.

Harry đánh xe ngựa đến cửa hàng mua bột bắp, đường, bột mì và những thứ khác suốt ngày. Sam Houston và Lamar thì lảng xảng từ kho kiểm đếm đến bảng thống kê, lâu lâu được thưởng một hào, hoặc đổi thành mười cục kẹo hoặc cây bút chì mới ở

cửa hàng. Vị trí làm người đưa tin cho bảng thống kê này luôn được thềm muốn.

Bố làm việc rất khuya ở xưởng tĩa hột bông và về nhà khi bọn tôi đã ngủ say. Chỉ duy nhất một người không được phân công nhiệm vụ gì là ông tôi. Cũng phải thôi, ông là người đã sáng lập ra cả doanh nghiệp bông vải này và cũng đã chứng kiến tất cả những hoạt động điên cuồng theo thời vụ này trong suốt ba mươi năm; đến giờ ông chẳng còn nghĩa vụ hay hứng thú gì với nó nữa cả. Ông vẫn chui vào trong phòng thí nghiệm hoặc khoác chiếc túi ngang qua vai đi ra ngoài từ sáng sớm.

Chiếc máy tĩa hột bông hoạt động bất kể ngày đêm. Một thợ rèn và một thợ mộc làm việc gần như không ngủ để đảm bảo chiếc máy chạy liên tục và đảm bảo guồng xoay của bông vải, những chiếc xe thô cao nghệu chạy vào và trở ra với hàng đóng kiện bông để chuyển đến Austin, Galveston, New Orleans. Những kiện hàng quá to và chất quá cao khiến chúng trở thành mối đe dọa thật sự. Việc đóng kiện và giữ cân bằng khi chất hàng là cả một nghệ thuật, nhưng hằng năm vẫn có khá nhiều người bị những kiện hàng rơi đè làm bị thương hoặc mất mạng xuyên suốt vùng đất phía Nam.

Từ trong nhà, chúng tôi vẫn nghe được tiếng những sợi dây đai bằng da của mấy cái máy kêu vo vo và vỗ đập đều đặn từ khoảng cách 300m. Nhưng chỉ sau vài đêm thì mọi người đều quen với nó, và mặc dù tôi chưa nghe tiếng sóng biển bao giờ nhưng trong trí tưởng tượng, tiếng ồn vang vọng từ xa đó làm tôi cảm giác như đang ngủ bên tiếng sóng vỗ về. Chỉ có điều thay vì nước biển thì xung quanh nhà tôi là những cơn sóng bông khổng lồ đang dập dề.

Trường học đóng cửa mười ngày. Gia đình của nhiều đứa bạn trong lớp tôi không đủ tiền thuê nhân công nên phải tận dụng

nhân lực trong nhà, kể cả con nít, để hái bông đến khi họ mệt lả mới thôi. Còn tôi thì được chỉ đạo vào bếp phụ mẹ. Một buổi sáng nọ tôi giúp rây cả bao bột mì, lập tức ngày hôm sau tay tôi đau nhức đến nỗi không cầm nổi viết chì để ghi chép vào Sổ Tay nữa. Tôi than vãn dữ dội nên được chuyển công tác.

Kể đó tôi được giao nhiệm vụ trông nom hai mươi mấy đứa bé chơi đùa trên khoảng sân giữa nhà đến khu bếp ngoài trời khi mẹ của chúng đang làm lụng ngoài đồng; tôi phải đảm bảo không cho lũ gà nhiều sự mỗ mấy đứa trẻ vì đã xâm phạm đời sống quen thuộc hàng ngày của chúng. Nhưng tôi lại chẳng hài lòng với công việc không có thu nhập này chút nào cả, nhất là mỗi khi tôi thấy Sam Houston và Lamar nhẩy căng lên vì được điều đến khu xưởng tĩa hột bông rồi quay về với tiền rủng rỉnh trong túi. Sau cả ngày trời tranh cãi với lũ trẻ và bực bội khi nghĩ về mấy đồng tiền đó, tôi lại dấy lên một cuộc đấu tranh vào bữa ăn tối.

“Tại sao con lại phải trông trẻ cơ chứ?” tôi hỏi bố.

“Vì em là con gái,” Lamar nhanh nhẩu đáp.

Tôi phớt lờ anh ấy. “Vì sao *con* lại phải trông trẻ chứ? Sao *con* lại không được đi đưa tin? Sao *con* lại không được kiếm tiền?”

“Vì em là *con gái* mà,” Lamar lại lên tiếng, vẻ cảnh giác, đánh hơi thấy sự căng thẳng có thể xảy ra.

“Anh nói vậy là *sao*?”

“Con gái đâu được trả tiền,” Lamar chế giễu. “Con gái còn không được bầu cử nữa cơ. Họ không được trả lương. Con gái chỉ ở nhà thôi.”

“VẬY anh đi mà nói với Trường Bình Đẳng Fentress ấy,” tôi đáp và hài lòng về cú trả đũa của mình. “Họ trả lương cho cô Harbottle đấy thôi.”

“Cái đó thì khác,” Lamar gất gồng.

“*Khác* chỗ nào?”

“Thì khác là khác chứ sao.”

“Chính xác là khác *như thế nào*, hả anh Lamar?”

Bố tôi đã quá mệt mỏi sau một ngày làm việc và cần được nghỉ ngơi nên không thể chịu nổi lời qua tiếng lại của tôi và Lamar đành lên tiếng, “Thôi được rồi Callie, bố cho con năm xu.”

Tôi ngấm ngấm hân hoan vì chiến thắng của mình còn Lamar cũng nhẹ nhõm vì vẫn giữ được chân đưa tin cho bảng thống kê. Kế đó ba cậu em trai của tôi liền lao nhao lên đòi quyền bình đẳng đến nỗi mẹ phải đánh thếp lên tiếng “Đủ rồi đấy nhé!” thì mới dẹp loạn được. Bọn chúng trừng trừng nhìn nhau cáu bẳn trong im lặng suốt cả bữa ăn trong khi tôi nhả nhận trò chuyện vui vẻ về thời tiết và hỏi thăm mọi người đúng như quý cô được dạy dỗ cẩn thận. Ông trông có vẻ muốn phì cười; còn mẹ thì dường như đang đau đầu nhưng vẫn cố làm tốt vai trò của mình đến hết bữa ăn.

Hôm sau, tôi ngồi trên bậc thềm sau nhà và giám sát cẩn thận hai mươi chín đứa trẻ trong nhiệm vụ của mình. Bây giờ tôi được trả công làm việc như một người chuyên nghiệp nên phải làm việc nghiêm túc thôi. Tôi liên tục điểm danh các bé. Có vài đứa nhỏ mới chập chững biết đi bình thường chỉ nghịch cát bụi thôi nhưng bất chợt sẽ ngã chống vó hoặc loạn choạng đuổi theo mấy con chó hay mèo đi ngang qua, lúc nào tôi cũng phải

kéo chúng lại trong sự phản kháng của chúng. Còn một vấn đề nghiêm trọng nữa là chúng hay cho vào miệng bất cứ vật lạ nào nhặt được dưới đất; tôi đã cứu mạng vài đứa khi chúng định nuốt cả côn trùng hay giun đất vào bụng. Tôi rất muốn đọc sách nhưng trong tình thế này thì chẳng thể nào rời mắt khỏi bọn chúng được. Chúng còn nhỏ quá mà, bé nhỏ như vậy thì dễ biến mất lúc nào mà mình chẳng hay ấy chứ. Ngoài ra còn có đàn gà mái thỉnh thoảng bất chợt phóng vào từ bên rìa sân, cục tác loạn xạ cả lên. Tôi cứ phải ném sỏi để đuổi chúng ra ngoài.

Trong lúc tôi đang ném tĩa mấy con gà, Sul Ross đi ngang, nhìn là biết nó thích thú với việc này rồi, còn tôi thì hoàn toàn không. Tôi đang bực mình và định bụng đuổi nó đi thì chợt nhận ra ý muốn tham gia của nó. Tôi liếc mắt nhìn nó rồi một ý nghĩ chợt lóe lên.

“Thú vị lắm phải không?” tôi bảo.

“Vâng, hay chứ, mọi lần em ném chúng thì toàn bị mắng thôi,” nó đáp.

“VẬY à, tội vậy, ném gà thích lắm đấy,” tôi dụ khị.

Thế là vài phút sau tôi băng ngang qua bãi cỏ hướng về phía ông vừa đi qua. “Chờ cháu với,” tôi hét toáng lên. Ông vừa khuất sau bóng cây hồ đào thì tôi bắt kịp.

“Ông rất vui khi thấy cháu nhưng cháu làm gì ở đây vậy?” ông hỏi. “Ông tưởng cháu đang bận rộn làm thuê cùng mấy người khác chứ.”

“Cháu giao dịch với Sul Ross rồi,” tôi đáp.

“Cháu giao dịch gì chứ?”

“Cũng không hẳn là giao dịch. Cháu thuê nó thôi. Cháu bảo nó trông chừng mấy đứa bé rồi cháu sẽ trả cho nó hai hào và nó được ném đá thoải mái vào mấy con gà mái để đuổi chúng đi.” Tôi vội vã thêm vào, “Dĩ nhiên chỉ là đá nhỏ thôi, không to hơn ngón tay cái của cháu, cháu dặn nó rõ ràng như vậy. Nó rất vui vẻ nhận việc. Vậy là cháu vừa được đi cùng ông và vừa có ba hào.”

“À, ra thế. Sau này cháu sẽ trở thành một nữ doanh nhân trẻ thực thụ đấy.” Mặc dù ông nói rất ôn hòa nhưng tôi nhận ra có chút gì đó - dường như là sự thất vọng? - qua sắc mặt của ông.

“Không đâu, cháu không nghĩ vậy đâu,” tôi đáp sau một vài giây suy nghĩ và đặt tay mình vào tay ông. “Ông có nghĩ rằng mình sẽ tìm ra thứ gì mới hôm nay không?” tôi hỏi.

Sắc mặt ông lập tức trở nên vui vẻ hẳn ra. “Chắc chắn là có rồi,” ông đáp rồi cùng tôi ra bờ sông.

CHƯƠNG 16

ĐIỆN THOẠI XUẤT HIỆN

Mặc dù một số loài sẽ phát triển nhanh hay chậm về số lượng nhưng không phải mọi loài có thể cùng gia tăng như vậy vì thế giới không đủ chỗ cho tất cả cùng một lúc.

SỰ THAY ĐỔI ĐANG ĐẾN với chính bản thân tôi nói riêng và cả thị trấn nói chung. Công ty Điện thoại Chuông vừa đặt xong đường dây từ Austin đến địa phận Lockhart và bây giờ một người có thể làm nên một cuộc đối thoại kì diệu với một người khác ở cách đó 30 dặm thông qua sợi dây mỏng manh. (Nói chính xác hơn là phải la hét vì đường dây còn bị nhiễu sóng). Hai mươi năm trước đây, phải mất ba ngày đường để đánh xe ngựa đến Austin; mười năm trước thì còn lại nửa ngày đi tàu lửa; và đến ngày hôm nay tin tức đã có thể được chuyển đi trong tích tắc rồi.

Có rất nhiều tranh cãi về vị trí đặt bảng chuyển đổi tín hiệu và cái điện thoại (duy nhất có một cái). Một số người bảo nên đặt ở xưởng tĩa hột bông vì nơi đó là trung tâm thương mại; người khác lại bảo đặt ở bưu điện; nhưng ngài thị trưởng Axelrod chỉ đạo phải đặt ở tòa soạn báo vì nơi đây là trái tim thông tin của cộng đồng. Ngoài ra nó lại nằm bên đường đối diện với xưởng tĩa hột bông nên có thể dùng để nhận đơn đặt hàng và kiểm tra giá cả thị trường.

Ông nội có vẻ rất hứng thú về cái điện thoại, bước chân ông trở nên nhanh nhẹn hơn khi đi thu thập mẫu vật.

“Nhờ Chúa,” ông bảo, “sự phát triển thật tuyệt vời. Thằng bé Alex ấy đã làm được thật rồi Chúa ạ.”

“Alex?” tôi hỏi. “Ông đang nói tới ông Bell à?”

“Chính ông ấy đấy,” ông đáp.

“Chà, ông biết ông ấy ư?”

“Đó là một người tốt đấy. Ông biết ông ấy nhiều năm rồi, thông qua Hội Địa lý. Vậy là ông chưa kể cho cháu nghe à. Ông còn cho ông ấy vay một số tiền để khởi nghiệp, đổi lại một số cổ phần trong công ty của ông ấy. Nhớ nhắc ông kiểm tra chúng vào lần đi Austin sau nhé. Chắc bây giờ cũng đáng khối tiền rồi đấy.” Rồi ông bảo, “Nhờ Chúa, ông có thể gọi điện cho Cục Chuyển Đổi để lấy bằng giá, không cần phải đi Austin nữa rồi. A ha!”

Trong vòng một tuần, cả thị trấn chẳng bàn tán về chuyện gì khác ngoài cái điện thoại ấy. Công ty Chuông đang tuyển Nhân viên trực Tổng đài trên *Nhật Báo Fentress* với điều kiện phải là một phụ nữ trẻ độc lập, nghiêm trang, siêng năng từ mười bảy đến hai mươi bốn tuổi. Trước đây công ty đã có nhiều kinh nghiệm đau thương về những nam nhân viên điện tín (toàn những ông hay say xỉn, vô lễ và không có thái độ hợp tác). Công ty còn quy định rõ là nhân viên nữ ấy phải cao ráo, không tham gia vào các hoạt động đầu cơ, và phải lịch sự. Tổng Đài viên này còn được bao ăn ở và tuyệt vời hơn là thù lao mười đô la mỗi tuần. Cho một phụ nữ đấy nhé. Không phải là cho một người đánh xe hay thợ rèn mà là cho một phụ nữ và cũng chỉ là công việc làm trong văn phòng. Trước đây chưa bao giờ có tiền lệ này. Ôi, tiền bạc, thanh thế và sự tự chủ! Tôi thêm muốn công việc này đến phát điên lên mất.

Tôi hỏi ý cậu em dễ bảo nhất J.B., “Em có nghĩ chị nhìn giống mười bảy tuổi không?” Nó nhồm nhoàm một miếng đầy kẹo bơ và trả lời tôi một cách nghiêm trang, “Chị nhìn rất già đấy Callie ạ,” Câu trả lời làm tôi rất hài lòng, nhưng nó chỉ mới năm tuổi thôi nên nhận xét này không đáng tin chút nào. Vì vậy tôi đi tìm Harry, anh đang sửa yên cương trong chuồng ngựa.

“Harry ơi, anh có nghĩ em nhìn đủ mười bảy tuổi không?” tôi hỏi.

“Em bị quần trí à?” anh nói mà không thèm ngược nhìn tôi.

“Không, nhìn này, nếu em làm thế này thì sao?” Tôi búi tóc lên và nghĩ chúng đang trở thành một bó tóc gợn cảm trên đầu mình. “Nhìn vậy giống mười bảy tuổi chưa anh?”

Anh thoáng liếc qua tôi. “Nhìn giống chó cụp tai thì có á. Câu trả lời là không!” Nói rồi anh dừng tay lại và hỏi tiếp. “Sao em phải hỏi vậy? Em định làm gì à?”

“À, không có gì đâu ạ...” Tôi chợt thoáng nghĩ trong đầu về bộ dạng của mình trong cô Tate, Tổng Đài viên, trong bộ đồ công sở thơm tất, chằm chệ trên chiếc ghế có bánh xe, kết nối những cuộc điện đàm một cách hiệu quả và rõ ràng bằng một giọng chảnh chu, “Tổng Đài đây ạ. Xin cho số...”

Tôi còn sẵn sàng gian lận tuổi và “mượn tạm” váy và mũ của mẹ để trở thành một gương mặt đầy triển vọng ấy chứ. Mọi toan tính thật hoàn hảo cho đến khi tôi chợt nhận ra rằng một nửa thị trấn này biết tên và nửa số còn lại biết rõ mặt tôi cả, sao tôi ngu ngốc thế nhỉ? Cám ơn Chúa đã kịp thời cho tôi nhận ra sự ngu dốt suýt chút nữa đưa tôi vào tình thế khốn khổ và hiểm nguy. Nhưng mà...

Ngày tuyển lựa trọng đại đã đến, hàng tá những quý cô cao ráo và cao vừa vừa, kiêu hãnh trong những chiếc mũ rộng vành, nắm chặt thư dự tuyển trong những đôi găng tay trắng muốt sạch sẽ. Họ xếp hàng dọc theo lối đi lót gỗ trước cửa bưu điện, đợi chờ hàng giờ, một vài người căng thẳng nhấp nhồm không yên. Khi vào trong, họ được yêu cầu đứng quay lưng vào tường và đo chiều dài sải tay. Thì ra họ cần tuyển cô gái nào có tay dài để có thể cắm dây nối khắp các vị trí của bảng chuyển đổi tín hiệu. Đến cuối ngày thì họ tuyên bố chị Honoria Goates đến từ Staples được trúng tuyển làm Tổng Đài viên. Kết quả này làm dấy lên bao ý kiến phản đối. Đúng là chị ta cao ráo, có đôi tay dài nhưng cũng còn nhiều phụ nữ đạt tiêu chuẩn khác ở Fentress mà. Và đây lại là trạm điện thoại của Fentress. Vì sao lại đi thuê một người ngoài từ Staples cách đây bốn dặm đến làm việc chứ? Chị ta sẽ đem cái trạm về nhà hay đánh xe đến đây mỗi ngày, vậy lúc gặp thời tiết xấu thì sao? Vân vân và vân vân...

Honoria Goates và chiếc rương đựng quần áo bằng thiếc của chị đến nơi hai ngày sau đó. Chị được cho ở trong một căn phòng nhỏ tí như cái tủ, trong đó có bảng chuyển đổi và chiếc giường con để chị có thể trả lời điện thoại cả ngày lẫn đêm. Các bữa ăn sẽ được đem đến từ Phòng trọ Elsie Bell nằm cuối phố. Từ trước đến nay chưa có tiền lệ phung phí tới mức này.

Nhưng vấn đề không nằm ở chỗ chị đến từ Staples và có đôi tay dài mà có một điều Công ty không biết (trong khi mọi người đều biết) rằng chú Homer Ray Goates của chị từng bị sét đánh khi đang làm đồng, cơ thể của ông cháy đen, nghi ngút khói, và chính Honoria là người phát hiện ra ông ấy. Sau đó ông Goates vẫn sống nhưng bị mất hầu hết thính giác và phải đeo cái loa trợ thính to đùng từ ngày ấy. Ngoài ra ông ta còn thỉnh thoảng bất chợt cười phá lên mà chẳng có lý do gì, đôi khi trong lúc vô ý,

hành động đó của ông ta cũng trở thành sự giúp vui cho mọi người.

Chị Honoria tội nghiệp luôn phải sống trong nỗi sợ hãi với điện từ dạo ấy. Ai trong hoàn cảnh của chị mà không bị như vậy chứ? Vì thế, khi phải đối mặt với việc nối dây dẫn lần đầu tiên trong sự chỉ dẫn của người giám sát, chị đã hét toáng lên rồi lập tức bỏ chạy ra khỏi đó. Đương nhiên là vì sợ sẽ bị nướng chín bởi những tia lửa điện tóe ra từ dây dẫn như ông chú của mình rồi. Chị lão đảo đi qua cầu, không màng đến đồ đạc rồi chạy một mạch về Staples, dầm nước mắt trong sự nhục nhã. Hôm sau bố chị mới đến thu dọn đồ đạc.

Sau đó, Maggie Medlin, cháu của Backy Medlin được nhận vào thế chỗ. Maggie thấp người hơn Honoria nhưng có đủ bản lĩnh để đảm đương công việc này hơn. Từ đó đứa em gái Dovie đáng ghét của Maggie đắm chìm trong vinh quang của chị mình và cứ bắt đầu mỗi câu nói bằng, “À, chị mình, Tổng Đài viên ấy, nói thế này này...”

Vì vậy mà tất cả chúng tôi đều ghét chị ta.

Cuối cùng Công ty Chuông cũng dẫn xong đường dây đến Fentress và ngày khánh thành trọng đại của trạm điện thoại cũng đến. Những đại diện của công ty đáp xe lửa đến Austin. Bưu điện quá nhỏ để có thể tổ chức buổi lễ nên chúng tôi phải tập trung ở ngoài đường. Đội kèn Những người bạn lạ chơi một khúc hòa tấu ngắn, còn ban nhạc Moose thì tấu một bài dài, và ban nhạc Những người đi rừng của Thế giới có ít thành viên nhất nhưng lại chơi suốt cả thời gian. Ngài thị trưởng và thành viên của công ty đọc bài diễn văn dài dòng và chán ngắt. Sau đó thị trưởng Axelrod dùng chiếc kéo giả to làm từ bìa cạc-tông cắt chiếc vải ruy-băng đỏ dài ngoằng để chính thức khánh thành Công ty Điện thoại tại Fentress. Mọi người hò reo, bắt tay nhau

và nước chanh, bia lạnh miễn phí được phân phát vòng quanh. Sam Houston định mon men trộm một cốc bia nhưng bị phát hiện.

Đến đúng giờ Ngọ thì một tiếng chuông inh tai vang lên phá tung bầu không khí đợi chờ tĩnh lặng đến nghẹt thở. Cả đám đông há hốc mồm đồng loạt “ôôô” lên. Bên kia đường dây là thống đốc bang Austin gọi đến để chúc mừng thị trấn chúng tôi trong công cuộc hòa nhập vào thế kỷ hai mươi. Maggie Medlin nối đường dây và ngài thị trưởng bước vào trong buồng điện thoại rồi hét vào ống nói, bên kia ngài thống đốc cũng hét lại từ khoảng cách 45 dặm, cho ông biết giá bông trên thị trường Austin hôm ấy.

Ông thì thầm vào tai tôi, “Cháu có nhận thấy ý nghĩa của sự kiện này không Calpurnia? Thời của mỡ cá voi và bụi than đã chấm dứt. Mặc dù chúng ta vẫn đang sống với nó nhưng thời đại cũ đang dần mất đi rồi đấy. Hãy nhớ lấy ngày này nhé cháu.”

Ông Hofacket của Hiệu ảnh Chân dung Hofacket (Những bức ảnh đẹp cho những thời khắc đáng nhớ) cũng có mặt với chiếc máy ảnh to đùng của mình để ghi lại thời khắc này. Ông muốn trao đổi với ông tôi về Cây Nhỏ và thất vọng vì chưa nhận được tin tức mới gì. Chắc ông ấy định huyền thuyên về cái cây suốt cả ngày nếu thị trưởng không kịp thời kéo ông trở về với nhiệm vụ chính là nhiếp ảnh. Chúng tôi tập hợp lại, tràn ra cả đường lớn. Ông Hofacket bố trí máy ảnh. Ông nội nắm lấy tay tôi. Rồi ông Hofacket chui vào dưới tấm vải đen, trên tay là bột sáng ma-giê.

“Đừng cử động nhé!” ông Hofacket hét toáng lên. Tất cả chúng tôi đều đứng im như tượng. Bột sáng lóe lên như tia chớp mùa hạ và ghi lại hình ảnh trong giây phút huy hoàng ấy của chúng tôi. Sau này khi nhìn lại bức ảnh, ai trong hình cũng mang gương mặt trang trọng và nghiêm nghị. Tôi nhìn như đang suy

ngầm gì đó. Chỉ duy nhất có ông nội là cười toe toét như thường
lệ giống chú mèo Cheshire^[26] ấy.

CHƯƠNG 17

CÔNG VIỆC NỘI TRỢ

Mọi cá thể có thể dễ dàng được sản sinh nhưng khó có thể tồn tại vì vậy sẽ luôn có sự cạnh tranh sinh tồn, với chính đồng loại của nó, hay một cá thể khác biệt hoặc với cả môi trường sống nữa.

TRÁI VỚI MONG ƯỚC CỦA BẢN THÂN, tôi đã đến cái tuổi mà một thiếu nữ bắt đầu phải học những kỹ năng để đảm đương việc nhà sau khi lập gia đình. Dĩ nhiên, tất cả bạn gái của tôi đều muốn lấy chồng. Thật ra ai cũng muốn thôi, trừ khi bạn quá giàu nên không cần chồng hoặc phẩm chất quá tệ đến độ không chàng nào thèm để mắt đến. Một số chị gái ra trường làm giáo viên hay y tá một thời gian rồi mới tổ chức đám cưới, đối với tôi họ là những người may mắn. Như ví dụ trước mắt là Tổng Đài viên Maggie Medlin ấy, một phụ nữ độc lập sống bằng tiền của mình và không phải nghe lời bất kỳ người đàn ông nào khác ngoài giám đốc Bell. Hiện giờ chỉ có duy nhất một trạm điện thoại trong trấn nên công việc của chị cũng nhàn rồi. Chị ấy ngồi bên cái bảng, tai nghe đeo quanh cổ, ăn táo và đọc báo, đợi đến khi cái bảng chuyển đổi tín hiệu rung lên chờ tiếp âm. Lúc đó chị sẽ nối dây cắm và lặp lại một câu nói độc nhất, “Xin chào, Trung tâm đây, xin cho biết số máy ạ?” Chị buộc phải nói vậy mặc dù chỉ có một số điện thoại mà thôi. Tất cả mấy đứa con gái trong trường tôi đều ngưỡng mộ chị. Chúng tôi lấy bìa cạc-tông làm trạm điện thoại và dây bện làm bảng chuyển đổi tín hiệu. Nhìn sơ thì công việc và cuộc sống của chị ta thật tuyệt. Nhưng rồi điện thoại ngày càng phổ biến, mỗi nhà đều phải lắp một cái. Đến lúc này thì Maggie không được phép rời khỏi trạm điện thoại và chính thức trở thành nô lệ của Công ty.

CÂY NHỎ NGÀY CÀNG LỚN NHANH. Nhưng chúng tôi chẳng nghe tin tức gì từ Washington cả. Ông nội đề nghị tôi trốn đến phòng thí nghiệm với ông.

Một buổi sáng thứ bảy, khi tôi định ra ngoài với chiếc vợt bắt bướm và chiếc giỏ đựng cá cũ của ông vắt vẻo trên vai thì bị mẹ phát hiện trong lúc bà đang may vá. “Đứng lại,” bà bảo khi tôi vừa chớm vặn tay nắm cửa. Tôi chẳng thích ánh mắt này chút nào cả. “Con định đi đâu đó?” bà hỏi.

“Xuống sông đi thu thập mẫu vật thưa mẹ,” tôi đáp, người chực nhào ra khỏi cửa.

“Quay lại đây nào. Mẫu vật thì cũng tốt thôi,” mẹ bảo, “nhưng mẹ lo lắng khi thấy con đang tụt hậu đấy. Ở tuổi của con, mẹ đã có thể may vá, khâu thùa hoa văn và có thể nấu nhiều món đơn giản rồi.”

“Con biết nấu ăn mà,” tôi quả quyết đáp.

“Con nấu được gì nào?” bà hỏi.

“Con làm được bánh mì sandwich phô-mai này. Con biết luộc trứng lòng đào này.” Tôi nghĩ thêm một lúc rồi tự hào tiếp, “con còn luộc được trứng chín nữa.”

Mẹ than thở, “Lạy Chúa tôi, tẻ hại hơn mẹ tưởng đấy.”

“Tẻ gì hả mẹ?” tôi thắc mắc.

“Thì sự thiếu hiểu biết của con về nấu nướng ấy.”

“Nhưng tại sao con phải nấu trong khi đã có cô Viola làm rồi chứ?” tôi vặn lại.

“Ừm, nhưng sau này thì sao? Khi con lớn lên và có gia đình của riêng mình? Con làm sao để nuôi sống họ?”

Cô Viola luôn ở với gia đình tôi, trước khi tôi ra đời, thậm chí còn trước khi có anh Harry nữa nên tôi chẳng bao giờ nghĩ đến một ngày không còn cô nữa. Cả thế giới trong tôi đảo lộn. “Thì để cô Viola nấu ăn cho gia đình của con,” tôi đáp.

Mẹ im lặng một lúc rồi thở dài, “Thôi được rồi, con đi đi nhưng mẹ con mình sẽ nói về chuyện này sau.”

Tôi chạy ra khỏi nhà và làm đủ mọi cách để có thể quên đi cuộc đối thoại vừa rồi nhưng nó cứ hành hạ tôi suốt trên đường ra bờ sông như một cái răng sâu đang nhúc nhối. Buổi sáng hôm ấy niềm vui cứ như trốn đi đâu mất. Mẹ đã vô tình khơi gợi những sự thật đau thương: Máy cái bánh quy tôi nướng thì cứng như đá, đan len thì xộc xệch, đường kim mũi chỉ thì xiên xẹo. Rồi tôi chột hình dung về cuộc đời của mẹ: chiếc giỏ chứa quần áo cần may vá không bao giờ vơi, bao nhiêu là khăn, cổ áo, cổ tay phải gấp, hai mươi ổ bánh mì lớn phải nướng vào mỗi tuần. Thật ra thì bà cũng không phải làm công việc dọn dẹp nặng nhọc vì đã có SanJuanna. Quần áo thì đã có người đến giặt cả ngày vào thứ hai hằng tuần ở nhà giặt sau nhà. Cô Viola có nhiệm vụ cắt tiết, nhổ lông và nấu mấy con gà. Alberto thì làm thịt gia súc. Nhưng cuộc đời mẹ tôi là một vòng xoay bất tận của việc sửa chữa. Chẳng có việc gì bà chưa hoàn thành nhưng nó cứ lặp đi lặp lại mỗi ngày, mỗi tuần hay mỗi mùa. Ôi, thật đơn điệu và buồn tẻ.

Ngày hôm đó trở nên sáng sủa hơn khi tôi phát hiện ra một con bướm đốm, loài này bay nhanh và rất khó thấy nên vọt được chúng không dễ chút nào. Tôi biết rằng ông sẽ vui lắm khi tôi bắt được, vả lại nó cũng giúp tôi tạm quên đi khỏi việc nấu nướng và may vá. Về tới nhà, tôi mất cả giờ đồng hồ mới hoàn thành việc nhồi bông cho con vật phức tạp ấy, đến lúc này thì tôi

quên mất rằng mình vụng về ngu ngốc như thế nào rồi. Nhưng hồi ôi, chiến dịch đem tôi trở lại với vị trí của cô con gái trong nhà vẫn đang được tiến hành mà không cần đến sự hợp tác và ý thức của tôi.

Chiến dịch bắt đầu khởi động khi cô Harbottle ra quyết định cho tất cả bạn nữ trong lớp tôi phải trưng bày thành phẩm thủ công của mình tại Hội chợ Fentress. Tin tức này đến như sét đánh ngang tai. Đối với tôi, thua thua là việc vô bổ và tôi cố gắng né tránh nó hết mức có thể. Thành phẩm của tôi nếu nhận xét một cách độ lượng thì là nhếch nhác như cái kén của Petey vậy. Những mũi kim hết đâm chỗ nọ rồi xọ chỗ kia, trôi lên thụt xuống chĩa ra tứ phía nên cái khăn choàng tôi may gồ lên ở giữa, nhìn như con trăn vừa nuốt gọn một chú thỏ vào bụng vậy. Tôi tự tưởng tượng rằng không biết có phải tên Rumpelstiltskin^[27] xấu xa đã mò vào phòng tôi lúc nửa đêm rồi phá hỏng thành phẩm tuyệt nhất của tôi và biến nó thành một đồng rác rưởi bằng bánh xe thời gian quái ác không nữa.

Mặc dù đã chứng kiến tôi thực tập đan len rất nhiều nhưng lâu rồi mẹ không được nhìn thấy một thành phẩm ra hồn nào của tôi cả. Một hôm mẹ bảo tôi cho xem sản phẩm tôi đang thực hiện. Tôi ngại ngùng đưa cả giỏ đan len cho bà, bà nhìn sơ qua khoảng một phút rồi hỏi, “Con làm ra mấy thứ này đấy hả?”

“Vâng, thưa mẹ.”

“Thế con có cảm thấy tự hào về chúng không?”

Tôi có tự hào về chúng không à? Tôi lưỡng lự. Có phải là một câu hỏi mẹo không nhỉ? Tôi chẳng biết nữa; tôi chẳng biết đường nào mà lần nữa. “Dạ...”

“Mẹ đang hỏi con đấy, Calpurnia.”

“Không thưa mẹ, con chẳng tự hào về nó đâu.”

“Vậy sao con không cố gắng làm lên một thứ để mình có thể tự hào chứ?”

Tôi lại băn khoăn. Tôi chẳng thể nghĩ ra được lời thoái thác nào nên đành khai thật. “Vì nó chán quá mẹ ạ.” Một câu trả lời thành thật nhưng ngay từ khi thốt ra tôi đã biết đó là lời nói ngu ngốc rồi.

“À, thì ra là chán,” mẹ bảo.

Một khi mẹ lặp lại y nguyên câu nói như một con vẹt thì đó là tín hiệu xấu rồi. Ô, nói đến mấy con vẹt, chúng là loài chim thú vị đấy, và sống rất lâu nữa, thậm chí còn được ông bà cha mẹ ghi lại trong di chúc để lại cho con cháu. Ông từng kể cho tôi nghe về một con vẹt sống qua thế kỷ và học được hơn bốn trăm câu đối thoại rồi bắt chước đối đáp như con người...

“Calpurnia, mẹ không thể tin được con lại...”

Mặc dù tôi biết rằng cơ hội sở hữu một con vẹt rất mong manh (ông bảo chúng rất đắt tiền) nhưng một con vẹt xám Úc hay vẹt đuôi dài nhỏ cũng khá khả thi... Mối mẹ lại mấp máy... Đang nói gì đó về tập luyện thì phải?

“Con phải làm tốt hơn thế này...”

Vẹt đuôi dài là lựa chọn cuối cùng. Chúng cũng có thể học nói mà, đúng không?

“Khi mẹ ở tuổi con bây giờ...”

Nếu tôi có vẹt đuôi dài thì có nên cho nó bay tự do trong nhà không nhỉ? Chắc là không rồi. Nó sẽ thả đầy phân trắng thành

từng mảng như tấm vải phủ lên trên đồ đạc, và dĩ nhiên đó là kết thúc của nó. Ngoài ra đừng nên quên chú Mèo Nhà Idabelle luôn rình rập trong chiếc giỏ cạnh bếp lò. Có lẽ tôi nên để nó bay trong phòng mình. Nó có thể đậu trên tấm ván đầu giường và lú lú vào tai tôi những âm thanh trù ẻo...

“Calpurnia!”

Tôi nhảy dựng lên. “Vâng thưa mẹ?”

“Con không nghe mẹ nói gì à?”

Tôi nhìn mẹ chăm chăm. Mẹ có thể nói gì nhỉ?

“Con nên nghe lời mẹ đi. Trường hợp này là quá thể rồi đó. Thành phẩm của con thật không thể chấp nhận được. Mẹ muốn con làm tốt hơn, và con sẽ phải làm tốt hơn thế này, hiểu chưa? Mẹ thật bất ngờ khi cô Harbottle không hề gửi thư cảnh cáo gì cho mẹ cả.”

Thật ra cô giáo đã từng gửi thư rồi. Không những một mà hai lần ấy chứ.

“Từ hôm nay con phải đưa cho mẹ kiểm tra sản phẩm của mình đến khi hội chợ bắt đầu.”

Vậy có nghĩa là tôi phải chú tâm hơn trong vài tuần tới. Tương lai ảm đạm đang rung từng hồi chuông nặng nề trong tai tôi. Tôi là một cô bé bị điểm mặt rồi.

MỌI VIỆC BẮT ĐẦU được xúc tiến. Tôi bị giao một mớ bài tập về nhà nhiều đến mức vô lý. Làm xong thì ngoài trời đã xuống nắng, tôi bèn phóng hết tốc độ ra khỏi cửa. Lúc đó mẹ đang ngồi trong phòng khách kiểm kê lại chi tiêu trong nhà. “Calpurnia,” bà gọi giật tôi lại, “lại ra sông chơi à?”

Quá muộn rồi. “Vâng thưa mẹ,” tôi đáp lại bằng giọng-cô-bé-lễ-phép-hân-hoan nhất của mình.

“Đem cho mẹ xem mấy thứ con khâu đã.”

“Cái gì ạ?”

“Đừng có hỏi *cái gì ạ* kiểu như vậy nhé, con gái. Đem cho mẹ xem đồ đạc thêu thùa trước rồi hãy bàn tới chuyện ra sông chơi. Lại còn không đội mũ nữa chứ, con bị tàn nhang cho mà xem.”

Trời sắp tối luôn rồi, làm sao còn bị tàn nhang được nữa chứ. Tôi cất bước nặng nề trở lại lên phòng, cảm thấy như cả thế giới đang đè nặng trên vai.

“Và đừng có giậm chân như thế nhé,” mẹ bảo. “Đâu phải là con đang mang cả thế giới trên vai chứ.”

Lời mẹ làm tôi thót cả tim. Thật đáng sợ, sao mẹ hay đọc được suy nghĩ của mình thế nhỉ. Tôi nhẹ chân hơn bước về phòng rồi đóng cửa lại. Tôi lúi miếng vãi thêu mẫu ra khỏi giỏ nữ công ngắm nghía. Góc đầu tiên nhìn cũng vuông vức lắm nhưng nhìn kỹ hơn thì giống hình thoi xiên xẹo, mấy chữ cái thì nghiêng hẳn sang bên phải. Làm sao để khâu từng mũi kim đều đặn đây? Làm sao kéo chúng bằng lực như nhau? Và quan trọng hơn cả là ai lại để ý đến mấy thứ vớ vẩn này cơ chứ?

À, tôi có thể trả lời câu cuối cùng. Mẹ tôi quan tâm và chẳng hiểu sao cả thế giới cũng vậy. Còn tôi, người không quan tâm thì đang bị ép buộc phải để tâm tới. Thật là nực cười. Đoạn tôi ném cái khung thêu qua bên kia phòng.

Hai tiếng sau, tôi đem khăn thêu của mình xuống nhà. Bài tập yêu cầu thêu chữ “Chào mừng quý khách” theo kiểu chữ hoa mỹ.

Tôi thêu được đến chữ “Chà” nhưng xộc xệch quá nên phải tháo ra và làm lại chữ “C” để cho mẹ xem.

“Con chỉ làm được thế này thôi à?” bà hỏi.

“Chữ C viết hoa to thế cơ mà!”

“Rồi rồi. Nói nhỏ tiếng thôi. Con làm tốt hơn rồi đấy Calpurnia ạ, điều đó cho thấy rằng con sẽ làm được nếu con chú tâm.”

Ôi, tôi và các anh em trai ghét cay ghét đắng cái từ *chú tâm* ấy.

“Con đi được chưa mẹ?”

“Rồi, con *đi* được rồi. Đừng có về trễ bữa tối đấy.”

Mẹ vừa chong đèn phòng khách thì tôi vút khăn thêu của mình qua một bên rồi phóng nhanh ra khỏi cửa. Trời không còn sáng bao lâu nữa, đã quá muộn để thu thập những mẫu vật hoạt động vào ban ngày. Mới hay làm sao! Tôi đã tưởng tượng được tí báo: Nữ khoa học trẻ bị cản trở bởi những dự án thêu thừa ngu ngốc. Một tổn thất không thể đong đếm được cho Xã hội. Cả Cộng đồng khoa học đều tiếc nuối.

Tôi học tốc chạy ra sông, đến nơi thì bóng đêm đã dần phủ xuống và tiếng chuông báo giờ ăn của cô Viola đã văng vẳng phía xa.

Tôi nặng nề lê thân về nhà tắm rửa, lúc đi qua bếp tôi buột miệng hỏi cô Viola, “Sao cháu lại phải học thêu thừa và nấu nướng nhỉ? Sao vậy nhỉ? Cô cho cháu biết được không? Được không cô?”

Tôi thừa nhận rằng đây không phải là thời gian thích hợp để hỏi vì cô ấy đang làm mẻ nước sốt cuối cùng - nhưng rồi cô cũng

trợn mắt nhìn tôi bối rối một lúc, như thể tôi vừa nói bằng tiếng Hy Lạp cổ đại vậy. “Câu hỏi gì quái lạ vậy?” cô nói rồi lại tiếp tục đảo nhanh nước thịt trong chiếc chảo mỏng nghi ngút khói.

Chúa ơi, sao cô lại phản ứng ảm đạm thế này nhỉ. Câu trả lời này thật hiển nhiên và dễ đoán biết, nó góp phần chứng tỏ rằng gia đình tôi chẳng bao giờ để tâm đến câu hỏi của người khác cả. Nếu như mọi người xung quanh không thêm hiểu câu hỏi thì tôi sẽ chẳng bao giờ có câu trả lời. Đồng nghĩa với việc tương lai của tôi sẽ mịt mờ với mớ công việc nội trợ này mất thôi. Thật thất vọng nào nề quá đi mất!

Dùng bữa tối xong tôi lên phòng, thay váy ngủ rồi đọc sách. Tôi lằm nhằm đọc một cách thích thú loạt truyện của Dickens mà ông cho mượn và đang đọc đến cuốn *Oliver Twist*. Ông ơi làm ơn cho cháu thêm một ít nữa được không ạ? Hoàn cảnh bi thảm của thằng bé làm tôi chột suy nghĩ lại về tình cảnh của bản thân mình.

Tôi xuống nhà lấy nước uống. Lúc này bố mẹ đang ngồi trò chuyện trong phòng khách, cửa phòng mở toang.

“Chúng ta phải làm gì với con bé đây?” tôi cứng cả người lại khi nghe mẹ nói. Chỉ có một *con bé* mà họ có thể nói tới thôi, đó chính là tôi. “Mấy đứa con trai sẽ ra đời được thôi, nhưng còn con bé thì sao? Bố anh nhồi vào đầu nó toàn những thứ khô khan như sách của Dickens và Darwin. Đọc quá nhiều loại sách đó sẽ làm ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của một người. Nhất là một đứa trẻ. Đặc biệt hơn là một bé gái đấy.”

Tôi định bụng nhảy ra và hét lên, *Con với ông đang làm việc nghiêm túc! Có Cây Nhỏ làm bằng chứng đấy!* Nhưng sau đó tôi quyết định tiếp tục nghe lén.

“Anh không thấy có gì nguy hiểm cả,” bố đáp.

“Nó chạy lông nhông suốt ngày với cái vợt bắt bướm. Nó chẳng biết thêu thùa hay quán xuyến nhà cửa,” mẹ vặn lại.

“Ừm, nhưng nhiều bé gái ở độ tuổi của nó cũng có biết làm đâu, phải không?” bố hỏi.

“Nó không biết nấu đậu khô. Và bánh quy của nó làm thì giống... giống... giống cái thứ gì em không biết nữa.”

Giống đá chứ gì, tôi thầm nghĩ. Chẳng phải mẹ đang tìm cái từ này sao?

“Anh chắc từ từ nó sẽ làm được thôi mà,” bố bảo.

“Alfred à, nó còn nuôi ếch trong phòng nữa kìa.”

“Thật à?”

Tôi muốn nói vọng ra, *Mẹ nói xạo - chỉ là nòng nọc thôi mà.*

Nhưng mọi chuyện xảy ra trầm trọng hơn. Bố im lặng, ông đang tiêu hóa mớ thông tin vừa nhận được; sự im lặng bao trùm lấy cả tiền sảnh và trong lòng tôi, nghe như có tiếng gió rít đâu đây, tôi nghẹn lại không thở được. Tôi chưa bao giờ đánh đồng bản thân mình và mấy đứa con gái khác cả. Tôi không giống họ, tôi khác biệt mà. Tôi chưa bao giờ nghĩ tương lai của mình sẽ giống như bọn họ. Nhưng đến bây giờ thì tôi nhận ra rằng mình đã sai và sự thật là số phận của tôi sẽ *giống y* như họ mà thôi. Cuộc đời tôi cũng sẽ phải giao phó cho nhà cửa, chồng con; rằng tôi phải từ bỏ công việc nghiên cứu tự nhiên, vứt đi cuốn Sổ Tay và rời xa dòng sông yêu dấu. Tất cả những lời giáo huấn về thêu thùa và nấu nướng mọi người nói nhằm tạo ấn tượng cho tôi chẳng tốt lành gì, và tôi luôn phải cố gắng tránh né những bài học kinh

khủng đó. Tôi cảm thấy toàn thân nóng lạnh từng cơn. Vậy cuộc đời tôi không thể ở bên Cây Nhỏ nữa rồi. Cuộc đời tôi như thế là xong. Sao tôi lại không nhận ra nhỉ? Tôi đang bị mắc bẫy, một bé sói cái bị mắc kẹt chân vào bẫy rồi.

Dường như cả thế kỷ trôi qua, rồi bố thở dài, “Anh hiểu rồi. Em thấy mình nên làm gì hả Margaret?”

“Nó phải bớt thời gian ở bên bố anh và thực tập nhiều hơn với em và Viola. Em đã từng nói cho nó biết rằng em sẽ giám sát việc thuê thùa và bếp núc của nó. Chúng ta phải đưa ra bài học đằng hoàng. Mỗi tuần một món mới, chẳng hạn vậy...”

“Ha ha, mình có phải ăn thử không?” bố cười nhạo.

“Nghiêm túc đi anh, Alfred.”

Nước mắt tôi lưng tròng, đau đớn thay khi chính bố ruột đang nhạo báng lúc con gái mình bị ép buộc làm nô lệ cho gia đình.

“Anh để cho em toàn quyền quyết định đấy Margaret,” bố bảo. “Anh luôn cảm thấy an tâm khi giao những việc này cho em mặc dù em đang phải gánh vác hàng đống việc khác rồi. Đạo này chúng đau đầu của em thế nào rồi cưng?”

“Cũng không đến nỗi nào đâu anh Alfred.”

Bố tôi đi qua bên kia phòng, tôi thấy ông cúi người và đặt lên trán mẹ tôi một nụ hôn. “Em không sao là tốt rồi. Em muốn anh lấy thuốc cho em không?”

“Em ổn mà, không cần đâu anh.”

Rồi bố trở về chỗ ngồi và tiếp tục đọc báo. Thế là bản án tử hình cho tôi đã được ấn định.

Tôi dựa vào tường, đứng đó, trống rỗng, không còn nghĩ được gì. Tôi chỉ là một cái thuyền cứu hộ, chờ đợi nào là nhiệm vụ nấu nướng, thuê thuyền đổ ập vào mà thôi.

Lúc này Jim Bowie nhẹ nhàng bước xuống lầu. Không nói năng gì, nó quấn lấy tôi và trao cho tôi một cái ôm ngọt ngào nhất.

“Cám ơn J.B.,” tôi thì thầm rồi hai chị em dắt tay nhau lên lầu.

“Chị ôm à Callie Vee?” nó hỏi.

“Chắc vậy rồi J.B. à.”

“Em thấy mà,” nó nói.

“Ừm đúng rồi, em lúc nào cũng nhận ra cả.”

“Đừng buồn nhé, chị là người chị tuyệt nhất của em đó Callie à.” Hai chị em leo lên giường và nó cuộn mình vào lòng tôi.

Nó nũng nịu, “Chị nói sẽ dành thời gian chơi với em nhiều hơn mà.”

Tôi đáp, “Chị xin lỗi J.B. à, chị phải dành thời gian cho ông mà.” *Nhưng rồi sẽ sớm kết thúc thôi*, tôi thầm nghĩ.

“Ông có biết về Wallace Chân To^[28] không nhỉ?”

“Ông biết chứ.”

“Chị có nghĩ là ông sẽ kể cho em nghe về Wallace Chân To không?”

“Em hỏi ông đi. Có lẽ ông sẽ kể, nhưng ông bận lắm.” Bận rộn mà không có tôi bên cạnh, tôi rầu rĩ.

“Chắc em sẽ hỏi ông,” J.B. bảo. “Nhưng ông làm em sợ lắm. Chị ngủ ngon và đừng bệnh nhé, Callie.”

Rồi nó nhẹ nhàng khép cửa lại. Tôi bồn chồn chìm vào giấc ngủ, trong đầu vẫn đau đáu hình ảnh con sói cái. Làm sao để tự gặm nhấm đứt chân mình để thoát khỏi cái bẫy đây.

CHƯƠNG 18

HỌC NẤU ĂN

Trận chiến này nối tiếp trận chiến kia bất phân thắng bại...

THỜI GIAN CỦA TÔI BÊN ÔNG NỘI đã vơi đi khi bánh xe cối xay gió của việc nhà bắt đầu chuyển động, nghiền nát nguồn nguyên liệu thô - nói rõ hơn chính là tôi - thành những mảnh.

“Calpurnia,” mẹ gọi vọng lên lầu bằng cái giọng làm tôi luôn sợ, “mẹ đợi con dưới bếp đấy.”

Tôi đang trong phòng đọc cuốn *Truyện thuyết song trấn* của ông cho mượn. Tôi đặt sách xuống nhưng chẳng đáp lại tiếng nào.

“Mẹ biết con đang trên đó,” mẹ bảo, “và mẹ biết con nghe thấy mà. Xuống đây mau.” Tôi thở dài, đặt miếng vải ruy-băng buộc tóc cũ vào trang sách để làm dấu rồi lê chân xuống nhà. Tôi giờ đây như một quý tộc trẻ bị buộc tội và đang ngẩng cao đầu đứng trên xe bò trên đường ra hành hình. Thà được thật như vậy còn sướng hơn...

“Không cần phải làm ra vẻ như vậy đâu,” mẹ nhìn tôi bước vào bếp rồi bảo, bà đang đứng cùng cô Viola đợi tôi bên chiếc bàn gỗ thông sáng bóng. “Chỉ là học nấu ăn thôi mà.”

Trên bàn nào là tấm thớt bằng đá cẩm thạch, hộp thiếc đựng đường, cây lăn bột, một chậu đầy táo xanh, và một quả chanh vàng tươi. À, còn một cuốn sách nữa, tôi cảm thấy vui vẻ lên đôi chút khi nhìn thấy sách, nhưng đến khi nhìn kĩ nó thì...

“Nhìn này,” mẹ bảo. “Đây là cuốn sách dạy nấu ăn Fannie Farmer của mẹ. Mẹ cho con mượn đến khi con có một cuốn cho riêng mình, trong này có tất cả những gì con cần biết để nấu nướng.”

Tôi không nghĩ vậy. Mẹ giới thiệu cuốn sách cho tôi y như ông từng đưa cho tôi - một cuốn khác - vài tháng trước. Mẹ mỉm cười còn cô Viola thì trông hoàn toàn vô cảm.

“Chúng ta sẽ bắt đầu bằng bánh táo,” mẹ bảo. “Bí quyết là phải vẩy một ít nước chanh và cho một nắm vỏ chanh vào để tạo vị ngon đặc biệt cho bánh.” Mẹ mỉm cười gật đầu và nói bằng thứ giọng trù mền chuyên dành riêng cho những đứa con bướng bỉnh.

Tôi cố gắng hết mình để cười đáp lại. Chỉ có Chúa mới biết lúc này mặt tôi nhìn ra sao, nhưng có vẻ mẹ tỏ ra e ngại còn cô Viola phải liếc nhanh về góc bếp.

“Con có thấy thú vị không?” mẹ lưỡng lự hỏi.

“Chắc có ạ.”

“Viola sẽ chỉ cho con cách làm vỏ bánh, chuyên môn của cô ấy đấy.”

“Lấy hai muống bột từ cái thùng kia đi cô Callie,” cô Viola bảo. Tôi chớp mắt ngạc nhiên. Cô ấy chưa bao giờ gọi tôi là “cô” cả. “Bỏ chúng vào cái tô này này. Được rồi.”

Mẹ lướt tay qua cuốn sách nấu ăn để chuẩn bị bữa ăn cho tối chủ nhật trong khi cô Viola cố hướng dẫn cho tôi công đoạn nhào bột khó khăn. Tôi đã nhìn thấy cô Viola làm hàng triệu cái bánh mỗi khi đi ngang nhà bếp rồi, nhìn cũng dễ lắm mà. Cô chẳng bao giờ đo lường gì cả, chỉ ước lượng bằng mắt, trực giác và va

chạm thực tế; bình thường là ném vài nắm bột vào, rồi cho một đồng mỡ lợn cỡ ngón tay cái vào và rưới thêm một ít nước lạnh. Có gì mà khó đâu nhỉ. Thằng ngốc cũng có thể học làm trong vòng hai phút là cùng.

Một tiếng sau, tôi đứng thở dốc và loay hoay với tô bột thứ ba, mẹ và cô Viola đứng cạnh trong nghi ngại từng phút một. Lổ bột đầu tiên thì quá nhão và vón cục; lỗ thứ hai thì quá cứng đến nỗi tôi không dùng cây để lăn nó ra được; lỗ cuối cùng này thì dính như keo dán tường và trông cũng chẳng hấp dẫn lên được tí nào cả. Bột dính đầy tay và váy áo tôi, vương vãi khắp bàn bếp và tay nắm máy bơm nước, dính thành nhiều vệt trên tóc tôi nữa. Hình như còn vài cục văng lên tận mấy tấm giấy bắt ruồi treo trên trần nhà nữa cơ, nhưng làm sao chúng lên đó được thì tôi chịu.

“Lần sau chắc phải cho nó đội khăn thôi Viola à,” mẹ bảo.

“Ừm.”

“Nghe mẹ này,” mẹ nói. “Chắc để cho cô Viola làm phần nhồi bột đi. Con hãy tiếp tục gọt và cắt táo. Cầm quả táo thế này rồi kéo con dao về phía con. Cẩn thận dao bén đấy.”

Tôi cầm dao và táo rồi bắt chước theo, ngay lần gọt đầu tiên đã cắt ngay vào ngón cái. Cũng may là tôi chỉ chảy máu lên hai trái táo thôi, cô Viola nhúng chúng vào nước nhưng vẫn còn ửng lên màu hồng. Chúng tôi đều vờ như không thấy mấy đốm màu hồng đó. Mẹ đi lấy băng cá nhân cho tôi. Không ai nói lời nào. Tôi thở dài rồi đưa tay lên chống cằm. Thật ra tôi muốn gục cả mặt xuống bàn cơ nhưng làm vậy thì tóc tai sẽ vấy đầy bột mất. Dường như Idabelle cảm nhận được nỗi thất vọng của tôi nên bò ra khỏi giỏ của nó và bước lại dúi đầu vào cằm chân tôi an ủi. Nhưng tôi không thể xoa đầu lại nó vì hai tay dính đầy bột nhão

rồi. Một lúc thì cô Viola đứng dậy rồi bắt đầu quăng bột, mỡ lợn và nước vào với nhau một cách vô thức rồi cán ngay ra một chiếc vỏ bánh không nhão, không dính một cách hoàn hảo. Rồi cô giúp tôi gọt vỏ chanh, không biết là sợ acid của chanh làm đau vết thương của tôi hay tránh để tôi vấy máu lên một quả nào khác nữa.

Khi mẹ quay lại bằng tay cho tôi, cô Viola tiếp tục giảng dạy, “Cô Tate, cô phải kiểm tra nhiệt độ của lò nướng.”

“Làm sao kiểm tra được?”

“Cô cho tay vào trong lò, nếu như nóng đến nỗi không thể giữ tay ở đó trong nháy mắt thì nhiệt độ vừa phải rồi.”

“Cô trêu cháu đấy à!” tôi nhìn cô hỏi. “Cô làm vậy thật à?”

“Ừ, cô phải làm thế đấy.”

“Khi nào thì nhiệt độ quá cao?” tôi hỏi.

“Khi cháu không thể chạm tay vào thì là quá nóng rồi.”

“Không có nhiệt kế để đo hay cái gì khác à?” tôi hỏi. Họ cùng cười phá lên như vừa nghe thấy câu nói hài nhất trong tuần vậy. Buồn cười à, được rồi. Tôi mở cửa lò nướng và lãnh ngay hơi nóng phà ra như từ trong hang rồng.

“Nào làm đi cháu,” cô Viola đốc thúc. “Làm đi nào.”

Cô ấy vẫn còn đứng sờ sờ ở đây nên chắc cũng không đến nỗi nguy hiểm chết người. Tôi hít một hơi thật sâu rồi đưa tay vào sâu trong lò nóng hổi và giật tay ra ngay.

“Rồi,” tôi vừa nói vừa vung vẩy tay trong không trung, miệng xuýt xoa, “đủ nóng rồi, nhiều khi là quá nóng nữa kìa.”

“Để mấy lát tào lên đĩa đi. Lấy một ít đường, cỡ chừng này này,” cô cho tôi xem nắm đường trong tay, “rắc nó lên mặt tào, không cần trộn lên đâu. Đúng rồi. Bây giờ chúng ta phải để mặt trên của bánh lên.”

Nói rồi cô đưa cái xẻng cho tôi xúc mặt bánh ra khỏi bàn lăn đặt lên bánh, nhưng nói thì dễ chứ làm thì... Miếng bột bướng bỉnh ấy cứ trượt ra tứ phía. Khi tôi chạm vào thì nó dính vào tay tôi, khi dùng tay thì nó lại mềm oặt cả ra. Mất mười phút tôi mới đặt được ba mặt bánh. Tôi ngẩng nhìn thành quả và phải thừa nhận rằng chúng trông méo mó đến tội nghiệp.

“Nhìn chẳng đẹp chút nào cả,” tôi thừa nhận.

“Cháu phải bấm khía lên rìa bánh bằng ngón cái thế này sẽ làm cho chiếc bánh nhìn đẹp hơn. Làm thử đi.”

Tôi bấm vòng quanh chiếc bánh với ngón tay cái lành lặn còn lại và thật sự là chúng trông khá khảm hơn, nhưng chẳng ai tin rằng mấy cái bánh này do bàn tay khéo léo của cô Viola làm ra cả.

“Được rồi,” cô Viola bảo, “cháu còn phải làm một việc nữa.” “Gì nữa đây?” tôi càu nhàu, mệt mỏi.

“Cháu phải tạo hình chữ C lên trên mặt bánh đại diện cho Callie. Lấy bột nặn chữ C rồi đặt lên đó đi. Cháu phải đặt ngay giữa để cho mọi người biết chính cháu đã làm ra chúng. Sau đó lấy lòng đỏ trứng gà quét lên để tạo độ bóng.”

Tôi lăn ra ba con sâu bằng bột rồi uốn cong lại đặt lên mấy chiếc bánh như lời cô. Sau đó phết lòng đỏ trứng gà lên, chúng tôi đứng lùi lại rồi ngắm nhìn.

“Xong rồi đấy,” cô Viola lên tiếng.

“Ừm, đẹp đấy,” tới phiên mẹ nói.

“Phù,” tôi thở phào nhẹ nhõm.

Đêm đó, khi SanJuanna dọn dẹp bát đĩa của bữa ăn chính và mang tráng miệng lên thì mẹ yêu cầu mọi người im lặng và nói, “Các con, mẹ có điều cần tuyên bố. Bánh táo tối nay do Callie làm. Mẹ chắc rằng mọi người sẽ ăn ngon miệng.”

“Con học làm bánh được không mẹ?” Jim Bowie hỏi.

“Không J.B. à, con trai không làm bánh đâu,” mẹ đáp.

“Sao lại không chứ ” nó chất vấn.

“Họ có vợ làm bánh cho rồi.”

“Nhưng con có vợ đâu.”

“Con yêu à, một ngày nào đó khi khôn lớn con sẽ một cô vợ thật xinh xắn và sẽ làm thật nhiều bánh cho con. Calpurnia, con lấy bánh cho mọi người nhé?”

Thế có cách nào cho tôi lấy vợ không nhỉ? Tôi thầm nghĩ khi cắt ngang qua chữ C đã ngả sang màu nâu và phá nát vỏ bánh. Tôi cố gắng cắt thành miếng nhưng lại làm chệch mũi dao và sau cùng là xúc ra những mảnh nhăm nhở như gạch lát đường. Bố nhìn phần tráng miệng, nhìn mẹ rồi nhìn tôi mỉm cười. Các anh em trai thì mở lời cảm ơn và lao vào nhai bánh ngấu nghiến như

mấy con chó bị bỏ đói. Tiết học nấu ăn đã lấy hết của tôi cả buổi chiều và thành quả ấy được chén hết veo trong phòng bốn phút ngắn ngủi. Không có lời nịnh nọt nào của họ có thể bù đắp lại cho tôi bao nhiêu giờ đồng hồ đáng lẽ tôi dành cho Sổ Tay, dòng sông, mẫu vật và ông nội của mình. Ông chỉ ngồi lặng lẽ nhai bánh, suy nghĩ mông lung.

CHƯƠNG 19

CHIẾT XUẤT RƯỢU ĐÃ THÀNH CÔNG Ở MỘT MẶT KHÁC

Chúng ta từng chứng kiến người được tuyển chọn dĩ nhiên sẽ làm nên những thành quả vĩ đại, và biết tận dụng những cá thể sống khác cho mục đích riêng của mình...

“CALPURNIA,” ÔNG NỘI GỌI VỌNG LÊN LẦU, “cháu ra phòng thí nghiệm với ông được không? Ông cần cháu giúp đỡ nếu cháu không bận việc gì.”

Từ khi nhận bản án tử hình của gia đình, tôi chìm sâu vào vũng lầy sâu thẳm của khủng hoảng và trầm uất, tránh xa mọi người mọi lúc có thể làm họ e ngại và xem tôi có phải uống dầu cá hay không. Nhưng điều đó cũng chẳng thể làm lành cho bàn chân lạc lối đang mắc kẹt trong chiếc bẫy ác ôn.

Lúc ông gọi thì tôi đang rúc trong phòng và cặm cụi đan một mớ tất Giáng Sinh nhiều vô kể. Nhưng tôi chẳng nghĩ mình đang bận làm việc gì cả và ông đã đem đến cho tôi cơ hội tạm gác lại chế độ chuyên chế độc tài tại gia này. Tôi vút kim đan, nhào ra khỏi phòng rồi trượt nhanh xuống tay vịn cầu thang.

Ông mỉm cười. “Quả là một cách di chuyển hiệu quả. Nhớ nhắc ông dạy cho cháu đôi điều về định luật Newton và ứng dụng của nó lên phương thức trượt xuống tay vịn cầu thang này nhé.”

“Ông định làm gì - à không, chúng ta sẽ làm gì - vào hôm nay vậy?”

“Cháu có nhớ mẫu rượu whisky hai ông cháu mình bỏ trong gỗ sồi từ tháng bảy không? Ông nghĩ đã đến lúc kiểm tra nó rồi.”

Chúng tôi băng ngang qua nhà bếp ra phòng thí nghiệm. Cô Viola đang ngồi rắc cả núi bột cạnh Idabelle. Cô nhìn hai ông cháu bằng con mắt bị lác và bảo, “Một tiếng nữa là đến giờ ăn tối đấy nhé.”

Mấy chiếc kệ trong phòng thí nghiệm chất đầy chai lọ, cả những cái chứa đầy niềm hi vọng và cũng có những cái mang đầy nỗi thất vọng cho kết quả thử nghiệm của cả năm trời tùy theo cách nghĩ của mỗi người. Cây Nhỏ đã cho ra hạt, chúng tôi cẩn trọng bỏ những hạt bé tí đó vào bì thư có chú thích rồi đựng trong chiếc lọ có dán nhãn và cuối cùng là trữ trong tủ thư viện. Cả phòng thí nghiệm đầy mùi hồ đào, rượu nho lên men và chuột. Chắc tôi phải cử một chú Mèo Sân Vườn vào xử lý đám chuột này quá. Ông mở lịch trình ra rồi xem qua trong ánh sáng lơ mơ, móng tay vàng dày cộp lướt nhanh xuống từng cột chữ.

“Đây rồi, cái lọ với kí hiệu của cháu, số 437, trữ từ ngày 21 tháng 7. Mình đặt nó ở đâu nhỉ?” Chắc bạn nghĩ ngay rằng trong phòng thí nghiệm này thì đâu dễ lạc mất một chiếc thùng gỗ sồi, cho dù là chiếc thùng nhỏ đi nữa phải không; nhưng trong này đã trở nên rất chật chội với những mẫu thử nghiệm thất bại và hàng loạt những thí nghiệm cũ và mới, vì vậy phải mất vài phút lục lọi mới có thể tìm ra chiếc lọ cần thiết nằm lẫn trong hàng đóng chai khác.

“A,” ông bảo. “Cẩn thận thôi cháu, đừng để cạn bị khuấy lên. Xem nó nhìn ra sao trước đã.”

Tôi thắp sáng hết mấy ngọn đèn treo trong khi ông dọn dẹp chỗ trống trên quầy rồi đặt chiếc thùng lên đó và vặn chiếc vòi bằng gỗ, rót ra khoảng vài inch thứ chất lỏng màu vàng nâu ấy vào chiếc cốc thủy tinh trắng. Đoạn ông đưa chiếc cốc ra trước ánh đèn sáng nhất, cẩn trọng như đang cầm nitroglycerin trong tay vậy. Rồi ông quan sát nó qua mắt kính và bằng cả mắt thường. Chiếc cốc ánh lên. Nhưng tôi thừa biết rằng cho dù mẻ rượu này có ngon, có thành công đi nữa thì cũng là thứ độc hại cho một đứa trẻ 12 tuổi như tôi.

“Không có cặn,” ông bảo.

“Như thế là tốt hả ông?”

“Ông tin đây là tín hiệu tốt. Ông chưa bao giờ uống một ly rượu whisky ngon nào mà có cặn nổi lênh bênh trong đó cả. Cháu thấy màu sắc này thế nào?”

“Nhìn cũng đẹp đấy ông, giống như mấy hột cườm bằng hổ phách của mẹ. Màu của nó có đúng như vậy không ông?”

“Cũng khó nói lắm, chúng ta tự mày mò làm rượu mà không có người hướng dẫn mà,” ông đáp rồi nhìn tôi, tôi nhìn thấy từ sự bình tĩnh đó là niềm hân hoan khám phá sôi sục trong lòng.

“Để ngửi xem nào,” ông nói rồi đưa cái cốc lên mũi. Ông dè dặt hít hà như đang phải ngửi khí độc vậy. Đoạn ông hít một hơi thật sâu, mặt tỏ vẻ hài lòng rồi đưa nó cho tôi. Tôi e ngại như chú ngựa non đang run sợ. Lần trước ông suýt nữa giết chết tôi vì ly rượu rồi, chắc ông đã quên mất, đến giờ nghĩ lại vẫn cảm thấy đau lòng.

“Ừm, ông không định bắt cháu uống thử chứ? Ông còn nhớ lần trước chuyện gì xảy ra với cháu không?” tôi bảo.

Ông nhìn nét mặt tôi rồi đáp, “À, không, cháu có lý đấy. Lần đấy thật kinh khủng, không nên để nó lặp lại. Cháu không cần uống đâu, chỉ cho ý kiến về mùi của nó thôi.”

Tôi cầm chiếc cốc rồi giở mũi vào. Mùi hồ đào nồng nặc xộc lên mặt, nhưng không khó chịu chút nào, mặc dù tôi chẳng bao giờ thích hồ đào cả. “Mùi như bánh của Viola làm ấy,” tôi cho ý kiến.

“À, đây mới là thí nghiệm thực tế đấy.” Ông nâng cốc lên chúc mừng với tôi, “Chúc sức khỏe cháu Calpurnia, người bạn đồng hành trên vùng nước bí hiểm của ta.” Rồi ông ực một ngụm lớn.

Đến bây giờ tôi vẫn nhớ như in nét mặt ông lúc ấy, một vẻ nhăn nhó đầy ngạc nhiên, một cái nhìn mông lung về một khoảng không vô định, tiếp theo chậm chậm nở một nụ cười.

“Rồi,” rốt cuộc ông lên tiếng. “Ông đã làm được một điều kì diệu.”

“Cái gì thế ông, gì vậy ông?” tôi thở dốc.

“Ông không nghĩ có người nào khác có thể làm được điều này đâu.”

“Ôi, *cái gì vậy ông?*” tôi nài nỉ.

Ông nói rất bình tĩnh, “Ông đã dùng mấy quả hồ đào tươi ngon, ủ chúng lên men thành một thứ gần như nước đáί mềo ấy.”

Tôi há hốc mồm.

“Và từ điều này chúng ta rút ra bài học gì?” ông nói tiếp.

Tôi ngồi đó trố mắt nhìn ông.

Ông bảo, “Bài học của ngày hôm nay là: hãy cứ phiêu lưu với niềm tin cháy bỏng trong tim còn hơn là tìm được bến đỗ an toàn. Cháu hiểu không?”

“Dạ không thưa ông.”

“Có nghĩa là chúng ta nên ăn mừng cho ngày hôm nay vì nó cho thấy rõ ràng chuyến thám hiểm chưa kết thúc. Ngày thí nghiệm đạt được thành công cũng là ngày kết thúc của nó. Và ông chắc chắn rằng nỗi buồn của sự kết thúc sẽ làm lu mờ sự hân hoan của thành công cháu ạ.”

“Vậy cháu có nên ghi chú lại vào lịch trình không ông?” tôi hỏi.
“Ghi vào là nước đái mèo ấy.”

Ông tắc lưỡi. “Ý hay đấy. Chúng ta phải trung thực với quan sát của mình. Cầm bút lên và thực hiện công việc vinh quang này đi cháu gái.”

Dù sao đi nữa hôm nay cũng là một ngày trọng đại nên tôi đẩy lọ mực đen sang một bên và với lấy lọ mực đỏ. Khi thấy ông gật đầu đồng ý, tôi nhúng viết vào chất lỏng màu đỏ tươi và nắn nét ghi chú rồi đưa cho ông xem.

“Tuyệt hảo,” ông nói, “nhưng ông nghĩ rằng phải thêm dấu sắc vào chữ *nước* chứ.”

CHƯƠNG 20

ĐẠI TIỆC SINH NHẬT

Mỗi người, nhất là anh em ruột cùng cha mẹ, đều có những tính cách khác nhau hay còn gọi là cá tính... Không ai cho rằng tất cả những cá thể cùng loài có thể nhìn giống nhau như khuôn đúc cả...

THỜI GIAN CỨ THỂ TRÔI QUA nhưng vẫn chưa thấy tin tức gì về Cây Nhỏ cả. Mỗi ngày của tôi là một vòng xoay bất di bất dịch của bài tập ở trường, tập đàn piano và học nấu ăn với cô Viola. Tôi bị bắt học nấu món bò Wellington và cừu Parsifal. Tôi còn phải học chiên gà, cá trê và đậu bắp. Ngoài ra còn phải làm bánh mì trắng, bánh mì nâu, bánh mì bột bắp và bánh mì mềm.

Cô Viola cứ phải suốt ngày quay cuồng không ngừng nghỉ với những công việc này và dường như chúng cũng chẳng buông tha tôi. Trong những lúc rảnh rỗi hiếm hoi tôi đều dành hết cho ông nội.

Rồi tháng 10 cũng đến, ôi tháng 10 dấu yêu. Tôi và ba anh em trai nữa đều làm sinh nhật vào tháng 10, còn thêm Lễ Halloween nữa chứ. Thật rộn rịp quá nhiều niềm vui. Đúng thật có quá nhiều, nhất là đối với mẹ, thế là bà kêu tôi, Lamar, Sul Ross và Sam Houston lại.

“Các con, năm nay chúng ta sẽ làm một bữa đại tiệc sinh nhật cho cả bốn đứa thay vì làm riêng từng cái một. Thú vị đúng không? Chúng ta sẽ mời bạn bè của tất cả các con lại và tổ chức một bữa tiệc hoành tráng ra trò.”

“Cái gì chứ?”

“Ấy, vậy chả công bằng gì cả!”

“Gượng nào.”

“Meeeeeee.”

Mẹ định trông chờ một niềm vui chung cho sự sắp đặt này à? Không hề đâu nhé. Cả bọn đồng loạt kêu than âm ỉ dai dẳng, nhưng thật bất ngờ, mẹ không hề động lòng, gạt mọi thứ sang một bên và vẫn giữ vững quyết định của mình.

“Đủ rồi đấy!” bà ra lệnh. “Quá thể rồi. Mẹ và cô Viola phải làm quá nhiều rồi. Nếu cô ấy phải làm bốn bữa tiệc sinh nhật trong một tháng thì cô ấy sẽ nghỉ việc, mẹ thể là cô ấy sẽ làm thế thật đấy. Và các con không được quyền than vãn với cô ấy nghe chưa. Đây là quyết định của mẹ không phải của cô ấy đâu.”

“Callie Vee có thể giúp cô ấy nấu nướng mà,” Lamar nói giọng trịch thượng. “Nó đang học mà, cho nó giúp đi, con muốn có sinh nhật của riêng mình.”

Tôi ném cho anh ấy một cái nhìn căm hận làm anh bất giác lùi lại.

Mẹ cứ thế lấn tới và bắt đầu công tác chuẩn bị trong cả tuần liền bao gồm cả Viola và SanJuanna làm việc quần quật (còn tôi thì được miễn vì cũng là sinh nhật của mình, bỏ mặc đề nghị ác độc của anh Lamar). Bốn đứa chúng tôi cũng chỉ biết đứng nhìn và tự trút giận vào nhau, suốt ngày lầm bầm kêu than về sự bất công này. Và rồi thứ bảy đầu tiên của tháng 10 cũng đến, chúng tôi tụ tập lại cùng nhau cho bữa sinh nhật chung trong tâm trạng buồn vui lẫn lộn.

Công việc của cô Viola là nấu cả núi thức ăn; SanJuanna thì bung bê liên tục. Còn Alberto thì dựng lều rạp để phòng trời mưa và buộc chặt bà ngựa Sunshine từ xứ Shetland già nua và cái kính, tránh trường hợp nó sút cương chạy lượn vòng quanh như rắn và giày xéo đồ đạc dưới vó chân.

Nhưng bao nỗi bức tức chất chứa trong lòng mấy ngày qua chợt tan biến ngay khi bữa tiệc bắt đầu, vì sao ư? Vì hôm ấy là một bữa tiệc hoành tráng nhất từng được tổ chức ở Fentress. Tất cả trẻ con trong thị trấn được mời tham dự và cả bố mẹ của chúng nữa. Nào là cưỡi ngựa, pháo hoa tay, tên lửa chai, bóng vồ, thả móng ngựa được quà, kẹo kéo, và ăn táo bằng miệng mà không dùng tay. Còn có quà mừng, giấy màu và cờ phướn nữa.

Hằng hà bánh sandwich ngon lành và xúc xích; còn thịt đông và thịt xông khói nóng dùng với sốt mơ; thịt bò nướng khô xắt lát mỏng dùng với cây cải ngựa cay nồng mà bọn trẻ luôn né tránh; sương sa và kem ăn đến ngán thì thôi; bánh hồ đào và bánh trứng chanh đường; đặc biệt là chiếc bánh sô-cô-la đen cao bốn tầng, mỗi tầng bên hông thì khắc tên màu trắng rất hoa mỹ của mỗi anh em có sinh nhật trong tháng của chúng tôi còn ở trên cắm đầy nến, tổng cộng là bốn mươi chín cây (mười hai cây cho tôi, mười bốn cây cho Lamar, mười lăm cây cho Sam Houston và tám cây cho Sul Ross. Tất cả bọn chúng cùng tạo lên một biển lửa, tôi nhận thấy rằng nếu cứ tiếp tục tổ chức đại tiệc sinh nhật chung kiểu này thì phải tìm ra một hệ thống đèn cây mới hoặc phải làm một cái bánh to hơn gấp bội.)

Bữa tiệc bắt đầu rất trật tự và lịch thiệp nhưng càng về sau thì chuyển biến thành một mớ hỗn loạn không thể tưởng tượng được. Ajax chộp lấy một cuốn xúc xích rồi vừa chạy hết tốc lực vừa nuốt chửng nó trong khi cả bọn nít đuổi theo đánh đấm túi bụi.

Nhiệm vụ duy nhất của tôi là kèm cặp không để cho Sul Ross ăn quá nhiều bánh kem đến nổi phát ốm. Nhưng xem ra chỉ hoài công vô ích vì Sul Ross luôn luôn ăn bánh kem đến phát ốm cho dù tôi có xem chừng nó hay không.

Bố và mẹ thì lo làm tốt bốn phận gia chủ hiếu khách của mình. Ông thì cầm ly bia chè chén cùng mấy người lớn khác. Ông tuyên bố có quà cho mỗi anh em chúng tôi gửi về từ Austin nhưng bị chậm trễ, sẽ chuyển tới trong tuần sau. Cả bọn thì nhau đoán mò nhưng ông nhất mực không tiết lộ một điều gì cả. Sau đó ông lui vào thư viện đánh một giấc ngon lành.

Travis, Lamar và Sam Houston thì quần quanh Lula Gates như những hành tinh bay vòng quanh mặt trời và liên tục hỏi han quấy nhiễu: “Ăn thêm kem không Lula?”, “Lấy thêm bánh Lula nhé?”, “Lula vui không?”

Thế mà chẳng có ai thèm đoái hoài xem tôi có muốn thêm cái gì không cả. Nhưng rồi tôi cũng tự đi lấy bánh kem, tôi là một cô gái kiên cường mà.

Lula đứng trò chuyện cùng mẹ bạn ấy, những hạt mồ hôi nhỏ bé lấp lánh trên mũi và mái tóc dài buông như dòng thác ánh màu vàng bạc dưới ánh mặt trời.

Cô Gates mỉm cười với cả Travis và Lamar. Tôi trộm nghĩ, *vậy là cô ấy rõ ràng muốn chấm một cậu nhà Tate cho Lula và cũng chẳng cần biết là cậu nào cả.*

“Callie,” cô Gates bảo, “hai mẹ con cô đang bàn về hội chợ. Mấy việc thuê thửa của cháu làm đến đâu rồi? Nếu cô có thể nhận xét về con gái mình thì chỉ có thể nói rằng Lula đã làm cho cô ngạc nhiên về khả năng của con bé.”

“À,” tôi đáp.

“Cô chỉ định cho Lula đan dây cài áo thôi, nhưng khả năng làm đăng-ten của nó cũng tiến bộ vượt bậc rồi.”

“À, vậy à,” tôi nhận ra rằng mình chẳng có gì để đối đáp cả. Cuộc trò chuyện ngày càng lạc lõng đến khi Travis chen vào.

“Callie Vee đang đan tất Giáng Sinh đấy cô Gates, phải không chị?”

“Ừm, đúng rồi, đan tất.”

Travis tiếp, “Trời lạnh mà có tất mang thì thật tuyệt đúng không? Em mong là chị đan kịp trước khi Giáng Sinh đến.”

“Ôi, Travis,” cô Gates mỉm cười, “chắc chắn là phải xong rồi phải không Callie? Đan tất thì nhanh thôi mà.”

Tôi định bụng đáp, *Không dễ thế đâu ạ.*

“Lula chỉ mất một buổi chiều để đan đôi tất thôi,” cô Gates tiếp tục bảo.

“Thật à?” Travis ngớ ngàng tiếp nhận thông tin này rồi nhìn tôi tỏ vẻ khó hiểu.

Tôi chẳng thích chiều hướng phát triển của cuộc nói chuyện này tí nào cả nên cắt ngang, “Lula à, cậu có muốn thử cưới con Sunshine không? Không việc gì phải lo lắng đâu, Alberto sẽ điều khiển nó, không để nó làm bậy đâu. Nhưng nếu cậu ngại thì tớ sẽ cưới thử trước cho xem.”

“Được thôi Callie, ý kiến hay đấy,” Lula đáp rồi bọn tôi cùng xin phép rời đi.

Travis một lần nữa lại chứng tỏ khả năng giao tiếp đáng nể trong độ tuổi của mình, nó vẫn để mắt tới Lula nhưng vẫn thận trọng đi sau và tìm mọi cách lấy lòng cô Gates. Thằng bé này trưởng thành nhanh quá.

Khi đi ngang qua mấy cái bàn đang oằn mình chứa đầy thức ăn tôi nhìn thấy Sul Ross đang chạy về phía mấy bụi cây với hai chiếc đĩa đựng đầy bánh trên tay. Tôi đã quên bằng mất nhiệm vụ ngăn cản nó ăn vượt quá số lượng bánh kem cho phép. Tôi cũng cảm thấy có lỗi nhưng thật ra, một thằng bé tám tuổi nên tự biết kềm chế chứ? Hơn nữa, hôm nay cũng là sinh nhật của tôi mà.

Bọn tôi băng qua khu trò ném móng ngựa mà Harry đang giám sát. Một mắt của anh quan sát Sam Houston vì nó rất hay ném lung tung; con mắt còn lại thì dán dính lên Fern Spitty, chị họ của Lula, đang lượn lơ xung quanh, tay quay quay chiếc ô kết đăng-ten.

“Callie à,” Lula ngáp ngừng hỏi, “hình như tâm trạng của cậu đang không tốt, cậu bị ốm à?”

Tôi như được cởi mở tấm lòng. Một người mà năng khiếu đan đăng-ten đang phát triển thì có thể hiểu được những khó khăn của tôi hay không? Chúng tôi đã làm bạn nhiều năm nhưng gần đây chẳng thể tìm thấy tiếng nói chung. Nhưng cái cảm giác không thể giải bày được với bạn thân của mình về việc móng vuốt bị sập bẫy thật khó chịu. Vì vậy tôi lấy hết can đảm rồi lập bập nói, “Tớ... tớ không thích thua thua hay đan len như cậu chút nào cả, và hơn nữa tớ chẳng có chút năng khiếu nào về nó cả. Tớ muốn làm những cái khác cơ.”

“Thú gì cơ chứ?”

“Tớ cũng không chắc nữa.”

“Ý cậu muốn làm cô giáo dạy học à? Như cô Harbottle ấy à? Nhưng cậu sẽ chẳng có được gia đình cho riêng mình đâu. Cậu không muốn có gia đình riêng à?”

“Tớ cũng không chắc nữa,” tôi đáp.

Bạn ấy tỏ vẻ bối rối. “Ai cũng có gia đình cả mà?” Nghĩ một lúc rồi Lula tiếp lời, “À, cậu muốn giống Tổng đài viên Maggie Medlin ấy à. Chị ấy cũng chẳng có gia đình.” Lula nghĩ thêm một lúc nữa rồi lại bảo, “Chị ấy thật sự được trả lương. Tiền của riêng mình, nghe cũng hay đấy nhỉ...”

“Tớ cũng không biết mình muốn làm gì nữa Lula ạ.” Rồi như ánh mặt trời bùng lên từ phía rặng đông, một ý nghĩ chợt vụt lóe lên cho tôi biết mình muốn gì. Chẳng hiểu sao trước đây tôi lại không nghĩ đến nữa. Tôi chỉ cần nói ra thật to thôi mà. Nhưng tôi có đủ can đảm để làm như vậy không? Để phơi bày mọi thứ ra ánh sáng? Có lẽ tôi nên thử nói trước mặt Lula xem phản ứng như thế nào.

“Tớ nghĩ,” tôi ngập ngừng. “Tớ nghĩ tớ muốn vào đại học.”

“Thật à?” không biết Lula đang ngạc nhiên hay đang kinh sợ nữa. Lula bảo, “Tớ chưa biết phụ nữ từng học đại học cả. Gượng đã, cô Harbottle có không nhỉ?”

“Không, cô ấy chỉ học qua trường đào tạo giáo viên tiểu học và được cấp bằng thôi.”

“Cậu sẽ làm gì ở trường đại học?” Lula hỏi.

“Mình sẽ học nhiều thứ.”

“Thứ gì cơ chứ?”

“Mọi thứ Lula ạ,” tôi trả lời hơi khoa trương. Thật ra tôi chẳng biết rõ rằng người ta làm gì ở trường đại học cả, tôi chỉ dựng chuyện lên nhưng không muốn Lula biết nên theo đà đó mà nói tiếp. “Khoa học và nhiều thứ khác. Họ còn cấp chúng chỉ đặc biệt để cho người khác biết rằng cậu đã từng học ở đó.” Tôi sợ Lula sẽ hỏi tiếp rằng mình sẽ dùng chúng chỉ để làm gì sau đó vì thật sự tôi chẳng biết nó dùng làm cái quái gì cả. Đột nhiên tôi chợt dè dặt rằng nếu bạn ấy hỏi mà tôi không thể trả lời thì tôi sẽ không được học đại học thật nên vội vàng chụp tay lôi Lula đi. “Thôi nào Lula, đi cưới ngựa nào!”

Bạn ấy mỉm cười đồng ý, quệt những giọt mồ hôi lấm tấm trên mũi nhìn như tàn nhang rồi hai chúng tôi cùng chạy ra chỗ con ngựa cái kỉnh. Khi chạy ngang qua khu trò chơi thấy móng ngựa, tôi thấy anh Harry đang trò chuyện cùng chị Fern Spitty, thái độ ngạp ngừng của anh làm tôi có cảm giác rằng anh đang muốn ve vãn chị.

Sau khi cưới ngựa xong, một nhóm chúng tôi chơi trò Nội Chiến, diễn lại trận chiến Fredericksburg^[29] và Chancellorsville^[30], giao chiến bằng kiếm gỗ và những khẩu đại bác bằng gỗ. Tất cả mấy anh trai của tôi, trừ Sam Houston đều tiếc nuối rằng họ không được làm anh hùng và sự vinh quang đầy lãng mạn ấy. (Sam Houston từng thấy những bức ảnh khủng khiếp của nhà nhiếp ảnh Mathew Brady và không cho đó là vinh quang gì cả.) Chúng tôi phải lên bảng phân vai rõ ràng để xem đến phiên ai làm Liên bang vì không ai chịu diễn đúng vai cả. Rồi chúng tôi cố gắng chơi vài lần mà không có quân miền Bắc, nhưng chơi kiểu này không thú vị chút nào nên rốt cuộc cả bọn đều bỏ cuộc.

Sau đó là cuộc-thi-phun-hạt-dưa-hấu, và Lamar là người thắng cuộc, thật ra cũng dễ hiểu khi nhìn vào cái bụng to đầy hơi của

anh ấy. Tiếp theo bọn tôi mở quà. Tôi nhận được một chiếc túi nâu chứa cam thảo mà ba đứa em trai bỏ tiền túi ra mua. Sam Houston thì tặng tôi một chiếc cài khuy còn Lamar thì cho một chiếc gói cắm kim khâu nhìn giống quả cà chua đỏ ửng mấp mạp. Harry tặng tôi quyển sách đàn piano, *Những bài nhạc rộn rã cho niềm vui gia đình*. Còn bố mẹ thì tặng một chiếc đầm ren trắng bằng vải ba-tít tuyệt hảo và một đôi dép mang trong nhà vào mùa đông thay cho đôi cũ đã không còn vừa chân tôi nữa. Về phía mình, tôi tự tô màu ba lá cờ Texas và tặng cho ba em trai.

Khi pháo bông được bắn ra cũng là lúc cả bọn đều mệt lả. Có nhiều tiếng cười và nước mắt, lời cầu nhàu, bao nhiêu vết trầy xước, những dấu hiệu đặc cho một buổi tiệc hoành tráng. Dovie thì bị bầm mắt do chạy va vào năm đám của một đứa nào đó. (Dễ đó là năm đám của tôi lắm nhưng lần này thì không phải, tôi thề đấy). Nhưng mà dấu hiệu này làm cô nàng dễ được nhận biết nhất, dù sao Dovie cũng nổi tiếng là Nàng Priss khó ưa mà, dấu vết này càng củng cố hơn cho niềm tự hào nổi tiếng của cô nàng.

Tối đó mẹ đem theo vào phòng một chai thuốc nhức đầu to tướng. Cô Viola thì nằm xuống đắp khăn lạnh cùng thuốc nhức đầu và được đặc cách nghỉ ngơi hai ngày để lấy sức. SanJuanna và Alberto gánh vác nhiệm vụ dọn dẹp nặng nề và vô vị. Alberto báo cáo lại rằng khi dẫn Sunshine về chuồng vào cuối buổi tiệc thì nó mệt đến nỗi chẳng buồn cắn anh ta một cái nào cả.

Quà của ông cuối cùng cũng được chuyển đến mặc dù chúng tôi đã ngừng nuôi hi vọng. Nó được gói trong một kiện hàng to được đục lỗ thông gió, đây luôn là dấu hiệu đầy hứa hẹn về món quà nằm trong. Bọn tôi tập hợp ở hiên trước nhà và cùng nhìn

Harry mở nó ra. Trong đó là một cái lồng bằng kẽm, chứa một con vẹt đẹp lông lầy. Ôi Chúa ơi, làm sao ông biết được nhỉ?

Nó không phải là một con vẹt tầm thường đâu nhé. Nó to lắm, được sinh ra ở Amazon hẳn hoi nhé, dài 1 mét tính từ đầu đến chóp đuôi, lông ức màu vàng chói lọi, chiếc lưng xanh và đôi cánh màu đỏ thẫm. Cả bọn đều trố mắt nhìn, mồm há hốc. Ông đọc thấy nó trên báo từ Austin và mua nó từ một cuộc thanh lý đồ đạc, con vẹt này đã sống lâu hơn chủ của nó. Nó là con vẹt đẹp nhất từ trước đến giờ tôi từng thấy. Xem ra nó có thể mổ đui mắt bạn mà chẳng tốn một tí sức nào.

Khi bọn tôi há hốc mồm nhìn nó, nó thò chiếc mỏ quặp ra khỏi song sắt, khéo léo mở khóa rồi dễ dàng bay lên nóc lồng bất chấp sợi xích cột từ gót chân đến thanh gỗ đã mòn mà nó thường đậu. Nó làm dáng với chiếc lông dài sặc sỡ, lắc đầu, ngúc ngoắc cái bờm tổ vể dũ tợn và giương đôi mắt tròn xoe màu vàng lườm bọn tôi.

Cả bọn đều ngơ ngẩn, chưa đứa nào từng thấy thứ gì như vậy cả. Mẹ nhìn con vẹt tổ vể đề phòng, nhưng đến thời khắc có vẻ như số phận đang bị đe dọa thì chợt kì lạ thay, nó huýt sáo bản nhạc “Khi anh và em còn trẻ, Maggia,” với đầy đủ các đoạn luyến láy và kết bài. Đây là cơ hội ngẫu nhiên hay con vẹt đã suy luận được mẹ tôi tên Margaret và đây là bài hát ưa thích của bà? Có một trí tuệ nham hiểm gì đó ẩn chứa trong đôi mắt vàng vọt của nó làm tôi e ngại và thầm cảm ơn sợi dây xích. Tên nó là Polly và dĩ nhiên nó là món quà sinh nhật của bọn tôi. Mẹ có thể làm gì nó bây giờ?

Vì vậy, nó được phép tồn tại trong nhà một thời gian. Nhưng rồi con vẹt tỏ ra cáu kỉnh và khó chịu đúng như vẻ bề ngoài của nó. Nhìn cái mỏ to tướng và những móng vuốt đen sì đáng sợ đó, chẳng ai dám nghĩ đến việc tháo xích cho nó cả. Nó dọa dẫm tất

cả chúng tôi: từ bố mẹ, con cái, và cả chó mèo. Mọi người đều để cho nó khoảng không gian riêng, trừ khi tắm táp, cho nó ăn và thay giấy lót. Nó có riêng một chiếc mai mực, nó hay cà mổ vào đó, chẳng khác nào người thợ đang mài dao vậy. Tôi cũng muốn lại gần quan sát nó lắm, nhưng không dám. Và Polly cũng chẳng thêm quan tâm đến việc nó là con chim không thân thiện nhất trên đời này. Suốt ngày nó cứ tự làu bàu bực dọc và hát những bài hò tục tĩu của thủy thủ, thỉnh thoảng lại ré lên đỉnh tai nhức óc làm ai cũng phải giật mình.

Mọi người dần dần phải đẩy lồng lại nhiều hơn để tìm lấy sự yên bình. Tôi đoán rằng mọi người đều muốn vớt nó đi cho xong nhưng chẳng ai dám lên tiếng cả; chúng tôi đang chờ đợi một lý do chính đáng vì nó là món quà sinh nhật nên khó để vớt đi lắm.

Rồi cơ hội cũng đến vào một buổi chiều khi mẹ đang ngồi uống trà cùng bà Purtle thì nó hân hoan chào đón khách bằng câu “đi chết đi.” Tôi thì không hiểu nó nói gì nhưng có vẻ hai người kia thì có. Trong vòng một giờ, Polly được Alberto đem cho ông O’Flanagan.

Ông Flanagan là trợ lý giám đốc của xưởng tủa hột bông và cũng từng là lái buôn đường biển, hơn nữa ông rất thích nuôi chim. Ông từng nuôi một con quạ cổ, phong tước là Quạ Edgar Allan, và ông cố dạy cho nó cả năm chỉ để nói một từ *không bao giờ nữa* nhưng không thành công, cho đến một ngày nó lìa đời ngay dưới chiếc thanh gỗ đậu trong lồng vì tuổi già sức yếu. Ông Flanagan nghe nói chúng tôi có con vẹt Polly biết nói nên rất thèm khát được nuôi dưỡng nó. Hơn nữa ông từng là thủy thủ già nên chẳng bao giờ cảm thấy khó chịu với sự phiền toái của Polly cả. Kể ra ông và Polly đều biết rất nhiều bài hát bất nhã và

họ có thể cùng nhau hát để giết thời gian khi ông không có khách, nhưng đương nhiên phải đóng cửa lại đã.

Từ đó trở đi, chẳng ai trong nhà tôi thêm nhớ đến Polly, và tôi đoán rằng cả ông cũng không.

CHƯƠNG 21

SỰ SẢN SINH BẮT BUỘC

Sự chọn lựa có thể áp dụng cho họ cũng như cho cá thể và sau cùng cũng có khả năng đạt được kết quả như mong đợi.

MỘT SỰ KIỆN CÓ THỂ ĐOÁN TRƯỚC ĐƯỢC ĐÃ DIỄN RA, không lâu sau bữa tiệc, Harry được mời đến ăn tối cùng Fern Spitty mặc dù lời mời ấy không chính thức. Anh được mời đến nhà Gates, còn chị Fern thì ngẫu nhiên đến chơi và lưu lại trong hai tuần. Thời điểm này chỉ mới vài tháng sau thất bại với chị Minerva Goodacre thôi, nhưng có vẻ trái tim Harry đã lành rồi. Fern đến từ Lockhart và cũng đến lúc đi tìm ý trung nhân. Lockhart thì lớn hơn so với Austin nhiều nhưng năm đó, lần đầu tiên có đến năm thương gia giàu có bị bắt buộc (đương nhiên là bởi vợ của họ) đăng thông cáo rằng con gái họ đã đến tuổi lập gia thất. Nói cách khác là đăng bảng tuyển nhạc lang. Khi đọc được mẫu quảng cáo này trên tờ *Tin Tức Lockhart*, mắt mẹ chợt sáng lên, tôi chẳng thích ánh mắt này chút nào vì tôi biết nó có liên quan đến tôi, đứa con gái duy nhất của bà.

Harry lại chải chuốt và vuốt keo. Anh đánh giày bóng loáng đến độ có thể thấy bóng mình trên đó, phủi quần áo sạch sẽ rồi đi ăn tối. Đối với tôi, anh thật bảnh bao và hấp dẫn.

Hôm sau, Lula mách lại với tôi rằng sau bữa tối, Harry và Fern ngồi xích đu ngoài sân trong bóng tối cả nửa tiếng mà chẳng có ai giám sát trừ mấy con muỗi.

“Họ có tán tỉnh nhau không?” tôi hỏi. Tôi không dám chắc một trăm phần trăm rằng có chuyện đó xảy ra hay không nhưng tôi mong rằng Lula sẽ trả lời được cho tôi.

“Cái gì?” Lula hỏi. “Cái gì cơ chứ?”

“Chị ấy có thắm thì sự ngọt ngào vô hình vào tai anh ấy không?”

“Hả?” Lula lại hỏi. “Sự ngọt ngào vô hình là gì? Làm sao thì thắm cái gì vô hình được?”

“Thôi bỏ qua đi. Anh ấy có nắm tay chị ấy không?” tôi hỏi.

“Tớ có thấy được đâu.”

Tôi bạo gan lần tới. “Anh ấy có hôn chị ấy không?”

“*Gì cơ chứ?*” Lula hét lên, “Ôi, Callie ơi, họ mới gặp nhau thôi mà!”

“Tớ biết, nhưng Lula à, mọi người vẫn thường hôn nhau mà. Tớ chỉ tò mò xem cậu có nhìn thấy hay không thôi.”

Lula ngượng ngùng, và rồi mấy chấm mồ hôi xuất hiện ngang sống mũi. (Câu hỏi cho Sổ Tay: Vì sao mũi của Lula lại như vậy trong khi mọi người thì không?) Bạn ấy rút khăn tay ra rồi quệt mũi liên tục, “Sao cậu lại hỏi tớ mấy điều như vậy được nhỉ?”

“Vì anh ấy là anh trai của tớ, tớ muốn biết xem anh ấy có cưới chị Fern hay không. Chị ấy là chị họ của cậu mà, nếu điều đó xảy ra thì chúng ta sẽ là bà con đầy đúng không. Tớ nghĩ có thể đấy, nhưng bây giờ thì chưa có gì chắc chắn cả.”

Tôi biết thừa rằng không nên dính dáng vào mấy chuyện yêu đương của Harry, tôi đã bị một bài học rồi mà. Nhưng nếu có ai

lượm lặt được thông tin và vô tình quăng cho tôi thì là chuyện khác...

“Lula à, có bao giờ cậu nghĩ đến hôn nhân chưa?” tôi hỏi.

“Có chứ, ai cũng vậy mà đúng không?”

“Cậu phải để cho chồng cậu hôn khi cưới nhau đấy. Và cậu phải hôn lại anh ta đấy.”

“Không đời nào,” bạn ấy phản ứng.

“Có chứ.” Tôi gật gù cứ như biết rõ về việc vợ chồng hôn nhau lắm vậy. “Đó là việc vợ chồng thường làm mà.”

“Mình có bắt buộc phải làm không?”

“Dĩ nhiên rồi, theo luật mà.”

“Tớ chưa bao giờ nghe nói có luật này cả,” Lula hồ nghi.

“Thật mà, trong điều luật của Texas ấy,” tôi khẳng định. “Nói về vấn đề này, cậu có nhận ra rằng có mấy anh em của tớ cũng mê cậu không?”

Mặc dù tin tức sốt dẻo này vừa phát ra từ miệng tôi nhưng tôi chợt nhớ rằng đã thề với cả ba người họ là không tiết lộ. “Chết tiệt! Đáng lẽ tớ không được phép nói cho cậu biết.”

Lula bị sốc vì lời lẽ thô tục của tôi. “Callie! Cậu không nên chửi thề chứ.”

“Xin lỗi,” tôi bảo. “Nó là bí mật mà. Quên nó đi nhé.”

Bạn ấy lưỡng lự rồi hỏi, “Vậy là ai?”

“Ai gì chứ?”

“Cậu biết mà... ai mê tớ ấy.”

“Đoán thử xem,” tôi đáp. “Tớ đâu được nói cho cậu biết.” Nhưng tôi phát ốm vì phải mang trong lòng mấy bí mật này rồi và hơn nữa, vì sao Lula lại không được biết cơ chứ? “Thôi được rồi, là Lamar, Sam Houston và Travis.”

“Chúa ơi,” mặt Lula đỏ ửng cả lên.

“Cậu chọn lựa đi, cậu thích ai nhất?”

“Tớ... tớ không biết.”

“Ừm, thật ra cậu có thích ai trong số họ không vậy? Nếu tớ là cậu thì tớ sẽ chọn một ngay đấy. Cậu nghĩ ai đẹp trai nhất? Đương nhiên là Harry rồi, nhưng anh ấy thì lại không nằm trong số này.”

Lula lại e thẹn rồi đáp, “Tất cả đều điển trai cả.”

“Ừm, nhưng Lula à, cậu có thích ai trong bọn họ không?”

“Ai cũng dễ thương cả.”

“Rồi rồi, nhưng cậu có thích ai trong bọn họ không?” Nhưng bạn ấy chẳng trả lời tôi mà cứ quệt mũi và đỏ mặt.

Tôi tiếp lời, “Nếu là cậu, tớ sẽ chọn Travis. Nó là đứa dễ thương nhất. Có lẽ hôn nó sẽ không tệ đâu. Chắc chắn hôn hít phải có gì đó hay ho chứ, nếu không thì đâu ai thèm làm đúng không?”

Lula ngẫm nghĩ. “Tớ không biết là bố mẹ tớ có thích không. Ý tớ là, tớ không nhớ có nhìn thấy họ hôn nhau không nữa.”

Tôi thì từng thấy bố mẹ hôn nhau vào Đêm Phục Sinh rồi, và có lần tôi thấy bố ôm eo mẹ rồi kéo bà vào bóng tối cuối sảnh và cùng nhau về phòng ngủ mà. Trong môi trường nông trại, xung quanh toàn gà, heo, bò, mèo và lũ súc vật con không ngừng ra đời; vì vậy, đến một lúc nào đó, bạn sẽ phải tự hỏi những con thú con này từ đâu ra. Tôi từng thấy chó giao cấu, và một đêm tôi vô tình làm phiền hai con mèo đang làm chuyện lạ trong bóng tối. Cả tôi và hai con mèo đều bị sốc như nhau.

Lula vừa nói gì đó nhưng tôi không để ý.

“Gì ấy?” tôi hỏi.

Bạn ấy lảng ánh mắt đi chỗ khác. “VẬY LÀ... Travis... mê tớ à?”

“Ừm, chớp lấy nó luôn đi, Lula. Một sự lựa chọn sáng suốt đấy.”

“Nhưng nó còn nhỏ mà, tớ mười hai rồi còn nó mới mười một tuổi à.”

“Ừm, phải rồi.” Thật ra nó mới mười tuổi thôi, nhưng tôi không định phá vỡ tình yêu đầu đời của nó đâu. “Này Lula, nhớ là tớ không được phép kể cho cậu đâu. Cậu đừng nói lại nhé?”

Lula thề thốt lại còn dữ dội hơn tôi. Tôi định nhổ nước bọt làm tin nhưng có vẻ đã hơi quá với Lula rồi.

Tối hôm ấy, tôi bao vây Harry lúc anh đang viết thư.

“Chào thú cưng,” anh bâng quơ bảo.

“Harry,” tôi hỏi, “anh có từng hôn bao giờ chưa?”

Anh ngạc nhiên. “Sao em hỏi vậy?”

“Em chỉ muốn biết nó ra sao thôi mà.”

“Anh có từng hôn một lần rồi,” anh mỉm cười đáp, “rất tuyệt đấy.”

“Sao lại tuyệt?”

“Thì tuyệt là tuyệt chứ sao. Em đợi đi rồi biết.”

“Anh hôn ai vậy?” tôi hỏi.

“Callie à, anh không thể kể cho em nghe được, một quý ông không bao giờ làm vậy.”

“Sao không? Anh nói cho em nghe đi, em giữ bí mật được mà.”
À, hình như là không. “Chắc là chị Minerva Goodacre đấy chứ gì?”

“Không phải chị ta. Nhưng có nắm tay một lần.”

“Cũng tuyệt à?”

“Rất tuyệt. Tuyệt hảo vô cùng luôn. Thôi đi đi.”

“Sao lại tuyệt?”

“Thú cưng à, để cho anh yên đi,” anh nói và mỉm cười với kí ức đẹp đẽ ấy.

“Anh có tương tư và hay thở dài chờ đợi không Harry?” Từ khi chị Goodacre dỏ hơi ấy biến mất khỏi cuộc sống của chúng tôi thì mấy vụ tương tư hay thở dài đều bị buộc tội là đang dính dáng vào chuyện tình cảm gì đó.

“Có một lúc.”

“Nhưng bây giờ thì hết rồi à?”

“Không, hết rồi. Thôi, em biến được chưa?” Khi tôi quay đi thì anh gọi giật lại, “Gượng đã. Sao em lại tò mò về mấy thứ này nhỉ?” Harry ranh mãnh. “Em có ai mà không kể cho mọi người phải không? Bạn trai đầu đời à?”

“Không, không đâu.” Tôi bật lên tiếng cười lạ lùng. “Không đâu.”

“Sao không? Một ngày nào đó, chàng bạch mã hoàng tử sẽ đem chiếc dép mảnh chai đến cướp em ra khỏi tay anh thôi mà, Cal.”

“Đừng đùa vậy chứ,” tôi nói rồi chạy lại ôm chầm lấy anh. Tôi chợt muốn khóc mà không rõ nguyên nhân gì. “Sao anh phải kết hôn? Sao em lại phải lập gia đình? Sao chúng ta không thể ở mãi cùng nhau dưới mái nhà này?”

“Thôi nào cưng. Một ngày rồi em sẽ muốn có gia đình của riêng mình mà.”

Tôi lăm bầm vào áo anh, “Ai cũng luôn nói một ngày nào đó với em, và em ngán nó tận cổ rồi.”

Anh bảo, “Họ cũng hay nói như vậy với anh.”

“Họ cũng nói với anh à?”

“Thật đáng ghét đúng không? Họ nói câu đó với tất cả mọi người và bây giờ anh đang nói với em. Nào, chỉnh lại đầu tóc nào, bù xù hết cả rồi này.”

“Harry à,” tôi thận trọng từng chữ một khi anh đang chỉnh đốn lại dải băng buộc tóc của tôi, “Anh có nghĩ... em có thể làm cô giáo không?”

“Cô giáo à? Em muốn làm à?” anh thắt chặt lại chiếc nơ cài cổ.

Không phải, nhưng tôi chẳng dám nói thật với anh.

“Anh có nghĩ em làm được không, Harry?”

“Ừm, anh nghĩ em làm được. Em có trao đổi với bố mẹ chưa?”

Tôi lảng đi và nói tiếp, “Anh có nghĩ em có thể làm... Tổng Đài viên được không?”

“Anh nghĩ em cũng có thể hoàn thành xuất sắc công việc đó, nếu tay em dài ra thêm. Nào, để anh chỉnh lại ruy-băng cho em nào. Được rồi đây.”

“Harry. Anh nghĩ em có thể là” - tôi ngừng rồi tiếp, giọng vờ như tự nhiên - “nhà khoa học không?”

“Nhà khoa học ấy à?” Anh lùi lại. “Hình như hơi xa vời rồi đấy.”

Tôi nhìn anh chăm chăm. Câu hỏi của tôi, thêm vào là câu trả lời của anh quá quan trọng làm tôi không thể rời mắt đi được.

“Ồ,” anh bảo, “anh hiểu rồi. Tại ông rồi phải không? Ông đã nung nấu ý nghĩ này cho em phải không? Có lẽ em không nên ở bên ông nhiều quá đâu. Thật đấy Callie ạ, xa vời quá rồi đấy.”

“Sao vậy?” tôi dứt khoát hỏi. “Sao lại quá xa vời chứ?”

“Vì anh không biết có nữ khoa học nào cả, đúng không? Rồi em sẽ sống ra sao? Em sẽ làm ở đâu? Nhìn này, một ngày em sẽ có gia đình, có rất nhiều con và rồi em sẽ quên đi ý nghĩ này thôi. Em không muốn có nhà riêng à?”

“Em có nhà cho mình rồi mà.”

“Em hiểu ý anh nói mà,” anh bảo.

Tôi lùi lại một bước rồi hỏi. “Harry à, nếu em muốn làm nhà khoa học, anh có giúp em không?”

Anh ngờ vực hỏi. “Giúp sao bây giờ?”

“Em không biết nữa,” lúc này tôi chưa có kế hoạch gì cả. “Cứ giúp em khi em cần.”

“Anh không biết nói gì nữa cưng à.” Nhìn vẻ mặt tôi, anh bảo, “Anh không từ chối, chỉ là anh không hiểu em đang muốn gì nữa.”

“Nếu như nó thật sự quan trọng đối với em...”

“Anh luôn cố làm mọi chuyện cho em Callie à, em biết mà. Mặc dù em không xứng đáng tới mức đó đâu sau những gì em nói với mẹ về Goodacre. Thôi bây giờ thì biến đi. Anh phải viết xong bức thư này.”

Tôi mừng rỡ chớp ngay cơ hội đổi đề tài này.

“Thư tình hả anh?”

“Không phải chuyện của em.”

“Cho chị Fern Spitty phải không?”

“Biến đi.”

Tôi không lấy được lời hứa giúp đỡ của anh nhưng cũng không bị từ chối, xem như đây là một cuộc nói chuyện thành công. Rốt cuộc tôi biết đã đến lúc đi gặp ông. Lula và Harry chỉ là thử

nghiệm thôi. Tôi đã từng lần tránh vấn đề này, nhưng bây giờ phải đối diện nó rồi.

Tôi hôn lấy hôn để lên đầu Harry rồi ra hiên nhà, mấy anh em khác đang tụ tập ngóng chờ chú đom đóm đầu tiên xuất hiện. Trời thật mát mẻ. Côn trùng bắt đầu giảm số lượng và sẽ biến mất theo mùa, đồng nghĩa với việc dải băng của Giải Thưởng Đêm Đom Đóm Fentress sẽ bị bỏ xó đóng đầy bụi bặm.

Ông đang ngồi trên chiếc xích đu bằng liễu gai ở cuối hiên nhà. Tôi mừng khi thấy ông đang ngồi cách xa mọi người. Tôi lấy Sổ Tay và viết chì ra rồi ngồi cạnh ông. Đầu điều xì-gà rực sáng lên theo từng hơi rít của ông, trông chẳng khác nào một con đom đóm đỏ béo ị. Tôi có ý chờ đợi vài con côn trùng bay vòng quanh ông để đánh tín hiệu tình tứ. (Câu hỏi cho Sổ Tay: Có bao giờ đom đóm nhăm lẩn xì-gà với đồng loại không nhỉ? Một sự nhăm lẩn đau đớn - có thể là chết chóc). Chúng tôi cùng im lặng đến khi ông mở lời, “Calpurnia à, cháu định để lại vết thương trầm trọng trên chiếc ghế đó à?”

Tôi nhìn xuống và nhận thấy mình đang ngoáy một cái lỗ trên thành ghế bằng cây bút chì.

“Dạo này ít thấy cháu nhỉ?” ông bảo.

“Vì cháu bị huấn luyện thành đầu bếp, hay theo cháu đoán là thành một người vợ ấy.”

“À, và mọi người đều đang hưởng trái ngọt từ thành quả lao động của cháu đấy chứ.”

“Ông không cần phải nói vậy đâu ạ,” tôi buồn bã đáp.

Hai ông cháu lại ngồi trong im lặng, dường như có một con muỗi vô hình đang vo ve quanh gót chân làm tăng thêm sự náo nê cho bi kịch của tôi. Tôi không thấy được nó đến khi bị nó đốt nhiều phát, và khi đã uống máu của tôi no nê, nó đã trở thành nặng nề và hiện nguyên hình rồi. Nó đậu trên hiên nhà, cạnh chân và thế là tôi thuận thế đập một phát. Nó cố gắng tẩu thoát nhưng đã hút quá nhiều máu nên không thể. Tôi chộp được nó bằng rìa đế giày, cả vết máu nhỏ của tôi từ người nó phun ra trên nền sơn xám của hiên nhà. Điều này làm tôi chột ngấm nghĩ. Nhìn vào bằng chứng hùng hồn kia thì có quá nhiều lý do để tôi và nhiều thứ khác kết liễu đời nó. Con muỗi này là một minh chứng thành công nếu xét về khía cạnh kiếm thức ăn, nhưng lại thất bại nếu nói về việc kéo dài tuổi thọ và được về nơi an nghỉ bình yên với bao nhiêu cháu chắt tiền đưa quanh mình. Vậy thì nó có xứng đáng hay không? Trở lại vấn đề, mặc dù những gì ông nói tiếp theo có thể không ảnh hưởng gì, nhưng để xem ông có đồng tình với việc tuyên án tôi tù chung thân với công việc nội trợ buồn tẻ này hay không?

Travis phát hiện thấy chú đom đóm đầu tiên và ra cuối hiên nhận giải thưởng. Tôi hắng giọng rồi nói, “Ông à...” rồi chột ngập ngừng.

“Gì đấy Calpurnia?”

“Con gái... con gái cũng có thể làm nhà khoa học mà, phải không ông?” Cả hai đều vờ như không cảm nhận thấy sự run rẩy trong giọng nói của tôi. “Có thể không ông?”

Ông rít xì-gà một hơi thật sâu rồi gạt sạch tàn thuốc xuống đất.

Ông hỏi, “Cháu có hỏi bố hay mẹ về việc này chưa?”

“Gì hả ông?” tôi đáp. “Dĩ nhiên là không rồi. Cháu hỏi để làm gì chứ?”

“Vì họ sẽ có ý kiến về việc này. Cháu có nghĩ đến chuyện hỏi họ không?”

“Ồ,” tôi đáp giọng cay đắng, “Cháu biết là họ sẽ cho ý kiến gì mà. Ông nghĩ vì sao cháu lại chẳng thể nào thoát khỏi cái nhà bếp ấy? Vì vậy cháu mới hỏi ý ông đấy.”

“Ra là vậy,” ông nói. “Cháu có nhớ vài tháng trước khi ngồi ở bờ sông ông có kể về Copernicus và Newton^[31] không?”

“Có chứ ạ.” Làm sao mà tôi quên được?

“Chúng ta có nói về nguyên tố của Curie^[32]? Con cú om sòm của bà Maxwell^[33]? Thần lằn ngón cánh và thần lằn cá của cô Anning^[34] chưa nhỉ?”

“Chưa ạ.”

“Phương trình toán học của cô Kovalevsky^[35]? Chuyện cô Bird^[36] phiêu lưu đến đảo Sandwich?”

“Chưa ạ.”

“Ôi thật ngu ngốc quá,” ông lầm bầm, và chột mắt tôi ngấn lệ. Tôi là một cô gái ngu ngốc à? Ông nói tiếp. “Tha lỗi cho sự ngu ngốc của ông nhé, Calpurnia. Cháu đã kể cho ông rành rọt tất cả về nền giáo dục công cộng căn bản của cháu, lẽ ra ông phải hiểu rằng cháu sẽ bị khuyết nhiều vấn đề nằm trong góc tối của Khoa học chứ. Để ông kể cho cháu nghe về những người phụ nữ này nhé.”

Tôi thu nạp tất cả những gì ông kể như một miếng bọt biển. Toàn là những thông tin quý báu. Nhưng trong giọng kể của ông có sự e ngại và ngập ngừng gì đó mà trước giờ tôi chưa từng cảm thấy. Hai ông cháu bị cắt ngang khi mẹ lửa lũ trẻ vào nhà đi ngủ. Đạo này dường như mọi cuộc nói chuyện của tôi với ông nội đều bị cắt ngang cả. Và đạo này dường như chẳng còn chút thời gian trống nào.

Không kèn không trống, bọn tôi tuyên bố Cuộc Thi Đếm Đom Đóm Fentress năm 1899 chính thức kết thúc vào giờ ngủ đêm đó.

Thật ra chú đom đóm mà Travis phát hiện đêm đó là con duy nhất. Mặc dù tôi biết lũ đom đóm sẽ quay lại sau một năm nữa nhưng tôi cảm giác như một loài vật vừa bị tuyệt chủng vậy. Thật buồn khi mình là cá thể cuối cùng còn sót lại của cả một giống loài, đơn độc lập lờ trong đêm không mục đích. Nhưng tôi đâu cô độc, phải không? Giờ đây tôi đã biết rằng có những người phụ nữ giống tôi tồn tại.

CHƯƠNG 22

LỄ TẠ ƠN

Một trong những đặc điểm nổi bật của giống loài của chúng ta là sự thích nghi, không hẳn chỉ có lợi cho loài động vật hay thực vật mà còn cho công việc và trí tưởng tượng của con người.

SÁNG HÔM SAU TÔI THỨC DẬY SỚM HƠN THƯỜNG LỆ, ngay lúc còn lơ mơ ngái ngủ, tôi đã cảm nhận được sự khác biệt. Khi tỉnh táo hoàn toàn, tôi thấy lạnh. Tôi thật sự thấy *lạnh*! Nhiệt độ đã tụt xuống 40 độ F^[37] trong vòng một đêm khi luồng gió lạnh bất ngờ quét ngang từ đồng bằng Amarillo. Tôi vươn cánh tay đang nổi da gà vớ lấy cái chăn bông nhưng dĩ nhiên là không vớ được cái nào. Mọi người trong nhà đều không kịp chuẩn bị. Cả một thời gian dài, cái nóng đã bao trùm lên chúng tôi như một tấm vải liệm ngọt ngào. Tôi lật tung tấm chăn vải cô-tông mỏng manh qua một bên rồi vươn tay lên trần nhà hân hoan đón luồng không khí lạnh tươi mát. Tôi vẫn mơ nghĩ không biết nếu tôi cứ nằm đây thì có bị rét run không nhỉ? Nhưng không có thời gian cho thí nghiệm này đâu, một ngày mới đáng yêu đang chờ tôi khám phá.

Tôi xuống nhà, trên người vẫn khoác bộ đồ mùa hạ vì cũng chẳng có lựa chọn nào tốt hơn cả. Cô Viola đang ngân nga bài “Cây liễu buông cành cho tôi” và đốt bếp lò trong khi Idabelle nằm rúc trong cái giỏ của nó. Mẹ xuống nhà trong bộ váy ngủ, trên cổ quàng chiếc khăn len Kashmir nồng nặc mùi long não. Bố đã mua chiếc khăn choàng này cho mẹ khi họ đi tuần trăng mật ở Galveston, thành phố luôn nhộn nhịp với số lượng hàng hóa ra vào nhiều đến không tưởng tượng nổi.

“Mềm mại như mông em bé ấy,” bố luôn nói vậy mỗi khi mẹ choàng chiếc khăn này và bà luôn ngượng đỏ mặt khi nghe câu nói ấy. Bà luôn sẵn sàng trong cuộc chiến với chuột và nhậy để bảo vệ lấy chiếc khăn choàng ấy và cất giữ nó cùng với hàng tá băng phiến nên mỗi khi bà thức giấc luôn phải ngửi cái mùi thoang thoảng như nước hoa rẻ tiền đó. Đến mùa xuân thì mùi đó sẽ tan đi bớt nhưng sau đó thì bà lại phải ủ nó như vậy.

Cô Viola làm bánh sữa dẻo với hồ đào rưới sốt xi-rô và mọi người lao vào ăn như mấy con quỉ đói. Ông chào ngày mới bằng việc cởi chiếc áo khoác đã sờn cho SanJuanna, đồng nghĩa với nhiệm vụ khó khăn là làm cho nó đẹp để trở lại; nhưng việc dùng benzen tẩy rửa cũng chẳng hiệu quả được bao nhiêu trừ khả năng làm cho ông tỏa mùi như một phòng thí nghiệm lưu động.

Ngoài hiên sau nhà, mấy con Mèo Sân Vườn cuộn mình vào nhau. Ajax và mấy con chó khác thì nhảy cẫng lên trên cỏ rồi khụt khịt. Mắt ai cũng rạng ngời. Tâm trạng như dịu lại, tâm hồn tràn ngập niềm hân hoan. Chúng tôi đã sẵn sàng cho một mùa mới.

Hôm ấy, lần đầu tiên sau nhiều tháng mấy anh em tôi chạy đua đến trường. Cô Harbottle cũng có tâm trạng tốt nên không ai bị ăn gậy hay đứng phạt ở Góc Xấu Hổ. Lula Gates và tôi ăn mừng bằng cách chơi trò nhảy dây suốt đoạn đường về nhà. Cái nóng đã ngự trị quá lâu nên cái lạnh đến làm ai cũng bất ngờ. Khi bất chợt vấp ngã, tôi nhận ra mình đã cao lên sau một mùa hè.

Tôi dừng lại ở xưởng tủa hột bông. Bố đang bận họp với công nhân nên tôi đi thẳng qua văn phòng của ông O’Flanagan để nhờ cắt cho một đoạn dây nhảy mới dài hơn.

“Có ngay, có ngay. Cháu vào chào Polly đi,” ông rời khỏi bàn làm việc và hoan hỉ chào đón. Polly đang đứng trong chuồng, nhìn

có vẻ vui tươi và khỏe mạnh, nhưng nó vẫn nhìn tôi bằng cặp mắt quỷ dữ đó.

“Polly rất ngoan mà, đúng không?” Ông O’Flanagan nói rồi dịu dàng vuốt lưng nó ngược chiều lông. Tôi e sợ đứng nhìn, nhưng thay vì mổ cho ông ấy một trận ra trò thì Polly chỉ chậm chậm liếc nhìn và ngả đầu vào tay ông tỏ vẻ khoan khoái dễ chịu.

“Polly rất ngoan,” con vẹt thốt lên, giả tiếng người bằng giọng mũi có vẻ lo lắng.

“Đúng rồi,” ông O’Flanagan thăm thì đáp lại, “đúng rồi, ngoan lắm. Chú đi lấy dây đây, cháu ở chơi với nó nhé.”

Không dám dẫu, tôi đứng thật xa bên kia phòng, lom lom nhìn Polly. Nó lắc mào lên xuống và tôi thề rằng nó khè tôi như một con mèo hung tợn đích thực. Tôi bèn bước ra khỏi phòng, lúc này ông O’Flanagan quay lại với sợi dây trên tay, “Nào, cháu muốn dây dài bao nhiêu?”

Tôi mừng rỡ khi thấy ông ấy quay lại. Tôi cũng mừng cho Polly tìm được một nơi nương tựa thích hợp nhất trên thế giới này, nhưng còn mừng hơn nữa vì nó đã không ở lại với nhà tôi.

Về tới nhà, tôi cùng mấy anh em phụ SanJuanna và Alberto khiêng chăn bông và quần áo mùa đông ra hong cho thoáng khí. Mấy miếng vải bông nhẹ được phơi trên dây và chúng tôi ra sức đập tới tấp vào chúng. Đây là lúc hiếm hoi mà chúng tôi được khích lệ đập phá thoải mái, cảm giác thật tuyệt vời. Những chiếc chăn bông nặng hơn được lột vải sạch và phơi dưới nắng, bọn tôi phải lần lượt đứng canh gác không cho lũ chó, mèo và gà mon men lại gần. Mẹ cho hỗn hợp dấm loãng vào trong bình rồi xịt tứ tung mù mịt. Bà luôn đặt trọn niềm tin vào khả năng khử trùng của dấm và ánh nắng mặt trời, và ai có thể phủ nhận điều này cơ

chứ? Hơn nữa, đây là những giải pháp duy nhất mà chúng tôi có. Bệnh bạch cầu, bệnh bại liệt trẻ em và sốt Rickettsia luôn rình rập khắp nơi mà chúng tôi không hề có vũ khí chống lại chúng, mặc dù sống ở vùng thôn quê này cũng đỡ ô nhiễm hơn thành phố như Austin rồi đấy.

Sự thay đổi thời tiết nhắc nhở rằng Lễ Tạ Ơn đang gần kề. Cái nóng kéo dài làm chúng tôi cũng không để ý tới ngày lễ này nữa. Thật không may, nhiệm vụ chăm sóc bầy gà tây (chính xác là ba con) của năm nay lại rơi vào Travis. Một con làm bữa ăn cho gia đình, một con cho những người làm thuê và con còn lại cho những người nghèo cuối thị trấn. Điều này đã trở thành truyền thống trong nhà tôi. Chỉ có một điều không nằm trong truyền thống là nhiệm vụ chăm sóc gà tây của năm nay lại rơi vào đứa trẻ có tấm lòng nhân hậu nhất trong nhà tôi.

Travis liền đặt tên ngay cho mấy chú gà nó phải chăm sóc lần lượt là Reggie, Tom Turkey và Lavinia. Nó bỏ nhiều giờ đồng hồ trò chuyện cùng lũ gà, ngồi bệt xuống đất dùng cây rửa lông cho chúng và còn nhại tiếng cục cục vui đùa với chúng nữa. Đáp lại, lũ gà cũng tỏ vẻ yêu mến và theo đuôi nó loanh quanh trong khu đất được quây lại thành chuồng.

Tôi không nghĩ mọi chuyện lại trầm trọng đối với Travis như vậy cho đến một ngày đầu tháng 11 khi tôi cùng cô Viola ra thăm khu chuồng để quan sát con vật sắp thành bữa ăn tối của mình. Travis ngồi trên ụ cây với Reggie trên đùi, ngậm bắp vào môi để mớm cho nó. Ôi trời. Nó nhìn lên và tái mặt khi thấy cô Viola.

“Cô làm gì ở đây vậy?” nó hỏi.

“Cung à, cháu phải nhìn nhận sự thật,” cô đáp. “Lùa mấy con kia ra đây xếp hàng cho cô kiểm tra nào.”

“Cô đi đi,” nó thét lên. Giọng nó nhỏ nhưng chắc nịch. Tôi chưa bao giờ nghe nó ăn nói kiểu vậy. “Đi ngay bây giờ đi.”

Cô Viola lật đật đi gặp mẹ cảnh báo ngay, “Chị nên xem xét lại Travis ngay đi, nó xem mấy con gà đó là thú nuôi rồi đấy.”

Mẹ bàn với bố, “Có nên giao nhiệm vụ này lại cho Alberto không nhỉ?”

Bố triệu tập Travis rồi giáo huấn, “Con không thể để mình gắn bó với chúng quá, cậu nhỏ ạ. Đây là nông trại mà, con phải cứng rắn đối đầu với những việc như vậy chứ.”

Travis chạy đến phân trần với tôi, “Chúng là bạn của em chị Callie à. Sao mọi người lại muốn ăn thịt chúng chứ?”

“Travis à,” tôi khuyên, “chúng ta luôn ăn gà tây vào Lễ Tạ Ơn đấy thôi. Chúng sinh ra dành cho mục đích này, em biết mà.”

Tôi cảm giác nó sắp khóc đến nơi rồi ấy. “Chúng ta không thể ăn bạn của em được. Em phải nói với Reggie như thế nào đây?”

“Chị không nghĩ em nên bàn bạc với nó đâu Travis ạ,” tôi an ủi. “Như vậy sẽ tốt hơn đúng không?”

“Chắc vậy,” nó buồn bã đáp rồi lặng lẽ bước đi.

Hôm sau tôi ngồi trong bếp xem cô Viola nhào bột làm bánh mì, đám gân nổi lên ở dưới cẳng tay cô. Quả thật cô là một người làm việc hiệu quả đến khó tin.

“Cháu đang nghĩ gì vậy?” cô hỏi.

“Sao cô biết là cháu đang nghĩ gì?”

“Nhìn là thấy nó lộ rõ ra trên mặt cháu mà.”

Bây giờ tôi mới biết điều này đây, cả thế giới có thể nhìn xuyên thấu tâm can tôi. Tôi hỏi, “Cô Viola này, vậy Lễ Tạ Ơn thì sao? Về Travis ấy? Cô không làm được gì giúp nó à? Vụ này sẽ giết chết nó mất.”

“Cô đã báo với mẹ cháu rồi,” cô đáp và rắc bột lên thớt, “rồi bà ấy đã nói với bố cháu. Cô làm hết nhiệm vụ rồi. Nếu cháu còn cách nào khác thì cứ việc làm đi.”

“Sao nó lại phải chăm sóc lũ gà năm nay nhỉ? Thật là một ý kiến ngu ngốc.”

Cô hoảng hốt nhìn tôi. “Cô không có nói vậy đâu nhé.”

“Năm nay có thật sự đến lượt nó không nhỉ?” Tôi lẩm nhẩm đếm mấy anh em của mình trên tay. “Xem nào, năm ngoái là Sam Houston, năm trước đó là, hình như là Lamar, vậy năm nay phải đến lượt... ồ.”

“Ừm đúng rồi, đó là lượt cháu đây, cháu gái cưng ạ.”

Tôi suy nghĩ mông lung và quả quyết là lẽ ra họ không nên bỏ qua cho tôi. Tôi sẽ là một sự lựa chọn sáng suốt hơn Travis chứ, vừa qua tôi đã được mấy hoạt động Khoa học rèn luyện nên cứng rắn lắm rồi. Loài vật đôi lúc phải hi sinh cho mục đích mở mang kiến thức; và cho cả Lễ Tạ Ơn nữa. Tôi hiểu rõ điều này nên chẳng việc gì phải chùn tay cả.

Có lẽ vậy.

Hôm sau, tôi túm cổ Travis sau khi nó cho lũ gà ăn xong.

“Nhìn này, em hãy xem nó như gà bình thường. Chúng ta ăn gà suốt mà, phải không? Vậy hãy cứ nghĩ gà tây như gà bình thường đi. Em đâu có quan tâm đến lũ gà bình thường như vậy đúng không?” tôi thuyết phục.

“Nhưng nó đâu phải gà bình thường đâu chị. Chúng có tên đang hoảng và luôn chờ em ra cho chúng ăn vào mỗi buổi sáng.”

“Chị biết chúng không phải gà bình thường, Travis à, nhưng ý chị là nếu em tập nghĩ như vậy thì sẽ cảm thấy nhẹ nhõm hơn.”

Nó nhìn tôi ngờ vực.

“Hay,” tôi chuyển sang mục tiêu khác, “em nghĩ nó là Polly đi. Em đâu có ưa Polly đâu.” (Và cũng chẳng ai ưa nó cả.)

“Polly là một con chim đáng sợ,” nó đáp. “Nhưng gà tây của em thì không, chúng được thuần hóa rồi.”

“Travis à,” tôi mất kiên nhẫn, “em phải cố gắng thôi. Và em đừng dành thời gian cho chúng nữa. Chị nghiêm túc đấy.”

Hai ngày sau, Reggie đi đâu mất, chẳng hiểu sao lại bất ngờ chui thân hình béo tròn mập mạp của nó ra khỏi cái lỗ hổng nhỏ tí ở góc chuồng được nữa.

Ôi, đương nhiên là một cuộc điều tra đã diễn ra, nhưng Travis đã nhanh nhẩu và quyết liệt chối bay mình là thủ phạm sắp đặt cuộc trốn chạy này. Nhưng không may cho cả Reggie và cậu em tôi, con gà tây trở về ngay khi mặt trời ló dạng vào sáng hôm sau, đứng chầu chực bên cạnh chuồng chờ ăn sáng và tụ tập cùng hai đứa bạn thân còn lại. Tôi không được chứng kiến nhưng Lamar kể lại rằng Travis đã òa khóc và cố xua Reggie trốn vào bụi cây, song con gà nhất quyết muốn trở về với cuộc sống

dễ dàng quen thuộc nên chẳng đi đâu cả. Alberto được lệnh gia cố lại cái chuồng, sau đó bố đích thân kiểm tra và đóng cửa lại giáo huấn cho Travis một trận ra trò.

Lễ Tạ Ơn càng đến gần thì Travis càng nhột nhạt và lặng lẽ.

Trong sự tuyệt vọng, tôi tìm đến Harry, nhưng anh càng làm tôi thất vọng hơn, “Thôi nào, ai trong chúng ta cũng phải trải qua việc này thôi mà.”

“Đúng,” tôi đáp, “nhưng có ai trong chúng ta lấy gà tây làm thú nuôi đâu. Nhưng với Travis thì khác, anh không thấy à?”

“Lẽ ra phải đến lượt em đấy biết không?”

“Em biết chứ.”

“Nhưng anh đã nói với bố bỏ qua cho em,” Harry bảo.

“Anh nói à? Sao vậy?”

“Vì bố và anh đều thấy rằng việc này quá khó cho em.”

“Ôi, buồn cười chết mất. Không ai thấy rằng Travis đang suy sụp đến tội nghiệp sao.”

“Được rồi,” Harry thở dài. “Em có ý kiến gì nào?”

“Em không có cao kiến gì cả. Vì vậy em mới hỏi anh.”

“Em hỏi ông chưa?” Harry hỏi.

“Em không dám hỏi,” tôi đáp. “Ông tin vào quá trình chọn lọc của tự nhiên. Và rõ ràng lũ gà tây đó sinh ra để làm bữa ăn cho Lễ Tạ Ơn mà.”

Bỏ mặc ngoài tai lời khiển trách của hầu hết mọi người trong nhà, thay vì phải giảm bớt thời gian cho lũ gà tây, Travis lại càng dành nhiều hơn cho chúng.

Một chiều nọ, tôi ra phòng khách tìm mẹ khi bà đang đan len và bảo, “Con có một sáng kiến tuyệt vời này mẹ, sao chúng ta lại không ăn thịt xông khói vào Lễ Tạ Ơn năm nay nhỉ?”

“Chúng ta ăn thịt xông khói vào Giáng Sinh con ạ,” mẹ đáp rồi sầm soi cổ tay áo bị bung chỉ.

“Con biết, nhưng mình có thể ăn thịt xông khói hai lần mà? Đâu có chết chóc gì đâu?” tôi thắc mắc. Travis cũng thích heo con lắm nhưng may thay năm đó không có con nào nổi trội để được nó đặt tên riêng cả.

“Chúng ta không thể làm hỏng bữa tiệc Lễ Tạ Ơn chỉ vì Travis quá yêu quý mấy con gà tây được con ạ.” Mẹ là người quyết định cuối cùng của mọi công việc nội trợ; rõ ràng chẳng có sự cảm thông nào ở đây cả, nhưng tôi vẫn cố gắng đưa ra đề nghị tiếp theo, cũng hết sức mong manh.

“Hay là như này nhé?” tôi bảo mẹ. “Chúng ta có thể đổi lấy ba con gà tây của mình cho người khác. Làm như vậy thì ít nhất Travis không phải ăn mấy con gà của nó.”

Mẹ nhìn tôi thở dài. “Nó gây ra đủ thứ rắc rối cả. Thôi được rồi, nhưng mấy con gà đổi lại phải cùng kích thước với lũ gà nhà mình đấy, không được thiếu gram nào đâu. Kêu nó lại đây để mẹ bảo.”

Tôi thấy Travis ở trong chuồng, đang ngồi bệt dưới đất với Reggie, Lavinia và Tom Turkey.

“Em vào đây ngay,” tôi bảo. “Mẹ muốn nói chuyện với em.”

“Nói về mấy con gà tây của em phải không?” nó hớn hở hỏi. “Về mấy con gà tây của em phải không? Mẹ sẽ cho em giữ lại chúng chứ? Mẹ sẽ cho phép, phải không?” Nó cứ lải nhải như thế suốt trên đường vào nhà.

Mẹ giảng giải với nó, “Travis à, chúng ta không thể không mừng Lễ Tạ Ơn. Callie có ý này và mẹ sẵn sàng làm theo. Chúng ta sẽ trao đổi mấy con gà tây của con với người khác nếu như có thể tìm được ai đó chịu đổi. Nhưng phải đổi mấy con cùng cân nặng.”

“Trao đổi? Ý mẹ là sao?”

“Chúng ta sẽ đưa gà tây của mình cho họ và họ sẽ đưa lại gà của họ cho mình.”

“Vậy là con sẽ được đi thăm bọn chúng phải không?”

“Không đâu con,” bà đáp.

“Vậy thì làm để làm gì?” nó hỏi vặn lại.

“Làm vậy thì chúng ta sẽ ăn thịt gà tây của người khác trong Lễ Tạ Ơn chứ không phải gà của con. Con sẽ không phải ăn thịt Ronald.”

“Reggie chứ,” nó khụt khịt.

“Ừ thì Reggie. Bằng cách này con cũng có thể ăn gà tây vào Lễ Tạ Ơn. Như vậy được chưa?”

“Không,” nó lại meo máo.

“Đủ rồi đấy. Lau mũi đi và đứng đắn lên nào.”

Tôi không hiểu vì sao mẹ không giao nhiệm vụ chăm sóc lũ gà tây cho người khác và tha cho Travis đi nhỉ. Rồi tôi đoán rằng mục đích là răn dạy nó một khi đã nhận nhiệm vụ thì phải hoàn thành. Hằng ngày chúng tôi thường đón bao nhiêu con vật ra đời và giết chóc bao nhiêu con khác nên phải tập làm quen, nhất là mấy đứa con trai. Không có chỗ cho sự nhạy cảm mềm yếu; cuộc sống vốn khắc nghiệt, và số phận của mấy con vật trong nông trại lại càng thảm thương hơn. Và cũng ngăn ngủi hơn rất nhiều.

Tôi liệt kê danh sách mấy anh em ra rồi xem ai sẽ đi tìm gà tây để thay thế. Hầu hết mọi gia đình trong trấn đều nuôi gà nhưng gà tây thì hiếm lắm, vì chúng to lớn hơn và có xu hướng khó chịu hơn, trừ mấy con của Travis. Chúng tôi hỏi han bạn bè trong lớp, thị trưởng và cả Alberto, những người có đại gia đình đông anh chị em, họ hàng. Chúng tôi còn dán thông báo viết tay trước cửa tòa soạn báo và chắc rằng người nhiều chuyện nhất trong đó là Backy Medlin biết chúng tôi đang tìm gì. Tôi còn phải hối lộ Lamar đi báo cho ông đưa thư Grassel để tránh gặp mặt ông ta.

Kế hoạch thật hoành tráng hay ít nhất là cũng khá hoàn mỹ, nhưng cũng chưa có tín hiệu tốt lành gì cả. Ngày lễ đang gần kề thì Travis lại càng ủ rũ hơn, tôi đành phải vào thư viện cầu cứu ông nội.

“Travis là đứa nào ấy nhỉ?” ông hỏi.

“Nó mười tuổi. Cái đứa mấy ngày nay cứ khóc lóc ấy ạ.”

“À, ra là nó, vậy mà ông tưởng nó bị bệnh giun sán chứ.”

“Cái này thì cháu không biết. Mẹ luôn cho bọn cháu xổ lãi thường xuyên mà. Chúng ta phải giúp nó thôi ông ạ.”

“Calpurnia à, tất cả sinh vật trên trái đất này đều nằm trong vòng tuần hoàn sinh lão bệnh tử mà. Đó là sự thật không thể thay đổi được.”

“Vậy là ông không định giúp phải không?” tôi hỏi rồi quay lưng bỏ đi. “Ông cứ ở đó với lũ dơi đi. À, nếu như thay gà tây bằng dơi cho bữa ăn Lễ Tạ Ơn thì ông sẽ ra tay ngay thôi phải không?”

“Calpurnia à,” ông bảo, “việc này quan trọng với cháu lắm sao?”

“Cháu thì không nhưng Travis thì có, và vì vậy nó lại quan trọng với cháu.”

“Ừm, vậy để ông xem.”

NGÀY ĐỊNH MỆNH gần kề, tôi bảo Travis, “Travis à, chị tìm được người sẵn lòng trao đổi ba con gà tây rồi. Nhưng em đừng nhìn, và phải chia tay chúng trong đêm nay thôi. Như vậy sẽ tốt hơn phải không?”

“Không,” nó buồn bã đáp. “Em không hiểu gì hết, chẳng có gì tốt đẹp cả.”

“Chúng ta phải làm như thế thôi, tin chị đi,” tôi an ủi.

Travis ngồi trong chuồng từ trưa đến khi hoàng hôn buông xuống. Tôi đứng bên cửa sổ trên lầu phía sau nhà quan sát nó từ xa. Cuối cùng nó cũng chịu ôm thắm thiết, dụi đầu sâu vào lông của lũ gà tây rồi khóc lóc chạy vào nhà. Nó vừa nức nở vừa chạy ngang tôi rồi đóng sầm cửa phòng lại.

Sáng hôm sau, nhìn xuống chuồng đã thấy ba con gà tây mới với màu sắc khác và ít lông hơn, trông cứ như vừa choảng nhau về vậy. Nhưng mẹ vẫn vui lòng vì chúng có kích cỡ gần bằng với mấy con cũ. Alberto dậy sớm ra cắt tiết chúng, còn SanJuanna thì vặt lông và làm sạch. Tôi để ý thấy họ bàn bạc thì thầm bằng tiếng Tây Ban Nha về mấy con gà trần trụi nằm trên hiên sau nhà.

Đến trưa thì cô Viola đã chọn được con gà tây ưng ý để đem nướng. Còn tôi và SanJuanna ngồi trong bếp đánh bóng mấy bộ chén đĩa bằng bạc còn tốt. Sau đó bọn tôi lấy ấm trà hoa văn nằm trong hộp lót rơm ra phủi bụi, chiếc ấm này là của bà ngoại để lại cho mẹ. Cô Viola cứ khua canh không ngừng suốt bếp trong nhiều giờ, trên môi ngậm chiếc nút bắc, làm cho bữa tối hoành tráng của nhà tôi dần hiện ra từ trong màn khói. Travis thì nhốt mình trong nhà cả ngày và chẳng ai có can đảm lôi nó ra ngoài.

Chuyện gì đến rồi cũng đến, đồng hồ gõ 6 giờ chiều, cả nhà sục nức mùi đồ ăn thơm phức, cô Viola cũng gõ chuông đánh chuông báo hiệu. Travis ra khỏi phòng, lầm lũi xuống nhà cùng ăn tối. Chẳng ai dám nhìn nó cả.

Bố lại lầm nhấm mấy lời tạ ơn dài dòng rồi bắt đầu cắt miếng đầu tiên của con gà khổng lồ ấy. Tôi thì nhìn ngắm hoa văn hình hoa hồng trên đĩa. Travis cúi gầm mặt xuống, chẳng nói cũng chẳng khóc. Chúng tôi chuyển đĩa thịt gà một cách cẩn thận và cố gắng làm như không để ý đến Travis đang trù lên cả nhà một bầu không khí ảm đạm. Mẹ tha không bắt nó trò chuyện. Nó cũng chẳng để ý rằng tôi đang chịu đựng vài vết xước ở cánh tay còn móng tay ông thì có một lớp sơn sẫm màu cáu bẩn tạo thành một hình lưỡi liềm.

Chúng tôi từ từ tiêu hóa dần con gà tây, đồ lòng nhồi bào ngư xông khói, bánh mì ngọt bóp nhuyễn, xúc xích thịt rừng ướp tiêu, khoai lang ngọt, khoai tây nướng giòn còn nguyên vỏ, đậu bắp sốt cà chua hầm, cải bắp trộn thịt heo ngào đường, củ cải đường ngâm rượu, cải bó xôi và hành tây trộn kem. Tráng miệng thì có bánh hồ đào, bánh chanh, bánh nhồi thịt băm và bánh táo ngọt (đóng góp duy nhất của tôi cho bữa tiệc và mất hai ngày mà không làm phiền đến cô Viola), tất cả đều được bày biện hết lên bàn phụ. Mặc dù không khí ẩm ảm đang bao trùm lên chúng tôi, nhưng đâu đó những niềm vui nho nhỏ vẫn nhẹ nhàng lan tỏa ra từ mọi phía.

Harry được cắt cho miếng xương chạc (người được xương này sẽ được quyền ước), trong khi chờ SanJuanna cắt bánh thì anh đi vòng qua bàn để chia cho Travis. Tôi tưởng rằng Travis sẽ không kéo tách đôi miếng xương đó nhưng cuối cùng nó cũng kéo và giật được phần dài hơn. Khi chúng tôi thúc giục nó nói ra điều ước thì Travis nhìn lên trời rồi thì thầm, “Em ước được có một con lừa, chỉ cần một con nhỏ thôi và cái xe để nó kéo nữa. Em sẽ đặt tên nó là Lừa Dinkey.”

“Sao em lại muốn có lừa chứ?” Harry hỏi.

“Vì em nghĩ rằng người ta không ăn thịt lừa. Phải vậy không?”

Mẹ tỏ vẻ râu rĩ. “Theo mẹ biết thì không đâu, cưng ạ.”

“Vậy thì Dinkey sẽ được an toàn, vậy là tốt rồi. Điều ước của em chỉ có vậy thôi.”

Cả bàn lặng đi, chỉ có Jim Bowie hoảng hốt, “Chúng ta sẽ ăn thịt lừa à? Con không muốn ăn lừa đâu. Bọn chúng có đôi mắt đẹp lắm.”

“Không, chúng ta không ăn lừa đâu J.B., mình ăn gà tây mà. Con ăn hết đi, nếu không thì không được ăn tráng miệng đâu.” Mẹ bảo.

“Chúng ta đang ăn gà tây của Travis à?” J.B. lại hỏi.

“Không, gà này của người khác,” tôi nhanh nhẩu đáp. “Chúng ta trao đổi rồi, nhớ không?”

“Ồ, em nhớ rồi. Lần sau cho em chăm sóc lũ gà tây nhé?” J.B. vô tư hỏi. Không ai biết phải trả lời với nó ra sao cả.

“Không đâu J.B., lần sau đến lượt Sul Ross mà,” mẹ đáp.

“Đâu phải, đến lượt con mà, nhớ không?” Ngay khi nói, lòng chợt nghĩ rằng mình sẽ phải ân hận như thế nào khi mở miệng thốt ra câu này. Thật ra tôi chỉ cố tình nói giọng nghiêm trọng nhưng có vẻ nó mang một chút gì đó quá quả quyết là mọi người và cả Travis chợt im bật một lúc rồi nhìn tôi đăm đăm. Nhưng đây là một phần trong thỏa hiệp của tôi và ông, người đang ngồi cuối bàn nhìn và gật gù đồng tình.

CHƯƠNG 23

HỘI CHỢ FENTRESS

Ước muốn sao trôi qua quá nhanh và sự nỗ lực của con người cũng gần ngủi như vậy! Thời gian mới ít ỏi làm sao! Vì vậy sản phẩm của con người luôn luôn không thể so sánh được với những gì mà thiên nhiên tích trữ tạo nên...

TÔI KHÔNG CÓ QUYỀN LỰA CHỌN. Cô Harbottle ra lệnh tất cả nữ sinh trong trường phải đem đồ may thêu của mình tham dự mấy cuộc thi ở hội chợ và mẹ tôi hưởng ứng nhiệt liệt. Hôm đó, tôi phải bày biện ra tất cả những sản phẩm của mình lên giường trong phòng để mẹ và cô Viola vào phòng kiểm tra. Có tổng cộng ba đôi tất len màu nâu tôi đan cho mấy anh em, một chiếc áo khoác đan bằng kim móc tặng cho người nghèo, một chiếc cổ áo bằng đăng-ten xấu xí méo mó, phần đầu thì xộc xệch nhưng về sau cũng gọn gàng hơn. Tôi còn thêu một chiếc chăn bông, nhưng nó thô sơ đến nỗi nhìn như tác phẩm của Toddy Gates, đứa em bị thiếu năng của Lula, làm ra vậy. Mẹ rùng mình quay mặt đi rồi bàn bạc với cô Viola và xem xét mấy mẫu còn lại. Sau bao tiếng thở dài, họ chọn ra được chiếc cổ áo bằng đăng-ten đi dự thi.

Mẹ cứ suy tư vẩn vơ khi gói nó vào miếng khăn giấy, “Không biết có phải ghi họ của nhà mình lên đây không nhỉ.” Bà nhìn lên và bắt gặp vẻ mặt thảng thốt của tôi và cô Viola nên vội vã tiếp lời, “chắc chắn là phải ghi rồi.”

Nhưng ngược lại, để vô danh lại là một ý hay đối với tôi, “Mẹ có nghĩ rằng con có thể dự thi mà không cần ghi họ tên không?”

Con không có vấn đề gì cả.”

Mẹ đỏ mặt bảo, “Đừng vớ vẩn thế. Con phải dành tâm huyết cho nó khi con làm ra nó chứ, dĩ nhiên phải để họ tên con - à, họ tên chúng ta - lên đó chứ.” Mặc dù vậy bà vẫn tỏ vẻ rất suy tư. Cho dù mẹ có xin phép cô Harbottle về việc không để tên hay không cũng chẳng có ý nghĩa gì với tôi cả, tên tôi sẽ dính trên đó mà thôi. Thật đáng đời tôi mà.

Không có nam sinh nào bị bắt buộc phải dự thi cả nhưng Travis xung phong tham gia với chú thỏ Angora (thỏ lông mượt và dài) tên Bunny của nó. Bunny là một chú thỏ mập mạp, ngoan ngoãn, với lớp lông dài trắng muốt mà Travis chải chuốt hằng ngày. Sau đó nó đưa Bunny cho một người thợ quay tơ trong vùng để làm cho mẹ một mớ len mềm mại nhất thế giới. Travis còn định bụng cho con bê tham gia cuộc thi thú nuôi một tuổi nữa, nhưng may mắn là Harry đã kịp thời can ngăn khi nhắc nhở cho nó điều gì sẽ chắc chắn xảy ra cho con thú đoạt giải trong cuộc thi này. Vừa nghe xong điều này, Travis đã khiến cho chúng tôi và ban tổ chức hội chợ điên đầu vì hỏi đi hỏi lại để chắc chắn Bunny đang tham gia vào cuộc thi lông thỏ nào đẹp chứ không phải là thi thịt thỏ nào ngon hơn.

Sam Houston thì khắc cả tiểu sử của Tổng thống McKinley lên một miếng gỗ hồ đào, loại gỗ này rất khó dùng để chạm khắc, và tham gia vào cuộc thi chạm khắc nghiệp dư.

Trừ phần dự thi thảm hại của tôi thì ngày hôm nay quả thật rất tuyệt vời, nhất là bọn tôi ai cũng rủng rỉnh tiền trong túi từ lúc làm thêm ở xưởng tĩa hột bông; tôi còn có thêm 15 xu kiếm được từ việc trông trẻ trong mùa thu hoạch sau khi đã trừ phần chia lại cho Sul Ross. Tôi dự định sẽ dùng một phần tiền này để thử uống loại nước mới có tên Coca-Cola.

Khi bình minh ló dạng, mặc dù chỉ phải đi một dặm để đến cuối thị trấn, nhưng cả nhà tôi, kể cả ông nội đều đã yên vị trên xe ngựa to hết rồi. Travis cho Bunny vào trong chiếc lồng kẽm nhốt gà chật chội. Lông con thỏ cán vào thành lồng và lòi hết cả ra ngoài, những sợi lông trắng bay phấp phới trong nắng như những sợi mây tí hon bông bênh. Chúng tôi đậu xe vào bãi cỏ, nơi ngổn ngang những xe ngựa nông trại, xe ngựa hai bánh, xe chó đầy màu sắc gần những chiếc lều nơi tổ chức cuộc thi.

Mẹ dặn dò chúng tôi lần cuối trước khi mỗi người tản ra một nơi. Travis đem Bunny tới lều Động Vật Sống Nhỏ, còn tôi thì tiến đến lều Nghệ thuật Nội trợ với tác phẩm gói ghém cẩn thận trong bì giấy nâu để không ai có thể thấy được.

Tôi đi ngang chiếc lều to được trang trí bởi vô số lọn giấy bắt ruồi, nơi đang tổ chức cuộc thi nhảy thưởng bánh. Ngoài các loại bánh, nhiều cô gái trẻ của tỉnh còn mang theo bữa ăn trưa để cùng ăn với mọi người hoặc đem ra đấu giá xem chàng trai nào được ngồi ăn chung với mình. Tất cả số tiền này được quyên góp cho Đội Cứu hỏa Tình nguyện. Tôi đoán sự trao đổi này rất công bằng và dân dã.

Tôi nhanh chóng nộp bài dự thi rồi đi dạo vòng quanh. Ban nhạc Những Người Bạn Lạ Kỳ đang tấu liên tục những điệu valse và khúc quân hành vang dội khắp hội chợ. Tôi thấy bóng các anh em trai thấp thoáng đó đây và cả những bạn bè cùng trường cũng có mặt. Tôi đứng xem Sam Houston thắng được chiếc còi bằng thiếc từ cuộc thi ném vòng, và sau đó tôi thấy chiếc còi ấy trong tay Lula nhưng bạn ấy cầm nó rất hồ hững và chẳng lấy gì làm chú tâm thích thú đến nó cả.

Tôi đi ngang qua gian hàng HOFACKET NHỮNG BỨC ẢNH ĐẸP CHO NHỮNG KHOẢNH KHẮC ĐÁNG NHỚ - và ông thợ chụp ảnh cũng có mặt. Ông dựng tạm gian hàng này để kiếm mỗi làm

ăn từ những người đi xem hội chợ trong quần là áo lụa và túi rủng rỉnh tiền. Ông đang bận bịu tạo dáng cho một cặp tình nhân trẻ nên không chú ý đến tôi. Thật may mắn vì gần đây ông có gửi thư cho tôi hỏi thăm về Cây Nhỏ nhưng tôi còn chưa có thời gian trả lời bức thư trước đó nữa, thật phiền phức. Chẳng còn hứng thú nào về thư từ khoa học ở đây nữa cả.

Rồi tôi trở lại lều Nghệ thuật Nội trợ, bây giờ đang sục nức mùi thơm của đồ ăn nướng. Ngài thị trưởng Alexrod lên bục phía trước và bắt đầu bật loa xướng danh những người đoạt giải, bắt đầu từ lớp thực tập. Lần lượt từ bánh mì, bánh mì kiểu, bánh trái cây, và các loại bánh khác. Sau đó là đến phần thêu thùa.

Ông rà lại danh sách rồi đọc lớn, “Hạng ba, Thực Tập Đăng-Ten, cô Calpurnia Virginia Tate!”

Cái gì? Cái gì?

“Calpurnia Tate, cháu đâu rồi? Lên đây nào!” ông hô lớn.

Trong tâm trạng hoang mang tôi len lỏi qua đám khán giả rồi bước lên bục. Có vài tiếng vỗ tay lác đác phát ra từ đám đông và tiếng hò reo vang mừng dễ nhận ra của mấy anh em tôi từ đằng sau lều. Ngài Axelrod gắn chiếc nơ trắng lên áo tôi. Nhưng lúc này lại chẳng thấy mẹ đâu cả.

“Về nhì là cô Dovie Medlin!”

Dovie mỉm cười điệu dàng bước lên và đứng cạnh tôi cho ngài thị trưởng gắn nơ đỏ lên áo. Cô nàng cười khúc khích cảm tạ. Tôi thật thỏa dạ khi Dovie không giật giải nhất; nhìn nó thật đáng ghét đến khó cưỡng. Tôi luôn chờ đợi nó quay lại và khua môi múa mép với tôi, con người nó là vậy mà.

“Thưa quý bà, quý ông, các bé trai bé gái, chiếc nơ chung cuộc bộ môn đăng-ten thực tập được trao cho... cô Lula Gates! Xin cho một tràng pháo tay nào!”

Lula bước lên. Tôi muốn bạn ấy đứng cạnh tôi nhưng lại phải đứng cạnh Dovie và nhận chiếc nơ xanh. Tôi vẫn còn hoang mang và ngó nghiêng những gương mặt đứng trong lều đang ngó lên bực để tìm gia đình mình. Làm sao tôi có thể đoạt giải được nhỉ? Cái cổ áo đăng-ten của tôi có ra hồn gì đâu? Sau tràng pháo tay cuối cùng tôi nhảy xuống bực để nhận lấy những cái vỗ vai và những lời tán thưởng.

“Chúc mừng cậu, Lula,” tôi nói, một câu nói dễ dàng thốt ra khi tham gia một cuộc chiến không cân sức. “Cậu hoàn toàn xứng đáng đoạt giải nhất. Kỹ thuật làm đăng-ten của cậu là nhất đấy.”

“Sao biết được?” Dovie hời hả lướt qua. Suýt nữa tôi đâm cho nó một cú nếu xung quanh không có quá nhiều nhân chứng thế này rồi.

Lula từ tốn đáp, “Cám ơn cậu Callie. Tớ cũng chắc rằng cậu xứng đáng nhận nơ thưởng mà.”

“Vấn đề ở chỗ là tớ có xứng đáng đâu,” tôi đáp. Và thật sự là tôi không xứng thật mà, mặc dù mẹ biết tin thì sẽ sung sướng đến chết ngất mà thôi. Cô Gates tiến đến cạnh bọn tôi tràn ngập trong niềm hân hoan.

“Tuyệt lắm các cô gái,” bà bảo, “thật là một thời khắc tốt đẹp.”

“Chào cô Gates,” tôi đáp. “Lula làm rất tốt, bạn ấy xứng đáng đoạt giải lắm ạ.”

“Cám ơn cháu Callie. Cô chắc rằng cháu cũng xứng đáng mà,” cô Gates nói.

“Chà,” tôi hồ nghi. “Cô có nhìn thấy tác phẩm của cháu chưa? Cô có muốn xem mấy tác phẩm khác không?”

“Bọn cô cũng muốn lắm nhưng chắc không được. Lula còn tham gia vào cuộc thi đan thêu nữa.”

Tôi chúc hai mẹ con họ may mắn rồi quay lại bàn trưng bày, chen qua đám đông đến bàn để đồ đăng-ten. Mỗi tác phẩm dự thi được gắn trên một tấm bảng hình vuông nền tím sẫm làm nổi bật những chi tiết phức tạp của chúng. Những tác phẩm của người lớn thật sự là những tác phẩm nghệ thuật, những chiếc cổ áo, vải trùm ghế tinh tế đến từng chi tiết như mạng nhện. Cạnh đó thừa thớt vài mẫu của trẻ con. Tôi dần tới một chút thì thấy mẫu cổ áo không cân xứng của mình nổi bật từng đường chỉ trắng trên nền bì đen. Và ngay bên dưới là tên họ đầy đủ của tôi được viết nắn nót, nói cho cả thế giới biết ai là tác giả của tác phẩm này.

Tôi quan sát các tác phẩm trong nghi ngại. Đúng là chỉ có ba mẫu. Mặc dù tôi hiểu rõ rằng mình chẳng có năng khiếu đan đăng-ten gì cả nhưng bị nhận xét công khai bởi người lạ như thế này quả là không dễ chịu chút nào. Tôi chưa chát nghĩ về tương lai suốt ngày phải làm đăng-ten. Mặc dù tôi không có ý định đi theo con đường này nhưng bây giờ có người khác nói rằng tôi không thể làm được thì lạ lùng thay tôi lại cảm thấy buồn bã. Nếu như không thể nghiên cứu khoa học, không thể làm Nghệ thuật Nội trợ thì còn lại gì cho tôi trên thế giới này đây? Thật quá lớn lao và kinh khủng để nghĩ tới. Tôi tự an ủi mình bằng những lời của ông trong ghi chép xương hóa thạch và cuốn sách *Nguồn gốc các loài*: Hiểu được sự việc quan trọng hơn là thích nó.

Sự thích thú không cần thiết đối với sự hiểu biết. Thích hay không sẽ chẳng đóng vai trò quyết định trong vấn đề này.

Tôi đi ra khỏi lều, trên ngực là chiếc nơ kì diệu. Tôi có nên tháo nó ra không nhỉ? Tôi không quan tâm gì đến tác phẩm dự thi thì cũng không cần thiết phải coi nặng giải thưởng làm gì. Tôi đặt tay lên định tháo nó xuống nhưng chợt ngập ngừng. Lý trí bảo tôi rằng “tháo xuống đi,” nhưng tay tôi lại phản kháng lại “không tháo”. Cứ thế tôi bước đi đến lều giải khát, tay vẫn đặt lên chiếc nơ, lòng ngập tràn trong sự mâu thuẫn. Tôi sẽ tự thưởng cho mình một ly Coca-Cola trong khi nghĩ ra sẽ phải làm gì với giải thưởng này của mình đây. Dù gì thì tôi cũng đang sẵn sàng ném thử “thứ nước Giải khát Ngon lành”. Còn câu hỏi mang tính đạo đức đang đeo bám theo tôi này giờ thì luôn nan giải.

Cả một hàng dài đứng chờ đợi để được thưởng thức thứ nước uống mới được sáng tạo. Chợt tinh thần tôi chùng xuống khi phát hiện ông Grassel đang xếp hàng ngay sau lưng mình.

“Chào cháu Callie,” ông ta vui vẻ nói. “Ta thấy cháu được thưởng cái nơ kia, cho ta xem nào.” Ông ta tỏ vẻ như muốn đụng vào cái nơ, và tôi chợt rụt người lại.

“Cái này là giải thưởng cho cuộc thi đan đăng-ten,” tôi lạnh lùng đáp. “Thưa ông.”

“Gia đình cháu khỏe chứ?” ông ta hỏi.

“Đều khỏe hết ạ.”

Vừa lúc này thì Travis đang lon ton chạy tới, trên ngực là giải nơ màu xanh, lâu lắm rồi mới thấy nó vui vẻ như vậy. Nó đến khoe cho tôi xem, tôi liền kéo nó vào xếp hàng chung với tôi.

“Cho ta xem cái nơ của cháu nào,” ông Grassel đề nghị. “Cái nơ này cho cuộc thi gì nhỉ? À, ‘Cuộc thi thỏ Angora đẹp nhất’. Thỏ Angora kiếm được nhiều tiền lắm đấy. Chuẩn bị hết bạc chưa, chú bé?”

“Cám ơn ông,” Travis tỏ vẻ ngạc nhiên, “nhưng Bunny là thú cưng của cháu, cháu không bán nó đâu. Nó là con thỏ to và nhiều lông nhất mà cháu từng có đấy ạ.”

“Đâu có ai bảo cháu phải bán nó,” ông Grassel đáp. “Cháu chỉ cần cho nó đi lai giống và thu tiền phí thôi.”

Travis rất lấy làm thích thú khi nghe thấy vậy. Nó chuyên nuôi mèo nhưng chưa ai gợi ý cho nó đem Jesse James và Bat Masterson đi gieo giống để kiếm tiền cả.

“Vậy là không phải bán con thỏ đi hả ông?” nó hỏi.

“Không Travis à,” ông Grassel đáp. “Chỉ là có ai đó thuê Bunny trong vòng 1 giờ cho ở chung với thỏ cái để sinh thỏ con thôi.”

“Rồi cháu sẽ nhận lại nó hả ông?”

“Đương nhiên rồi,” ông Grassel đáp.

“Và vậy là kiếm được tiền à?”

“Tiền mặt ngay luôn ấy,” ông đáp.

“Chúa ạ, thế mà cháu chẳng bao giờ nghĩ ra cả. Ông nghĩ là Bunny sẽ không cảm thấy phiền chứ?”

“Ồ,” ông Grassel nháy mắt và nở một nụ cười nham hiểm, “ông cá là Bunny sẽ thích lắm ấy chứ. Nó sẽ còn rất hứng thú để làm thế nữa kìa.” ông ta cười khúc khích.

Travis trầm ngâm, tôi biết rằng cả một chân trời mới đang từ từ mở ra trong đầu nó theo từng bước chân gần tới quây bán nước.

Tôi đứng quay lưng lại với ông Grassel và giả vờ nhìn ngắm chiếc cờ in quảng cáo màu trắng đỏ phấp phới bay phía trước. Ông Grassel nhanh chóng bắt chuyện với mấy người đứng sau và để cho chúng tôi được yên. Rốt cuộc cũng đến lượt chúng tôi, mỗi người mất một đồng kềm cho một ly Coca-Cola. Chúng tôi cẩn thận cầm ly nước ra ngoài. Travis hớp một ngụm rồi phán, “Ôi ! Nó làm em nhột quá!” Tôi cũng nâng ly lên và cảm thấy những bong bóng nhỏ nhẩy nhót trên môi mình, rồi tôi hớp một ngụm, cảm giác như nó đốt cháy cổ họng, rất ngọt ngào chân thực, chưa bao giờ tôi có cảm giác này cả. Làm sao còn có thể uống nước hay sữa sau khi thưởng thức thứ này nhỉ? Chúng tôi uống cạn ly trong cơn thèm khát rồi nhanh chân quay lại quây tiếp tục xếp hàng. Lần này chúng tôi mua một lần hai ly, tiêu hết sạch cả tiền tiết kiệm. Rồi hai đứa nháp thật chậm, ngắm những bọt bong bóng bập bùng trong ly như không bao giờ muốn nó cạn đi. Hai chị em đều cảm thấy háng hái và thật sự có thể nói là rất sảng khoái. Travis ợ một hơi thật to làm cả hai không nhịn được cười.

“Đừng có để mẹ nghe thấy em làm vậy đấy!” tôi bảo.

“Không, không!” ...ợ... ợ... “Đâu phải tại em!” u... ợ... ợ...

Lula và cô Gates đi ngang, trên người Lula đeo đầy nơ giải thưởng, trông chẳng khác nào cây Noel di động ấy. Lula và Travis vẫy tay chào nhau rồi dĩ nhiên là cậu em tôi nhanh chóng chạy theo đuôi cô nàng. Tôi không còn quan tâm rằng mình xếp hạng ba trong cuộc thi đan đăng-ten nghiệp dư nữa rồi. Ai thèm quan tâm chứ? Tôi không biết ông nội đang ở đâu trong khi tôi được nhận vinh dự này. Lamar đi ngang, đang tìm Lula. “Lamar à, anh thấy ông nội ở đâu không?” tôi hỏi.

“Lúc này anh thấy ông trong lều kim khí điện máy. Chắc là ông sẽ ở trong đó cả ngày thôi. Nó nằm cạnh lều thú nuôi ấy. Callie này, em cho anh vay một đồng kẽm nhé?”

“Em chẳng còn xu nào cả.”

Lamar tỏ vẻ nghi ngờ. “Tiền thưởng của em đâu?”

Tôi phì cười. “Tiền thưởng nào! Tức cười thật đấy! Họ thưởng cho em cái nơ này này.”

“Cái nơ này thì làm được trò trống gì cơ chứ? Sao em cười như thế? Sao họ lại không thưởng cho em một chút tiền nhỉ? Anh đang cần tiền đi chơi trò bắn súng. Anh chẳng có đồng nào cả.”

“Anh kiếm được nhiều tiền ở xưởng tĩa hột bông lắm mà. Tiền đâu hết rồi?”

“Không có,” anh rầu rĩ đáp.

“Anh xài hết tiền ở cửa hàng rồi phải không? Mua kẹo dẻo cả rồi phải không?” anh ngậm thính chẳng trả lời. Tôi để cho anh tự cầu nhàu về vấn đề tài chính của mình rồi qua lều kim khí điện máy. Dĩ nhiên là ông nội sẽ ở đó rồi, lẽ ra tôi phải nghĩ ra sớm hơn chứ. Thú nuôi và vài cô-tông đâu còn ý nghĩa gì với ông nữa. Càng đến gần lều thì mùi thuốc lá càng nồng nặc. Từng đám khói bốc ra khỏi cửa lều và len qua những khe hở. Có quá nhiều đàn ông đang hút thuốc bên trong tạo cảm giác chiếc lều đang sắp sửa bị bốc cháy.

Vừa ho húng hắng vừa đi vào trong, tôi phải len qua hàng tá đàn ông và mấy cậu bé đang hứng thú tập trung xung quanh máy cày và máy đập lúa mới. Nhưng đám đông hiếu kì thật sự lại nằm ở cuối lều cơ. Tôi bèn chen lấn xuống đấy, liên tục phải nói

xin phép lần qua trong bầu không khí náo nhiệt ồn ào, và bất chợt gặp Harry đang cố mở đường cho Fern Spitty đi qua.

“Anh Harry!” tôi hét lên. “Anh có thấy ông nội ở đâu không?”

“Ông đang đứng kế bên nó cả ngày trời á.”

“Nó là cái gì?” tôi hét hỏi.

“Đứng kế bên chiếc ô-tô ấy!”

“Ô!” tôi và chị Fern vẫy tay và ra dấu chào nhau rồi Harry dẫn chị đi. Tôi nhìn thấy họ đang tay trong tay rồi nhé.

Chỗ này đông nghịt người. Mất năm phút tôi mới chen được qua chỗ trưng bày ô-tô, không thở nổi với khói xì-gà và tẩu thuốc, nhưng cũng may là tôi đứng ở chỗ không khí trong lành hơn. Trong lúc này thì không thể nào thấy nổi cái gì trên nóc lầu vì tất cả bị mờ khuất sau những lộn khói dày đặc. Đến lúc tưởng chừng như sẽ ngất xỉu vì hơi khói thì rốt cuộc tôi cũng len lỏi qua được vòng khán giả cuối cùng để được tận mắt chiêm ngưỡng một thứ nguy nga huy hoàng nhất từ trước đến nay: một cỗ xe kéo không cần ngựa.

Làm sao để miêu tả nó nhỉ? Nhìn như hiện thân của tốc độ, từng đường nét mang sức mạnh của gió. Những thiết bị được làm bằng đồng thau sáng bóng, miếng chắn bùn cong cong duyên dáng, ghế bọc da đen. Trên chiếc ghế đó, ông nội tôi đang ngồi chễm chệ, mắt chăm chú không rời khỏi tay lái một cách mê mẩn. Cạnh ông là một người đàn ông cao ráo đang hét vào tai ông và múa may gì đó trên bảng điều khiển. Hóa ra ông là chủ của chiếc xe và ông nội đang thương lượng để mua lại ngay chiếc đó bằng tiền mặt, ông nội trả lên gấp hai, gấp ba rồi đến gấp năm lần giá gốc nhưng ông ta nhất quyết không bán bằng

bất cứ giá nào. Tôi bò đến bên cạnh chiếc xe rồi kéo áo ông nội khi người đàn ông kia quát “Xin lỗi! Chiếc xe này không phải để bán!” rồi leo ra khỏi xe.

Ông nội nhìn thấy tôi bèn nói gì đó với ông chủ xe rồi chỉ về phía tôi. Tôi không nghe rõ được ông đang nói gì nhưng hình như ông bảo tôi là cháu ông, thế là vài giây sau ông chủ xe liền bế tôi lên đặt vào ghế ngồi cạnh ông nội. Đám đông tỏ ra vô cùng thích thú từ tiếng khởi động máy rì rì và một lúc sau chuyển sang âm thanh vang rền inh ỏi. Tiếng ồn đó mê hoặc tôi ngay tức khắc, lúc này tôi chỉ biết là phải kéo váy xuống ngang đầu gối để da đùi không bị dính vào lớp da bọc ghế. Chỉ vài giây sau thì có ai đó bế xốc tôi ra khỏi chỗ ngồi đặt xuống đất. Ông nội cũng leo ra khỏi xe và ông chủ lại gạt đầu cho phép hai người khác đang nôn nóng đứng đợi lên ngồi thử xe. Không có ai dám hỏi đến việc thử cho xe chạy, vì chỉ kể đến cảm giác được ngồi lên đó đã quá tuyệt vời rồi; được nhìn thấy, được chạm vào và đồng hành cùng sự xuất hiện của nó cũng đủ thỏa mãn.

Ông nội nắm lấy tay tôi rồi hai ông cháu lại chen lấn qua đám đông ra cửa. Tiếng ồn, khói thuốc và mọi người xô đẩy làm tôi choáng váng, mệt nhoài. Tôi thầm nghĩ, *Rồi, đến lúc sẽ biết bị ngất xỉu là như thế nào rồi, nhưng nếu mình ngất xỉu ở đây thì cũng phải đứng thôi vì chẳng có chỗ nào để nằm xuống cả. Chắc xỉu lần đầu là như vậy.* Đến lúc tưởng chừng như không thể chịu đựng nổi nữa thì hai ông cháu thoát được ra ngoài, cùng đứng thở hổn hển bầu không khí trong lành.

Tôi phì phò thở, “Ông đang cố gắng mua cái xe ấy phải không ạ?”

“Ông ấy không chịu bán với bất cứ giá nào, nhưng ông cũng chẳng trách ông ấy được,” ông nội bảo. “Về nhà nhanh thôi. Ông phải viết thư, à không, phải gọi điện ngay cho nhà máy Duryea ở Massachusetts và đặt mua ngay một chiếc mới được. Động cơ

đốt trong, nghĩ về nó đi! Nó có sức mạnh ngang với sức kéo của bốn con ngựa đấy!”

“Cháu cảm thấy không được khỏe ông ơi,” tôi bảo. “Chắc cháu phải ngồi nghỉ một lát. Ông cứ đi trước đi.”

Ông nhìn tôi chăm chăm rồi nói, “Mặt cháu đỏ quá. Cháu có chắc là mình không sao không?”

“Chỉ tại hít nhiều khói thuốc quá thôi. Cháu ổn mà,” tôi yếu ớt đáp rồi thấy trời đất tối sầm lại và ngã ngựa ra sau.

RỒI, BÂY GIỜ LÀ NGẤT XỈU. Một vấn đề mà tôi luôn thắc mắc bấy lâu nay. Những nhân vật nữ trong truyện rất hay ngất xỉu, họ quay một vòng cầu kỳ rồi ngã xuống chiếc ghế đệm hay vòng tay êm ái của người đàn ông đang đeo đuổi họ. Những người này luôn rất yếu điệu và lúc nào cũng ngã theo một tư thế trang nhã được sắp đặt sẵn, sau đó sẽ được cho ngồi chiếc lọ chạm khắc cầu kì chứa amoniac và tỉnh lại.

Còn tôi thì lại ngã bật ngựa ra như con bò mộng vừa bị đâm, cũng may là ngã lên cỏ nếu không chắc đã vỡ toác đầu ra rồi. Và tôi cũng không được đánh thức bằng chiếc lọ amoniac mà bằng nửa thùng nước lạnh dội vào mặt. Tôi mở choàng mắt và ngơ ngác nhìn lên trời. Cả một vòng tròn của bao nhiêu mặt người chụm đầu lại nhìn tôi. *Ôi trời xanh xanh thắm*, tôi thầm nghĩ. Và kia là những đám mây ti, nhìn như lông của Bunny ấy, sao người nhà lại nhìn tôi như thế nhỉ, và đứa anh hay em ngu ngốc nào vừa dội nước tôi đấy?

“Cứng, cứng ơi, nghe anh nói không?” Tiếng Harry văng vẳng.

Tôi xác định được mặt Harry, nhưng thật kì lạ, nhìn mặt anh cứ như bị gợn sóng, rồi tôi hét lớn đáp lại, “Có chứ Harry.”

Chị Fern Spitty đang đứng cạnh anh. Chị ấy run bần bật rất kì lạ, chiếc nón to tướng trên đầu che khuất một phần đẹp nhất của đường chân trời. Và mặc dù đã gặp chị ấy cả chục lần, tôi vẫn mơ màng nói, “Xin chào, rất vui được làm quen với chị.” Nói xong câu này thì tôi lãnh trọn nốt nửa thùng nước còn lại vào mặt.

Thôi đủ rồi đấy. Tôi gượng người đứng dậy rồi lắc đầu cho nước văng ra khỏi mặt như một con chó ướt rồi lườm một vòng những người đang đứng quanh mình. Ông nội cầm tay nghe nhịp đập của tôi. “Calpurnia,” ông hỏi, “loài nhện nào thường được biết đến với cái tên nhện bố chân dài?”

“Opiliones ạ,” tôi chanh chua đáp.

“Tốt rồi. Ta chắc là nó đã ổn rồi đấy,” ông bảo.

“Ngừng dội nước ngay,” tôi hét lên với vòng người.

Travis và Sam Houston đang đứng cạnh ông, tôi không thấy cái thùng nào cả, chắc chắn là chúng đang giấu sau lưng rồi. Sau đó dĩ nhiên mọi người lại quan trọng hóa vấn đề khi giúp tôi đứng dậy, phúi hết cỏ ra khỏi mặt, cho uống một cốc nước chanh và mượn một chiếc xe ngựa chở tôi về. Nhà gần như vậy nhưng chẳng ai chịu cho tôi đi bộ cả. Không tìm được bố mẹ nên Harry đánh xe ngựa về, bên cạnh anh kè kè chị Fern.

Luồng gió mát trong lành thổi ngang qua mặt khi xe phi nước kiệu về nhà làm tôi cảm thấy dễ chịu hơn rất nhiều. Sự quan tâm lúc đầu có vẻ ấm áp nhưng rồi nhanh chóng trở thành ngọt nhạt khi tôi hoạt bát trở lại.

Cô Viola gặp bọn tôi ở trước cửa nhà, liếc mắt nhìn tôi và hỏi, “Chúa ơi, gì nữa đây ông Harry?”

Tôi không nghĩ có việc gì mà cô phải dùng cái giọng ấy với Harry cả, nhất là trước mặt khách khứa như vậy nữa.

“Không có gì đâu cô,” tôi nghiêm trang đáp. “Cháu ngất xỉu, chỉ có vậy thôi. Không có gì cần cô quan tâm đâu.”

“Nó ổn thôi cô Viola ạ,” Harry nói. “Trong lều nóng và ngột ngạt khỏi thuốc nhiều quá. Vào nhà ngồi nghỉ thôi. Spitty ơi, vào nhà dùng một tách trà hay nước chanh nhé?”

Rồi Spitty bảo nước chanh sẽ tuyệt vời hơn nên cô Viola đi pha. Chúng tôi ngồi ở phòng khách nhìn nhau. Tôi nhìn kĩ mặt chị ấy và không thấy chút vẻ hám của nào giống như Minerva Goodacre cả. Chị Spitty có mái tóc vàng hung đỏ, mặc dù màu này lỗi thời rồi nhưng tôi lại thấy nó rất đẹp. Da dẻ chị ấy ngả màu hồng nhạt, mắt xanh da trời, và mặc dù nhìn chung chung thì có vẻ nhợt nhạt và thanh tao nhưng tính hoạt bát và năng động làm chị không nhạt nhẽo chút nào. So với cô nàng Goodacre đáng ghét kia thì chị ấy hơn hẳn. Có lẽ tôi nên ban tặng sự đồng tình cho chị ấy thôi, rồi mọi người đều sẽ cảm thấy hài lòng. Chị nhìn sang tôi mỉm cười và tôi cũng hé mở môi đáp lại; trên mặt lò sưởi đồng hồ vẫn tích tắc kêu.

Cô Viola quay lại, đặt khay đựng bộ tách trà sứ đẹp nhất nhà xuống bàn. Cô nhìn tôi bảo, “Cô Calpurnia à.”

“Gì ạ?”

“Cô nghĩ đến lúc cháu phải nghỉ ngơi rồi đấy, vừa ngất xỉu xong mà.”

“Cháu khỏe mà.”

“Cô nghĩ,” cô Viola lại tiếp, “đến lúc đi nghỉ rồi.”

“Cháu muốn uống trà mà,” tôi bảo.

“Cô nghĩ,” cô Viola cương quyết, “đến lúc rồi. Đi ngay bây giờ.”

“Ồ.”

“Cô sẽ mang trà lên phòng cho cháu,” cô bảo.

“Được thôi.” Lại làm người thừa rồi đây. Dù sao nghĩ tới việc nằm cuộn mình trong chăn, đầu đắp khăn lạnh, đọc *Đảo châu báu* cũng tuyệt lắm. Tôi rời khỏi phòng khách lên lầu, để cho dàn hợp xướng của ly tách và tiếng lanh canh của muống trà hòa quyện vào nhau. SanJuanna đem lên cho tôi một bình nước lạnh và chiếc khăn sạch. Sau đó tới lượt cô Viola mang lên khay ấm trà sứ đẹp thứ nhì trong nhà để giáng hòa việc đã tống cổ tôi khỏi phòng khách lúc nãy.

Cô dặn dò, “Cháu phải cẩn thận với khay trà này nhé. Nếu làm bể một cái gì thì...”

“Cô không cần phải dặn thế đâu ạ.”

Cô đặt khay trà xuống rồi ngắm nghía chiếc nơ tôi đặt trên bàn gương.

“Cháu đoạt giải à,” cô hỏi. “Làm sao có chuyện này được nhỉ?”

“Thế theo cô đoán là vì sao?” tôi càu nhàu.

“Giám khảo bị mù à?”

“Ha ha.”

“Rồi cô hiểu rồi,” cô lơ mờ đoán. “Có ba tác phẩm dự thi thôi chứ gì.”

“Chính xác.”

“Ừm. Nhưng cháu cũng không cần tiết lộ điều này với ai đâu. Đây, đừng có làm sút mẻ thứ gì đấy nhé.”

Cô đi ra ngoài rồi đóng cửa lại. Tôi ngưỡng mộ họa tiết bông hồng màu hồng và vàng trên nền sứ trong mờ và nhận thấy rằng một số cách trang trí của nền văn minh khác cũng thật đẹp. Tôi nhấp một ngụm trà rồi quay về với những người bạn đồng hành suốt buổi chiều cùng tôi: những tên cướp biển, mấy con vẹt và biển cả.

CHƯƠNG 24

HARRY LẠI TÁN TÌNH NỮ RỒI

Một người yếu đuối vẫn có thể thực hiện được rất nhiều thứ dựa vào sức mạnh của sự chọn lọc nhân tạo của anh ta...

DẦU GAN CÁ. Vài tiếng sau, ám ảnh kinh hoàng của một muỗng đầy thứ dầu nồng nặc mùi ấy chợt xộc lên óc tôi khi nghe tiếng xe ngựa chở bố mẹ và ba đứa em trai lọc cọc vào sân nhà. Nếu mẹ nghĩ tôi ngất xỉu vì ốm thì tôi bị ép uống thuốc là cái chắc. Sau đó Harry nói cho tôi biết rằng anh và Fern quay lại hội chợ tìm bố mẹ để kể lại mọi việc. Harry nhấn mạnh về chi tiết cái lều đầy ngạt khói thuốc để tránh cho tôi một liều thuốc chết người, và dường như anh đã thành công. Thêm vào đó, tôi cố tình chạy ra trước hiên chào đón họ một cách hoạt bát và vui vẻ nhất có thể, với chiếc nơ giải thưởng trên áo, nhảy cẫng lên với tất cả sức lực của một bé gái khỏe mạnh.

“Nhìn này, nhìn con thắng được cái gì này. Mọi người có vui không?” tôi rồi rít chỉ trở vào chiếc nơ của mình. Thật ra tôi cũng không phải là đứa lừa đảo ghê gớm gì, chỉ dùng một vấn đề có thật nhằm nhí nhất thế giới để đánh lạc hướng một cơn mưa hiểm họa mà thôi.

“Chúa ơi! Phần thưởng!” Bao nhiêu lời tán thưởng vang lên. Mẹ trông có vẻ ngỡ ngàng và rất hài lòng. Mẹ có nhắc tới dầu gan cá nhưng cũng hỏi, “Con có thấy ổn thật không Callie? Sắc mặt con

không bình thường đâu. Alfred à, anh có nghĩ mình nên cho nó đi gặp bác sĩ Walker không?”

Bố bảo, “Nhìn nó ổn mà, nhưng nếu em lo lắng thì...”

“Con không bị ốm đâu ạ,” tôi khẳng định. “Con chỉ phấn khích quá vì được giải thưởng, chỉ vậy thôi.”

Jim Bowie chất vấn, “Sao chị lại được nơ trắng trong khi Travis được nơ xanh vậy?”

“Vì chị rất đặc biệt J.B. à.”

“Thật không? Chúa ơi, chị Callie.”

“Không, không đâu, chị đùa với em đấy. Nơ xanh giá trị hơn nơ trắng nhiều. Travis và Bunny mới giành giải vinh dự nhất đấy.” Khi nói ra điều này, tôi sợ mẹ bắt phải giải thích rõ ràng về tác phẩm của mình, nhưng bà vẫn đang bận ngắm nhìn chiếc nơ của tôi, mắt long lanh. Thật kì lạ. Sau đó tôi nhận ra rằng mẹ không hề biết, cũng có thể là bà không để ý, hay bà không đi xem lễ dự thi, hoặc là Lula và Dovie đã tháo tác phẩm dự thi của họ trước khi bà đến. Mẹ tỏ ra rất lấy làm hài lòng. Tôi có bắt buộc phải tự thú với bà không nhỉ?

“J.B. này,” tôi nói lớn, “đan đăng-ten không được chú trọng lắm năm nay.”

“Hả?”

Tôi liếc nhìn mẹ, bà đang trò chuyện cùng Travis.

Tôi cao giọng. “Những tác phẩm dự thi không quá xuất sắc.”

“Cái... gì...”

“Ai cũng có thể giành nơ giải thưởng cả J.B. ạ, ý chị là vậy đấy.”

“Sao chị nói lớn vậy? Chị cho em chiếc nơ được không? Em chưa bao giờ thắng được Giải Thưởng Đếm Đom Đóm cả. Em muốn có chiếc nơ.”

Mẹ dường như chẳng nghe tôi nói gì. Dũng khí của tôi, ngay từ đầu đã lưỡng lự và yếu ớt, nay có vẻ tan đi hết. Tôi tháo cái thứ gọi là giải thưởng ra rồi dán lên áo J.B., nó liền lí lắc chạy đi tự ngấm nghĩa mình trước gương trong đại sảnh. Mẹ bước lên bậc thang để tháo nón ra.

“Mẹ ơi, anh Harry đâu?” tôi hỏi với theo.

Bà dừng chân ở đỉnh thang, một tay vịn cầu thang, một tay với lên chiếc móc treo nón. “Nó đi bộ cùng Fern Spitty về nhà con bé rồi,” bà đáp. Nét mặt mẹ có vẻ gì đó xù xuống.

“Và...”

“Và gì nữa? Và không có gì cả.”

“Con chỉ không biết...” Tôi chỉ không biết đây là dấu hiệu tốt hay xấu thôi mà. Nhưng tôi không có ý can thiệp vào chuyện này.

“Đừng có nghĩ lung tung nữa, Calpurnia. Mỗi lần con nghĩ ngợi là có chuyện ngay thôi.” Mẹ tiếp tục bước lên cầu thang. “Và đừng có can thiệp vào đấy.”

Lại nữa rồi, mẹ lại đọc được ý nghĩ của tôi rồi. Thật đáng sợ. Và tôi là người *nguy hiểm* à? Thật nực cười. Ít nhất tôi cũng biết được: Fern là dấu hiệu tốt. Nhưng nếu mẹ cho rằng việc anh Harry tán tỉnh chị Fern là tốt thì ước vọng cho anh Harry học đại học để đâu? Tôi chẳng hiểu nổi nữa.

VÀI NGÀY SAU, Harry đến nhà Spitty ở đường San Marcos để dùng bữa tối. Khi anh về nhà thì mọi người gần như đã đi ngủ hết. Tôi để ý rằng chẳng ai hỏi han anh điều gì trong bữa sáng hôm sau cả. Tôi định mở miệng hỏi một hai lần gì đó nhưng rồi lại thôi. Sau đó, chị Fern cùng bố mẹ đến nhà tôi dùng trà chiều vào chủ nhật. Điều này rất trái ngược với những nghi thức trang trọng mà gia đình tôi thường làm nhiều năm qua. Tôi tự hỏi sao họ lại đến uống trà mà không phải đến ăn tối. Chuyện này có ảnh hưởng gì đến việc bọn trẻ chúng tôi bị xua đuổi khỏi những trò tiêu khiển thượng lưu vào buổi chiều này không? Hay vì ông nội sẽ không bao giờ tham gia vào những buổi trà chiều thế này?

Tôi nhìn thấy Fern đến trước khi bọn tôi bị bắt ra ngoài chơi (đồng nghĩa với việc biến đi cho khuất mắt). Chị vận một chiếc đầm lụa màu hoa hồng. Chiếc nón là sự kết hợp hài hòa giữa vải the và những chiếc lông vũ, được nhuộm tiếp màu với áo đầm. Từ chị toát ra một vẻ quyến rũ, không như cô nàng Goodacre đáng ghét kia.

Tôi đi ra ngoài qua đường bếp. Cô Viola đang cúi người bên chiếc bánh tinh xảo, nín thở để đặt mấy viên sô-cô-la đường cuối cùng làm vật trang trí, nhìn như mấy cục vàng nhỏ tí ấy lại ăn được, và giòn tan tuyệt vời giữa hai hàm răng. SanJuanna thì đang sắp xếp bánh sandwich dài và kẹo hình bông hoa lên chiếc khay bạc. Chẳng ai ngược lên nhìn tôi. Không khí thật căng thẳng. Cả hai cùng mặc bộ đồ sẫm màu thơm mát và đeo tạp dề trắng phau dùng cho các buổi lễ, từ vai hai miếng đăng-ten dựng đứng lên cứ như đôi cánh vậy. Tôi bước ra cửa sau đến phòng thí nghiệm. Tại sao phải tốn thời gian để “đi chơi” trong khi tôi có thể dành thời gian bổ ích hơn với ông nội chứ? Ông chẳng bao giờ cho là nguy hiểm mỗi khi tôi tự hỏi điều gì mà còn luôn khuyến khích nữa cơ.

“Chào cháu, Calpurnia,” ông nói. “Cháu không uống trà chiều hôm nay à?”

“Mẹ bảo chúng cháu phải ra ngoài chơi khi nhà Spitty đến chơi. Chắc mẹ nghĩ cháu sẽ dọa họ chết ngất đấy.”

“Chắc là vậy,” ông bảo, “nhưng vì sao Margaret nghĩ cháu là đứa trẻ đáng sợ thì ông không hiểu.”

“Cám ơn ông. Cháu cũng không hiểu.”

“Tốt rồi, vậy là ông cháu mình đồng quan điểm. Cho cái lọ này vào đợt thí nghiệm tiếp theo đi cháu.”

Hai ông cháu bận bịu trong phòng thí nghiệm cũ kĩ trong khi buổi khiêu vũ hợp đôi đang diễn ra trong phòng khách.

“Buồn cười thật” tôi bảo, “con gái thì phải xinh đẹp. Còn trong Tự nhiên thì giống đực mới là loài phải khoe mẽ. Nhìn chim giáo chủ, nhìn con công thì biết. Sao chúng lại khác với ta nhỉ?”

“Vì giống cái là loài được chọn lựa trong Tự nhiên,” ông giải thích, “vì vậy giống đực phải khoác lên mình bộ cánh đẹp nhất để gây chú ý. Còn các anh em trai của cháu thì được quyền chọn bạn gái, vì vậy mấy cô nàng ấy phải ăn diện thật đẹp để bắt mắt họ chứ.”

“Có quá nhiều thứ phải làm,” tôi bảo. “Nào là quần áo, nào là nón, rồi làm tóc nữa. Khi cháu đi diễn piano, mẹ đã tốn bao thời gian ăn diện cho cháu, vì sao lại thế. Và cả áo ngực nữa! Bà Parsons ngất xỉu bao lần vào mùa hè vì mang áo ngực còn gì. Cháu không hiểu sao họ chịu nổi chúng nữa.”

“Ông cũng vậy. Mấy thứ đó thật vớ vẩn. Bà của cháu thì không thích mấy thứ đó đâu.”

“Ông à.”

“Hả?”

“Kể cho cháu về bà đi.”

“Cháu muốn biết gì về bà?”

“Tất cả mọi thứ. Cháu đã được biết gì về bà đâu. Bà mất trước khi cháu ra đời mà.”

“Vậy à? Ừ, đúng rồi nhỉ. Bà đã chịu những ngày cuối đời khôn khổ.”

“Bà có hứng thú về khoa học không ạ?”

“Nói chung là không. Cháu nên nhớ rằng thời gian đó mọi người đều cực khổ vực dậy sau cuộc chiến. Nền kinh tế trì trệ. Lúc đó ông chỉ lo xây dựng doanh nghiệp và không có chút thời gian nào để nghiên cứu về thế giới tự nhiên hay bất cứ thứ gì khác. Đưa ông chiếc lọ kia nào. Bà là một người nội trợ cù khôi và rất thích đọc tiểu thuyết trong thời gian rảnh rỗi.”

“Cháu giết giải làm đặng-ten đấy ông.” Tôi nhăn nhó.

“Vậy à? Ông không nghĩ rằng cháu lại có hứng thú với mấy thứ đó.”

“Cháu đâu có thích. Cháu ghét nó và cũng chẳng có chút năng khiếu nào cả. Chỉ là cháu chưa nói cho mẹ biết là cháu đứng thứ ba trong cuộc thi chỉ có ba người thôi ông ạ.”

“Chẳng có vấn đề gì đâu. Đạn đặng-ten cũng không phải là thể mạnh của ông.”

Tôi nghĩ là ông đang đùa, nhưng ai mà biết được. Hai ông cháu vai kề vai làm thí nghiệm được vài giờ yên ả đến khi cô Viola rung chuông báo hiệu giờ ăn tối. Tôi thật biết ơn những giờ phút ấy. Bao lâu nay tôi thật sự rất nhớ ông.

CHƯƠNG 25

ĐÊM GIÁNG SINH

Suýt nữa là tôi đã tin vào giả thuyết cổ lỗ sĩ và ngu ngốc rằng vỏ sò hóa thạch chưa bao giờ tồn tại, mà chúng được tạc ra từ đá để bắt chước theo những vỏ sò sống trên bãi biển ngày nay.

Tôi quý trọng những giờ giấc bất định được ở bên ông nội. Khi Giáng Sinh lơ mờ hiện ra từ phía đường chân trời thì những giờ phút ít ỏi ấy càng thêm hiếm hoi. Tôi phải làm việc trong bếp dưới sự chỉ đạo của cô Viola, dường như cô tỏ ra vất vả hơn thường lệ rất nhiều vì vừa phải nấu vừa phải dạy tôi.

J.B. hỏi tôi, “Callie à, còn bao lâu nữa thì đến Giáng Sinh?”

“Nhìn này J.B,” tôi đưa tay lên. “Thấy mấy ngón tay của chị không?”

“Thấy.”

“Ừm, ngón này đại diện cho hôm nay, ngón này thì là ngày mai, còn ngón còn lại là ngày hôm sau đó, cũng chính là Giáng Sinh đấy. Em thấy không?”

“Thấy.”

“Vậy bây giờ hiểu ra chưa?”

“Hiểu.”

“Tốt.”

“Nhưng chị Callie, bao lâu nữa mới tới Giáng Sinh?”

Câu hỏi cho Sổ Tay: Cho đến khi nào thì trẻ con mới nắm bắt được thời gian nhỉ? Ngay cả mấy con chuột treo báo hiệu năm giờ sáng sống dưới tường nhà chúng tôi còn biết được giờ giấc, sao J.B. lại không thể nhỉ? Nó làm tôi tức điên lên mất.

Tôi nhìn lại câu cuối này. Ông nội đã từng dạy rằng ghi chú khoa học chỉ là những thực tế về khoa học chứ không được để ý kiến cá nhân chen vào. Tôi vội xóa nó đi, cũng may là viết bằng viết chì đây.

Bố và Alberto vào nhà với cây thông khô họ tìm thấy trong bụi sồi (mấy cây xanh không thông rụng lắm trong vùng này). J.B. trở nên vô cùng háo hức. “Nhìn nhìn kìa chị Callie, cây thông Giáng Sinh của chúng ta kìaaaaaaaaaaaaa! Vậy là tới Giáng Sinh rồi!”

Chúng tôi dành cả buổi chiều để trang trí cho cây thông bằng giấy màu và cắm mấy cây nến nhỏ tí vào những chân đế nhỏ nhẵn treo trên cành. Harry cắt giấy cạc-tông màu bạc thành hình ngôi sao rồi cắm lên ngọn cây mà không cần dùng thang leo, cái cây nhỏ nhẵn đến mức đấy ấy. Cuối cùng cho phần hoàn thiện, chúng tôi sắp xếp mấy quả bông lên cành cây giả tuyết rơi, thứ mà mọi người chỉ mới nghe chứ chưa từng được thấy bao giờ.

Đạo Tin Lành Fentress chia ra làm hai quan điểm, một số gia đình mở quà vào đêm Giáng Sinh và một số lại mở vào đúng ngày Giáng Sinh. May mắn thay chúng tôi thuộc trường phái mở quà vào đêm Giáng Sinh. Theo lời của mục sư Cornelius Barker, tặng quà là vô ý nghĩa, xa xỉ và là quan niệm lệch lạc của kẻ ngoại đạo. Nhưng có lẽ phải chúc ông may mắn trước khi phải giải thích quan điểm này với bảy đứa trẻ nhà tôi. Mẹ cũng không

thành công trong việc thuyết phục này và cả cha Barker cũng bó tay, nhưng nói cho cùng thì cha Barker cũng chưa thật sự cố gắng hết sức. Mỗi tháng ông đến dùng bữa tối với gia đình tôi một lần và theo tôi thấy thì ông là một trong những người khách mà ông nội mong đợi. Họ đặt biệt danh cho nhau là Walter và Cornelius làm mẹ chướng tai gai mắt. Mỗi lần gặp là họ lại dính vào nhau thao thao bất tuyệt về Nguồn Gốc Các Loài và Vết Tích Hóa Thạch. Nhưng mẹ vẫn chịu mời cha sứ đến nhà dùng bữa ăn khuya sau khi làm lễ cầu nguyện cho Đêm Giáng Sinh.

Chúng tôi dành hầu hết thời gian của ngày Giáng Sinh để tắm rửa sạch sẽ - không vương một chút bụi đường nào, và để làm được việc này thì phải đun một lượng nước nóng cực lớn. Sau đó tất cả tập trung ra tiền sảnh để tiến hành kiểm tra. Lần đầu tiên không ai bị bắt quay lại nhà tắm để kì cọ cho sạch cần cổ hay móng tay cả.

Đêm ấy, trời trong và lạnh giá, chúng tôi rúc người vào những chiếc áo khoác và khăn choàng dày nhất của mình. Harry nhốt lũ chó lại không cho chúng leo đèo bám theo, rồi mọi người ra đường, chỉ trừ ông nội ở lại nhà giữ lửa trong phòng khách và một mình thưởng thức bầu không khí im ắng thanh bình. Alberto và SanJuanna đánh xe ngựa đến Tượng Đức Mẹ Đồng Trinh Guadapule Của Chúng Tôi ở Martindale. Cô Viola thì dự lễ riêng của mình ở khu Những đứa trẻ của Chúa. Tôi thích đi cùng cô hơn nhưng chẳng bao giờ được cho phép cả. Tôi từng đi ngang qua nhà thờ cô ấy đến và nghe tiếng nhạc vang ra từ ngôi nhà có nóc ghép bằng ván ép xiêu vẹo ấy; những tiếng hát và lời tuyên bố ngập tràn niềm vui, còn những nhà thờ khác đối với tôi lúc nào cũng im ắng và ảm đạm.

Chúng tôi cầm theo đèn lồng và hát vang những khúc nhạc Giáng Sinh trên đường đi. Tôi nắm tay J.B. và chỉ cho nó xem những chòm sao.

“Nhìn kìa J.B., bên đó là Chòm sao Chó Lớn và Chòm sao Chó Nhỏ.”

J.B. thắc mắc. “Làm gì có con chó nào trên trời hả chị Callie.”

“Chúng không phải chó mà là những ngôi sao em à. Những người xưa nghĩ chúng nhìn giống hình dạng con chó thôi em.”

“Chúng nhìn đâu giống Ajax, cũng không giống Matilda. Em nghĩ chị đang nói xạo, phải vậy không. Mẹ dặn mình không được nói xạo mà.”

Chính tôi cũng khó tưởng tượng ra hình dáng con chó, bò mộng hay sư tử từ những đốm sáng nhấp nháy ở nơi xa xôi ấy. Sao người xưa lại tưởng tượng vớ vẩn như thế nhỉ?

Chúng tôi rẽ vào nhà thờ Tin Lành với hàng ngàn chiếc đèn lồng thấp sáng. Tất cả chúng tôi cùng ngồi vào chỗ dành riêng cho mình, trừ Harry phải lên hỗ trợ cô Brown đánh đàn. Cô chơi thật mạnh mẽ, uốn tay lên rất điệu dàng ở mỗi nốt cuối và đập pê-đan đệm điên cuồng trong khi Harry lật trang sách nhạc. Chúng tôi hát bài “Nghe đây, những thiên thần báo tin cất tiếng hát,” và dường như âm nhạc làm tôi có cảm tình hơn với cô Brown đôi chút.

Khi buổi lễ kết thúc, ông Barker đi cùng chúng tôi về nhà. Sam Houston nhéo tôi, thách thức tôi dám hét lên khi đang đi sau lưng người lớn. Tôi liền hích vai xô anh vào vũng nước mưa để trả thù. Đôi giày ướt sũng đó sẽ dạy cho anh ấy một bài học.

Khi vừa rẽ vào khúc quanh vào nhà, chúng tôi ngửi thấy được mùi thơm tỏa ra từ ống khói nhà mình. Cô Viola đã đi cầu nguyện về và cùng ông nội đứng đợi trước cửa. Khi mọi người vào nhà, cô thấp sáng tất cả những ngọn nến nhỏ nháy trên cây thông Giáng Sinh, chúng lấp lánh như những ánh sáng nhiệm màu. Ngọn lửa trong lò sưởi được thắp bùng lên. Trên chiếc bàn phụ, một chiếc tô pha rượu bằng thủy tinh lấp lánh, bên trong chứa đầy rượu đỏ như lá đinh hương. Còn có chiếc bình bạc đựng rượu táo nóng cho trẻ con (dĩ nhiên là rượu nồng độ nhẹ thôi). Tôi để ý thấy một sự thay đổi âm thầm ghi lại một dấu mốc mới: Lần đầu tiên, anh Harry có ly rượu Giáng Sinh riêng.

Bố mẹ tôi định hôn nhau chúc mừng Giáng Sinh, lần duy nhất họ hôn nhau chùn chụt trước mặt chúng tôi; nhưng mẹ chợt nhớ ra sự có mặt của mục sư nên ngại ngùng gục đầu xuống. Bố bèn hôn tay bà thay vì hôn môi và thì thầm, “Ôi Margaret.”

Mục sư hỏi thăm ông tôi tin tức của Cây Nhỏ. Tôi dám chắc là ông ấy cũng hứng thú về Cây Nhỏ như ông Hofacket.

“Chưa nhận được tin tức gì Cornelius ạ.” Ông châm một điếu xì-gà rồi lịch sự phà khói lên trần nhà. “Ông không thể nôn nóng với khoa học được, phải cần nhiều thời gian lắm.”

Sau khi dùng thịt xông khói cho bữa ăn khuya xong, nhìn thấy lũ trẻ nôn nóng, bố mẹ tôi liền phân phát quà. Mặc dù vẫn bảo lưu quan điểm về quà tặng Giáng Sinh của mình nhưng ông Barker vẫn ở lại và đánh giá về những món quà của chúng tôi.

Với gia đình đông đúc như nhà tôi, quà tặng gồm có: một chiếc kính nhìn nổi kiểu mới cho bọn trẻ cùng chia nhau dùng (cơ hội xảy ra thật mong manh). Thiệp tham quan có hình Kim Tự Tháp Ai Cập, Bạch thành Chicago, Cuộc Sống Kỳ Thú Của Dân És-ki-mô. Mỗi người được một trái cam to tươi mọng, thứ hiếm có

và đất đỏ trong mùa đông giá lạnh. Tôi sẽ để dành nó lại để ăn sau.

J.B. được tặng một con ngựa bập bênh mới toanh, nó đã chơi cái xích đu cũ đến tan tành hết rồi. Con ngựa được bọc da bò và có chiếc đuôi bằng lông ngựa thật. Sul Ross thì được tặng rất nhiều đồ chơi bằng gỗ và con vục xoay. Travis nhận cuốn sách về nuôi dạy thỏ để giải trí và kiếm lời, cùng một chiếc lược chải lông thú. Tôi biết nó mong được tặng một con lừa nhưng nó vẫn tỏ ra vui vẻ. Lamar nhận được một chiếc hộp trong đó đựng thước đo góc, cây thước và chiếc compa. Sam Houston thì được cho sách *Những cuộc phiêu lưu của Sherlock Holmes*. Harry được may cho bộ vest màu xanh dương đậm lịch thiệp, rất hoàn hảo cho một thanh niên chuẩn bị vào đời tung hoành ngang dọc. Và đương nhiên tất cả đều nhận được những đôi tất nâu được đan bởi một tấm lòng chân thật và bằng năng lực trời sứt khác thường. Đôi đầu tiên cho J.B. thì lớn nhón và xộc xệch, nhưng đến khi đan cho mấy anh trai, kỹ thuật của tôi cũng tạm tạm rồi; thậm chí tôi còn đan họa tiết vào đôi tất của bố và ông nội nữa kìa. Đa số đều được làm từ đôi tay mới học việc này đây, mặc dù cũng không tệ hại đến xấu hổ gì lắm, nhưng cũng không chắc chắn nhận được sự tán thưởng. (Tôi nghi ngờ đã có sự sắp đặt trước nào rồi đây.)

Tôi tặng mẹ vài bông hoa ép. Bà còn nhận được đôi hoa tai màu đen có hạt ngọc hồng lựu từ bố, và bà tặng lại ông bộ vest ca rô xanh lá cây lịch lãm để bố mặc đi họp ở Austin.

Cô Viola phụ trách việc bếp núc nhưng cũng đã nhận được quà lúc sáng sớm từ mẹ là hộp thuốc lá ngủi và chiếc áo khoác dày màu đỏ làm bằng vải fla-nen.

Ông nội thì được tặng một hộp xì-gà đặt tận Cuba. Nhãn giấy trên hộp in hình màu một cô gái đang nhảy múa trong chiếc

đầm dài dạ hội; chiếc hộp trông rất hấp dẫn và có kích thước vừa vặn để đựng đồ quý. Tôi nhận thấy anh Lamar đang mê nó lắm nhưng không dám xin ông.

“Xin đi,” tôi thì thầm. “Chỉ cần hỏi xin ông cho chiếc hộp thôi. Ông không làm gì đâu mà sợ.”

“Ông không làm gì em thôi, nhưng sẽ ra tay với anh đấy.”

“Đừng có hèn nhát thế chứ anh Lamar,” tôi dùng từ để khích tướng anh. Lần nào chiêu này cũng hiệu quả.

Anh mon men đến bên ông. “Ông ơi, khi ông dùng xong thuốc thì cho cháu chiếc hộp này được không ạ?”

Ông ngạc nhiên nhìn anh. “Dĩ nhiên là được rồi... Travis ạ.”

Lamar chớp chớp mắt. “Cám ơn ông,” rồi lật đật về chỗ ngồi.

“Thấy chưa?” tôi thì thầm. “Tìm hiểu rồi anh sẽ thấy ông rất tốt bụng.”

“Ông gọi anh là Travis kìa,” anh thì thào.

Tôi khúc khích cười làm anh lườm tôi. Tôi bảo, “Thì ít ra anh cũng xin được chiếc hộp rồi còn gì.”

“Sao em lại không xin nhỉ?”

“Em có hai - à, không, ba - tận ba cái rồi.”

“Vậ à, hoan hô em đấy.”

Đôi lúc Lamar quả thật rất khó ưa.

Rồi, xem nào, xem tôi được gì nào? Chà, mấy đứa em cho tôi một túi đầy kẹo còn mấy anh trai thì tặng nơ buộc tóc. Bố mẹ thì tặng tôi một chiếc hộp bạc ấn tượng, bên trên có khắc mấy chữ cái đầu của tên tôi và một món quà khác nữa. Tôi đoán được ngay là quyển sách mặc dù nó được gói trong tờ giấy màu nâu. Ôi, sách, thật thú vị khi lại có thêm được một cuốn trong bộ sưu tập nhỏ nhắn trên kệ sách phòng tôi. Cuốn sách thật dày và nặng trịch nên tôi biết ngay là sách tham khảo hoặc có thể là bách khoa toàn thư. Tôi xé dần giấy gói, chữ *Khoa học* nằm trong vòng xoắn trang trí từ từ hiện ra.

“Ô,” tôi thốt lên. Tuyệt vời quá! Nhưng ngoài cuốn sách đang rành rành nằm trong tay thì điều làm tôi sung sướng hơn cả là bố mẹ đã hiểu ra điều gì đang cần thiết để nuôi sống tôi. Tôi phấn khích nhìn bố mẹ và cười toe toét. Họ cũng mỉm cười và gật đầu nhìn tôi. Tôi xé hết phần giấy gói còn lại, phơi bày ra toàn bộ tựa sách: *Khoa học Nội trợ*.

“Ôi trời!” tôi ngớ ngẩn nhìn nó. Tôi chẳng hiểu gì cả. Từ này có nghĩa gì nhỉ? Nó được viết bằng tiếng Anh thật không đầy hả trời? *Khoa học Nội trợ*, tác giả Josiah Jarvis. Không thể như thế được. Tay đôi như hóa đá. Tôi lóng ngóng mở sách ra và đọc mục lục: “Nghệ thuật nấu ăn cho người không có năng khiếu.”, “Nước xốt và đồ chua thông dụng.”, “Tẩy rửa những vết bẩn cứng đầu.” Tôi nhìn chăm chăm vào mấy chuyên mục chán ngấy ấy.

Những mẩu đối thoại thưa thớt dần và không gian trở nên im ắng, chỉ còn tiếng kéo kẹt của J.B. đang cưỡi ngựa gỗ trong góc phòng. Tất cả mọi ánh mắt đều đổ dồn về tôi. Tôi nhìn ông đang nhú mày suy ngẫm. Tôi nhìn mẹ đang chuyển từ mặt tái thành đỏ bừng. Tôi đã mắc tội làm xấu hổ mẹ trước khách khứa rồi. Sắc mặt bà sa sầm lại.

Bà đánh giọng, “Con vừa nói gì đấy Calpurnia?”

Calpurnia vừa nói gì à? Tôi có thể nói gì đây? Rằng tôi muốn vứt bỏ, à không, tốt nhất là ném nó ngay vào lò sưởi ấy chứ? Rằng tôi muốn thét gào phản đối sự bất công này? Rằng giây phút này tôi có thể trở nên cực kì bạo lực và đâm vào mặt họ, kể cả ông nội? Vâng, ngay cả ông nội luôn. Ông cứ ủng hộ khích lệ tôi cho dù ông biết rằng chẳng có thời đại hay cuộc sống mới nào cho cô bé này cả. Án tử hình đã được bố mẹ phán lên mình tôi. Chẳng có lệnh khoan hồng hay miễn xá gì cả. Không có một sự giúp đỡ đến từ nơi nào, kể cả ông hay bất cứ ai khác. Mề đay lại bắt đầu nổi đầy lên cổ tôi rồi.

“Calpurnia?”

Sự mệt mỏi cùng cực đổ ập lên tôi như cơn sóng thủy triều, nhấn chìm nốt cả cơn giận. Tôi đã quá đuối rồi, không còn sức lực nào để chống trả. Rồi tôi làm một việc khó khăn nhất trong đời mình. Tôi lặn hụp xuống đến đáy nhân cách và trồi lên nở một nụ cười nhạt nhẽo.

Tôi thì thầm, “Cám ơn.” Chỉ ngắn gọn hai từ. Chỉ là hai từ miễn cưỡng phát ra từ cái miệng giả dối của tôi mà thôi. Mắt ngân ngấn lệ, tôi cảm thấy mình như đang tan rã hết cả ra.

Ngay lúc đó J.B. ngã khỏi con ngựa gỗ và khóc thét âm ỉ. Trong sự bối rối của cả nhà, tôi gom đồ đạc của mình rồi lẻ lên phòng, một mình ngồi bên bệ cửa sổ trông ra màn đêm. Vài phút sau, tôi trông thấy ánh đèn lồng của mục sư xa dần mập mờ như chú đom đóm trong đêm tối. Sul Ross và J.B. đang chạy chơi đùa giỡn âm ỉ trên cầu thang. Tôi thay váy ngủ rồi chui vào giường. Tôi nhìn lại những món quà nằm trên bàn gương cạnh chiếc hộp thủy tinh đựng tổ chim ruồi: mấy cái nơ, chiếc hộp bạc và quyển sách. Rồi tôi nhắm mắt lại, mệt nhoài, nức nở đến khi chìm vào giấc ngủ.

CHƯƠNG 26

TIN TỨC ĐẾN RỒI

Mặc dù mỏ và bàn chân của loài chim thường sạch sẽ nhưng tôi vẫn có thể chứng minh rằng đôi khi đất đá vẫn bám vào đó: có lần tôi cạy ra cả hai mươi viên đất sét nhỏ từ chân của chú gà gô, trong đồng đất đó còn có cả một viên sỏi to cỡ hạt giống đậu tằm.

NHIỀU THÁNG BUỒN TẼ TRÔI QUA, tôi lục lại thùng thư liên tục, cần mẫn như một con chim ó, duyệt qua hàng loạt những bức thư nhạt nhẽo và hóa đơn, song chẳng có gì khác ngoài sự thất vọng trắng tay. Nhưng rồi hai ngày sau Noel tin tức tốt cuộc cũng đến, có điều không phải dưới dạng thư từ thông thường như chúng tôi vẫn chờ đợi.

Nó được gửi đến qua điện tín cá nhân, một sự kiện đáng sợ. Doanh nghiệp dùng thư tín để giao dịch, nhưng cá nhân chỉ dùng để báo tử cho gia đình mà thôi. Hôm đó, điện tín viên Fleming đạp xe đến nhà tôi, bức điện tín nằm gọn trong túi xách. Ông từng là binh nhì trong Thời Chiến, vì vậy mặc dù ông Fleming không phục vụ dưới quyền ông nội nhưng vẫn dành cho ông nội tôi một sự kính trọng đặc biệt và luôn sẵn sàng phục vụ ông. Tôi gặp ông Fleming ở lối vào nhà, khi tôi đang đào bới bên rãnh mương khô khan tìm nguồn nước. Đương nhiên là không có nước rồi, cũng chẳng có ý nghĩa gì, nhưng nếu không thơ thần ở đây thì tôi lại phải vùi đầu vào cuốn quà tặng Noel trong phòng mà thôi.

“Callie Vee,” ông dựng xe đạp và gọi tôi, “ta có điện tín cho ông Tate.” Tôi nghĩ rằng điện tín này chắc hẳn gửi cho bố, và lục lại

trong trí óc xem ai là người xấu số. Có lẽ là bà cô già nua của bố ở Wichita mà tôi chưa từng gặp bao giờ.

“Điện tín từ Wichita phải không ông?” tôi hỏi.

“Không. Ta không được phép nói ra. Mà thôi được rồi, tại cháu ép ta đấy nhé, điện tín từ Washington.”

“Cái gì cơ?”

“Gửi từ nơi nào đó ở Washington.”

“Bố cháu biết ai ở Washington à?” Chắc việc gì liên quan đến giao dịch bông, nhưng sao lại không gửi đến thẳng xưởng tủa hột bông nhỉ.

“Không phải gửi cho bố cháu mà cho ngài Đại úy Tate.”

“Gửi cho ai ạ?”

“Không phải cho bố cháu mà cho ông nội của cháu.”

“Ông nội ...”

“Ta nghĩ rằng ông ấy sẽ muốn xem nó ngay đấy,” ông Fleming bảo.

Tôi lấy lại giọng hoạt bát, “Đưa ngay cho cháu đi ạ!”

Ông lấy làm ngạc nhiên và ngó lom lom như thể tôi bị điên vậy. “Cháu nói kiểu gì vậy? Ta đâu thể đưa nó cho cháu được.”

“Đưa điện tín đấy ngay cho cháu!”

“Này cháu bé, cháu đang hỗn hào lắm đấy nhé. Cháu bị làm sao vậy? Ta không thể đưa nó cho cháu được. Ta phải đưa cho người

thành niên trên 18 tuổi. Nội quy của công ty chỉ rõ rằng ta phải đưa nó cho người thành niên...”

“Xin lỗi, xin lỗi...”

“...và ta chấp hành nhiệm vụ của mình cực kì nghiêm túc đấy nhé.”

Tim tôi đập mạnh đến nỗi như muốn văng ra khỏi lồng ngực. “Vào nhà đi ông Fleming.” Tôi nắm tay và cố kéo ông vào nhà, nhưng ông đang dắt theo xe đạp và cũng không phải dạng người dễ để lôi đi. Quảng đường vào đến nhà tưởng chừng như xa vời vợi. Tôi cảm giác mình đang bị mắc kẹt trong ác mộng, lúc đang bị chìm trong cát lún. “Nhanh đi ông!”

Vào đến hiên nhà, ông Flemming dừng lại, vung tay tôi ra rồi chỉnh lại mũ cho vuông vức. Tôi mở bật cửa rồi hét lớn, “Ông ơi! Ông đang ở đâu?”

Mẹ nhỏ nhẹ nói vọng ra từ phòng khách, “Calpurnia, đừng có hét toáng lên như vậy. Cô Purtle đang đến chơi. Vào đây chào cô nào con yêu.”

Bình thường tôi đã nhanh chóng bước vào phòng khách theo mệnh lệnh của bà, nhưng trong mắt tôi giờ chỉ có cánh cửa thư viện đóng im ỉm. Làm sao bây giờ? Tôi xoay mòng mòng trong tiền sảnh như bong bóng trên mặt nước. Mẹ thoáng thấy bóng ông Fleming đứng sau rồi và tái mặt. Bà biết điện tín thường dùng để làm gì mà.

Ông ngả mũ chào mẹ. “Chào bà Tate. Xin lỗi vì đã làm phiền bà, tôi đến để chuyển điện tín từ Washington cho Đại úy Tate.”

“Washington?”

“Chúa ôi, thú vị vậy,” cô Purtle bồn chồn.

“Mời vào ông Fleming. Đại úy đang ra ngoài sông thu thập mẫu vật rồi nhưng tôi không biết tìm ông bằng cách nào nữa,” mẹ bảo.

“Con biết, con biết!” tôi hét lên rồi tông cửa ra ngoài. Cánh cửa chớp đóng sập ngay khi mẹ vừa lên tiếng, “Xin thông cảm cho con gái của tôi...”

Tôi phóng như bay ra đường và xộc vào bụi cây rậm rạp trên lối hươu chạy dẫn ra sông dọc theo khoảnh đất hình lưỡi liềm. Tôi cúi người như hươu và luồn lách như cáo; tôi chưa bao giờ thấy mạnh mẽ và có thể chạy nhanh đến thế.

“Đến rồi!” tôi gào lên. “Tới rồi! Tin tức tới rồi ông nội ơi!”

Ông không có mặt ở con lạch nhỏ như tôi nghĩ. Tôi chạy dọc theo dòng sông về hướng Nam, miệng không ngừng gọi tên ông. Đến mỏm đá nhỏ trên đảo và những nơi tương tự như vậy nhưng cũng không thấy bóng dáng ông đâu. Tôi còn chạy mất năm phút đến con đập cạnh xưởng tủa hột bông. Lúc này tôi chỉ muốn thét lên trong nỗi tuyệt vọng. Trước đây lúc nào tôi cũng biết phải tìm ông ở đâu cơ mà, đến lúc cần thì như vậy đấy.

Hai chú điều hâu đuôi đỏ đang đậu trên cây sồi bị tôi làm giật mình nên quát lên inh ỏi. Một đút cả hơi, tôi vẫn chạy điên cuồng nhưng chẳng còn chút sức lực nào để cất tiếng gọi. Trong óc tôi vang lên âm điệu đều đặn theo từng bước chạy: ông nội ông nội ông nội. Tôi còn chạy ngang qua giữa một gia đình lợn hoang đen sì đang sục mồm đào bới hồ đào làm chúng náo loạn trong phần nộ.

Đến xưởng tĩa hột bông, tôi tìm đến ông O'Flanagan, dạo này ông đã dời Polly ra ngoài để cùng nó hít thở không khí trong lành. Ông đang đứng bên mép tua-bin nước, nhàn nhã phì phèo điếu xì-gà, đưa mắt nhìn qua cái bụng đầy đà xuống dòng sông bên dưới. Khi tôi hỏn hển nói vọng lên, Polly liền xù mào và ném cho tôi một cái nhìn hằn học hiểm ác.

“Ông có thấy ông nội của cháu không?” tôi thét lên. Nhìn mặt ông đủ để đoán là không thấy rồi.

“Có chuyện gì vậy cháu?” ông hỏi lại vẻ lo lắng. “Có gì không ổn à?”

Tôi băng qua đường đến tòa soạn, đẩy tung cửa vào trạm điện thoại, làm chị Maggie Medlin, đang ăn sandwich bên cạnh trạm chuyển đổi tín hiệu, giật nảy mình.

“Chị có thấy ông nội của em không?” tôi gào lên.

Mất một lúc chị mới nuốt được hết miếng bánh trong miệng rồi trả lời, “Hôm nay chị không thấy ông ấy. Mọi chuyện ổn chứ em?”

Tôi quay người bỏ đi và đâm sầm vào ông O'Flanagan, thì ra ông đã đi theo tôi nãy giờ. Maggie nói vọng ra, “Chị có cần gọi bác sĩ cho em không?”

“Calpurnia, có ai bị thương à?” ông O'Flanagan hỏi. Ông cứ đứng cản đường. Tôi hết tránh qua phải rồi né qua trái nhưng ông ta cứ lạng người theo. Nhìn mập thế mà di chuyển nhanh gọn. Ông chộp lấy vai tôi và rung người tôi bần bật làm tôi phải nhìn ông ấy.

“Calpurnia, nói cho ta biết. Cháu bị thương à? Hay ai bị thương?”

Tôi dừng lại cố gắng lấy lại hơi thở. Và bất chợt cảm thấy mệt lả người và quá sức chịu đựng. Tôi cảm thấy mình... bị bỏ rơi. Thời gian vui vẻ hạnh phúc của ông cháu tôi đâu rồi? Tôi đã đánh mất nó như thế nào nhỉ? Sao tôi lại không can đảm đấu tranh cho nó? Và bây giờ ông đang ở đâu trong một ngày trọng đại nhất cuộc đời thế này cơ chứ? Trước đây mỗi khi cần tôi đều tìm thấy ông cơ mà. Để bây giờ ông đang đi tìm mẫu vật ở một nơi mà ông cháu chưa từng đến làm tôi chẳng biết tìm ông ở đâu. Nơi nào đó thật bí ẩn, thật riêng tư. Ôi, ông đi tìm mẫu vật mà không có tôi bên cạnh.

Câu hỏi cho Sổ Tay: Sao ông lại làm vậy? Trả lời: Ông làm vậy vì đã chán ngấy Calpurnia và muốn được yên tĩnh một mình. Hay là đã quá mệt mỏi với nó và cái tính trẻ con của nó. Phải vậy không Calpurnia? Phải vậy thật không?

“Không có ai bị thương đâu ông,” rốt cuộc tôi cũng mở miệng thốt lên được, nhưng trong đầu lại lớn vồn những ý nghĩ: phải chăng có sự bức bối nào thoáng hiện trên gương mặt ông khi mấy ngày trước tôi vào thư viện phiên lúc ông đang đọc sách hay không? Bố mẹ đã nói chuyện với ông chưa? Rằng ông đang làm ảnh hưởng xấu đến tôi và nên dành sự quan tâm này cho mấy anh em trai khác thì tốt hơn? Còn chuyện tôi quên chú thích lại vị trí hai ông cháu tìm ra cây đậu tằm lông ngay từ đầu nữa. Ôi, chắc là thế rồi, mặc dù tôi đã tìm lại được nhưng ông hẳn chưa tha thứ cho sự ngu ngốc của tôi vì bất cẩn không ghi chép ngay từ đầu. Ông còn khuyến khích tôi tập đan len và rèn luyện thêm kỹ năng bếp núc vài tháng trước khi mẹ bắt đầu đàn áp tôi dồn dập mà. Ông cũng chẳng màng an ủi khi tôi cầm trên tay cuốn *Khoa học Nội trợ* đáng ghét ấy nữa. Vậy là ông luôn biết rằng tôi không thể nghiên cứu khoa học cả đời mà chính cái bấy nội trợ ấy mới luôn cản chặc lấy tôi không buông. Nghĩ đến đây tôi chợt òa khóc.

“Ôi cháu bé ơi, chuyện gì vậy?” ông O’Flanagan lo lắng vỗ về tôi.
“Nào nào. Để ta dẫn cháu về cho mẹ nào.”

“Được rồi, cảm ơn ông O’Flanagan. Cháu không sao đâu ạ,” tôi sụt sịt.

“Cháu chắc chứ? Nhìn cháu không ổn chút nào cả.” Vẻ mặt ông chột sa sầm lại, “Hay đang có ai... rượt đuổi cháu?”

“Không, không đâu ạ, cháu chỉ muốn tìm ông nội thôi,” tôi vẫn nức nở nên ông chẳng mấy tin lời tôi. Tôi lôi khăn tay ra khỏi túi áo và vài giây sau thì nó đã ướt đẫm. Tôi chẳng thể nào kiềm chế được nước mắt của mình nữa.

“Cầm lấy này,” ông đưa cả khăn tay của ông cho tôi. “Có vẻ cháu cần nó hơn ông đấy. Giữ lấy rồi về nhà với mẹ đi.”

Tôi nhận thấy rằng ông O’Flanagan sẽ không bỏ đi nếu tôi còn trong tình trạng này. Tôi bèn xì mũi rồi lấy hết sức bình sinh kìm nén mình lại.

“Cháu ổn mà,” tôi khụt khịt. “Cháu về nhà đây. Cháu không sao đâu. Cảm ơn ông, cháu đi đây.” Ông miễn cưỡng để tôi đi. Tôi lê bước ra đường rồi thất thểu về nhà.

Ông nội đã cho tôi đọc sách của Darwin. Ông đã cho tôi khả năng để sống một cuộc sống khác, nhưng mọi thứ này chẳng có nghĩa lý gì cả. Thay vào đó *Khoa học Nội trợ* mới là cuộc đời tôi. Tôi thật mù quáng và thất bại. Sắp bước qua thế kỉ mới rồi mà cuộc sống của tôi vẫn dậm chân tại chỗ. Đúng vậy, cuộc đời bé mọn của riêng tôi ơi, ta phải tập chấp nhận mi rồi. Nước mắt tôi lại tuôn trào như mưa, cùng nước mũi nhòe nhoẹt hết cả chiếc tay của ông O’Flanagan. Chỉ còn một câu hỏi cuối cùng cho Sổ Tay và tôi sẽ đóng nó lại rồi quẳng vào góc, câu hỏi về bức điện

tín: Có hay không? Ông nội phải cho tôi biết. Tôi sẽ bắt ông nói sau những gì ông đã nợ tôi.

Tôi đưa phần khô ráo còn lại của chiếc khăn tay lên lau mặt rồi ngoái đầu lại. Biết ngay mà, ông O'Flanagan đang lẻo đẻo theo sau để xem tôi có về nhà an toàn không, nhưng vẫn vờ như đang không theo dõi. Thôi cũng an ủi, ít ra cũng có người còn quan tâm đến tôi.

Đợi đến khi thấy tôi rẽ vào nhà thì ông mới quay đi. Tôi chấn chỉnh lại mình trong trạng thái tốt nhất để tránh vướng vào thêm những câu chất vấn.

Mẹ vẫn ngồi trong phòng khách cùng cô Purtle và đang rót trà. Cô Viola bước vào, đeo tạp dề trắng và khệ nệ bưng chiếc đĩa bạc đựng đầy bánh mứt chanh. Ông Fleming đang ngồi trên chiếc ghế xoay, tách trà yên vị trên đùi, túi đựng điện tín nằm dưới chân. Có vẻ ông đang rất thông thả, chẳng vội vàng ra về khi chưa biết trong điện tín từ Washington nói gì.

Mẹ tôi ngược mặt lên hỏi, “Chuyện gì vậy Calpurnia? Con có tìm được ông nội không?”

“Không có gì đâu ạ,” tôi hờ hững đáp. “À, con không tìm thấy ông.”

“Thưa bà,” cô Viola bảo, “Đại úy Tate đang làm việc ở túp lều sau nhà mà.” Cô Viola không bao giờ chịu kêu nó là phòng thí nghiệm hay phòng ở cho nô lệ xưa cả.

Trong túp lều sau nhà? Phòng thí nghiệm à?

Mẹ nghiêm nghị bảo. “Thế mà tôi đã nghĩ ông ra sông đấy. Calpurnia, ra mời ông vào đây đi. Không thể để ông Fleming đợi

cả ngày được.”

“Ồ, không vấn đề gì đâu thưa bà,” ông nói rồi đẩy tách trà về hướng bình trà, “không sao đâu mà.”

Không ra sông à?

“Ông muốn dùng thêm trà không ông Fleming?”

“Ôi sao lại không chứ, cảm ơn bà.”

Vậy là ông không ra sông đi tìm mẫu vật một mình và bỏ tôi ở lại. Chỉ là đang làm việc trong phòng thí nghiệm mà không có tôi thôi.

“Calpurnia? Con không nghe mẹ nói à? Ra mời ông vào đây. Bà Purtle này, hãy nếm thử mấy chiếc bánh này xem, rất ngon đấy. Một tuyệt tác của Viola đấy nhé.”

Tôi gật đầu một cách vô thức. “Vâng, con sẽ đi mời ông vào ạ.”

Tôi đi xuyên qua bếp, lúc này cô Viola đang chuẩn bị nấu cơm tối. Cô ngược mặt lên hỏi. “Cháu định làm gì vậy? Trông cháu buồn cười thế nào ấy.”

“Cháu chẳng định làm gì cả.” Tôi xả nước chiếc khăn tay của ông O’Flanagan rồi ấn vào mặt. “Cháu vui mà, nên nhìn buồn cười là phải rồi,” tôi lẩm bẩm qua lớp khăn.

“Cái gì chứ?” cô hỏi trong tiếng ấm nước sôi rít liên hồi.

Tôi lấy khăn khô lau mặt rồi ngấm mình trong chiếc gương bể treo trên cửa sau. Mặt tôi vẫn còn đỏ và ửng rửng, nhưng không còn nhìn như phát cuồng lúc này nữa rồi. Đây có phải cái mặt đã làm

cho ông chán ngán không hay chỉ vì quá ngu ngốc khi kết luận mọi việc quá sớm?

“Cô Viola à? Cô có nghĩ cháu nhàm chán không? Cô có nghĩ cháu là đứa ngốc không?”

“Hả? Cháu có thể là thứ này thứ nọ, nhưng nhàm chán và ngu ngốc thì không đâu.”

“Cô chắc chứ?”

“Sao cháu lại nghĩ đến mấy thứ này vậy?”

“Cô Viola à, chuyện này quan trọng đây.”

“Câu trả lời là không,” cô đáp rồi quay lưng đi tiếp tục nấu nướng. Tôi nhìn đôi vai khắc khổ và đôi tay mảnh khảnh nhưng dẻo dai đang làm việc không ngừng nghỉ cho bữa ăn tối, chợt nhận ra rằng bấy lâu nay tôi vẫn hay dựa dẫm vào cô về nhiều thứ khác hơn chứ không chỉ có thức ăn. Và cô Viola chưa bao giờ nói dối tôi nửa lời nên chắc bây giờ cũng vậy. Tôi bước đến choàng tay ôm ghì lấy eo cô. Lúc này tôi thật sự ngỡ ngàng về sự nhẹ cân và bộ xương nhỏ nhắn như xương chim ấy. Thật thú vị khi bộ khung mỏng manh như thế lại có thể gánh vác cả con người to lớn.

“Thôi nào, để cô làm việc nào,” cô bảo.

“Vâng thưa bà.” Và gắt gỏng khó khăn như thường lệ.

“Cô không phải là bà cô gì ở đây đâu nhé,” cô nói vọng theo. Tôi xộc ngang đám Mèo Sân Vườn đang lớn vồn ngoài hiên sau đến phòng thí nghiệm. Chân tôi nặng như chì, đoạn đường gần ngay trước mắt nhưng như xa tận chân trời.

Tôi giở tấm bạt phủ làm cửa ra vào và nhìn thấy ông đang ngồi trên ghế bành, ngắm nghía một hóa chất gì đó nằm trong lọ thí nghiệm trên bàn. Đoạn ông ngược lên nhìn tôi, vẻ mặt đăm chiêu lạ lẫm.

“Nó tới rồi ông ơi,” tôi bảo.

“Nó nào chứ?”

“Tin tức về Cây Nhỏ đến rồi ông ạ.”

Ông chột im lặng.

“Có một bức điện tín được chuyển đến từ Washington ông ạ,” tôi bảo.

“À.” Ông chuyển hướng ngược mặt lên trần nhà và thì thầm, “Trong đó viết gì?”

Tôi thộn mặt ra. “Cháu không biết nữa,” tôi lắp bắp. “Cháu không mở nó ra. Cháu có được mở đâu. Nó được gửi cho ông mà.”

“Trời ơi Calpurnia, ông nghĩ cháu đã phải mở nó rồi chứ, nhân danh là một thành viên của sự kiện này chứ. Cháu có bị sao không vậy?”

Tôi gật đầu nhưng không dám tự tin để lên tiếng.

“Thôi nào. Chúng ta phải thật tươi tắn khi nhận điện tín từ Washington phải không.”

Ông đứng dậy, chỉnh đốn lại chiếc áo khoác nhẵn nhúm, vươn đôi tay to bản ra vuốt tóc và chỉnh lại chiếc nơ cho tôi. “Cháu sẵn sàng chưa?”

Tôi lại gật đầu. Ông đưa tay ra cho tôi. “Đi nào cháu.”

Tôi nắm lấy tay ông rồi cùng bước ra, không thốt lên lời nào. Hai ông cháu định đi vào cửa sau thì tôi có ý kiến, “Khoan đã.” Ông đứng lại nhìn tôi. “Gì vậy cháu?”

“Cháu nghĩ,” tôi run run đáp, “chúng ta nên đi bằng cửa trước vào ngày hôm nay ông nhỉ?”

“Chính xác,” ông đồng tình, rồi hai ông cháu chậm chậm vòng ra cửa trước, khi đi ngang cửa sổ phòng khách, ba cặp mắt trong đó tò mò dõi theo. Tinh thần tôi trở nên căng thẳng tột độ khi ra tới hiên nhà. Mấy đóa hoa loa kèn đang héo úa; còn hoa thường xanh thì rụng cánh; bầu trời màu cá thu. Tôi cảm giác được áp lực của một cái gì đó rất quan trọng đang đè nặng cả bầu không gian, thêm vào đó là cái lạnh rờn rợn bao trùm khắp người. Tay trong tay, hai ông cháu bước lên bậc thềm trước nhà, rồi ông mở cửa và cúi đầu mời tôi vào nhà. Tim tôi loạn nhịp.

“Ngài Đại úy Tate.” Ông Fleming lên tiếng gây ấn tượng ngay trong phòng khách. “Rất vui được gặp ngài. Tôi xin kính chuyển ngài bức điện tín đến từ Washington. Chính xác là từ Quận Columbia chứ không phải tiểu bang nào khác đâu ạ.”

“Rất cảm ơn ông Fleming. Chân thành cảm tạ.”

“Tôi biết là nội dung rất quan trọng nên vội vàng đem đến đây ngay đây ạ.”

“Cảm ơn ông Fleming. Thành thật cảm ơn.”

“Tôi không thể tin tưởng giao chúng cho bất cứ nhân viên nào cả.”

“Cảm ơn ông Fleming. Rất cảm ơn.”

“Ồ, đừng hiểu lầm ý tôi nhé. Họ đều là những nhân viên giỏi, nếu không tôi đã không thuê họ làm việc rồi. Nhưng đôi lúc họ cũng mắc sai sót và tôi nghĩ...”

Mẹ xen vào, “Ông Fleming à, chắc ông có thể đưa cho đại úy bức điện tín rồi đấy ạ. Được không ạ?”

“Ồ, vâng, dĩ nhiên rồi thưa bà.” Ông lục lạo trong túi xách rồi lấy nó ra. “Đây rồi. Chuyển trực tiếp từ Washington. Đúng vậy đấy, chính xác là từ đó đấy ạ.”

Cô Purtle kêu lên rồi đưa tay lên vỗ ngực. Tất cả cùng nhìn vào phong thư một cách mê mẩn.

Ông nội bước tới và ông Fleming đặt nó vào tay ông. Ông tôi nhẹ nhàng đón lấy. “Thật làm phiền ông quá, ông Fleming ạ.” Ông thọc tay vào túi định rút xu ra thưởng.

Nhưng ông điện tín viên nhất quyết chối từ. “Không đâu Đại úy Tate ạ. Tôi không nhận ơn nghĩa gì từ ngài đâu ạ. Đây là niềm vinh hạnh của tôi mà.” Nói rồi ông khép chân lại và kính cẩn đưa tay lên chào cờ.

“Ông thật tốt bụng.” Chợt nhận thấy ông Fleming không định trở lại tư thế bình thường, ông tôi bảo, “Thư giãn đi ông.”

Ông Fleming trở lại ngay tư thế bình thường. Chúng tôi cùng đứng đó nhìn ông nội lom lom, còn ông thì đang ngắm nghía bức điện tín.

“À,” ông bảo rồi ngược lên. “Cám ơn lần nữa vì đã làm phiền ông Fleming.” Rồi ông cúi đầu chào mẹ và cô Purtle. “Quý bà.” Đoạn ông nắm lấy bức điện tín và bước ra ngoài. Miệng ai cũng há hốc ra trong kinh ngạc, ai cũng cảm thấy bức bối và không công

bằng chút nào cả. Ai mà chịu nổi cơ chứ? Sao ông lại làm thế nhỉ? Sao ông lại đối xử với tôi như thế nhỉ?

“Calpurnia,” ông gọi vọng lại từ tiền sảnh, “cháu không đi theo ông à?” Tôi thoáng tê liệt trong một giây rồi guồng máy lấy lại ngay sức mạnh và chạy theo ông, mặc kệ chuyện trong phòng khách. Tôi trượt vào thư viện cùng ông. Ông lặng lẽ mở cửa rồi vào phòng. Lò sưởi chưa được đốt nên căn phòng thật lạnh lẽo. Tấm màn cửa màu xanh tím cũng được kéo ra đón ánh nắng nhợt nhạt của mùa đông vào phòng.

Ông ngồi xuống bàn. “Đem cho ông ngọn đèn nào.” Mặt ông ngồi lên nét gì đó trộn lẫn giữa niềm hân hoan và nghiêm nghị.

Tôi run rẩy đốt đèn lên. Nếu như lời phúc đáp là không thì sao nhỉ? Vậy ông cháu tôi sẽ ra sao? Hóa ra sẽ chỉ là một ông già gàn dở và một con bé ngớ ngẩn hay sao. Nhưng nếu là phải thì sao nhỉ? Đồng nghĩa với danh dự, vinh quang và tiếng tăm đúng không nào? Vậy là chúng tôi không giống như những người bình thường? Biết hay không biết sẽ tốt hơn nhỉ? Nhưng dù là trắng hay đen thì ông nội vẫn yêu mến tôi phải không?

Tôi ngồi lên chiếc yên lạc đà, ước mình có thể cho thời gian dừng lại.

Ông nhìn bề mặt trắng ngà của phong bì rồi dùng dao rọc giấy bằng sứ từ tốn rách nó ra. Bức điện tín chỉ vồn vện một trang giấy gấp. Ông đưa nó cho tôi.

“Đọc cho ông nghe nào cháu yêu.”

Tôi đón bức thư mà run bắn bật. Tôi mở nó ra, để cạnh chiếc đèn rồi đọc, hơi dài giọng một chút:

Thân gửi ông và cô Tate,

Chúng tôi, những thành viên trực thuộc Ủy Ban phân loại Thực vật của Trung tâm nghiên cứu Khoa học Hoa Kỳ, xin trân trọng thông báo với các bạn rằng: sau nhiều công đoạn nghiên cứu và tìm hiểu, chúng tôi kết luận rằng các bạn đã tìm ra được một giống đậu tằm lông mới chưa được biết tới. Nó thuộc lớp Dicotyledon; bộ Fables; họ Fabaceae; loài Vicia. Theo thông lệ, mẫu vật mới sẽ được đặt tên dựa theo danh xưng của người tìm ra nó hoặc tùy sự chọn lựa của người tìm ra, miễn là không trùng với tên đã được sử dụng. Chúng tôi xin đề nghị đặt tên nó là Vicia tateii được không ạ? Điều này phù hợp với quy ước đặt tên thông thường cho việc phân loại. Nhưng đương nhiên các bạn cũng có thể tự đặt tên cho nó. Quyết định là ở các bạn. Trung tâm xin chúc mừng cho sự khám phá sáng suốt của các bạn. Tất cả vì mục đích khoa học...

Henry C.Larivee, Chủ tịch

Ủy ban Phân loại Thực vật

Tôi cẩn thận gấp miếng giấy lại đặt lên đùi rồi nhìn ông. Ông lặng người nhìn vào khoảng không một lúc lâu. Tôi cảm thấy mình nên nói gì đó vào lúc này nhưng chẳng thể tìm ra điều gì để mở miệng. Căn phòng hoàn toàn chìm trong im lặng. Xa xa văng vẳng tiếng tru đặc trưng của Matilda. Thật lạ lùng khi tôi có thể nhận ra tiếng của nó trong lúc này. Gần hơn nữa là tiếng chảo lạnh canh trong bếp. Rồi tiếng cửa chớp bằng gỗ đóng sầm lại khi hai đứa em tôi rượt đuổi nhau ngang tiền sảnh. Kế đó là tiếng đàn piano vang lên những giai điệu da diết, anh Harry lại bị bắt biểu diễn cho khách nghe rồi. Lúc này, tiếng nhạc dường như kéo ông tôi trở lại với thực tại. Mặt ông có vẻ đăm chiêu, suy tư và buồn man mác.

“Đúng rồi,” rốt cuộc ông cũng mở miệng.

“Đúng gì hả ông?” tôi chẳng biết nói gì hơn cả.

Một phút sau ông mới đáp, “Nhạc của Chopin. Ông rất thích bản nhạc này đây Calpurnia ạ...” ông ngập ngừng.

“Sao hả ông?”

“Cháu có biết...”

“Vâng thưa ông?”

“Rằng ông thích bản nhạc này nhất trong tất cả những tác phẩm của ông ấy không.”

“Không ạ.”

“Nó thường được gọi tên là ‘Mưa rơi.’

“Cháu không biết ạ.”

Chợt cô Viola rung chuông báo hiệu giờ cơm tối, vậy là cô sắp gõ cổng ở chân cầu thang rồi đây.

Ông bỏ mặc tiếng chuông. “Câu hỏi duy nhất là, chúng ta sẽ sử dụng phần thời gian ít ỏi được giao cho ra sao đây?”

Tôi tự hỏi xem hai ông cháu có nên thảo luận về bức điện tín hay không. Tôi chẳng muốn nghe tiếng cổng tí nào cả. Chỉ là ăn tối thôi, có thể ăn sau mà. Đáng lý ra ông cháu tôi phải được tự do ngồi đây trò chuyện chứ. Tôi đảo mắt khắp phòng, nhìn ngắm nào là sách, thú nhồi bông và những chiếc lọ đựng quái vật nữa.

“Ông nội ơi?”

“Gì cháu?”

“Bức điện tín thì sao ạ?”

“Sao là sao hả cháu?”

“Thì...” ngay lúc này cô Viola gõ cổng. Âm thanh này thật cản trở và đáng ghét quá mức.

“Cháu định hỏi gì về nó à?” ông hỏi.

“Không,” tôi chậm rãi đáp. “Chắc là không có gì ạ.”

“Cháu có từng nghi ngờ không?”

“Có lẽ là không, nhưng...”

“Còn quá nhiều thứ để học hỏi, cháu thấy không, nhưng chúng ta lại có quá ít thời gian. Ông già rồi. Ông nghĩ ông sẽ chết trước khi tin tức đến ấy chứ.”

Tôi bước về phía ông và định trả lại bức điện tín nhưng ông không nhận và bảo. “Cháu giữ nó và kẹp vào Sổ Tay ấy.”

Tôi bỏ nó vào túi rồi vòng tay ôm lấy ông. Ông cũng vòng tay quanh người tôi rồi hôn tôi. Hai ông cháu cứ tựa vào nhau như vậy một lúc lâu đến khi nghe tiếng gõ cửa quen thuộc.

TÔI MONG ĐỢI một buổi lễ ăn mừng. Tôi còn nghĩ đến bánh, biểu ngữ và hoa giấy tung bay nữa. Và mong cả nhà sẽ công kênh hai ông cháu trên vai và đi vòng vòng trong vinh quang. Nhưng suốt bữa tối hôm ấy, ông chẳng hé nửa lời, còn tôi thì vừa ăn vừa cảm thấy thời gian trôi qua dài như vô tận. Có gì không ổn trong tôi ấy nhỉ? Sao tôi lại cảm thấy trống rỗng trong cái ngày vui nhất cuộc đời hai ông cháu thế này?

Suốt bữa ăn mẹ cứ liếc trộm ông và mỉm cười rồi gạt đầu động viên mỗi khi ông ngược mặt lên, như gợi ý ông nói ra nội dung của bức điện tín. Nhưng ông vẫn một mực giữ im lặng và chúi đầu vào đĩa thức ăn. Những tiếng xì xào và ánh mắt tò mò của mấy anh em cũng cho thấy họ cũng đã đánh hơi được có biến rồi.

Rồi chúng tôi cũng kết thúc bữa tối. Chỉ đến khi SanJuanna dọn dẹp món tráng miệng thì ông mới đi ra bàn phụ rồi rót một ly rượu đầy. Ông kiên nhẫn cầm ly đến khi mọi người đều im lặng và hướng mắt về phía mình. Ly rượu bắt được ánh sáng chiếu xuống từ đèn chùm rồi hắt ngược lại muôn màu tia sáng lấp lánh trên chùm râu của ông.

Có vẻ như ông điểm mặt từng người, rồi đột nhiên mở cửa bếp và gọi cả cô Viola vào. Cô vội vã đi lên, tay chùi vào tạp dề, chân mày nhăn lại đầy cảnh giác.

“Thưa quý bà” - ông cúi đầu - “thưa quý ông, ta xin nâng ly chúc mừng. Một điều tuyệt diệu đã đến. Hôm nay ta nhận được điện tín từ Washington. Nó được gửi từ Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Hoa Kỳ, trong đó thông báo ta và Calpurnia đã khám phá ra một loài đậu tằm mới chưa được phát hiện bao giờ. Nó sẽ được đặt tên là *Vicia tateii*.”

Bố cất lời, “Xin chúc mừng!”

Mẹ ngó ông lom lom bằng ánh mắt đầy ngờ vực rồi lại nhìn sang tôi.

Harry hồ hởi, “Ông nội ơi, ông đã ghi danh gia đình mình vào lịch sử rồi.”

“Chị có được giải thưởng gì không Callie?” Jim Bowie hỏi. “Chị thắng được gì vậy?”

“Chị và ông được dành riêng một chỗ trong sách khoa học đấy,” tôi đáp.

“Sách nào cơ chứ? Vậy nghĩa là sao? Chúng ta có được xem những cuốn sách đó không?”

“Một ngày nào đó em sẽ được đọc thôi J.B. à.”

Bố bắt đầu vỗ tay và những tràng pháo tay cùng tiếng reo hò của mọi người tiếp nối theo sau. Đây mới là những gì tôi đang mong đợi, mọi thứ thật sự làm tôi vui vẻ và hoạt bát hẳn lên, mặc dù không đến độ hoành tráng như tôi từng nghĩ.

Bố ra đứng cạnh ông bên chiếc bàn phụ, tự rót cho ông một ly đầy rồi bảo, “Margaret à, em ra tham gia nào!”

Mẹ chăm chú nhìn tôi.

“Margaret ới?”

“Ô,” mẹ quay sang bố bảo. “Chắc cho em một ly nhỏ thôi Alfred à, chỉ là dịp đặc biệt này thôi nhé.”

Ông nội bảo, “Viola à, cô cũng làm một ly nhé?”

Cô Viola nhìn mẹ thăm dò rồi đáp, “Không, không đâu ông Tate ới, tôi không thể...”

Ông phớt lờ lời cô, đặt ly rượu vào tay cô và một ly khác cho SanJuanna - lúc đón lấy ly rượu nhìn cô như muốn xỉu tới nơi. Họ cùng đứng và nâng cốc. Bọn tôi bắt chước theo bằng những ly sữa.

Bố đồng dạc, “Vì sức khỏe, vì sự phồn vinh của chúng ta, và cho dịp đặc biệt này, cho ông nội và dự án khoa học của ông. Bố thừa nhận rằng nhiều lần nghi ngờ về thời gian ông bỏ ra nhưng giờ đây kết quả đã được chứng minh một cách xứng đáng. Gia đình ta thật tự hào đêm nay!”

Harry bắt lời bài “Cho anh, một người bạn tốt bụng và hài hước” và để họ tụng ly ba lần liên tục.

“Chúng ta cũng đừng quên Calpurnia,” Harry bảo, “và cuốn Sổ Tay của nó. Cũng à, anh cũng có công khi cho em quyển sổ ấy đấy nhé. Chúc mừng em.”

Lần này mọi người nâng cốc chúc mừng tôi. Tất cả những khuôn mặt háo hức ấy làm tôi không ngăn nổi nụ cười tươi rói.

“Đúng vậy,” ông nâng cốc về phía tôi. “Việc này sẽ không hoàn thành nếu không có sự giúp đỡ của đứa cháu duy nhất của ta, Calpurnia.” nói rồi ông uống ừng ực.

Đứa cháu duy nhất của ông ư! Mấy anh em trai của tôi đột ngột im lặng, và sau đó là xì xào rì rầm to nhỏ.

“Xin lỗi,” ông nhận ra sai lầm của mình và cúi mình. “Dĩ nhiên ý ông là, đứa cháu gái duy nhất của ông.” Rồi ông lại bình thản nhấp rượu và ngồi xuống. Mấy anh em của tôi vẫn không ngớt càu nhàu, nhưng tôi chẳng cần quan tâm. Tim tôi đưa niềm vui đi khắp toàn thân theo từng nhịp đập. Vậy tôi là tất cả của ông đúng không? Và đối với tôi, ông nội cũng là tất cả.

CHƯƠNG 27

ĐÊM GIAO THỪA

Con người hiếm khi chọn lọc, hoặc việc chọn lọc diễn ra vô cùng khó khăn đối với những biến đổi trong cấu trúc ngoại trừ những thứ được thể hiện ra bên ngoài; và dĩ nhiên người ta cũng hiếm khi nào quan tâm đến những gì bên trong.

LẦN ĐẦU TIÊN TRONG LỊCH SỬ, tất cả trẻ con, kể cả Jim Bowie được phép thức đợi đồng hồ gõ báo hiệu thời khắc giao thừa, quả thật rất thú vị, ít nhất là trên lý thuyết. Thời khắc này cũng gây bao lo ngại vì một số tổ chức giáo hội đồn rằng thế giới sẽ bị hủy diệt vào ngày đầu tiên của thế kỷ mới. Báo chí đăng tin về đoàn người nhìn hoang dã, râu ria xồm xoàm, mặc áo khoác dài điều hành trên khắp con đường ở Austin, trên tay là khẩu hiệu SÁM HỐI ĐI, ĐÊM NAY LÀ TẬN THẾ. Bố thì chế giễu bọn người ấy là một lũ ngớ ngẩn, nhưng Travis thì rất tin vào vấn đề này, sau một hồi đắn đo suy nghĩ, nó bèn hỏi tôi, “Chị Callie à, thế giới sẽ bị hủy diệt vào đêm nay phải không?”

“Đừng ngớ ngẩn vậy chứ. Ông nội đã giải thích cho chị rồi. Thế kỷ chỉ đánh dấu một sự chuyển giao của thời gian. Còn thời gian thì được con người tạo ra và bắt nguồn từ nước Anh.”

“Nhưng nếu thế giới thật sự bị hủy diệt thì sao hả chị? Ai sẽ chăm sóc cho Jesse James? Ai sẽ cho Bunny ăn đây?”

Tôi thấy rằng chỉ có một cách để kết thúc cuộc tranh luận này. “Đừng lo Travis ạ, chị sẽ làm cho.”

“Ồ, thế thì được rồi. Cám ơn chị Callie nhé.”

Đúng sáu giờ, cả nhà cùng tụ họp bên bữa ăn tối thịnh soạn. Thời tiết thật ẩm đậm nhưng phòng nào cũng bật bùng ánh lửa. Mẹ có vẻ thư thả và phấn khởi, tôi còn để ý bà đang khoan khoái hớp vài ngậm sâm-panh. Sau đó, bố nâng ly chúc mừng liên tục và khẳng định lại với chúng tôi rằng thế giới này sẽ không bị hủy diệt; còn ông thì rất may mắn khi được quây quần với gia đình cùng bố, vợ và các con thân yêu. Từng câu từng chữ bố nói rất rành mạch, đầy quả quyết.

Sau bữa ăn, chúng tôi về phòng riêng nghỉ dưỡng sức cho bữa thức khuya tiếp theo, đồng thời cầu nguyện và nghĩ đến ước muốn của mình. Theo truyền thống, mỗi người đều phải lần lượt đứng lên tiết lộ ước muốn của mình, mẹ sẽ ghi lại tất cả rồi kẹp vào cuốn Kinh Thánh của gia đình để thay cho những ước muốn của năm cũ.

Tôi nằm trên giường nhìn ra bầu trời như hạ xuống thấp. Một nửa trong tôi vẫn mong muốn cuộc sống mãi trôi qua như vậy với cả nhà luôn quây quần trong ngôi nhà đông đúc cũ kĩ này. Nhưng một nửa còn lại thì mong muốn có một sự thay đổi liều lĩnh và táo bạo là bỏ lại cái trấn Fentress này ra đi. Vinh dự được đặt tên mình cho một cây đậu tằm lông “biến dị” sẽ hay ho gì khi cả đời mình cứ luẩn quẩn trong Hạt Caldwell, bao bọc bởi Lockhart và San Marcos, giữa toàn những rừng cây hồ đào và cánh đồng bông? Ông nội bảo rằng tôi có thể tự quyết định được số phận cho mình. Có lúc tôi tin ông, nhưng có lúc lại không. Hôm nay, trong buổi chiều u ám này, nhất là vào ngày cuối cùng của một thế kỷ đang dần chết đi thì chắc chắn tôi đang “không tin” ông rồi. Có quá nhiều thứ tôi muốn thấy và thực hiện trong đời, nhưng có được bao nhiêu thứ nằm trong tầm tay tôi đây chứ? Tôi viết ra danh sách các thứ đó vào trang cuối cùng trong Sổ Tay. Cái bìa da màu đỏ đã bắt đầu nhàu và mép giấy cũng đã vấy bẩn hết rồi. Ôi cuốn Sổ Tay thân yêu, người bạn gắn bó cùng

tôi suốt sáu tháng nay. Tôi để nó qua một bên rồi thiếp đi. Trong giấc mơ tôi thấy mình đang bông bênh trên một dòng sông lạ. Nước có màu xanh lá cây nhạt thay vì màu xanh da trời như dòng sông gần nhà thân thuộc, và kì lạ hơn hai bên bờ lại toàn là cát.

Tôi chợt thức giấc khi cô Viola đánh cồng vào lúc chín giờ tối. Mọi người xuống nhà thưởng thức nước táo Brown Betty nóng hổi muốn bỏng cả miệng. Mỗi người còn được phát một viên pháo giấy, một chiếc vương miện bằng giấy, một chiếc kèn cuộn bằng giấy và một món đồ chơi thu nhỏ bằng thiếc. Mọi người nhộn nhạo như một cái chợ, hoán đổi cho nhau những thứ ưng ý hơn. Sau đó chỉ có việc ngồi chờ đợi. Mấy đứa nhỏ chưa bao giờ được thức khuya thế này nên đáp lại cơ hội trái với thông lệ này bằng cách chạy lên xuống cầu thang hay nằm ngủ lăn lóc trên thảm phòng khách.

Tôi ngồi nhâm nhi nửa trái cam để dành từ Giáng Sinh làm những ai đã ăn hết phần của mình phải bực bội. Nửa trái còn lại tôi sẽ ăn vào thế kỷ mới. Không biết quả cam năm 1900 ăn có khác với 1899 không nhỉ?

Đến mười giờ thì ai cũng mệt mỏi và muốn lên giường ngủ lắm rồi nhưng vẫn cố nấn ná lại đợi đến thời khắc kì diệu. Mười một giờ là lúc mọi người cùng nói ra ước muốn theo thông lệ hàng năm. Mẹ lấy tờ giấy ghi ước muốn năm ngoài trong cuốn Kinh Thánh ra và đọc to làm ai cũng phì cười rồi quẳng nó vào bếp lửa. Ước muốn cũ của tôi là có thể thông thạo việc thêu thùa, đan len. Nhưng nó đã lỗi thời lắm rồi, nhất là sau những tháng hè nóng nực khi tôi và ông nội nhận ra nhau.

Chúng tôi cố gắng giải thích cho J.B. hiểu ước muốn là gì nhưng nó còn nhỏ quá nên không nắm bắt được. Mẹ đành phải ước thay nó là năm sau sẽ bắt đầu đọc được. Sul Ross thì muốn làm

hết bài tập ở trường đúng hạn. Travis muốn có nhiều thời gian ở bên Jesse James hơn. Việc này thật bất khả thi, vì như vậy là nó sẽ suốt ngày nó phải bỏ con mèo lông ngóng ấy vào trong túi áo.

Đến lượt, tôi đứng dậy rồi giở trang cuối cùng của Sổ Tay ra.

“Cái này không hẳn là ước muốn, mà giống một danh sách hơn.” Tôi hắng giọng rồi đọc, “Con muốn thấy những thứ này trước khi chết đi: Ánh hồng lúc rạng đông. Harry Houdini^[38]. Thái Bình Dương hoặc Đại Tây Dương hay bất cứ một biển cổ đại nào đó cũng được. Thác Niagara. Đảo Coney. Con Kangaroo. Thú mỏ vịt. Tháp Eiffel. Grand Canyon. Tuyệt.”

Tôi ngồi xuống trong bầu không khí im lặng. Rồi Harry lên tiếng, “Tuyệt lắm cưng ạ,” và vỗ tay. Máy anh em khác cũng hòa theo. Bố và mẹ thì chỉ ủng hộ một cách hờ hững. Chợt tôi thoáng thấy trong lòng sầu muộn.

Lamar bảo, “Con ước học môn hình học giỏi hơn.” Anh đã dành nhiều giờ chạy đo các góc xung quanh nhà với chiếc thước góc mới được tặng hôm Giáng Sinh.

Sam Houston bảo, “Lula Gates không thêm cho con cầm hộ sách từ trường về nhà nữa, nên bây giờ con ước được cầm sách cho Effie Preston cho dù bạn ấy có muốn hay không. Con thể sẽ làm cho bằng được.” Điều ước này làm cho mọi người đều phá lên cười.

Đến phiên Harry, anh chỉ mỉm cười bảo, “Điều ước của con là bí mật.” Vừa nói xong anh lập tức bị mọi người nháo nhào la lên*Không công bằng đâu nhé.*

Tôi bảo, “Harry à, anh phải nói cho mọi người biết chứ, nếu không nó sẽ không phải là điều ước thật đâu.” Rốt cuộc anh

cũng phải nói ra. Anh ngó nghiêng sang mẹ rồi yếu ớt bảo, “Con ước sẽ học thật giỏi để đậu vào đại học năm sau.”

Nghe xong, mắt mẹ long lanh sung sướng, tôi biết đây là chủ đích của anh, nhưng điều ước thật sự không phải như vậy, anh chỉ đánh lừa mẹ thôi. Anh càng không dám nói ra điều ước thật làm tôi càng nghi ngờ rằng nó có liên quan đến chị Fern Spitty.

Điều ước của mẹ là các con mình đều đi nhà thờ ít nhất hai lần một tuần. Đương nhiên có nhiều sự bất bình ngầm ngấm, nhưng chẳng ai dám thể hiện rõ ra trước mặt bà cả.

Bố thì mong có thể bỏ được thuốc lá. Vì thông thường ông chỉ được hút ở xưởng và phải vút bỏ thuốc khi về đến trước cửa nhà. Sự khổ sở khi không được hút ở nhà làm mất đi cả niềm vui khi được hút khi làm việc, nên tốt nhất là bỏ hẳn. Điều ước này làm mẹ vui hẳn lên và nhấp thêm một ít rượu vẻ khoan khoái.

Phải hơi khó khăn khi bắt ông nội nói ra điều ước, và rốt cuộc ông cũng bắt đầu một cách vui nhộn, “Thật lố bịch khi đến tuổi thất thập cổ lai hi này mà ông còn ước này ước nọ. Nhưng dù sao đi nữa... ông vẫn còn muốn làm một điều...”

Tôi hoang mang lục lọi trong trí óc mình. Ông muốn làm gì thêm với mấy thứ biến dị? Hay ông muốn hoàn thành chiết xuất rượu hồ đào? Tôi chẳng biết nữa.

“Ta ước được lái xe hơi,” ông bảo. “Ta nghe nói hiện đang có một chiếc ở Austin.”

“Nhưng cỗ máy đó thật đáng sợ!” mẹ bảo. “Và không an toàn chút nào cả! Họ bảo nó có thể phát nổ bất cứ lúc nào và khi quay cần để khởi động máy thì rất dễ bị gãy tay.”

“Chính xác.” Ông mỉm cười, trên mặt phảng phất điều gì đó xa xăm và hài lòng. Ông có cách nhìn rất hảo huyền về thế giới, nhưng tôi biết rằng ông thật sự đang nhìn vào tương lai.

Sau đó thì thật sự chẳng còn gì để làm ngoài việc ngồi chờ thời gian trôi qua. Bố mẹ tôi thì thăm to nhỏ, ông thì phì phèo thuốc lá và đọc tờ *Địa lý Quốc tế*, còn bọn trẻ chúng tôi cố chống lại cơn buồn ngủ luôn chực chờ. Rốt cuộc, thì đồng hồ cũng điểm mười hai giờ, khi chuông yên lặng, chúng tôi nghe nhiều tạp âm tạo nên bởi tiếng nổi niêu gõ vào nhau vang khắp đường phố và xung quanh thị trấn. Chúng tôi ngồi thành vòng tròn, vỗ tay hát bài “Ngày xưa ngày xưa.” Ca từ thật khó hiểu nhưng giai điệu rất dễ thương. Tôi nhìn xung quanh những gương mặt thân thương và chợt nhận ra bao món quà quý giá đã đến bên tôi trong suốt mấy năm qua. Đây là bố mẹ đang nắm tay nhau, hơi mệt mỏi trong sung sướng. Mẹ có thêm vài sợi tóc bạc trên thái dương mà trước giờ tôi chưa từng thấy. Còn anh Harry thì cao lớn, đẹp trai đầy hãnh diện, cổ áo và cà-vạt của anh hoàn hảo, quả thật đã ra dáng một thanh niên lịch lãm rồi. Kế đến Sam Houston và Lamar; còn có Travis với con mèo Jesse James trên tay; và cả cậu Sul Ross đang ngáp ngáp dài nữa. Cạnh đó là J.B. đang mệt mỏi lắm rồi nhưng vẫn cố gắng trông chờ năm mới.

Cuối cùng là ông nội đang hòa giọng nam trung vào giai điệu ngọt ngào trầm lắng ấy. Hàm râu dài của ông lấp lánh dưới ánh lửa hắt ra từ lò sưởi. Hai ông cháu ở rất gần nhưng vẫn luôn nhớ nhau. Ông chính là món quà tuyệt vời nhất của tôi đây!

Rồi tiếng khua nổi niêu lắng xuống, bản nhạc cũng đến hồi kết. Mọi người lục tục về giường, nhường lại thế giới riêng cho bố mẹ.

Tôi mặc vào chiếc áo ngủ màu đỏ dày nhất rồi cuộn mình vào chăn ấm. Thật cảm ơn SanJuanna đã dùng chảo nóng xua hết

hơi lạnh trong chăn. Tôi định bụng sẽ nằm đó một lúc rồi hồi tưởng lại kí ức đời mình. Ai cũng sẽ làm vậy vào giây phút cuối cùng của một thế kỷ đúng không? Nhưng hình như tôi ngủ thiếp đi mất và dành hồi tưởng trong mơ.

CHƯƠNG 28

NĂM 1900

Sự thay đổi ban đầu của thời tiết dường như không ảnh hưởng đến sự sinh tồn; nhưng khi nhìn xa hơn lúc thời tiết làm giảm số lượng thức ăn trong tự nhiên thì nó mới mang lại sự đấu tranh quyết liệt thực sự giữa các cá thể...

TÔI THỨC DẬY, thở hỗn hển, mồ hôi toát ra đầm đìa. Có gì đó không hay vừa xảy ra với thế giới này rồi, từ sâu thẳm trong tôi cảm nhận được rõ ràng có gì đó đáng sợ vừa ập đến. Phải mất vài giây sau tôi mới tìm ra được điều không ổn ấy: Cả căn nhà chìm trong sự tĩnh lặng ngọt ngào bất thường, và ngoài kia dường như cả thế giới vừa bị tháo dỡ và đem đi đâu mất trong đêm. Vậy là thật rồi ư? Thế giới đã bị hủy diệt rồi ư? Tôi có nên quỳ xuống cầu nguyện không nhỉ?

Ngay cả ánh sáng cũng thật khác lạ. Những tia sáng nhập nhoạng bên rèm cửa không giống với bình thường chút nào. Mọi vật dụng trong phòng cũng mờ ảo nhạt nhòa một màu xám xịt.

Chợt Ajax sửa một tiếng rồi im bật. Âm thanh ấy ít nhiều làm tôi ấm lòng lại mặc dù nó cụt ngắn và tẻ nhạt như ánh sáng quanh đây. Sự hoảng loạn trong tôi chợt bị đẩy lùi qua một bên khi tôi nhận ra bàng quang của mình đang sắp nổ tung đến nơi rồi. Tôi đang muốn dùng ngay cái bô trong phòng nhưng trước hết phải xem điều gì gớm ghiếc đang chờ đợi bên ngoài đã. Tôi suy đi tính lại. Xem nào, dù gì khi đối mặt với cái điều gớm ghiếc ấy với cái bàng quang nhẹ nhõm thì vẫn tốt hơn rất nhiều phải không nào. Nhưng có điều, cái bô bằng sứ ấy giờ này chắc phải lạnh

lắm. Tôi lại cân đo đong đếm rồi cuối cùng quyết định lôi cái bộ dưới gầm giường ra rồi khoan khoái cân bằng hệ sinh thái trong mình trên cái vành lạnh giá ấy.

Thoải mái hơn rồi. Bây giờ thì sẵn sàng đối đầu với cái gớm ghiếc ấy rồi.

Tôi đứng nghiêm trang trước cửa sổ, uốn ngực vươn vai đúng theo phong cách quân nhân, hít một hơi sâu rồi kéo hết rèm cửa sang một bên.

Trước mắt tôi một tấm nền trắng toát đang bao trùm lên bãi cỏ, cây cối, và xa tít tắp trên khắp các nẻo đường tận cuối tầm mắt tôi; mọi thứ còn tươi nguyên, chưa hề có một dấu vết, nằm yên lắng đọng. *Tuyệt*. Đúng là tuyệt rồi.

Thế giới không hề bị hủy diệt, chỉ là vừa có một khởi đầu mới mà thôi.

Tôi nhìn quanh phòng, ôi những thứ quen thuộc hằng ngày dường như khoác lên mình cảm giác gì đó thật mới lạ: từ tổ chim ruồi nằm trong lọ thủy tinh, đến cuốn Sổ Tay màu đỏ và cả những con bướm lồng khung của tôi nữa.

Tôi xỏ đôi dép thỏ con và khoác thêm áo len vào. Tôi thận trọng tránh giẫm lên mấy tấm ván hay cột kẹt giữa sàn nhà rồi nhẹ nhàng mở cửa phòng, nhưng cánh cửa ấy lại rít lên inh ỏi trong không gian lạnh giá. Tôi dừng lại nín thở chờ nghe xem có ai động đây không; rồi thở phào nhẹ nhõm khi sự tĩnh lặng lại hoàn toàn trở lại. Thời khắc này tôi chỉ muốn được yên tĩnh một mình, tận hưởng mọi thứ cho riêng bản thân mình mà thôi.

Tôi nhón chân nhấp nhõm xuống lầu, mở cửa cái ra hiên trước nhà, ghì chặt chiếc áo len quanh mình giữ ấm. Nhiệt độ ngoài

này làm tôi sửng sốt. Làm sao thế giới lại có thể lạnh lẽo đến mức này nhỉ? Tôi hít một hơi thật sâu và cảm thấy giá buốt có như những mũi dao găm cứ chích tôi bởi trong lồng ngực. Đoạn tôi thở ra toàn khói trắng và chúng biến mất rất nhanh trong không trung trước khi tôi kịp chìa tay với lấy chúng. Không gian hoàn toàn tĩnh lặng, chỉ có hơi thở xùy xòa và tiếng con tim tôi đang loạn nhịp. Chẳng có bóng chim nào trên trời cao, chẳng có chú sóc nào chơi đùa trong lùm cây và cũng chẳng thấy chú chuột treo rốn chuyện nào cả. Những thứ náo nhiệt thường ngày quanh đây đâu hết rồi? Thiếu vắng sự sống làm cảnh vật trông thật quuyền rũ nhưng lại mang nét gì đó im lìm đến đáng sợ.

Nhìn ra xa hơn, bỗng thấy một chú sói nhỏ chậm chạp bước ra khỏi lùm cây, thận trọng nhấc chân lên rồi lắc nhẹ bàn chân trước khi rút rè đặt xuống lại mặt tuyết. Bước, lắc, dừng lại... bước, lắc, dừng lại... Vẻ mặt cau có của nó làm tôi bất giác bật cười. Nó giật mình ngược nhìn thấy tôi bên hiên nhà bèn găm gù đe dọa rồi chậm chậm quay mình chui ngược lại vào lùm cây theo đúng dấu vết vừa tạo ra lúc nãy và vẫn bằng dáng điệu bước-lắc-dừng như cũ.

Ừ nhỉ, nếu như sói có thể bước đi trên đó thì tôi cũng làm được, đúng không. Nghĩ đoạn tôi cất bước xuống tuyết. Nó không cứng như đá lạnh mà lại rất xốp. Nó cũng không yên ắng mà bị nén lại sột soạt dưới chân tôi. Chân tôi bị lạnh cóng ngay lập tức và suýt nữa thì trượt ngã, nhưng chẳng có vấn đề gì cả. Tôi bước thêm vài bước nữa ra ngõ rồi ngoái đầu lại nhìn những dấu vết mình vừa tạo nên, chúng nhanh chóng hình thành những vũng nước nhỏ hình bàn chân. Trước mắt tôi vẫn là một khoảng trắng bằng phẳng hoàn hảo. Tôi có chịu đựng nổi không nhỉ? Tôi có nỡ phá hoại nó bằng những dấu chân của mình không nhỉ?

Được chứ. Tôi phải tận hưởng giây phút quý giá của thế kỷ mới này cho riêng mình trong vài phút hay vài giây nữa trước khi những người khác đổ ào ra đây la hét đùa giỡn và vạch lên bao nhiêu dấu chân khác, phá tan sự hoàn hảo này mãi mãi. Tôi túm vạt áo len lại rồi chạy ào ra ngõ, chao đảo, trượt và tràn ngập trong niềm hân hoan. Tôi biết giờ này nhìn mình chẳng khác nào một con điên, nhưng tôi mặc kệ. Tôi chạy băng băng ra mặt đường còn chưa vương dấu bánh xe ngựa rồi chuyển hướng xộc thẳng qua những bụi cây còn tinh khôi, hướng ra sông. Trên đường đi tôi băng ngang một thân cây hồ đào bị tuyết dày kéo ngã, lõi cây còn tươi nguyên của nó là màu sắc duy nhất tô điểm cho bức tranh toàn màu đen trắng quanh đây.

Tôi trông thấy một vài dấu vết rải rác xung quanh tạo bởi mấy chú chim và vài loài động vật nhỏ, chắc hẳn chúng cũng ngạc nhiên với thế giới trắng toát im ắng này như tôi. Bối rối là phải rồi, đợt tuyết cuối cùng xảy ra đến mấy chục năm cơ mà. Nếu một chú chim sẽ chỉ sống được hai năm làm sao nó truyền lại cho đời sau những điều mà nó chưa bao giờ chứng kiến được? Vậy thông tin sẽ bị mai một trong cộng đồng chim sẽ ư? Làm sao các giống loài có thể sống sót trong mùa tuyết nếu như không biết gì đến nó? Ngay từ chim sẽ đến các giống loài khác cũng sẽ bị động. Tôi sẽ phải kiểm lại số lượng của hạt giống và mỡ động vật, cỏ khô và thịt lợn muối dự trữ để cung cấp cho tất cả các giống loài thuộc chuỗi thức ăn.

Tôi bắt đầu thấm mệt, bàn chân bắt đầu đông cứng nên tôi bèn quay về nhà. Lúc ấy là buổi sáng đầu tiên của ngày mở đầu thế kỷ mới. Tuyết phủ kín khắp nơi và điều gì cũng có thể thành hiện thực.

Nhà tôi bắt đầu nhấp nháy những tín hiệu thường lệ của đầu ngày mới. Tôi thấy ông nội đang quan sát tôi từ cửa sổ trên lầu

rồi đưa tay lên đầu chào tôi theo nghi thức quân đội. Tôi cung kính đáp lại. Hai ông cháu giữ tư thế ấy trong một lúc rồi tôi lại chạy vào trong, hòa mình với cái ấm áp dưới mái nhà yêu dấu.



LỜI CẢM ƠN

VÌ LỢI ÍCH CỦA CUỐN TIỂU THUYẾT NÀY, tôi đã tùy tiện thay đổi một số điểm trong lịch sử vùng Texas, và xin gửi lời xin lỗi đến bất cứ độc giả nào phát hiện ra những điểm lập lờ so với thực tế. Tương tự, để phục vụ lợi ích của tiểu thuyết này, tôi đã tùy tiện thay đổi một ít về mùa ra hoa của một số loại cây và sự phân loại của giống *Vicia*. Mong những nhà sinh vật học và người làm vườn, những người hiểu biết tốt hơn tôi, bỏ qua cho điều này. Bất cứ sai sót nào liên quan đến các vấn đề khoa học đều là lỗi của tôi.

Xin được gửi lời cảm ơn đến những đơn vị sau đã khuyến khích và hỗ trợ tôi trong suốt thời gian qua: Tuần báo Mississippi (The Mississippi Review), Hội đồng nghệ thuật bang Texas; Hội nhà văn Texas, Bảo tàng Nghệ thuật Dallas.

Xin được gửi lời cảm ơn đến những ý kiến chuyên môn của Barbara French của Tổ chức Bảo tồn loài dơi, Tiến sĩ Diana Sanchez-Bushong thuộc Giáo hội Giám lý Westlake và Tiến sĩ Spencer Behmer của Đại học A&M Texas.

Đặc biệt chân thành cảm ơn Lou Ann và Jim Bradley đã cho phép tôi sử dụng túp lều của họ khi cần; cảm ơn Giáo sư Roberta Walker thuộc Đại học Texas (ở El Paso), người có thể dạy một tảng đá biết viết văn; Lee K. Abbott và Grace Paley; Shelley Williams Austin, Tiến sĩ Michael Glasscock, Karen Stolz, Roberta Perston Pazdral, Gerry Beckman, Robin Allen và Katharin Tanney; cảm ơn Mike Robinson và con gái Callie của ông, cũng như Phil và Jeannie Tate đã đặt tên cho nữ anh hùng của chúng ta. Cảm ơn Hội những nhà văn thần thoại của Austin về sự hỗ

trợ vô bờ bến của họ: Pansy Flick, Graciela Fleming, Nancy Gore, Gaylon Greer, Jim Haws, Cecilia Jones, Kim Kronzer, Laura van Landuyt, Diane Owens và Lattie Shapiro. Gửi lời cảm ơn đến Houston White, Dian Donnell và Charlie Prichard đã giới thiệu tôi với tổ chức Old House; John “Sandy” Lockett cho câu chuyện về loài dơi, anh thể đó là chuyện có thật tại vườn của Scholz ở Austin (chuyện này không chắc chắn có xảy ra hay không nữa, nhưng cũng chẳng có bất cứ lý do nào để nghi ngờ anh ấy cả). Cảm ơn những độc giả ban đầu của tôi, Joe Kulhavy, Wayne Price, Roxanne Hale Drolet, Carol Jarvis và Noeleen Thompson đã khuyến khích tôi, cùng với những *thân hữu* của tôi, Val Brown, người đã khuyến khích và dạy tôi chơi đàn piano rất ân cần, không giống chút nào với cách của cô Brown trong câu chuyện này cả. Cảm ơn người đại diện của tôi, Marcy Posner, đã lôi tôi ra khỏi đáy giếng. Cảm ơn Laura Godwin, Noa Wheeler, Ana Deboo, Marianne Cohen, và những cư dân ở Holt đã làm cuốn sách này hoàn thiện hơn.

Và, dĩ nhiên, đặc biệt cảm ơn Gwen Moore Erwin vì tất cả sau ngần ấy năm.

HẾT

Mùa hè nóng bức năm 1899 bao trùm lên thị trấn Texas nơi Calpurnia sinh sống, và chẳng có nhiều giải pháp để tạo ra không khí mát mẻ cho lắm. Mẹ cô bé mua cả một chiếc quạt máy từ thị trấn về; nhưng bản thân Callie thì lại thích giải nóng bằng cách thỉnh thoảng trộm cắt đi một ít tóc. Cô bé còn luôn thích la cà ngoài sông cùng với ông nội nổi tiếng khó tính của mình, một nhà tự nhiên học đầy đam mê. Dần dà theo câu chuyện bạn sẽ được thấy hàng hà sa số những sự sống trong mỗi giọt nước qua kính hiển vi!

Mỗi ngày khám phá thế giới tự nhiên xung quanh mình, Callie lại càng gần gũi hơn với ông nội, vượt qua bao sóng gió khi sống cùng sáu anh em trai, và học hiểu được cách làm con gái ngay trước thêm thiên niên kỷ mới.

Tác giả Jacqueline Kelly đã khéo léo thổi bùng sức sống vào Callie và gia đình cô bé bằng ngòi bút đầy nhạy cảm và hài hước của mình.



ĐƠN VỊ LIÊN DOANH:



Phương Nam Book

Công ty TNHH Sách Phương Nam
Lầu 7, 212 Lý Chính Thắng, P.9, Q.3, TP. HCM
ĐT: (08) 35261616; Fax: (08) 35264022

TỔNG PHÁT HÀNH



CÔNG TY VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
LẦU 7, 212 LÝ CHÍNH THẮNG, P.9, Q.3, TP. HCM

Phòng Kinh doanh sách

Email: sach@pnc.com.vn

Tel: 35261616 - ext 307 hoặc 0914891656

Quyển của Eva

ISBN: 978-604-930-202-2



8 932000 117841

Giá: 102.000Đ



Tủ sách BOOKBT  #305

28/08/2017

CHÚ THÍCH

[1] Thú có vú thuộc họ Dasypodidae ở miền Nam Bắc Mỹ và Nam Mỹ.

[2] Gaius Plinius Caecilius Secundus, (61 trước CN -112 trước CN), hay còn gọi là Pliny the Younger, là một luật sư, tác gia và một quan tòa của La Mã cổ đại.

[3] Nguyên lý Dao cạo Ockham (hay còn gọi là Occam) áp dụng trong triết học và khoa học, với nội dung rằng trong các lý thuyết để diễn dịch một thực kiện, lý thuyết càng đơn giản càng có khả năng đúng đắn. Nguyên lý này của William xứ Ockham (sinh khoảng 1248, mất khoảng 1348) - một thầy tu dòng Francis và triết gia kinh viện người Anh.

[4] Định lý Ptolemy hay Đẳng thức Ptolemy là đẳng thức trong hình học Euclid miêu tả quan hệ giữa độ dài bốn cạnh và hai đường chéo của một tứ giác nội tiếp đường tròn. Định lý này mang tên nhà toán học và thiên văn học người Hy Lạp cổ đại Ptolemy.

[5] Carl Linnaeus (1707 - 1778) là một nhà Thực vật học, một bác sĩ kiêm nhà Động vật học người Thụy Điển, người đã đặt nền móng cho hệ thống danh pháp hiện đại. Ông được biết đến như là cha đẻ của hệ thống phân loại hiện đại ngày nay. Ông cũng được tôn vinh là một trong những người tiên phong của ngành Sinh thái học hiện đại và được tôn vinh là “Hoàng tử của giới Thực vật học”.

[6] Nicolaus Copernicus (tên tiếng Ba Lan: Mikolaj Kopernik) (1473 -1543) là một nhà thiên văn học đã nêu ra hình thức hiện đại đầu tiên của Thuyết nhật tâm (Mặt trời ở trung tâm).

[7] Johannes Kepler (1571 - 1630), người Đức - một gương mặt quan trọng trong cuộc cách mạng khoa học, là một nhà toán học, nhà chiêm tinh học, nhà thiên văn học, và là một nhà văn ở buổi đầu của những truyện khoa học viễn tưởng. Ông nổi tiếng nhất với định luật về chuyển động thiên thể và cuốn sách giáo khoa Tóm tắt thiên văn học Copernicus.

[8] Francis Bacon (1561 - 1626) là một nhà triết học, chính khách và tiểu luận người Anh. Ông được biết đến là một nhân vật quan trọng của Cách mạng khoa học và được xem là cha đẻ của chủ nghĩa duy vật Anh và các ngành khoa học thực nghiệm hiện đại.

[9] Nguyên văn: possum, - loài chuột túi ôpôt.

[10] Chú thỏ Alice trong truyện “Alice lạc vào xứ thần tiên” của Lewis Carroll.

[11] Là loại đại bác bắn đạn nặng 12 pounds (tương đương 5,45kg).

[12] Đầu đạn hình nón trong súng trường vào thế kỷ 19.

[13] 1 yard tương đương 0,914 mét.

[14] Người ông vui tính - tiếng Pháp.

[15] Rất hân hạnh thưa quý cô - tiếng Pháp.

[\[16\]](#) Đúng không nào - tiếng Pháp.

[17] Loài thú có vú thuộc họ Dasypodidae ở miền nam Bắc Mỹ và Nam Mỹ.

[\[18\]](#) Lớp học mà thầy và trò chỉ trao đổi qua thư từ.

[19] Trilobite - bộ ba thùy - là một loại động sinh biển đã bị tuyệt chủng.

[20] Antonie Philips van Leeuwenhoek (1632 -1723) là một thương gia, một nhà khoa học người Hà Lan. Ông được coi là cha đẻ của ngành vi sinh vật học và được coi là nhà vi sinh vật học đầu tiên trên thế giới.

[21] Một cây thuộc họ đậu, thường được dùng làm thức ăn cho gia súc.

[22] Ophelia - nhân vật trong vở kịch Hamlet của William Shakespeare - là một nữ quý tộc Đan Mạch, là vợ chưa cưới của hoàng tử Hamlet. Trong thời gian Hamlet giả điên để tìm ra bí mật về cái chết của cha mình, Ophelia tuyệt vọng bỏ đi lang thang và bị chết đuối.

[23] Thomas Jonathan “Stonewall” Jackson (1824 - 1863) là một trong những tướng chỉ huy tài giỏi nhất của quân Liên minh miền Nam trong Nội chiến Hoa Kỳ.

[24] Grand Canyon là một khe núi dốc được tạo ra bởi sông Colorado ở bang Arizona của Hoa Kỳ, với độ dài 446km, rộng 0,4 đến 24km và sâu hơn 1.600m.

[25] Bộ cánh vảy.

[26] Mèo Cheshire là nhân vật trong truyện “Cuộc phiêu lưu của Alice vào Xứ sở thần tiên” của nhà văn người Anh Lewis Carroll.

[27] Rumpelstiltskin là tên một nhân vật phản diện trong truyện cổ Grim.

[28] Big Foot Wallace là biệt danh của William Wallace (1272 - 1305) là một hiệp sĩ và địa chủ người Scotland. Ông được biết đến là nhà lãnh đạo phong trào nổi dậy trong cuộc Chiến tranh giành độc lập Scotland và ngày nay được nhớ đến ở Scotland như là một nhà yêu nước và anh hùng dân tộc.

[29] Trận Fredericksburg là một trận đánh thời Nội chiến Hoa Kỳ diễn ra trong các ngày 11-15 tháng 12 năm 1862 tại thành phố Fredericksburg, Virginia.

[30] Trận Chancellorsville là một trận đánh lớn và quan trọng của chiến dịch Chancellorsville thời Nội chiến Hoa Kỳ, diễn ra gần làng Chancellorsville thuộc quận Spotsylvania, Virginia từ ngày 30 tháng 4 đến ngày 6 tháng 5 năm 1863.

[31] Isaac Newton (1642 -1727) là một nhà vật lý, nhà thiên văn học, nhà triết học, nhà toán học, nhà thần học và nhà giả kim người Anh. Luận thuyết của ông về vạn vật hấp dẫn và ba định luật Newton, được coi là nền tảng của cơ học cổ điển, đã thống trị các quan niệm về vật lý, khoa học trong suốt 3 thế kỷ tiếp theo. Trong cơ học, Newton đưa ra nguyên lý bảo toàn động lượng (bảo toàn quán tính). Trong quang học, ông khám phá ra sự tán sắc ánh sáng, giải thích việc ánh sáng trắng qua lăng kính trở thành nhiều màu.

[32] Marie Curie (1867 -1934) là một nhà hóa học người Pháp gốc Ba Lan và một người đi đầu trong ngành tia X đã hai lần nhận giải Nobel (Vật lý năm 1903 và Hóa học năm 1911). Bà đã thành lập Viện Curie ở Paris và Warszawa.

[33] Martha Maxwell (1831-1881) là một nhà tự nhiên tự học và là một họa sĩ sinh ra tại Pennsylvania, du lịch tới vùng Colorado năm 1860. Bà giúp thành lập nên khoa nhồi bông thú hiện đại. Bà khám phá ra *Otus asio maxwelliae* (Cú Maxwell) cũng như một số loài chưa từng biết đến trước đó tại Colorado. Bà cũng là một nhà thực vật học.

[34] Mary Anning (1799 -1847) là một nhà sưu tầm hóa thạch, nhà cổ sinh vật học, bà nổi tiếng thế giới vì số lượng những tìm kiếm quan trọng của bà thuộc kỷ ruja về các lớp hóa thạch biển ở Lyme Regis nơi bà sinh sống. Các nghiên cứu của bà góp phần vào sự thay đổi quan trọng trong tư duy khoa học về sự sống thời tiền sử và lịch sử của trái đất xuất hiện vào đầu thế kỷ 19.

[35] Sofia Vasilyevna Kovalevskaya (1850 - 1891), là nhà toán học Nga, có đóng góp quan trọng cho các ngành thống kê, phương trình vi phân và cơ học, và là người phụ nữ đầu tiên được trao học hàm giáo sư toàn diện ở Bắc Âu.

[36] Isabella Lucy Bird (1831 -1904) là một nữ thám hiểm, một nhà văn và một nhà lịch sử tự nhiên người Anh.

[37] 40 độ F tương đương 4,45 độ C.

[38] Harry Houdini (1874 - 1926) là một người Mỹ gốc Hungary nổi tiếng với sự nghiệp ảo thuật trốn thoát, biểu diễn nhào lộn, diễn viên và nhà sản xuất phim về các màn trốn thoát giật gân của mình.